VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

vấn đề nhân vật lịch sử:
nguyễn huệ, nguyễn ánh
nguyễn văn trung
góp ý về tiểu thuyết lịch sử
trần hữu thục
đọc truyện 'nguyễn thị lộ'
liễu trương
thói quen trong ngôn ngữ
hồng huy

văn
lê hữu ● tràm cà mau ● võ đình ● võ kỳ điền
nguyễn thị hoàng bắc ● trúc chi ● kiệt tấn
thơ
đỗ quang nghĩa ● lam nguyên ● hoàng phố
lưu trần nguyễn ● đức phổ

tin văn - giới thiệu sách mới
thế quân ● thạch hãn

200
THÁNG 12 2002

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Thạch Hãn,
Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: tapchivanhoc@aol.com
Homepage trên Internet: nhanvan.com/vanhoc.htm
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 200 ● tháng 12, 2002

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN VĂN TRUNG	3	vấn đề nhân vật lịch sử
ĐỖ QUANG NGHĨA	30	*afghanistan, chúng tôi ở bên bạn*
TRẦN HỮU THỤC	32	góp ý về tiểu thuyết lịch sử
HỒNG HUY	41	thói quen trong ngôn ngữ
LAM NGUYÊN	53	*tiễn nhau, thu đất khách*
HOÀNG PHỐ	54	*cứ mãi chia đôi*
LIỄU TRƯƠNG	55	đọc truyện nguyễn thị lộ của nht
LƯU TRẦN NGUYỄN	62	*cạo râu buổi sáng*
LÊ HỮU	63	nửa đêm
ĐỨC PHỔ	84	*ai xô ta về phía tuyệt tình*
TRÀM CÀ MAU	85	bạn thơ
VÕ ĐÌNH	98	rác
NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC	103	sinh nhật
TRÚC CHI	105	một phút hoài cổ
KIỆT TẤN	111	paris, thu!
VÕ KỲ ĐIỀN	113	câu hỏi kiếp người
THẾ QUÂN	119	tin văn
NGUYỄN AN BANG	138	vài nhận xét về VH 197
THẠCH HÃN	141	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	118	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 2002
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 2002

Thư Tòa soạn
Văn Học

Con số 200 tròn trịa trên bìa tạp chí này kết thúc năm 2002, và dành cho số Xuân Văn Học Quí Mùi 2003 "vinh dự" mở đầu một năm mới. Nói "vinh dự" cho trang trọng, cho vui mà thôi, chứ thực ra, qua mười tám năm hiện diện, các văn hữu viết trên Văn Học và bạn đọc Văn Học đã trở thành những người bạn thân thiết, món quà Tết hằng năm là nhịp cầu liên lạc không thể thiếu. Một thứ gì gần như quá thân quen. Văn Học số Tết Quí Mùi sẽ phát hành đúng ngày đầu năm dương lịch 2003. Nhiều văn hữu đã gửi bài về đóng góp cho số Tết Xuân Quí Mùi. Một số văn hữu khác hứa sẽ gửi về đúng hạn món quà tinh thần dành cho bạn đọc. Chắc chắn cả nội dung lẫn hình thức của Văn Học Tết Quí Mùi sẽ không làm cho bạn đọc thất vọng.

Về số báo này, chúng tôi cho đăng tải ý kiến của Giáo sư Nguyễn văn Trung và anh Trần Hữu Thục về chủ đề thảo luận trên Văn Học số 197: vấn đề viết tiểu thuyết lịch sử. Những người tham gia thảo luận, như anh Trần Hữu Thục đã viết, "không ai muốn thắng ai, cũng không muốn đi đến một chân lý vĩnh viễn", mỗi người nêu quan điểm và kinh nghiệm của mình như một "đề nghị", thế thôi! Thảo luận như thế, đúng với chủ trương chung của Văn Học. Không có gì là chân lý vĩnh cửu, không có gì quan trọng tột cùng đến độ phải lớn giọng, lên gân. Ngoài ra, Chị Liễu Trương tiếp tục phân tích theo phương pháp phê bình mới một truyện của Nguyễn Huy Thiệp, và anh Hồng Huy tiếp tục đóng góp các nghiên cứu về Tiếng Việt Thực Dụng.

Về sáng tác, Văn Học giới thiệu thơ văn của những cây bút quen thuộc với bạn đọc: thơ trích trong tập vừa hoàn tất của Đỗ Quang Nghĩa, những bài mới của Đức Phổ, Hoàng Phố, Lam Nguyên, Lưu Trần Nguyễn. Về truyện và tùy bút, có đóng góp của Kiệt Tấn, Trúc Chi, Võ Kỳ Điền, Nguyễn thị Hoàng Bắc, Võ Đình, Lê Hữu, Tràm Cà Mau.

Vấn đề nhân vật lịch sử: Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh và những cách tiếp cận

Nguyễn văn Trung

Nói chung từ lâu nay, về Nguyễn Ánh thì vừa có khen, vừa có chê. Về Nguyễn Huệ, chỉ có khen. Nhưng gần đây, Nguyễn Huệ cũng bị chê, lại chê một cách nặng nề, thậm tệ: "Nguyễn Huệ là tên tướng cướp tàn bạo" hay "tên cuồng dâm, bạo dâm". Riêng về điểm sau thì cả Nguyễn Ánh cũng bị xếp chung một rọ với Nguyễn Huệ.

Những khen chê đều được viết lên trong các sách báo, sử ký và tiểu thuyết. Dĩ nhiên là sự kiện này đã gây ra những phản ứng, những tranh luận về kiến thức lịch sử và về thái độ phê phán của các tác giả, đặc biệt là hai thể loại: tiểu thuyết và sử ký.

Đầu năm 2001, người ta thấy xuất hiện cuốn *"Tổ Quốc ăn năn"* của ông Nguyễn Gia Kiểng (NGK). Cuốn sách này đã gây nhiều phản ứng và tranh luận. Kẻ chê, người khen kéo dài nhiều tháng trên sách báo hải ngoại và trên "internet" như một vấn đề thời sự... nay đang rơi vào im lặng.

Nhìn lại "hiện tượng NGK" qua cuốn sách dày 600 trang nói trên, người đọc, chịu đọc nó... có thể nhận diện về những nhận định, những ý tưởng tản mạn, rải rác trong cuốn sách để xem chúng hợp hay không hợp với lối nhìn, với cảm nghĩ của mình để rồi khen, chê. Trên bình diện đó, công bình mà nói thì cuốn sách của NGK là có ích. Nhưng xét về toàn bộ cuốn sách, thiết tưởng không thể phê bình hoặc khen hay chê vì nó vượt ra ngoài qui định của những khái niệm về thể loại hoặc khuôn khổ kiến thức. Thật vậy, nội dung cuốn TQĂN của NGK không thuộc vào thể loại nào: Văn học (sử ký, tiểu thuyết), thể loại diễn từ (discours) và nhất là nó vượt ra ngoài những đòi hỏi cơ bản về kiến thức khoa học nhân văn, nhất là kiến thức lịch sử.

Bất cứ ai đã học qua Trung học đệ nhất cấp ở miền Nam trước 1975 hay ở Pháp cho đến bây giờ đều đã được dạy cách phân biệt các khái niệm quốc gia (nước), nhà nước, tổ quốc, dân tộc. Nhưng ông Kiểng không chấp nhận những phân biệt kể trên, cho nên nếu tranh luận với ông ta thì chỉ là một cuộc đối thoại giữa những người điếc. Nhiều người đã bực bội về sự bất chấp này. Tôi được đọc một bài của một giáo sư Đại Học Văn Khoa Sài Gòn trước 1975, hiện ở Paris. Ông đã bày tỏ sự bực bội qua bài viết tựa đề *"Tổ quốc"* với bút hiệu Võ Sùng Chính, đăng trên tuần báo *Chính Luận*, Seattle (11-01 đến 18-01-02). Xin trích một câu chót: "Tổ quốc là một lý tưởng vượt lên trên tất cả những yếu tố làm thành nó, vật chất, tinh thần, xã hội, lịch sử, nghệ thuật, tình cảm v. v... và cũng không mang một thuộc tính xấu, tốt nào của mọi thứ khác trên đời. Do đó, tổ quốc không thể là xấu xa, không thể gây tội lỗi. Ta bỏ qua thứ người học cao nhưng thiếu tri thức, thuộc giới trí thức nhưng không văn hóa, tự cho phép mình phê phán tổ quốc, tệ hơn nữa buộc tội tổ quốc rồi lớn họng đòi "tổ quốc ăn năn". Dù sao thì một nửa của y đã là đồng loại với con rơi, cho nên con thành tâm xin tổ, tiên hồn thiêng đất nước và anh linh tổ quốc tha thứ cho y, ban cho một chút trí khôn và khiêm tốn để... ăn năn".

Cuốn "TQĂN" theo tác giả, được viết ra nhằm mục đích trao đổi ý kiến đưa đến hành động do một người làm chính trị chủ trương. NGK tự coi không phải là nhà biên khảo, là người viết sử ký, cũng không phải là nhà văn viết tiểu thuyết lịch sử là hai thể loại văn học đòi hỏi tham khảo tài liệu, *tất cả* tài liệu đã có về vấn đề nêu lên. Ông không làm nghiên cứu, biên khảo, nên chỉ sử dụng một vài tài liệu ông cho là cần thiết , tạm đủ để nêu vấn đề. Như vậy thì người viết sử, biên khảo làm sao có thể tranh luận với ông, khi ngay từ đầu, ông đã phủ nhận đòi hỏi tham khảo mọi tài liệu hiện có; cả người viết tiểu thuyết lịch sử cũng không thể trao đổi gì với ông Kiểng được, vì ông coi tiểu thuyết là tưởng tượng, sáng tác, trong khi ông muốn nói đến những sự thực lịch sử, mặc dầu ông không đòi hỏi dựa vào những dữ kiện lịch sử. Ông NGK, khi nói "Nguyễn Huệ là một tên tướng cướp tàn bạo" người nghe sẽ có phản ứng khó chịu nào đó. Nhưng nếu người viết đưa ra khẳng định trên như kết luận của một công trình biên khảo nghiêm túc, sau khi đã đọc tất cả các sách viết về Nguyễn Huệ và đã cân nhắc đối chiếu một cách khoa học thì phản ứng sẽ khác.

Trong sinh hoạt trí thức Âu, Mỹ, việc nhận diện lại những nhân vật lịch sử, khen, chê là chuyện rất thường. Báo chí vừa giới thiệu cuốn sách về *"Jules César"* do một giáo sư Sử học người Ý viết , dịch ra

tiếng Pháp nhan đề là *"Jules César, le dictateur démocrate"* (Flammarion , 496 trang). Theo tác giả Luciano Canfora, Jules César thuộc thời La Mã cổ, được Napoléon ngưỡng mộ như một tướng tài, mặc dầu cũng nổi tiếng là độc tài, hiếu sát, đã có những hành động diệt chủng và hiếu sắc, xuất hiện như là "người chồng của tất cả mọi người đàn bà và là người vợ của tất cả những người chồng" (bệnh đồng tính luyến ái), thế mà lại là mấu chốt của lịch sử chính trị Âu châu, khơi nguồn cho truyền thống dân chủ Âu châu! Tất nhiên, cuốn sách của Luciano đã gây ra tranh luận.

Nhưng sách của ông Kiểng không thể gây tranh luận về Sử, vì mục đích của ông không phải là sử, mà là chính trị. NGK và nhóm Thông Luận của ông chủ trương "Hòa Hợp Hòa Giải", nhưng nhiều người quốc gia chống cộng ở hải ngoại đã có thời rượt đuổi đánh ông, còn người cầm quyền ở trong nước thì chắc gì cho ông phổ biến sách báo của ông hoặc cho ông về nước diễn thuyết?

Trong ngôn ngữ học, người ta phân biệt hai lối viết thuộc thể loại "diễn từ" (discours)

1. Người viết (hoặc nói) bàn về một điều gì hoặc bàn về một nhân vật nào đó và viết để nói với tất cả mọi người không phân biệt giới nào, vì lẽ mục đích viết chỉ nhằm trình bày một sự thực theo hiểu biết của mình.

2. Người viết (hoặc nói) bàn về một vấn đề gì, hoặc về một cá nhân nào đó với mục đích trước tiên là nói với người mà mình đề cập đến trong khi viết:

Lối thứ hai này đòi hỏi người viết (hoặc nói) phải quan tâm đến hai điều sau đây:

a) Quan tâm đến chính người mà mình muốn "nói-với" (nói là nói với ai) về tâm tình, hoàn cảnh, trình độ nhận thức... vân vân để xác định những cách tiếp cận thích hợp. Càng phải lưu tâm hơn, trong trường hợp không những chỉ mong thuyết phục họ mà còn muốn **cùng họ hợp tác** làm một việc gì đó, đặc biệt khi những người mình đề nghị công tác là những kẻ đang cầm quyền.

b) Lưu tâm đến **tư cách của chính người viết** (hoặc nói). Vì đây là điều quan trọng nhất đối với người nghe. Chưa cần biết đúng hay sai mà chính là TƯ CÁCH của người viết, người nói có tạo được sự khả tín và cảm phục hay không, nhất là trong hoàn cảnh hiện nay, nhan nhản những bài viết, bài nói đang gây đủ thứ ngờ vực, hoang mang và khinh thị.

Tôi thật không biết trong văn chương còn loại diễn từ nào khác, ngoài hai thể loại trên đây, vì tôi chịu thua, không làm cách nào xếp lối

viết và lối nói của ông Kiểng vào một trong hai loại này!

Thật vậy, ông tự nhận không phải là người biên khảo, mà là người làm chính trị, đứng đầu một phong trào vận động quần chúng thực hiện một lý tưởng chính trị. Ông đã từng thú nhận: "Chúng tôi đã gặp những đả kích gay gắt, hằn học từ mọi phía". Nguyên nhân từ đâu? Nguyễn Gia Kiểng, chẳng những không tìm cách "tranh thủ" thuyết phục những người không "đồng tình" với mình mà còn lên tiếng phê phán, đả kích họ, đôi khi với thái độ trịch thượng, coi thường và miệt thị họ.

Như vậy, trên bình diện hành động chính trị, ông Kiểng nói về một vấn đề, không nói với mọi người mà với những người không đồng tình với ông nhằm đi đến hòa hợp và hơn nữa còn mong cộng tác với nhau để làm chung một việc gì đó. Tôi thực sự không hiểu được NGK muốn gì? Không làm biên khảo, không sáng tác, lại làm chính trị, nhưng chỉ chọc giận những người muốn hòa giải, muốn cộng tác!

Tôi quen biết ông Nguyễn Gia Kiểng trên 30 năm nay, nghe qua rồi bỏ thì được, nhưng đối với người thảo luận nghiêm chỉnh về văn học hay sử học thì không thể nào được! Vậy, xin gác lại trường hợp NGK.

Gần đây thấy xuất hiện một số truyện ngắn, truyện dài viết về Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, thuộc loại tiểu thuyết lịch sử:

"Sông Côn Mùa Lũ" truyện dài nhiều tập của Nguyễn Mộng Giác (1960 trang– An Tiêm xuất bản – 1991 – Hoa Kỳ).

"Gió Lửa" của Nam Giao (500 trang – Thi Văn – Canada 2000)

"Phẩm Tiết" truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp (Tác phẩm và Dư luận, nhà XB Trẻ, Tạp chí Sông Hương – 1989)

"Mùa mưa gai sắt" của Trần Vũ, đăng trong Hợp Lưu số 4 (13-4-1992) in lại trong *"Cái chết sau quá khứ"* Hồng Lĩnh xb, 1992 – Hoa Kỳ.

Bài *"Tâm sự của Gia Long"* của Trần Nghi Hoàng trong "Truyện Người Viết Sử", Văn Uyển xb 1997 – San Jose, CA. USA.

Những truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, Trần Nghi Hoàng nhằm hạ bệ Quang Trung và Gia Long, tất nhiên đã gặp nhiều phản ứng:

- Tại Việt Nam: những phản ứng được in lại trong một tuyển tập của nhà Xuất bản Tuổi trẻ.

- Tại Hải ngoại: Trần Đạo - Thời điểm của câu hỏi, thời điểm của con người: về truyện của Nguyễn Huy Thiệp – Hợp Lưu số 2 tháng 12-1991.

Trương Vũ – Tại sao phải là Nguyễn Huệ? Hợp Lưu số 5, tháng 6-1992.

Nguyễn Mạnh Trinh – Đọc *"Cái chết sau quá khứ"* Hợp Lưu số 12/ 8 & 9-1993.

Lam Sơn – Vấn đề của chúng ta, phản ứng bài "Vì sao họ đánh phá lịch sử của Nguyễn Huy Thiệp (Thời Luận – 6-1-1993/ Hợp Lưu số 9 tháng 2-3/1993.

Thụy Khuê – Trường hợp Trần Vũ (Hợp Lưu số 14/1993-1994)

Nguyễn Thế Việt – Vẫn còn đó những vùng đất trồng (Hợp Lưu, số 20/1995).

Văn Thanh – Vài suy nghĩ về cuốn sách "Truyện người viết sử" (S.1997 – chưa lên báo).

Truyện dài của Nguyễn Mộng Giác, chưa có nhiều bài nhận định ở hải ngoại, nhưng được tái bản trong nước và bán chạy.

Truyện dài của Nam Dao được Phạm Trọng Luận giới thiệu, bình luận trên diễn đàn Internet: "Gió lửa, mô hình xã hội trong tiểu thuyết lịch sử" (19 trang).

Người viết truyện về Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ cần phải dựa vào tài liệu sử như người viết sử và cần hơn người viết sử nữa. Vì tiểu thuyết lịch sử không những chỉ cần tài liệu sử liên quan trực tiếp đến các nhân vật lịch sử về đời công, hoạt động chính trị, quân sự, cầm quyền, bối cảnh chính trị, xã hội thời đại của họ, mà còn cần tài liệu liên quan đến đời tư (gia đình, tình cảm, giao tế, cách ăn mặc). Người viết truyện sẽ dựng lại cuộc sống cụ thể của họ trong hoàn cảnh và thời đại... Đặc biệt các đoạn văn tả các nhân vật đối thoại với nhau: lối xưng hô như thế nào ở thời đó. Cách mô tả có thể dùng lối viết, ngôn ngữ hiện tại, nhưng trong đối thoại giữa các nhân vật lịch sử thì nhất thiết phải dùng ngôn ngữ của thời đại của họ mà thôi.

Bàn về tài liệu sử, những người nghiên cứu lịch sử Việt Nam đều than phiền về tình trạng Việt Nam thiếu tài liệu. Thật vậy, số tài liệu Việt Nam còn giữ được rất ít ỏi, mà lại đáng ngờ vực về tính cách xác thực, khả tín.

Gần đây, có ba người thường được coi là những nhà nghiên cứu nghiêm túc về lịch sử Việt Nam là Nguyễn Văn Tố (ngoài Bắc), Lê Thọ Xuân (trong Nam) và Cadière. Công trình nghiên cứu của ba vị kể trên, hầu hết là những bài chú thích, hiệu đính về tên tác giả, tác phẩm, về một điểm nào đó trong tác phẩm. Không một vị nào để lại một cuốn sử ký, hay văn học sử có tính cách bao quát toàn bộ lịch sử Việt Nam. Thật đáng tiếc là cũng chưa có ai sưu tầm những bài nghiên cứu của họ để xuất bản. Trong số những bài của ba vị ấy, có những bài nói về thời kỳ

"Lịch sử nội chiến"... Nhưng ngay cả những nỗ lực nghiên cứu nghiêm chỉnh của ba vị kể trên và những người khác, thực ra cũng chỉ là làm việc đối chiếu các tài liệu gốc, chưa thành văn bản, lưu giữ tại văn khố và bảo tàng viện.

Muốn biết tương đối chính xác quân số của nhà Tây Sơn, hay nhà Nguyễn trong các trận đánh, phải có những tài liệu của ban Tham mưu quân đội – gọi là thứ tài liệu nội bộ. Hoặc muốn biết trận đánh dùng những thứ khí giới nào, phương tiện chuyên chở đường biển, đường bộ ra sao, quân phục, quân trang, quân cụ... thế nào thì phải có Bảo Tàng Viện lưu trữ những đồ dùng của một thời kỳ lịch sử.

Việt Nam không có Văn khố, Bảo Tàng Viện lịch sử, chỉ có thư viện ít ỏi và mỗi lần thay đổi chính thể đều có thể xảy ra việc chế độ mới tiêu hủy hết tất cả những gì mà các chính thể trước để lại! Do đó, nghiên cứu lịch sử của Việt Nam, không thể không trước hết, tìm hiểu ý thức lịch sử của người Việt Nam, cả ý thức duy trì, bảo vệ di tích lịch sử của Việt Nam.

Viết sử hay tiểu thuyết lịch sử về Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, về thời kỳ nội chiến, có nên chỉ bằng lòng với những tài liệu như: *Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Đại Nam Thực Lục tiền biên, Hoàng Triều Ngọc Phả, Hoàng Lê Nhất Thống Chí, Phủ biên Tạp lục* v. v ... hay không, hoặc một vài tài liệu ngoại quốc được trích đăng trong Tập san Sử Địa – Sài Gòn trước 1975 (do cô Đặng Phương Nghi thực hiện)?

Từ những thế kỷ 16, 17, các giáo sĩ Tây phương (Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan ...) thuộc nhiều dòng tu, hội truyền giáo sang Việt Nam giảng đạo Chúa. Một số người Việt Nam theo đạo, có trí thức. Toàn bộ khối tư liệu do giáo sĩ và trí thức Việt Nam biên soạn về đạo hay liên quan đến đời gồm đủ các thể loại văn và chữ viết: Hán, Nôm, quốc ngữ hay ngoại ngữ: Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp.. . thật nhiều và đa dạng. Có lẽ cho đến nay, chưa có cá nhân nhà nghiên cứu nào đã có thể có cơ hội tiếp xúc được hết toàn bộ.

Sau 1975, một nhóm chúng tôi đã thử thiết lập một thư mục những gì có thể tìm thấy ở Việt Nam, và ngoài Việt Nam (xem Lê Văn Khuê "Một số tư liệu về đạo Công giáo tại Việt Nam trong các thế kỷ XVII, XIX" và bắt đầu dịch được một hai trăm trang, rồi bị gián đoạn vì gặp khó khăn về tài chính.

Về tài liệu liên quan đến Tây Sơn, chúng tôi thấy có hai cuốn hiện không có ở Việt Nam: cả bằng tiếng Tây Ban Nha, thuộc Văn khố của dòng Phan xi cô.

1) Lorenzo Perez, "Los Espagnoles en el Imperio de Annam" trong *Archivo Ibero Americano, Madrod, 1932,* tome XXXV. Một trước tác quan trọng sưu tập các thư từ, ký sự của các thừa sai dòng Phanxico. Mlle M. Villa đã dịch lại một số thư từ này trong bài "*La révolte et la guerre de Tay Son d'après les Franciscains Espagnoles de Cochinchine par Lorenzo Perez*"đăng trong BSEI năm 1940 số 3 và 4 tr.5-106.

2) *Diaro del P. Francisco Hormoso de San Buenaventura, missionero de Cochinchina 1744-1768. Archivum Franciscum Historium. 1934.* Một trước tác quan trọng để hiểu phong trào Tây Sơn ở Nam Bộ. (Không có ở Việt Nam)

Về đời sống hằng ngày của dân chúng, những điều mắt thấy tai nghe tại chỗ, ở nông thôn... được ghi trong các thư từ của các giáo sĩ, loại thư riêng gửi về cho gia đình, bạn bè hay bề trên. Ở Sài Gòn, chúng tôi tìm được ba bộ:

1) *Lettres édifiantes et curieuses, écrites des Missions Étrangères. Lyon – Chez Vernaral... 1819 – 1837,* gồm nhiều thư về Thiên Chúa giáo Việt Nam viết từ năm 1700. Chúng tôi trích dịch những thư từ liên quan đến Việt Nam trong các cuốn 10, 12 và 13.

2) *Nouvelles lettres édifiantes des Missions de Chine et des Indes orientales. Paris, Imp. De L'Archêvêche de Paris. 1818-1833,* gồm 8 cuốn. Ba cuốn sau cùng (VI: 510 trang, VII: 420 trang, VIII: 448 trang) dành riêng cho Việt Nam.

3) Annales de la Propagation de la foi (1822-1892) gồm 64 cuốn, khoảng 20.000 trang. Mỗi tập đều có đăng các thư của thừa sai ở Việt Nam gửi về Âu châu. Những tài liệu này chúng tôi đặt tên là "Biên niên ngoại sử" khác với chính sử. Khai thác các tài liệu này về các mặt:

- Thời sự: cho biết chi tiết về các biến cố chính trị mà chính sử thường bỏ qua. Chẳng hạn, chính sử chỉ ghi "Minh Mạng mất, nhưng không nói cho biết vì sao mất, đám tang được tổ chức như thế nào và không nói gì về những tin đồn trong dân chúng liên quan đến việc này. Hoặc về vụ Lê Văn Khôi, ngoài Bắc, cho biết dư luận dân chúng vùng thôn quê – vùng mà một thừa sai đang ở – nghĩ gì về vụ án. Vấn đề không phải là dư luận đó sai hay đúng, nhưng là có dư luận và dư luận đó cho thấy dân chúng đã có ý thức chính trị như thế nào.

- Văn kiện triều đình, nhà nước: Nhiều văn thư được dịch nguyên văn, chẳng hạn Hịch Quang Trung khi chiếm xong Bình Định (Những bản gốc (Nôm, Hán, Việt) của các tài liệu này chắc còn lưu trữ ở Lyon hay Paris.

- Đính chính "Chính sử": Biên niên ngoại sử cung cấp những sự

kiện cho phép nghi ngờ các tài liệu chính sử (quan điểm chính thức của nhà nước, triều đình)

- Đời sống hàng ngày của người dân: nếp sống vật chất (ăn, ở, mặc) và nếp sống tinh thần (phong tục tôn giáo, tiếng nói, địa chỉ, văn hóa...)

Loại tài liệu này có đáng tin không? Đáng tin, vì tác giả tuy là người ngoại quốc, sang Việt Nam không phải với tư cách người đi thám hiểm du lịch, buôn bán, tạm ghé ở một thời gian mà đã chọn Việt Nam làm quê hương thứ hai của họ, sống chết ở Việt Nam. Họ sống sát dân, trong dân, chia sẻ tình cảnh nghèo nàn, khốn khổ, bất an ở thôn quê; những gì họ ghi nhận về lịch sử, văn hóa có thể sai, nhưng về những gì mắt thấy tai nghe, có thể tin được, nhất là mục đích ghi lại không phải để phổ biến công khai, mà là thư từ riêng gửi cho thân nhân, chỉ sau khi họ qua đời, người ta mới liên lạc với các gia đình xin lại thư từ để in thành sách.

Người viết sử, tiểu thuyết lịch sử nếu học được thói quen của người Tây phương, tìm đọc cho bằng được tất cả những gì liên quan đến đề tài được biên khảo hay sáng tác, thì tác phẩm viết ra chắc hẳn có giá trị. Tuy nhiên, ngay cả người Tây phương, một cá nhân, chỉ làm nghiên cứu công trình biên khảo, sáng tác cuốn sách, bộ phim về đề tài lịch sử cần được những nhà xuất bản, hội văn hóa, trường đại học bảo trợ... Trong viễn tượng đó, một cách cụ thể, nếu những người tha thiết với đề tài Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, như Nguyễn Mộng Giác, Tạ Chí Đại Trường... được những nhà xuất bản, hội văn hóa như Hội Ái Hữu Tây Sơn Bình Định ở California, Hoa Kỳ, và ngay cả Nguyễn Gia Kiểng nhóm Thông Luận ở Paris tạo điều kiện cho họ có thể đi đây đi đó, bất cứ nơi nào nếu có lưu trữ tài liệu về Tây Sơn, Gia Long... phải chăng đó là cách thiết thực, tích cực và xây dựng, tránh được những tranh cãi, phàn nàn, chê trách nhau như đã thấy trên báo chí!

Tìm kiếm được tất cả những tài liệu do người ngoại quốc viết có thể làm tăng kiến thức về lịch sử Việt Nam, nhưng có thể không thay đổi được lối nhìn, tức là một cách đánh giá các biến cố lịch sử trong thời kỳ này. Có những tài liệu sử khác của người Việt Nam viết về cuộc nội chiến nhưng hiện nay chưa được biết đến. Những tài liệu đó có khả năng buộc phải thay đổi lối nhìn và cách đánh giá lịch sử Việt Nam thời kỳ này. Khẳng định trên đây được dựa vào kinh nghiệm bản thân. Nếu tôi không nhầm, hầu hết những người viết sử hay tiểu thuyết lịch sử đã kể ở trên, đều là người Bắc hay Trung. Các vị này nhìn lịch sử Việt Nam *từ miền Bắc*. Ngay cả những vị đã vào Nam sinh sống, làm văn hóa từ 1954-1975, cũng nhìn lịch sử miền Nam, lịch sử Việt Nam từ miền Bắc.

Sự kiện này không thể không đặt ra câu hỏi: thế thì người Việt Nam sinh ra và lớn lên ở miền Nam không viết gì về sử ký hay tiểu thuyết lịch sử trong những thế kỷ XVII, XVIII, XIX, và thời kỳ nội chiến xảy ra ngay trên vùng đất của họ hay sao? Hoặc họ có viết, nhưng đã bị những người phía Bắc, Trung bỏ quên vì không biết đến, hoặc có biết chút ít, nhưng vì cách đánh giá mà đã bỏ qua, không thèm nhắc đến? Chẳng hạn, bộ sử viết bằng tiếng Pháp, 2 tập, của Trương Vĩnh Ký: "*Cours d'Histoire Annamite*" – Imprimerie du Gouvernement, Saigon 1877.

Trong thực tế, có những người gốc miền Nam, viết *nhiều* về lịch sử Việt Nam nói chung và về miền Nam nói riêng. Họ đã viết sớm hơn các tác giả gốc Bắc, Trung. Họ đã đưa ra một lối nhìn miền Bắc từ miền Nam.

Tôi thấy một số cuốn sử quảng cáo trên các báo xuất bản ở miền Nam cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, nhưng chưa tìm ra, như:

A. VỀ SỬ KÝ:

1. Sử ký: *Histoire Annamite* (anonyme) ghi trong Bulletin agricol et industriel 3eme Serie. Tome 1.1879.

2. *Sử Ký Nam Việt*, Claude & Cie. 1901, rao trên báo Nông Cổ Mín Đàm.

3. *Sử Ký Đại Nam Việt*, Phát Toàn. 1910.

Những cuốn tìm được:

1. *Sự tích nước An nam từ đời Hồng Bàng đến đời Duy Tân* (đăng trong Nông Cổ Mín Đàm từ số 1...)

2. *An nam sư truyện* – Nguyễn Văn Sanh (đăng trong Nam Kỳ Địa Phận, từ năm 1913)

3. *Nam Việt Lược Sử* – Nguyễn Văn Mai. Saigon 1919.

4. *Sử ký Đại Nam Việt Quốc Triều* – Tân Định, in lần thứ 5, 1909. (Thư viện Saigon có cuốn này, bản in lần thứ nhất: *Sử ký Đại Nam Việt Quốc Triều*, 1879 – Tân Định. Bản in lần thứ nhất lưu trữ tại Thư Viện Quốc Gia Paris và Thư viện của Hội Thừa Sai Paris. Tôi có bản của Hội Thừa Sai). Cuốn này chỉ kể truyện sử từ nhà Lê về sau. Tôi có đưa cho Nguyễn Nhã, chủ nhiệm Tạp chí Sử Địa (trước 1975) giới thiệu, đăng trong tập "*Về sách báo do người Công giáo viết ra từ thế kỷ XVII đến cuối thế kỷ XIX ở miền Nam Việt Nam*" trong Tài Liệu tham khảo của khoa ngôn ngữ trường ĐHTHTPHCM (Văn Khoa cũ), 1993. Theo Nguyễn Nhã, cuốn sử này là một nguồn tài liệu giá trị, mới mẻ, bổ sung về Tây Sơn và Nguyễn Ánh mà nhiều điểm trong các sách sử từ trước

đến nay chưa hề nói đến".

B. VỀ TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ, xin giới thiệu:

1. *Hoàng Việt Long Hưng Chí* – Ngô Giáp Đậu – nguyên bản chữ Hán, lưu trữ ở thư viện Hán-Nôm – Hà Nội. Bản dịch quốc ngữ, nhà XB Văn Học, Hà Nội, 1993.

2. Bộ truyện dài của Tân Dân Tử gồm ba cuốn:

- *Gia Long Tẩu quốc*
- *Hoàng Tử Cảnh Như Tây*
- *Gia Long Phục Quốc*

Tổng cộng 834 trang, nhà sách Bảo Tôn, Sài Gòn, in lần thứ 6 – 1926.

Ngoài ra có nhiều cuốn sử hay tiểu thuyết lịch sử tập trung vào một nhân vật như: Võ Tánh, Lê Văn Duyệt, Bá-đa-lộc...

Đọc những sách báo về sử, tiểu thuyết lịch sử do các tác giả người miền Nam viết thuộc loại không phải là chính sử cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Người Bắc và Trung kỳ không thể không xét lại những thiên kiến, khinh chê của mình đối với miền Nam.

Trước hết, cuốn sử vẫn được coi là sớm nhất mà Vũ Ngọc Phan (người Bắc) và Đào Đăng Vỹ (người Trung) đã khẳng định và những người đi sau đều tin như thế: đó là cuốn *"Việt Nam Sử Lược"* (Précis d'Histoire du Vietnam) của Trần Trọng Kim, 2 tập, in lần thứ nhất tại Hà Nội, Impr. De Trung-Bắc Tân Văn, 1920. Nhưng cuốn *"Đại Nam Việt Quốc Triều"*. Tân Định Xb năm 1879, in lần thứ nhất và tái bản lần thứ 5-1909, sau đó không rõ còn bao lần tái bản nữa. Như vậy, nó xuất bản trước cuốn của Trần Trọng Kim mấy chục năm.

Một điều đáng lưu ý đầu tiên là các nhà xuất bản và các tác giả viết sử hoặc tiểu thuyết lịch sử đều quan tâm đến lý luận, mục đích viết sử, tiểu thuyết lịch sử, đều phân biệt sử ký và tiểu thuyết lịch sử. Nhà viết tiểu thuyết lịch sử chỉ được tưởng tượng phần đời tư của nhân vật, không được thay đổi những sự kiện lịch sử đã được nhìn nhận. Và dù viết sử hay tiểu thuyết lịch sử cũng đều phục vụ mục tiêu trình bày bài học lịch sử.

Những phân biệt này đã không cho phép người viết tiểu thuyết lịch sử tùy tiện trình bày nhân vật lịch sử theo chủ quan của mình, trái lại phản ảnh quan điểm của người dân, quần chúng thường chỉ do sự khôn ngoan của lương tri soi sáng. (?)

Nhận định về cá nhân Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ, Tân Dân Tử trong lời kết luận tập truyện dài đã viết: "Bộ truyện này có hai vị đại anh hùng: Vua Quang Trung thì tài ba lỗi lạc, chiến lược như thần, bốn phen

vào đánh đức Gia Long, bốn phen đều thắng, sau đó lại giết quân Xiêm ở một trận Tiến Giang, nhưng đại thắng quân nhà Thanh mới làm cho Quang Trung trở thành đại hào kiệt chẳng thua gì Trần Hưng Đạo và Lý Thường Kiệt.

Còn Gia Long là một người có tài, nghị lực, can đảm, kiên trì, gặp thất bại không nản lòng, lấy gan làm đá, lấy máu làm hồ mà trung hưng, thống nhất Bắc Nam. Vậy thì vua Gia Long cũng chẳng khác chi vua Quang Võ nhà Hán bên Tàu" (trang 275, *Gia Long phục quốc*).

Về triều đại nhà Nguyễn, nhà Tây Sơn, cần phân biệt thời kỳ chưa cầm quyền, chưa xưng vương và thời kỳ cầm quyền. Các nhà viết sử viết tiểu thuyết lịch sử người miền Nam thường gọi nhà Tây Sơn là "ngụy triều." "Ngụy" ở đây không có nghĩa là giả, là xấu, là không hợp pháp như hiện nay, mà chỉ có nghĩa: đối thủ, đối lập. Vì thế, các cuốn sử đều xếp Ngụy triều Tây Sơn ngang hàng với các triều Đinh, Lê, Nguyễn....

Trước khi có Tây Sơn, dân miền Nam sống dưới ách cai trị hà khắc của Chúa Nguyễn Võ Vương, rồi Trương Phúc Loan chuyên quyền, tham nhũng, lòng dân hướng về Tây Sơn vì anh em Tây Sơn lấy của nhà giàu chia cho người nghèo, hành động này được Nho gia Nam kỳ coi như một thứ Thang Võ, người hùng "Thế Thiên Hành Đạo" cứu dân. Do đó, gọi Nguyễn Huệ là "tướng cướp" trong quan niệm Bắc kỳ thì xấu, trái lại, trong bối cảnh miền Nam thì lại được mến phục vì cướp ở đây chỉ là "hành hiệp trượng nghĩa". Thế nhưng, khi Tây Sơn cai trị Nam Kỳ, bắt dân đi lính theo một tỉ lệ rất cao, thu gom thóc lúa làm quân lương càng nặng, đặc biệt chế độ "tín bài" (kiểm tra dân chúng chính xác, chặt chẽ để bắt lính và thu thuế) thì dân chúng trở nên bất mãn, coi nhà Tây Sơn không khác gì nhà Nguyễn. Dân chúng kỳ vọng Nguyễn Ánh sẽ là Minh Chúa, nhưng khi Nguyễn Ánh trở thành Gia Long, ngự ở Huế, dân chúng miền Nam lại thất vọng, như Sử Tân Định và Sử của Trương Vĩnh Ký đã ghi.

"Việc chiếm được Hà Nội mang lại cho Gia Long hơn 100 con voi, nhiều đại bác, vũ khí và thuyền chiến. Nhưng quan trọng nhất là chiến thắng này làm cho Gia Long trở thành người chủ duy nhất của cái đất nước bị chia xẻ, tranh giành, xâu xé giữa bao nhiêu người, cái đất nước kiệt quệ về cả nhân lực lẫn của cải vì bao trận chiến liên tục. Gia Long lên làm vua, nhưng là vua của một nước hoang tàn. Nhưng thực ra, dù bị tàn phá sâu xa như vậy, đất nước này vẫn còn chứa đựng trong nó nhiều tài nguyên để cho một chính quyền sáng suốt, biết thương và lo cho dân, có thể khai thác nhằm mang lại sự giàu có, thịnh vượng.

Hiện nay, chúng ta đã có trước mắt thành quả không lấy gì làm khích lệ lắm mà Gia Long và các vị kế nghiệp ông đã mang lại tới giờ phút này. Sự bướng bỉnh mù quáng của họ đã làm mất Nam kỳ, nền hành chánh tồi tệ của họ đã làm thất nhân tâm Bắc kỳ, còn xét chính cái miền Trung kỳ, thì những nỗi khốn khổ sợ hãi của nhân dân bị áp bức, sự chuyên chế và tham ô của quan lại các cấp cũng đã bộc lộ quá rõ, khỏi cần phải nói thêm. Nếu người ta mong chờ từ Huế, để An Nam ta có được sinh hoạt chính trị của các dân tộc hữu dụng, nếu Triều Nguyễn muốn tồn tại lâu dài, thì họ phải tìm ra con đường của mình và cương quyết theo đuổi nó đến cùng." (Trương Vĩnh Ký, *Cours d'Histoire annamite*, trang 252)

Người viết Sử Tân Định, ghi trong đoạn nói về "những sự khốn khổ dân phải chịu" thời Tây Sơn – Nguyễn Ánh tranh chấp:

"... sau nữa, dầu quân Tây Sơn, dầu ông Hoàng Tân thì cũng lấy điều dữ mà nộ nạt ngầm đe thiên hạ, hầu ép lòng dân tuân phục mình, bằng cứ lời nhủ bảo mà thôi thì chẳng hề đặng việc gì bởi đó thiên hạ khốn cực lắm, vì phải giặc hai bên đánh nhau luôn. Khi thì bên nọ thắng, khi thì bên kia thắng, thiên hạ chẳng biết vâng cứ ai, chẳng biết mình thuộc về ai. Bên này họ lấy đặng xứ này ít lâu, mà đến sau phải thua bỏ xứ ấy, thì bên kia liền bắt tội những người xứ ấy vì đã theo giặc".

Hoặc nói về ba anh em Tây Sơn đánh lẫn nhau:

"Vậy hai anh em vây thành Quy Nhơn, đánh cùng anh cả đã lâu lắm, song chẳng bên nào đặng, chẳng bên nào thua. Ba anh em làm hại nhau và làm hại cả thiên hạ"

Nói về những phe phái đánh nhau ở Đàng Ngoài và kết luận: "Dầu các quan, dầu quân lính đều ra như kẻ cướp hết thảy".

Sau cùng nói đến Gia Long khi đánh Tây Sơn thì dân chúng có hy vọng ở ông, nhưng lên cầm quyền rồi làm cho dân thất vọng khi thấy Gia Long cũng lừa dối, trả thù và việc cai trị còn tệ hơn trước: "Vậy quân Tây Sơn đã thua mà vua Nguyễn Ánh đã lấy đặng của nước An nam thì thiên hạ vui mừng lắm. Dân sự thì trông cho Nguyễn Ánh đặt nhà Lê mà trị nước lại như khi trước, nhưng mà ông Nguyễn Ánh chỉ nói phỉnh người ta rằng mình đánh giặc thì chẳng có ý lo phần riêng mình mà thôi, song cũng có ý cứu giúp nhà Lê nữa. Vua có ý khử trừ cho tuyệt giặc Tây Sơn, thì đã luận vua Bảo Hưng phải ngũ mã phân thây, còn các em và tông tộc ông ấy đều phải chết chém, quan Thiếu phó Đoàn phải voi đánh, các quan lớn nhỏ khác cũng đều phải luận phạt nặng nhẹ tùy người... Thiên hạ chẳng đặng y như điều đã trông, mà lại thấy việc quan

nặng nề hơn trước thì phàn nàn lắm..."

Phải chăng đây là lần đầu tiên trong kho tàng chữ viết, bên cạnh truyền thống dân gian truyền miệng, người ta bắt gặp một cuốn sử viết theo quan điểm của người dân thường, những kẻ bị trị nhìn sự việc của những kẻ thống trị, bất kể họ thuộc triều đại hay chế độ chính trị nào! Người dân trải qua các triều đại, các chế độ chính trị, từ kỳ vọng đến thất vọng chán ghét. Trừ một số công thần của triều đại được dân chúng cảm mến, biết ơn, lập đền, xây lăng tôn thờ. Vị quan được dân chúng miền Nam quí trọng hơn cả là Tả Quân Lê Văn Duyệt. Có nhiều tài liệu sử, dã sử viết về ông quan này để ca tụng công đức và tư cách của ông. Đặc biệt hơn nữa, ông được mọi người Hoa tôn thờ.

Dĩ nhiên, cần tìm hiểu tại sao người Hoa nhận Việt Nam làm quê hương thứ hai, lại đố kỵ Tây Sơn và phò nhà Nguyễn tham gia vào cuộc nổi loạn của Lê Văn Khôi và bị đưa ra Huế xử chém. Trước khi đi, họ đã làm một bài thơ Nôm dài gọi là "Bốn bang thơ", được một người Pháp, Albert Lorin nhờ một nhà nho đương thời Lý Ngươn Trương phiên ra quốc ngữ và dịch ra tiếng Pháp, với rất nhiều chú thích, đăng trong BSEI, Serie I, Saigon, 1890-1891. Đây là một chứng từ về vụ Lê Văn Khôi, theo Lorin, có giá trị văn chương được giới nho gia đương thời tán thưởng... (Bốn Bang Thơ ou Lettre de Bốn Bang sur la révolte de Khôi, từ trang 34 đến 62)

Sau cùng, nhiều tài liệu sử, tiểu thuyết lịch sử cho thấy một cái nhìn của Bá-đa-lộc, người cố vấn của Nguyễn Ánh, khác với lối đánh giá của các tác giả miền Bắc.

Trong truyện dài của Tân Dân Tử, có đoạn thuật lại rõ chuyện giữa Nguyễn Ánh và Mẹ, nêu những thắc mắc về cầu viện bên ngoài, được Nguyễn Ánh giải thích, vận dụng kinh nghiệm lấy từ sử Trung Quốc.

Trương Vĩnh Ký viết cuốn "Biên tích Đức Thầy Veri Pinho quận công phò Nguyễn Ánh là Đức Cao Hoàng phục quốc" , Saigon, Impr. El librairie Nouvelles 1897. Sách sử Truyện miền Nam cuối thế kỷ XIX, đều viết Nguyễn Ánh không phải Nguyễn Phúc Ánh.

Đánh giá Bá-đa-lộc và Lê Văn Duyệt, thử tìm hiểu tại sao dân chúng miền Nam lại gọi lăng của hai người này là "lăng Cha" và lăng Ông"?

Sau năm 1975, Lăng Cha Cả bị dẹp bỏ, nhưng dân chúng vẫn tiếp tục gọi chỗ đó là Lăng Cha Cả. Còn Lăng Lê Văn Duyệt, theo một tài liệu: "Thử đánh giá lại vai trò của Lê Văn Duyệt trong lịch sử, nhất là đối với vùng Gia Định và cả các tỉnh phía Nam". (16 trang, tháng 9 năm 1984, Ban Sưu tầm lịch sử đảng quận Bình Thạnh). Bài viết kết án nặng

nề Lê Văn Duyệt, đề nghị cải tạo nhanh chóng Lăng Lê Văn Duyệt. Nhưng rất may, đã không được đem ra thi hành, nên bây giờ vẫn còn Lăng Ông.

Trở lại những tiểu thuyết lịch sử gần đây do người Bắc, người Trung viết, đã giới thiệu ở trên, xin nhắc thêm truyện: *"Mơ thành người Quang Trung"* của Duyên Anh - Vũ Mộng Long, truyện dài viết cho thiếu nhi (trước 1975 ở miền Nam Việt Nam) kể chuyện một nhóm trẻ em Việt Nam chơi thân với mấy trẻ em... Mỹ... "Tuổi trẻ không có biên giới là sự hồn nhiên chẳng cho phép ai kỳ thị ai, những bàn tay trẻ con đan chặt lấy nhau. Thương mến". Nhưng Việt Nam đang có chiến tranh, nên trẻ con bày trò chơi đánh nhau, bằng súng giả bắn nghe như thật. Bọn trẻ con Mỹ được đề nghị đóng vai lính Trung Hoa xâm lăng như cha ông chúng đã chống quân Đức thời Thế chiến mà phim Combat được chiếu hàng ngày trên Tivi, băng tần dành cho Quân đội Mỹ. Những đứa trẻ Mỹ được nói cho biết về những anh hùng Việt Nam chống xâm lăng, đặc biệt là Quang Trung. Quang Trung trong truyện của Duyên Anh viết cho thiếu nhi cũng như Quang Trung được đề cao và cảm phục trong các sách báo của người lớn, đều chỉ giới thiệu "Quang Trung là một tướng tài đánh thắng quân xâm lăng Trung quốc, còn đánh thắng quân Nguyễn Ánh thì không nói đến. Vì anh em trong nhà người Việt đánh nhau, không thể đề cao kẻ thắng được.

"Sông Côn Mùa Lũ" của Nguyễn Mộng Giác cũng kể chuyện Tây Sơn, đề cao Nguyễn Huệ. Truyện gồm 4 tập, gần 2000 trang. Những ai chịu khó đọc đều khen truyện viết hấp dẫn từ đầu đến cuối, chứng tỏ tác giả là một nhà văn có tài. Nhưng tại sao ở hải ngoại ít được nói tới, ít được giới thiệu hoặc phê bình? Có lẽ, số người chịu khó đọc đã ít, số người chịu khó đọc để giới thiệu, phê bình lại còn ít hơn nữa. Tuy nhiên, truyện được tái bản trong nước và số người đọc chắc nhiều hơn hải ngoại và sách bán chạy. Lý do đúng như người giới thiệu (Mai Quốc Liên, Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học):

"Sông Côn Mùa Lũ", lần đầu tiên trong văn chương Việt Nam, là một trường thiên về lịch sử thế kỷ 18. Tác phẩm rất hấp dẫn, trước hết là vì phẩm chất văn học của nó. Các sử sự thì ta đã biết cả rồi, nhưng tình cảm, những thôi thúc nội tâm, những suy tưởng, những quan hệ giữa con người và con người trải dài qua một biến cố lớn lao thì đây là lần đầu tiên ta tiếp cận. Và sự phong phú của nó, vẻ đẹp của nó lôi cuốn ta, những người yêu lịch sử dân tộc, yêu con người Việt Nam nhân ái, quả cảm. Ở đây, Nguyễn Huệ đã được mô tả thành công như đã có trong sử

sách nhưng đồng thời phong phú ân tình thâm sâu trong tình cảm thầy trò, trong tình yêu, tình bạn. Tuyến nhân vật đã có trong sử sách (bao gồm Nguyễn Huệ, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Hữu Chỉnh, Trần Văn Kỷ...) được tác giả viết thành công đã đành, mà tuyến nhân vật hư tưởng như cô An người tình Nguyễn Huệ, anh cô An và cả gia đình ông giáo Hiến... quả cũng là một sáng tạo mới góp phần làm cho cuốn tiểu thuyết đáng mặt là tiểu thuyết theo cái nghĩa cổ điển của từ này."

Tuy nhiên, có nên nêu thắc mắc: sở dĩ người đọc bây giờ thấy tiểu thuyết lịch sử viết về thế kỷ XVIII dễ đọc, vì tác giả đã "hiện đại hóa" thay vì làm sống lại những nhân vật lịch sử trong bối cảnh thời đại của họ? Một cách cụ thể, diễn tả tâm tình của các nhân vật theo đúng những quan hệ hiểu theo thời đại của họ, bằng ngôn ngữ của họ, nhất là cách xưng hô trong các đối thoại. Đọc bộ truyện dài của Tân Dân Tử, đòi hỏi trên được tôn trọng và truyện đọc cũng hấp dẫn, dĩ nhiên, bây giờ tái bản phải có chú thích. Chẳng hạn: Lê Thái Giám (Lê Văn Duyệt). Người đàn bà tùy chỗ, tùy lúc gọi là tiểu thơ, tiểu nương, cô nương, tình nương em ơi, hiền muội và tự xưng là tiện nữ, tiểu muội, thiếp... Sách Sử Ký Tân Định cũng gọi "Ông Hậu" để chỉ Chưởng Hậu Quân Võ Tánh; ông Hữu ngoại là Đỗ Thành Nhơn, Hoàng Triệp là Nguyễn Quang Toản.

Có lẽ còn một lý do riêng, giải thích tại sao người đọc trong nước, nhất là lớp người lớn tuổi, thích đọc truyện của NMG phải chăng vì truyện này gợi lại mơ ước của người nông dân áo vải đứng lên dựng cờ khởi nghĩa, làm cách mạng Tây Sơn, như Đỗ Minh Tuấn đã bộc lộ trong lời giới thiệu của nhà Xuất bản Văn Học "cuồn cuộn trào dâng trong thác lũ của khởi nghĩa nông dân". Nói văn hoa thế thôi, chứ trí thức miền bắc, đã từng than thở từ mấy chục năm nay, cho đến bây giờ, những tác hại của cái gọi là đầu óc nông dân quyết tâm thực hiện chế độ xã hội chủ nghĩa không cần qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa và ảo tưởng về ý thức chính trị của nông dân chỉ có thể làm loạn, chứ không thể làm cách mạng.

"GIÓ LỬA" – Nam Dao.

Trong *"Gió Lửa"* Nam Dao mở đầu bằng một "lời ngỏ" trình bày lối nhìn của mình về thời kỳ "Trịnh Tàn Lê Mạt" của thế kỷ 18. "Lịch sử một nước được ghi lại theo các biến cố xẩy ra, gọi là biên niên thuộc dòng chính sử. Ngoài dòng chính sử còn có lịch sử hình thành qua trí tưởng tượng, sự cảm nhận từ quá khứ những vấn đề của con người và xã hội vẫn tồn tại. Soi rọi những vấn đề về thân phận con người trong quá

khứ là một cách đi tìm sự sống tàng ẩn trong lịch sử, và tiểu thuyết là cách để tác giả đối thoại với lịch sử và để thực hiện cuộc đối thoại một chiều, chủ quan đó, tác giả không câu nệ cưỡng bức lịch sử để thai nghén ra tiểu thuyết."

Hiểu lịch sử và vai trò của tiểu thuyết như thế, tác giả nhận ra những trang sử Việt Nam trên dưới 500 năm qua trải dài một cuộc nội chiến ám ảnh như một thứ ác nghiệp vẫn rình rập chờ đợi cơ hội làm cho lệ rơi máu đổ. Tại sao? Theo tác giả, lịch sử như một ác nghiệp đó diễn ra trong một mẫu hình văn hóa nhất định. Vậy yếu tố nào trong mẫu hình kia là nguồn cơn những cuộc nội chiến mà ta là nạn nhân của chính ta? Nặn đất sét làm tượng Thần Thành Hoàng rồi phải chính chúng ta đã quỳ lạy thì thụp đến độ mê muội trở thành nạn nhân của những quyền-lực do chính chúng ta cùng dựng lên và những quyền lực xung đột với nhau."

Tác giả, giáo sư Kinh tế học trường Đại Học Laval, Canada, đặt vấn đề như trên, thật hay, sâu sắc, một vấn đề thuộc thẩm quyền các nhà khoa học xã hội suy nghĩ, nghiên cứu và trao đổi với nhau. Hơn nữa, tác giả còn có dịp, có điều kiện về Việt Nam đóng góp cụ thể vào việc giải quyết vấn đề nêu lên. Nhưng chẳng may, tác giả đã không thực hiện được bằng hành động và đành dùng ngòi bút nói lên ưu tư của mình với tư cách người viết tiểu thuyết. Ở Việt Nam, đã có một nhà thơ đi làm kinh tế và ở hải ngoại bây giờ có nhà kinh tế đi viết tiểu thuyết. Tất cả mọi ngành, biên khảo hay sáng tác... đều có những đòi hỏi riêng và những giới hạn không thể vượt qua. Phải chăng, tác giả nghĩ rằng người viết truyện có thể được tự do tưởng tượng, hư cấu và cưỡng bức sự kiện lịch sử, như Nguyễn Thanh Nhã đã nhận xét: "Ghép đạo Cao Đài – chỉ xuất hiện năm 1926 ở Saigon – với thời Tây Sơn (Nguyễn Lữ đàm đạo với Đạo Trung (Lê Văn Trung) hoặc đặt vào thời Tây Sơn uy lực độc quyền buôn bán lúa gạo của người Hoa – chỉ có hồi đầu thế kỷ XX -, đặt ngôn từ hiện đại vào miệng các nhân vật cuối thế kỷ 18, như những từ mac-xit "vong thân, tha hóa" trong miệng Nguyễn Huy Tự [*1]?

Còn về "mẫu hình văn hóa" mà tác giả đã đề ra, đối với Việt Nam trong cảnh nội chiến kéo dài suốt lịch sử mấy trăm năm cho đến nay, thì đó là mẫu hình văn hóa nào?

Phạm Trọng Luật, trong bài *"Gió Lửa"* mô hình xã hội hay tiểu thuyết lịch sử" đã nói giùm cho tác giả và tác giả nhìn nhận, đúng ý của mình. Ông Phạm Trọng Luật đã liên kết *"Gió lửa"* với cuốn *"Đạo lý Tin lành và Tinh thần Chủ Nghĩa Tư Bản"* của Max Weber (1904) mà các

nhà lưu tâm đến xã hội học đều biết. Mẫu hình văn hóa ở đây là "đạo lý về quyền lực" được thực hiện trước hết, ở những người thực sự làm lịch sử, như nhà Lê, nhà Trịnh, nhà Nguyễn, Nguyễn Tây Sơn; ở mức độ thứ hai, quyền lực được thể hiện ở tầng lớp gọi là sĩ phu, và ở mức độ thứ ba, ở tầng lớp nông dân, thương gia... đáng lẽ đã phải đóng một vai trò quan trọng, nghĩa là làm tác nhân thay vì là nạn nhân tập thể của lịch sử."

Giải thích lịch sử nội chiến ở Việt Nam bằng cách liên hệ với lối nhìn của Max Weber có lẽ vẫn còn phải trao đổi thêm. Max Weber cho rằng một lối tin đạo nào đó qui định một cách hành động và những nhóm xã hội có khả năng tác động thế nào về kinh tế. Nhận định tổng quát như vậy, ai cũng có thể đồng ý, nhưng đi vào cụ thể, đưa ra trường hợp Tin Lành để giải thích hiện tượng phát triển Tư bản, cho đến nay vẫn gây nhiều tranh luận, như Philippe Bernard đã ghi lại trong cuốn *"Protestantisme et Capitalisme – La controverse post – Weberienne"* – A. Colin, Paris 1970.

Vào khoảng những năm cuối thập niên 80, đầu 90, thấy xuất hiện một xu hướng gọi là Trào lưu Tân Nho học do một số giáo sư người Mỹ gốc Á châu dạy các đại học Mỹ đề xướng. Trào lưu này cho rằng "Nho giáo bị Max Weber gạt bỏ, cũng là một tôn giáo duy lý không kém gì đạo Tin Lành và chính Nho giáo là yếu tố thuận lợi giải thích sự thành công về phát triển ở một số nước Đông Nam Á. Ở Việt Nam lúc đó có nhóm Việt kiều từ Nhật về phổ biến sách báo các tác giả Nhật và trong nước dịch đăng những bản "thông tin" của UNESCO, như đặc san Nhật Bản Ngày Nay số tháng 12-1987 trong đó có bài của Mithis Morishima "Khổng giáo và Chủ nghĩa Tư bản".

Ông Léon Vadermeersch, giám đốc Viễn Đông Bác Cổ, tác giả cuốn *"Le nouveau monde sinisé"* (P.U.F, Paris 1986) đã ghé qua Việt Nam và nói chuyện ở Hà Nội, Sài Gòn. Tôi có dự buổi nói chuyện này ở Viện Khoa học Xã hội miền Nam ngày 9 tháng 10-1990. Về trào lưu Tân Nho học bác bỏ luận điệu của Max Weber liên quan đến Á châu vì Nho học bao gồm nhiều yếu tố thuận lợi hơn cả văn hóa Âu châu cho việc phát triển Tư bản. Điều đáng lưu ý trong buổi nói chuyện này là cả diễn giả lẫn khán giả đều đồng tình không nói đến Việt Nam, như thể Việt Nam không phải là một thành viên của cộng đồng Hán hóa ở Đông Nam Á.

Như thế phải chăng Việt Nam là trường hợp đặc biệt, không ở trong khuôn mẫu văn hóa Max Weber, hoặc khuôn mẫu văn hóa Tân Nho học? Vậy Việt Nam ở trong khuôn mẫu văn hóa nào khác?

Tại quốc nội, một thời đã có tranh luận về Việt Nam có chế độ

phong kiến hay không? Và nếu có, phong kiến Việt Nam có giống phong kiến Âu châu hay Nhật bản, để có thể chuyển sang chế độ tư sản. Riêng ông Phan Ngọc đưa ra luận điểm: "Tâm lý người Việt coi thường nghiệp. Nhà vua ghét thương nhân vì biết rằng thương nghiệp phát triển thì quyền lực của bộ máy cai trị bị hạn chế. Thương nghiệp mất vai trò lịch sử trong việc tạo nên sự thống nhất dân tộc thì cũng mất luôn vai trò của nó trong chính trị và văn hóa. Văn hóa Âu châu từ cuối thời Trung cổ trở đi là do đẳng cấp thứ ba tạo nên.

Ở Việt Nam, không có đẳng cấp thứ ba. Người dân chỉ có một trong hai con đường: làm quan và đi cày. Nghề làm thợ và lao động văn hóa chỉ là nghề tay trái của cả dân tộc. Chính vì vậy mà "một dân tộc thông minh như người Việt Nam không tự mình xây dựng được những Truyền thống độc lập về tư tưởng, học thuật, khoa học, nghệ thuật. Muốn có những điều này, nước Việt Nam phải chấp nhận một lớp người có thể lao động kỹ thuật và văn hóa bằng tay phải của họ" (Tâm lý người Việt trong lịch sử và "hằng số của nó", tập san Tổ Quốc, chuyên đề: Bản sắc văn hóa dân tộc, vấn đề cũ, cách tiếp cận mới" số 316, tháng 8-1987, Hà nội.

Việt Nam không có tầng lớp thương gia, không có truyền thống độc lập về tư tưởng. Phải chăng vì tình cảnh lệ thuộc ngoại bang kéo dài hàng nghìn năm, lệ thuộc những cường quốc có nền văn hóa cao nhất thế giới? Tình cảnh lệ thuộc kể trên tạo ra tâm lý người Việt chỉ thương nhau vì tình đồng bào ruột thịt, nhưng không phục tin nhau về các mặt khác như văn hóa, kinh tế, thương mại, vì chỉ phục người ngoại quốc về mặt văn hóa, tin người nước ngoài về cách làm ăn, về tổ chức xã hội. Đó là nguồn gốc của những va chạm, chia rẽ, đố kỵ, chống đối, không phải giữa các phe phái khác nhau, mà ngay cả trong nội bộ một phe phái, được biểu lộ bằng ngôn ngữ, hay bằng bạo lực. Bạo lực chân tay hay khí giới, vượt khỏi những tranh chấp về quyền lực hay quyền lợi vì xuất phát từ tâm lý không tin, không phục nhau, không chấp nhận sự sinh tồn phát huy về các mặt khác ngoài tình nghĩa đồng bào ruột thịt.

Tại quốc nội, người ta truyền miệng câu chuyện về Diêm vương dưới Âm phủ giam giữ những người đủ mọi quốc tịch. Khi có những người Tây, Tàu... trốn thoát, Diêm vương sai quỷ đi bắt về. Nhưng khi được báo là có người Việt trốn thoát thì Diêm vương không động tĩnh gì cả. Hỏi tại sao? Diêm vương cho biết là "khỏi cần đi lùng kiếm vì chính người Việt sẽ dẫn độ những người trốn thoát về". Phải chăng đó mới là ác nghiệp của một dân tộc?

Những truyện dài của Nguyễn Mộng Giác và Nam Dao ít gây phản ứng, nhưng mấy truyện ngắn liên quan đến Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ của Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ, Trần Nghi Hoàng gây nhiều phản ứng, chống đối và tranh luận giữa những người đọc đóng vai nhà phê bình. Những người đọc đã phát biểu bằng bài viết hay chỉ trao đổi miệng đều nhìn nhận Nguyễn Huy Thiệp, Trần Vũ viết truyện hay, đạt về mặt tiểu thuyết. Đó là điều cốt yếu; nếu họ đặt tên cho những nhân vật trong truyện của mình không phải Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ và các người liên quan đến hai người này... chắc chắn đã không có những phản ứng chống đối, tranh luận kết án tác giả và kết án nhau.

Nói cách khác, họ chỉ viết tiểu thuyết, dựng nhân vật dường như thực, mà không có thực trong thực tế, và nếu chẳng may người đọc có liên hệ đến ai đó, họ đã nhắc nhở trong lời nói đầu, đó là ngoài ý muốn của họ. Nhưng, điều rắc rối là các truyện ngắn này đã đưa những Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ ra làm nhân vật chính và không phải để ca tụng như Nguyễn Mộng Giác mà để "hạ bệ", đả phá thần tượng, bình thường hóa những người vẫn được coi là anh hùng, thiên tài...

Những Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh đã vĩnh viễn nằm dưới lòng đất. Cuộc đời, sự nghiệp của họ đã chấm dứt khi họ chết. Những người còn sống luôn luôn có thể dựng họ dậy, gán cho sự nghiệp, cuộc đời của họ những ý nghĩ này nọ. Đối với người viết sử, thì đó là giải thích lịch sử dựa vào sử liệu có tính cách khách quan và chính xác. Niềm tin này vẫn còn khá phổ biến ở quốc nội cũng như ở hải ngoại. Ông Tạ Ngọc Liễn phê phán Nguyễn Huy Thiệp đã viết về mối quan hệ giữa sử và văn "sử học là ngành khoa học đòi hỏi tính chính xác và sự uyên bác cao" (Tác phẩm và Dư luận – tạp chí Sông Hương, NXB Trẻ – 1989, trg 154).

Nguyễn Gia Kiểng trong *"Tổ Quốc Ăn Năn"* – "Lịch sử phải chính xác và khách quan mới có thể dùng làm tài liệu để suy nghĩ và làm việc" (trg 149, Paris – 2001).

Sử ký, như vẫn thường được hiểu là một thể loại "văn" khác với thể loại tiểu thuyết, vì người viết sử dựa vào sự sưu tầm những sự kiện để nói lên sự thật lịch sử, trong khi người viết tiểu thuyết, theo NMG, "chỉ làm cái công việc pha trộn hư, thực, căn cứ vào một nhúm kiến thức lịch sử, rồi tưởng tượng thêm cho nhân vật lịch sử: mặc áo kiểu gì, yêu, ghét ai, nói năng những gì... làm như mình có tài đứng ngoài thời gian và sống kế cận với vô số những anh hùng liệt nữ, những đạo tặc, lưu manh của quá khứ" (Thực chất và Huyền thoại trong lịch sử – Văn Học số 183, tháng 7-2001).

Paul Ricoeur, một triết gia lão thành Pháp, chuyên về khoa Diễn giải (Herméneutique-Hermeneutic), trong sách nhan đề *"Le Temps et le Récit"* (Thời gian và Truyện kể) –Seuil-Paris 1983 – đã đưa ra luận điểm: không có sự phân biệt rạch ròi giữa hai thể loại viết sử và viết tiểu thuyết, vì cả nhà viết sử và viết tiểu thuyết đều làm việc sưu tầm, lựa chọn những sự kiện theo ý định mình và sắp xếp những sự kiện, biến cố theo một bố cục nào đó. Nói cách khác, sử ký và tiểu thuyết đều có chung một đòi hỏi: thiết lập một bố cục (intrigue: nghĩa là móc nối cấu kết các sự kiện theo mưu đồ của mình) Do đó, người viết sử cũng như người viết tiểu thuyết đều *"kể chuyện"* và tác phẩm của họ là một *"chuyện kể"*(Récit).

Như vậy, cho rằng sử ký đạt tới chân lý chính xác, khách quan, phải chăng đó là một ảo tưởng?

Luận điểm này của Paul Ricoeur được nhiều nhà viết sử tán đồng.

Tính cách chủ quan trong sử ký được chứng minh bằng phương pháp thực nghiệm của khoa Sinh vật học và Tâm lý học. Theo G.M. Edelman, giám đốc Viện Tâm Thần của Đại Học Rockefeller, New York, giải thưởng Nobel về Y khoa, trong cuốn *"Sinh Lý Học Của Ý Thức"*, bản dịch tiếng pháp của Odile Jacob, 1992, thì "Nhớ là một hoạt động xây dựng lại quá khứ. Trí nhớ không phải là một máy "photocopy" để sao lại, một máy chụp ảnh thể hiện được bản sao y hệt bản gốc, vì người ta chỉ nhớ những gì cần, muốn nhớ... và tùy theo nhu cầu của hiện tại."

Daniel L. Schacter, một nhà Tâm Lý học, giáo sư Đại Học Harvard, trong cuốn *"Đi Tìm Ký Ức"* – 1999), cũng đưa ra quan điểm tương tự với nhà Sinh Lý học Edelman. Theo ông, Computer có thể ghi muôn vàn thông tin, không có nghĩa đối với nó. Chỉ kinh nghiệm chủ quan về ký ức của con người mới lựa chọn và liên kết những điều cần nhớ để tạo thành một kiến thức về quá khứ, là *"quá khứ của ta"*.

Như vậy, phải chăng quá khứ chỉ được nhớ lại, chỉ được nhắc đến tùy theo những nhu cầu của hiện tại? Đó là "Đem Tâm Tình Viết Lịch Sử" (Nguyễn Mạnh Côn).

Maurice Halbwachs, một nhà sử học Pháp vào đầu thế kỷ 20 đã tạo ra khái niệm "Ký ức tập thể" (mémoire collective) để giải thích cách thế cắt nghĩa lịch sử của các nhóm người nhằm phục vụ những mục tiêu hiện tại của đoàn thể, phe nhóm họ. Việc giải thích lịch sử theo lối này đã trở thành một lạm dụng thô bạo đối với quá khứ, như các chế độ chính trị thường thực hiện để biện minh cho chính sách cai trị của họ. Những cuốn gọi là "chính sử" do Sử Quán các triều vua soạn ra là một dẫn chứng.

Thời Pháp thuộc, nhà cầm quyền cũng ra lệnh cho viên chức nhà nước dạy sử, soạn sách giáo khoa sử nhằm biện minh cho chế độ thực dân. Cuốn *"Nam Việt Lược Sử"* của Nguyễn Văn Mai, giáo sư trường Chasseloup-Laubat, Imperimerie et Librairie J. Viet. 1919-Saigon cũng là một dẫn chứng khác.

Có thể hỏi những người chống pháp, chống Gia Long, đố kỵ Thiên Chúa giáo ở miền Nam, tại sao, phải chăng vì đã đọc, đã học những cuốn sử như của Nguyễn Văn Mai thời niên thiếu?

Có thể nhận sử ký và tiểu thuyết đều cần khái niệm về bố cục, sắp xếp các sự kiện, các biến cố, tạo dựng một câu chuyện có mạch lạc, có đầu đuôi... nghĩa là có chung một cấu trúc. Nhưng sử và tiểu thuyết vẫn khác nhau về ý hướng và mục đích khi viết. Ý hướng của nhà viết sử là kể một câu chuyện *thực*, nhằm đạt tới sự thực lịch sử, trong khi ý hướng của người viết tiểu thuyết là trình bày một câu chuyện *dường như thực*, nhằm thể hiện sự thực về con người ở đời và đời người, về con người trong lịch sử, hiện tại và con người muôn thuở.

Nguyễn Mộng Giác, Nam Dao cũng như nhiều nhà viết sử đầu thế kỷ 20, cụ thể hơn cả là Tân Dân Tử, đều tôn trọng những sự thực lịch sử mà các sách sử ký đã ghi chép giống nhau, chỉ phóng tác những gì thuộc đời tư, về tình cảm, tư tưởng nhằm thể hiện sự thực về con người. Người ta gọi lối viết truyện như vậy là tiểu thuyết lịch sử.

Nhưng những truyện của Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp, Trần Nghi Hoàng thì không phải là tiểu thuyết lịch sử. Vì những tác giả này đã dùng trí tưởng tượng phóng tác tất cả cuộc đời công và tư của những nhân vật lịch sử Nguyễn Ánh, Nguyễn Huệ. Dĩ nhiên, họ có lý để nghi ngờ tính cách chính xác và khách quan của sử ký, nhất là chính sử, như Trần Vũ đã viết: "Chính sử của mỗi triều chép mỗi khác. Sau này, tôi vẫn tự hỏi: những âm mưu của Ngọc Hân là đáng thương hay đáng tội. Chép trong chính sử Tây Sơn là đáng tội. Xét theo sử triều Lê thì đáng phục".

Trần Vũ, tuổi đời rất trẻ, rời Việt Nam lúc 12, 13 tuổi, đã ghi ở cuối truyện *"Mùa Mưa Gai Sắc"* là đã chỉ đọc ba cuốn: *"Sông Côn Mùa Lũ"* (NMG), *"Việt Sử Toàn Thư"* (Phạm Văn Sơn) và *"Lịch sử nội chiến Việt Nam"* (Tạ Chí Đại Trường) để phỏng theo mà phóng tác mặt trái cuộc đời của những nhân vật lịch sử bị bạo dâm chi phối!

Khác với Trần Vũ, dường như không lưu tâm đến sử ký, Nguyễn Huy Thiệp lại tỏ ra quan tâm đến sử ký, đã mở đầu cuốn truyện bằng cách giới thiệu việc tìm hiểu lịch sử của người làm nghề dạy sử, như

Thụy Khuê đã ghi nhận: "Nếu văn chương là sự lừa bịp lành mạnh (nói theo Barthes), thì Nguyễn Huy Thiệp quả có lừa bịp. Bản thân dạy sử, lạnh lùng tung ra bộ ba *"Kiếm Sắc, Vàng Lửa, Phẩm Tiết"* với những rào đón mô phạm: "Tôi sưu tầm chỉnh lý những tư liệu cần thiết". Nguyễn Huy Thiệp đã lừa chúng ta vào bẫy, lừa những nhà sử, nhà đạo đức nghiêm chỉnh nhất vào tròng. Phản ứng mãnh liệt của một số người đã chứng minh sự thành công của Nguyễn Huy Thiệp và làm lộ tính chất lừa bịp và tác dụng hư hỏng của văn chương" (Thụy Khuê – "Nguyễn Huy Thiệp", tạp chí Hợp Lưu số 17, 1994).

Những tranh luận tại quốc nội về mấy truyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp xuất phát từ một ngộ nhận của những người đọc bị lừa *tưởng là thật, là sử,* những bịa đặt của tác giả, vốn là một người dạy sử, mở đầu truyện bằng cách giới thiệu công trình đi sưu tầm, chỉnh lý tư liệu sử, dù thực ra, ông chẳng đi đâu, chẳng tìm kiếm gì và những nhân vật như Nguyễn Thị Vinh Hoa cũng chỉ là tưởng tượng. Thụy Khuê, nhà phê bình giải thích, biện minh cho tác giả như sau:

- Huệ, Ánh chỉ là cái cớ để Thiệp nói chuyện với đời, kể chuyện đời xưa, đời nay

- Lịch sử nhọ nhem từ thuở muôn đời, và không ai có thể bôi nhọ lịch sử bằng chính lịch sử.

- Chúng ta đang đọc những tác phẩm văn chương, nên thật giả không quan trọng.

- Qua chân dung những nhân vật lịch sử, người đọc thấy họ tầm thường, ích kỷ, đê tiện, ham sống sợ chết v.v....

Người ta có thể hoàn toàn đồng ý với những nhận xét của Thụy Khuê về nhu cầu vạch mặt lịch sử được tô hồng trong khi thực sự là đen tối, đầy dẫy tội ác và về ý định chính đáng của nhà văn phơi bày mặt trái của những nhân vật vẫn được ca tụng về tài đức... Nhưng đó là lịch sử nói chung, những nhân vật nói chung và nhà văn nhằm thể hiện những sự thực về con người, về lịch sử, nói chung. Trong số những nhân vật có bộ mặt phải, mặt trái, *có thể có* Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh như những cá nhân cụ thể, có tên tuổi. Đó chỉ mới là nêu lên *như giả thuyết, cần những tư liệu, bằng cớ* không thể chối cãi được để xác minh rằng Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh quả thực có như thế. Nếu không làm việc này thì là vu khống, chụp mũ, xúc phạm.

Tuy nhiên, người viết tiểu thuyết có thể không làm việc của người viết sử, mà vẫn nói lên được những điều muốn nói, một cách thật đơn giản là không nêu tên những nhân vật cụ thể, chỉ đặt cho họ một cái tên gì đó mà người đọc vẫn có thể hiểu là nói đến Nguyễn Ánh, Nguyễn

Huệ. Đây là việc mà các nhà viết tiểu thuyết thường làm: tạo dựng những nhân vật tưởng tượng (hư cấu) mà người đọc không thể không liên tưởng đến những nhân vật có thật bất kể là đã chết hay còn sống.

Nếu cho rằng Huệ, Ánh chỉ là cái cớ để Thiệp nói chuyện đời, thì đó chỉ là cách giải thích của Thụy Khuê, bản thân Nguyễn Huy Thiệp không hề nói lên cái dụng ý đó trong lời nói đầu, nói cuối của các truyện ngắn.

Nguyễn Huy Thiệp nay là một nhà văn nổi tiếng, truyện được dịch ra nhiều thứ tiếng, được đi đây, đi đó ở nước ngoài. Giả thử có một nhà văn nào đó viết truyện phơi bày bộ mặt thật của Nguyễn Huy Thiệp, pha trộn cái có thực và cái bịa đặt, khó chê trách về mặt văn chương, nêu đích danh Nguyễn Huy Thiệp như nhân vật chính của truyện, và nếu có ai phê phán tại sao nêu đích danh, nhà phê bình nào đó sẽ biện hộ cho tác giả rằng chỉ mượn Nguyễn Huy Thiệp làm cái cớ để tố cáo nhà văn nổi tiếng xây dựng sự nghiệp trên những bịp bợm hèn nhát. Nói như thế có nghe được không? Ngay cả trường hợp không bịa đặt, nói toàn sự thực có chứng cớ và không nêu dích danh Nguyễn Huy Thiệp, nhưng người đọc, nhất là những người quen biết quí mến Nguyễn Huy Thiệp không thể không nhận ra đó là Nguyễn Huy Thiệp. Liệu có nên dè dặt, đắn đo không nỡ nói hay nói ra làm sao đây? Vì một ngày nào đó có thể gặp Nguyễn Huy Thiệp bằng xương thịt hay bạn bè, những người quí mến Nguyễn Huy Thiệp?

Gabriel Marcel, nhà triết học đồng thời với Jean Paul Sartre, đã viết đâu đó về "Óc trừu tượng" (Esprit d'abtraction) là yếu tố gây đố kỵ và chiến tranh. Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp bịa đặt về cuộc đời Nguyễn Huệ, hẳn biết rõ Nguyễn Huệ đã chết, không còn ở trên đời để tự biện hộ, nhưng, những người đang sống vẫn quý trọng, tôn thờ Nguyễn Huệ, không thể không có cảm thức bị xúc phạm. Nếu Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp thay vì ngồi ở Paris, Hà nội, đi thăm đền thờ Nguyễn Huệ và gặp những người tôn thờ Nguyễn Huệ, liệu có dám nói trước mặt họ những điều xúc phạm, lăng nhục, bịa đặt như đã viết ra không?

Nguyễn Mạnh Trinh, nhận định rằng những ai phê bình truyện của Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp, mà thóa mạ tiền nhân, lăng nhục anh hùng dân tộc, nếu họ am tường văn chương thế giới thì sẽ thấy trường hợp Trần Vũ, Nguyễn Huy Thiệp không phải là hiếm hoi! Gabriel Garcia Marquez lĩnh giải Nobel văn chương, viết truyện dài *"The General in His L+abyrinth"* mô tả tướng Bolivan, được coi là anh hùng, nhưng chỉ là người tầm thường với những thói hư, tật xấu, đã gây nhiều phản ứng

quyết liệt.

Tôi không am tường văn chương thế giới, nên xin ông Nguyễn Mạnh Trinh cho biết: có phải Gabriel Garcia Marquez chỉ đọc dăm ba cuốn sách sử, tiểu thuyết như Trần Vũ rồi phóng tác theo chủ quan của mình, hay có tìm hiểu một cách nghiêm chỉnh những tài liệu liên quan đến đời công, đời tư của nhân vật Bolivan mà những người phản đối nhà văn khó chối cãi cơ sở sử liệu những phóng tác của ông ta? (Đọc *"Cái chết sau quá khứ"* tập truyện của Trần Vũ – Hợp Lưu số 12-1993)

Sau cùng, cách đặt vấn đề của Trương Vũ trong bài *"Tại sao phải là Nguyễn Huệ?"* (Hợp Lưu số 5-1992) rất đáng lưu ý. Theo Trương Vũ, truyện *"Mùa Mưa Gai Sắt"* của Trần Vũ, truyện *"Phẩm Tiết"* của Nguyễn Huy Thiệp rõ ràng không phải chuyện dã sử, chắc chắn không phải là biên khảo lịch sử, nên không bàn đến những vấn đề như xuyên tạc lịch sử hay bôi nhọ anh hùng dân tộc. Những sáng tác văn chương này nặng phần hư cấu. Tuy nhiên nhân vật Nguyễn Huệ xuất hiện trong tác phẩm, lại được xây dựng từ một nhân vật của đời sống thật, hoàn toàn với sự cố ý của tác giả. Mà một khi nhân vật lấy từ đời sống thật với nguyên vẹn cả tên họ đem cho xuất hiện trong văn chương, cho dù là văn chương hư cấu, thì sự kiện đó tạo nên vấn đề...

Điều Trương Vũ muốn nhấn mạnh là cả hai truyện ngắn đều có giá trị văn chương, mà chỉ cần một vài thay đổi như không dùng đến tên họ Nguyễn Huệ, Nguyễn Hữu Chỉnh, vẫn giữ được nguyên vẹn giá trị văn chương của tác phẩm. Như vậy, tại sao lại phải đem ông Nguyễn Huệ vào truyện? Nếu phải tạo một nhân vật như vậy cho tác phẩm, tại sao phải gán cho đó là ông Nguyễn Huệ? Sự gán ghép này nhằm mục đích gì? Đem lại giá trị gì cho tác phẩm?

Theo Trương Vũ, tác giả muốn gửi một thông điệp, một cách vòng vo, nửa đùa, nửa thật, mờ mờ ảo ảo, để vừa bảo toàn an ninh cho chính mình, vừa làm cho câu chuyện thêm phần hấp dẫn". Đặt truyện *"Phẩm Tiết"* vào bối cảnh chính trị, có thể nghĩ đến mối liên lạc Cách Mạng Tây Sơn và Cách Mạng Tháng 8 và hai lãnh tụ Nguyễn Huệ, Hồ Chí Minh được tôn vinh là những thần tượng vĩ đại. Có lẽ Nguyễn Huy Thiệp muốn đập vỡ thần tượng, nên đã để cho Nguyễn Huệ ngồi thù lù giữa một đám trí thức Bắc Hà, mồm nói "tao cho mày ăn cứt" và khi chết đi để lại một vết nhơ đời đời không rửa sạch. [1]

Nói cách khác, mượn Nguyễn Huệ để nói về Hồ Chí Minh. Nhà văn dấn thân vào thời cuộc. Nhưng cho đến nay, "các giải văn chương Nobel chỉ được trao cho những nhà văn nào có can đảm *viết thẳng ra* những điều mà lương tâm họ buộc phải viết". Vì đối với một nhà văn, sự

kính trọng – kính trọng chứ không phải là yêu chuộng – mà mọi người dành cho ông, trước hết là ở *lương tâm và lòng can đảm*, rồi sau đó mới đến tài năng.

Câu hỏi của Trương Vũ đặt ra thật rõ: tại sao Nguyễn Huy Thiệp không nói về Hồ Chí Minh mà về Nguyễn Huệ? "Tôi không muốn nói đến Nguyễn Huệ như một anh hùng dân tộc, tôi chỉ muốn nói đến Nguyễn Huệ như một con người thật, như triệu triệu con người khác. Và theo thiển ý, cho dù ông sống cách đây hai trăm năm nay, ông vẫn có quyền được hiện diện một cách trung thực và được dành cho sự kính trọng mà những người hiện hữu ngày hôm nay luôn luôn đòi được hưởng."

Ít ra, có hai người được biết là đã can đảm nói đến ông Hồ. Kim Hạnh, chủ trương biên tập báo "Tuổi Trẻ" đã đăng một tin chính xác: "Bác có vợ" mặc dầu biết rõ nói lên điều đó là vi phạm một cấm kị [2]. Trần Huy Quang viết truyện ngắn *"Linh Nghiệm"* đăng trên Văn Nghệ số 27 (4-7-1992), không nêu đích danh tên Bác, nhưng người đọc không thể nghĩ về ai khác ngoài Bác. Cả hai tác giả và những người trách nhiệm hai tờ báo đều đã phải trả giá.

Trần Huy Quang mới bước vào cuộc đời viết văn, chưa rõ tài năng để được yêu chuộng, nhưng đã được kính trọng, cảm phục về lòng can đảm và lương tâm nhà văn.

Phê phán, khen chê, xét cho cùng đều tiêu cực; vấn đề là làm sao có sử liệu về con người. Về triều đại tương đối đầy đủ, để có thể biên soạn một cuốn sử về Nguyễn Huệ như người Pháp đã viết về Napoléon cùng thời với Nguyễn Huệ. Chỉ khi nào có được một công trình nghiên cứu tập thể nghiêm chỉnh về mọi mặt mới có thể chấm dứt hay ít ra giảm bớt những phóng tác tùy tiện, bừa bãi, những lạm dụng danh nghĩa do những người viết văn hay viết sử như đã thấy xảy ra đến nay.

Xin trở lại đề nghị đã đưa ra đầu bài viết này: không phải chỉ sưu tầm sử liệu trong nước, ở Tây phương mà phải ở cả Trung quốc (liên quan đến Nguyễn Huệ) và Thái Lan (liên quan đến Nguyễn Ánh). Ngoài ra cũng cần tìm sử liệu về đời tư, tình cảm, tình dục trong chốn cung đình cho đến nay vẫn được coi là "thâm cung bí sử". Theo R. Van Gulik, trong "La vie sexuelle dans la Chine anncienne" (Gallimard, 1971), người Tàu coi việc chăn gối mây mưa là chuyện rất nghiêm chỉnh vì liên quan đến sự sống của con người, nên đã soạn nhiều dâm thư, in nhiều tranh ảnh về kỹ thuật làm tình... Nếu ai có dịp xem những tranh ảnh đó, không thể không nghĩ là phải có điều kiện vật chất: những căn nhà khang trang, rộng rãi, những khuê phòng... và từ đó giả thiết xã hội

Trung quốc đã có một tầng lớp thương nhân. Theo ông Phan Ngọc, Việt Nam không có tầng lớp này. Nhưng, những nhà nho, những ông quan đi sứ như Nguyễn Du có thể đem về Việt Nam những dâm thư, tranh ảnh làm tình và trao đổi cho nhau xem trong giới quan lại, nho sĩ... mặc dầu không làm ăn gì được.

Tuy nhiên, nếu so sánh những dâm thư, những tập tranh làm tình của Trung quốc, Nhật Bản với những loại tranh ảnh, sách tương tự của Tây Phương, hẳn phải thấy rất khác nhau, do đó, có nên nghi ngờ có những cảnh làm tình thô tục, thô bạo, thô bỉ như phim "Sex" của Tây phương mà Trần Vũ, Trần Nghi Hoàng đã gán cho Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh? Trong khi chờ đợi có một công trình nghiên cứu nghiêm chỉnh về toàn diện cuộc đời của Nguyễn Huệ, Nguyễn Ánh, người viết có thể có thái độ khiêm tốn của tác giả Thi Long, biên tập cuốn "Nhà Nguyễn, chín Chúa, mười ba Vua" NXB Đại Nam, tháng 3-2001, như lời nói đầu của NXB "...Dù tác giả cố gắng sưu tầm, hệ thống từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau, song tập sách cũng chỉ nằm trong loại kể chuyện, biết đến đâu, kể đó, không thuộc thể loại khảo cứu, cũng không phải tiểu thuyết lịch sử, do đó sự hạn chế về tính khoa học, chặt chẽ là không tránh khỏi."

Phải đặt cuốn sách này vào quá trình biên soạn lịch sử của khoảng độ từ trên nửa thế kỷ, mới thấy được những điểm tích cực của cuốn sách: không khen chê ai, hơn nữa, có cố gắng đứng bên trong nhân vật để tìm hiểu, thông cảm, không một thoáng bóng dáng nào về ý thức hệ, hoặc một ràng buộc với những viện nọ, hội kia. Xin trích, giới thiệu một đoạn về "Vua Gia Long và các bà phi" để thấy những điều viết ra là có thể tương đối tin được.

"Cũng như hầu hết các vị vua khác từ Đông sang Tây, vua Gia Long cũng có rất nhiều phi tần mỹ nữ hầu hạ. Ngoài những bà có tên tuổi và những bà có con với nhà vua (khoảng độ 17 – 18 bà) còn theo như sử sách vua Gia Long có cả trăm cung phi mỹ nữ. Sống giữa một tập thể nữ giới như vậy chắc vua Gia Long đã phải gặp không biết bao rắc rối. Một con người quen trận mạc, quen ra lệnh, mỗi lần ra lệnh là thuộc hạ tuân lệnh răm rắp, thế mà khi sống với tập thể nữ giới kế cận mình trong hậu cung, vua Gia Long, theo như sự tiết lộ của một số quan chức khá thân cận với Ngài là Michel Chaigneau, thì vua rất ngao ngán cái đám nữ giới này, thậm chí Ngài còn gọi họ là một "lũ quỷ sứ" thì quả tình trạng nơi thâm cung tối tệ biết chừng nào? Cũng có lẽ vì thế mà vua Gia Long không đặt ngôi Hoàng hậu chăng?...

Vua Gia Long có hai bà phi mà vua rất tin yêu. Bà thứ nhất, Tống

Thị Lan, mẹ Hoàng tử Cảnh và bà thứ hai, Trần Thị Dung, mẹ vua Minh Mạng...

... Ngoài hai bà phi kể trên, vua Gia Long còn có một mối tình nữa, mối tình này cũng đã gây không ít tai tiếng cho vua. Năm 1801, khi đem quân chiếm lại Phú Xuân, vua Cảnh Thịnh Nguyễn Quang Toản dẫn thủy quân về cửa Eo (Thuận An) để chống cự nhưng thất bại phải chạy ra Bắc Hà. Nguyễn Vương tiến vào Phú Xuân thì bắt gặp một người đàn bà rất trẻ đẹp là công chúa Ngọc Bình, em công chúa Ngọc Hân, con vua Lê Hiến Tông, là vợ của vua Cảnh Thịnh còn ở lại trong cung, không kịp chạy theo quân Tây Sơn. Say mê trước sắc đẹp của Ngọc Bình, Nguyễn Vương Ánh cương quyết lấy cho được bà, bất chấp lời can gián của các quan. Việc bà lấy vua Gia Long đã được phản ánh khá rõ nét trong câu ca dao sau:

"Số đâu có số lạ lùng
Con vua mà lấy hai chồng làm vua."

Có lẽ đây là một sự trớ trêu của lịch sử. Hai kẻ tử thù lại là anh em rể của nhau! Vua Quang Trung lấy bà Ngọc Hân Công Chúa, còn vua Gia Long lại lấy bà Ngọc Bình Công Chúa cả hai đều là rể của vua Lê Hiến Tông!

Còn số phận của các bà phi tần cung nữ khác trong cung thì sao? Biết bao nhiêu câu chuyện được thêu dệt nơi chốn thâm cung, oái oăm cũng có, nực cười cũng có mà bi thảm cũng có nhưng bên sau những lời thêu dệt đầy vẻ tưởng tượng đó, một điều mà ai cũng nói tới và thường được những người thân cận của vua Gia Long nhắc tới là việc vua Gia Long rất sợ khi phải trở lại nơi hậu cung, nơi mà theo nhà vua, ngài sẽ "ở giữa một đám yêu phụ làm trẫm điếc tai nhức óc" và điều mà vua Gia Long muốn là "sửa đổi lại cả thế giới, nhất là đàn bà, vì họ đáng ghê sợ hơn đàn ông" [3] Quả thật đây là một nhận xét táo bạo".

Nguyễn Văn trung
Montréal, 15-3-2002

*** Ghi chú:**

(1) Nguyễn Thanh Nhã, "Đọc tiểu thuyết lịch sử Gió Lửa của Nam Dao, Diễn Đàn số 104 (2-2001) Paris.

(2) Trả lời phỏng vấn của Mary Thiên Yên Lê, Nguyễn Huy Thiệp xác nhận ý định hạ bệ thần tượng – Tạp chí Thế kỷ 21 số 93, tháng 1-1997.

(3) Tôi (NVT) không nhớ rõ số báo, năm tháng.

(4) Nguyễn Phúc Tộc thế phả, bản vi tính trang 146.

'Afganistan, chúng tôi ở bên bạn...'

ĐỖ QUANG NGHĨA

Biết bao nhiêu vỏ đạn
vương vãi cánh đồng
như những củ cà rốt
mới dỡ, đỏ tinh tươm.

Đạn đã bắn vào ai
hôm qua, hôm kia?

Những người cùng màu máu, màu da
cùng cha, ông, đất, nước.

Khác nhau một niềm tin
là khác nhau chiến tuyến?

Trên mặt đất vỏ đạn,
dưới mặt đất còn mìn.

Niềm tin?
Niềm tin?
N-i-ề-m-t-i-n?

*

Hắn kỷ niệm mười năm xa con
mười năm trong lưu đày xa xứ.
Bập bùng ngọn nến - đứa em trai lên bốn
thắp trong tiểu giáo đường
cầu cho chị chóng sang.

Hắn kỷ niệm mười năm xa con
xa bàn chân, bàn tay mũm mĩm
đôi mắt trong xanh, một năm sau sẽ
ngơ ngác nhiều ngày khi mẹ con đi.

Hắn kỷ niệm mười năm xa con
lặng lẽ bên sông, nụ cười nước mắt
bằng những lời không nói hết yêu thương.

Mười năm hơn, con sắp thành thiếu nữ.
Đời hắn ư? lên đến đỉnh, nông choèn.

Chuyến tàu thời gian lao lên phía trước
Sẽ có ngày gia đình hắn bên nhau.

*

Rồi đây con sẽ làm gì, con trai?
Cha không biết.
Bốn tuổi hơn
con vẽ vời, học tiếng.
Đánh vần những chữ tả nhiều đồ con chưa thấy bao giờ.

Lớn lên con sẽ làm gì?
Thế giới này hai mươi năm sau?
Cha không biết.
Dù bất cứ điều gì xảy ra
con trai, hãy mang lòng trung thực, vào đời.

*

Những ánh đèn từng soi mắt em
anh vẫn giữ.
Những phố phường từng đưa bước em
anh vẫn giữ.

Không lời,
vẫn đây làn hơi ấm
trong tay,
bàn tay từng nắm tay em, kéo về.

Góp ý về tiểu thuyết lịch sử

Trần Hữu Thục

Không có gì thú vị bằng theo dõi một cuộc thảo luận văn chương mà ...không đi tới đâu hết. Người tham dự không ai muốn thắng ai, cũng không muốn đi đến một "chân lý" vĩnh viễn, áp dụng cho mọi trường hợp. Việc trao đổi ý kiến về vấn đề tiểu thuyết lịch sử giữa Nguyễn Mộng Giác và Nam Dao, từ chỗ khác biệt giữa hai quan điểm viết về lịch sử đã đưa đến nhiều đề tài văn chương thú vị khác, tuy đã cũ nhưng vẫn luôn luôn mới. Mới, có lẽ vì chúng gợi cho ta nhiều suy nghĩ, loay hoay tìm cách giải quyết để rồi tìm ra rằng không bao giờ có một dứt điểm. Vì nếu dứt điểm thì ...buồn quá!

Tôi có một số suy nghĩ sau, *gợi lên* từ ý kiến của hai anh.

1. Tiểu thuyết/lịch sử

Thực tình mà nói, tôi không mấy thích từ "tiểu thuyết lịch sử", mặc dù đây chỉ là một cách định danh để phân biệt với các thể loại tiểu thuyết khác. Tiểu thuyết là tiểu thuyết, lịch sử là lịch sử. Tiểu thuyết thì hư cấu mà lịch sử thì đòi hỏi sự xác thực. Nếu trong tiểu thuyết, ta có lấy một khung cảnh lịch sử với những nhân vật lịch sử và một số biến cố lịch sử, thì đó vẫn cứ là tiểu thuyết, nghĩa là vẫn là một tác phẩm hư cấu.

Nếu viết về một nhân vật lịch sử, biến nó thành ra một câu chuyện, nhằm mục đích động viên, giáo dục về lòng yêu nước chẳng hạn thì lại là một việc khác. Lúc đó, không ai xem nó là một tiểu thuyết. Mà chỉ là một loại "non-fiction" viết về một danh nhân.

Hai cuốn *Sông Côn Mùa Lũ* và *Gió Lửa* là những tác phẩm hư cấu theo nghĩa đúng nhất của từ này. Những nhân vật hiện diện và các sự kiện lịch sử xoay quanh các nhân vật đó chẳng có ý nghĩa gì về sử học

để cho chúng ta phải bận tâm. Do đó, không thấy một nhà sử học nào lên tiếng để cải chính hay bài bác các tình huống diễn ra trong truyện. Một nhân vật lịch sử, dưới mắt một người viết tiểu thuyết, là một nhân vật y như bất cứ nhân vật nào khác mà người ta dựng nên. Quang Trung trong hai tiểu thuyết nói trên, chẳng khác gì những Tường, Ngô trong *Mùa Biển Động* hay Trọng Thức trong *Gió Lửa*. Người ta sử dụng những chi tiết của những nhân vật có thật để xây dựng một nhân vật hư cấu là chuyện bình thường. Đã vậy, người ta có quyền mượn những sự kiện lịch sử và thay đổi chúng (bằng cách dùng lại toàn phần hay một phần), thay đổi bản chất của biến cố. Nói một cách khác, trên lý thuyết, tác giả có quyền hư cấu lại toàn bộ các sự kiện lịch sử và quyền đó, theo tôi, là vô hạn. Chẳng khác gì lúc ta viết về một nhân vật vô danh, bình thường nào đó trong xã hội. Nếu phải đề ra một giới hạn thì giới hạn đó xuất phát từ cấu trúc nội tại của chính tác phẩm hơn là từ tính chính xác hay không của các nhân vật và sự kiện. Thay đổi một chi tiết lịch sử hay một nhân vật lịch sử, theo tôi, cũng nằm trong lãnh vực sáng tạo. Cái để ta phê phán ở đây không thuộc thẩm quyền của những sử gia. Tôn trọng hoàn toàn hay một phần như Nguyễn Mộng Giác hay không tôn trọng như Nguyễn Huy Thiệp hay Trần Vũ là quyền của mỗi tác giả trong khi viết. Tác giả có quyền hư cấu gia đình mình, bạn bè mình và xã hội mình đang sống cũng như chính mình, thì tại sao lại không có quyền hư cấu các biến cố và nhân vật lịch sử. Một nhân vật tiểu thuyết là một nhân vật hư cấu. Nó ra đời trong khung cảnh của tác phẩm và chỉ hiện hữu trong môi trường tác phẩm. Lôi "nó" ra khỏi tác phẩm để tra xét "nó" như tra xét một chi tiết cụ thể là hoàn toàn không thích hợp.

2. Tiểu thuyết và lịch sử

Nam Dao có một quan niệm chắc nịch về viết tiểu thuyết/lịch sử. Anh nói "Tiêu chuẩn hàng đầu của tôi là Tiểu thuyết. Sau là Lịch sử với bối cảnh và những con người của quá khứ" (14) (*). Theo anh, "trong *Gió Lửa*, cái khung lịch sử đã được sử dụng như phương tiện cấu tạo tiểu thuyết, và sau đó thì tiểu thuyết lại là phương tiện để tác giả thể hiện những tư duy, biện minh và dự phóng cho chủ đề trên lịch sử (*Gió Lửa* nhằm giải thích một trong những nguyên nhân của những cuộc nội chiến là cái tương quan giữa con người VN và quyền lực)..." (13). Trong một đoạn khác, anh nói rõ hơn chủ đích của mình: "Còn viết tiểu thuyết lịch sử, có nghĩa là ít nhất đối với người viết, lịch sử chưa cáo chung: quá khứ còn mù mờ, hiện tại không chấp nhận được, và cái tương lai mong

ước không chỉ là sự nối dài đơn điệu của hiện tại. Với tôi, tiểu thuyết lịch sử là một phản kháng toàn bộ và có ý thức của những cái đã thành lịch sử, để nhằm đến một tương lai khác với cái nối dài của quá khứ, kiểu nối đơn điệu máy móc, thụ động, không sinh khí" (15). Giải pháp thế nào? Nam Dao cho biết trong *Gió Lửa*, anh "bị những cơn nội chiến Việt Nam ám ảnh, và đề nghị tránh cái thảm họa đó trong tương lai bằng cách "cắt bỏ phần nhiễm độc trong tâm thức", tức là một giải pháp văn hóa" (15). Nhà văn nhảy ra làm chính trị chăng? Anh không nói rõ. Nhưng theo tôi hiểu thì có lẽ: "không". Anh nói: "Lẩn vào quá khứ để chiếm hữu và tái tạo lịch sử, tiểu thuyết là sự dấn thân của nhà văn nhằm phục sinh một hiện tại cần tháo gỡ hầu thoát khỏi những bế tắc tiêu vong. Vì thế, tiểu thuyết lịch sử hóa ra một tập hợp những dự phóng về một tương lai có thể có được". Mặt khác, tiểu thuyết/lịch sử "tìm cách (những từ in nghiêng là do ND nhấn mạnh) *đến với độc giả, thuyết phục họ, nếu không được thì quyến rũ, kích động suy tư, gây ra những nghi vấn để tạo cái nhu cầu xét lại những điều tưởng đã là "đinh đóng cột" cho độc giả*, không chỉ *bằng* và *qua* lý luận, mà vận dụng tất cả, từ cảm xúc đến trực giác, thậm chí từ những yếu tố siêu linh đến những cái ta thường gọi là mê tín dị đoan, nghĩa là bằng tổng hợp những *chất người*, thứ chỉ tiểu thuyết mới chuyên chở nổi" (13). Nam Dao không nhận mình "văn dĩ tải đạo" khi viết tiểu thuyết nhưng nhấn mạnh rằng "văn chương không chỉ phục vụ cho nhu cầu ngóng chuyện thiên hạ, giải trí" (7). Hiểu một cách nào đó, theo tôi, nói như thế cũng là "văn dĩ tải đạo". Chữ "đạo" ở đây, tôi hiểu là đường, nghĩa là một giải pháp, một lý thuyết cho những bế tắc hiện tại chứ không phải chỉ là chuyện luân lý, đạo đức.

Theo tôi, lịch sử (viết thường chứ không Lịch Sử viết hoa) không phải là một thực thể, mà là một giòng chảy liên tục, tự nhiên của cuộc sống con người. Sự va chạm giữa con người và con người tạo nên những biến cố. Lịch sử là tập hợp của vô vàn biến cố xảy ra, chứ không chỉ là những biến cố điển hình (được mệnh danh là biến cố lịch sử). Chúng có tác dụng xấu hay tốt, đối với cá nhân này, cá nhân khác, tập thể này hay tập thể khác, giai đoạn này hay giai đoạn khác, đó là việc của mỗi cá nhân, mỗi tập thể, mỗi giai đoạn. Bất chấp chúng ta chống lại, chấp nhận hoặc phản kháng chúng hay không, thì chúng vẫn "thệ giả như tư phù bất xả trú dạ". Các biến cố vẫn cứ tiếp tục xảy ra, hàng tháng, hàng ngày, thậm chí hàng giờ, hàng phút. Một biến cố điển hình, thực ra, là tổng hợp của bao nhiêu "biến cố" vô danh trước đó. Chẳng hạn như sự kiện 11/9 ở Hoa Kỳ vừa rồi: nó đâu có phải là một biến cố độc lập, một

biến cố tự-nó, mà là hậu quả của một chuỗi những hành vi "bình thường" hay "bất thường" trước đó. Bất chấp khát vọng triền miên của con người về hòa bình, hạnh phúc trên trần gian, những chế độ độc tài vẫn cứ nảy sinh, tồn tại; những cuộc chiến tranh vẫn cứ xảy ra; những âm mưu vẫn cứ tiếp diễn; những tranh chấp vẫn cứ khai sinh. Ngay cả những người nắm quyền lực trong tay, có thể làm nên những quyết định "lịch sử", vẫn chịu sự chi phối của vô số yếu tố không kiểm soát được. Với lượng thông tin giới hạn, ai mà biết động lực nào nằm đằng sau quyết định cấm đạo của vua Minh Mạng? Ai biết cái gì nằm đằng sau bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ? Ai biết cái gì nằm đằng sau những quyết định "lịch sử " của vua Quang Trung? Biết đâu, trong những quyết định về chiến tranh, hòa bình, cấm đạo, tàn sát, lại chẳng do những yếu tố tình cờ, nhỏ nhặt đúc kết lại (chẳng hạn một mối thù cá nhân, một cơn giận vợ, một cơn đau, một sự ích kỷ, một thái độ anh hùng rơm hay một cơn cao hứng...). Ai mà biết được công cuộc vận động của tổng thống Bush hiện nay để lật đổ Sadam Hussein thực sự xuất phát từ động cơ nào, trả thù cho cha hay bị áp lực từ một thế lực nào đó? Nếu người ta có thể xoay dòng lịch sử, ngay hiện nay, ai dám tiên đoán cái gì sẽ xảy ra nếu có chiến tranh với Irak? Và nếu có thì có thể tránh được không? Tóm lại, nói như Nam Dao - và tôi hoàn toàn đồng ý -, biến cố bị chi phối bởi những yếu tố ngẫu nhiên.

Vả lại, đằng sau mỗi một chiến công hiển hách, một sự nghiệp lẫy lừng bao giờ cũng chứa đựng một hay nhiều hay rất nhiều bi kịch. Và ngược lại, đằng sau những đau thương, tan nát của một thời kỳ lịch sử bao giờ cũng chứa đựng những yếu tố tích cực hướng tới tương lai. Biến cố 30/4/1975 cho ta thấy rõ điều đó. Hay nói như Nam Dao, hiện tại nào cũng là "tổng hợp những thành tựu và những thất bại trong quá khứ" (16). Nói khác đi, hiện tại nào cũng là hậu quả của toàn bộ giòng lịch sử. Hiện tại không là nối dài của *một* hay *hai* hay *một số* quá khứ nào mà là nối dài của *tất cả* quá khứ. Nam Dao "phản kháng toàn bộ" những gì "đã thành lịch sử". Nhưng trong lúc đó, nếu tiểu thuyết lịch sử chỉ có thể chọn một thời điểm lịch sử (như *Gió Lửa* chẳng hạn chỉ đề cập đến thời Quang Trung), liệu có phiến diện chăng? Phải chăng bây giờ đất nước trải qua cuộc nội chiến nên anh chọn thời điểm đó là thời điểm có nội chiến để đưa ra một lời giải cho hiện tại? Thực ra, như ta thấy, tuy cũng là nội chiến, nhưng tình hình hoàn toàn khác nhau. Cuộc nội chiến ngày xưa xuất phát từ những nguyên nhân khác. Cuộc nội chiến hiện nay do những yếu tố khác và sẽ dẫn đến một tương lai khác. Vậy hà cớ gì phải đi ngược lại quá khứ để tìm một giải pháp cho hiện tại? Và liệu

chọn chỉ *một* quá khứ thôi có đủ để đưa ra một lời giải cho vấn nạn bức xúc hiện nay không? Và tôi tự hỏi, đã chắc gì những vấn nạn mà mỗi người chúng ta tự đặt ra (và tìm cách giải quyết) có thực sự phù hợp với những vấn nạn thực sự của xã hội và thời đại hay không?

Vả lại, giòng lịch sử, do mối liên hệ chằng chịt - hậu quả trực tiếp của văn minh và tiến bộ- biến chuyển cực kỳ nhanh chóng. So với thế giới rộng lớn ngày nay, thì hoàn cảnh lịch sử thời Quang Trung chẳng hạn, chẳng khác gì một loại "chuyện thường ngày ở huyện". Một giấc mộng con. Trải qua hàng ngàn năm, bao nhiêu lý thuyết nhân văn, cứ theo giòng lịch sử, lần lượt trở nên những tờ giấy vụn, những công trình hư cấu thuần túy. Chúng có thể thúc đẩy giòng lịch sử nhưng giải quyết những vấn đề căn bản của lịch sử thì hầu như là điều bất khả. Giấc mộng bình đẳng của con người nhường bước cho những âm mưu trải dài trên giòng chảy lạnh lùng của lịch sử. Số phận của thế giới hiện nay tùy thuộc vào những tập đoàn tư bản, những tổ hợp kỹ thuật, chẳng còn nằm trong đầu óc chân chính của những triết gia, những nhà tư tưởng, những giáo chủ và các nhà văn. Trước tình huống đó, khái niệm lịch sử (như ta thường hiểu) dường như mất hết ý nghĩa của nó. Lịch sử (cái mà đôi khi ta tưởng có thể nắm bắt được) cứ hùng hục tiến tới, để lại đàng sau nó những tang thương dâu biển, những biến cố, những phẫn hận, những huy hoàng. Đồng thời "nó" cũng để lại cho chúng ta những anh hùng, những kẻ phản trắc, những nạn nhân và những kẻ cơ hội. Dường như "nó" mù lòa, điếc lác trước những kêu gào thống thiết của những nhà văn, nhà thơ, những nhà làm văn hóa, những nhà tư tưởng.

Nam Dao nhắc đến một giải pháp văn hóa. Theo tôi, có một tranh chấp giữa con người chính trị và con người văn hóa. Với tư cách là một con người văn hóa, tôi yêu sự công chính (và sự công chính áp dụng ngay cả đối với kẻ thù), yêu hòa bình, yêu sự hòa giải. Nhưng với tư cách chính trị gia (dù chọn lựa hay bắt buộc), công chính, hòa bình, hòa giải chỉ còn là chiêu bài, thủ đoạn. Những gì chúng ta chiêm ngưỡng về người anh hùng Quang Trung, thực tế, là những công trình chính trị của ông vì những gì ông thực hiện là thực hiện trong tư cách của một nhà chính trị.

Nói không quá, những quyết định lịch sử, thường là những quyết định "phi-văn hóa". Một quyết định chiến tranh chẳng hạn thường được cân nhắc ngoài các tiêu chuẩn văn hóa và đạo đức thông thường. Bởi thế, thật khó mà đem tiêu chuẩn văn hóa để đánh giá những quyết định lịch sử. Lại càng khó nói đến chuyện mang văn hóa để tác động vào hướng đi của lịch sử. Tôi không tin một nhà văn hay nhà tư tưởng lại có

thể vạch đường đi cho lịch sử. Cứ nghiệm lại những Marx, những Engels thì đã rõ.

Rốt cuộc, có lẽ cái thú của nhà văn chỉ còn là vọc giỡn trên sinh mệnh của những cá nhân, dù những cá nhân đó đã từng "làm nên lịch sử". Kinh nghiệm sáng tác cũng như kinh nghiệm thưởng ngoạn văn chương, rốt cuộc, vẫn chỉ là những kinh nghiệm ảo. Nhà văn có thể để vào đó vô vàn mơ ước, vô vàn giải pháp, vô vàn cao vọng, nhưng lịch sử được quyết định bởi những yếu tố hoàn toàn khác. Đáng buồn thật, nhưng được cái, nhờ vậy mà nhà văn tự do. Những anh hùng, liệt nữ - những kẻ làm nên lịch sử (hay bị lịch sử "làm nên") - không bao giờ có được cái tự do đó. Họ đáng được chiêm ngưỡng, nhưng thực tế, họ bị ràng buộc một cách nghiệt ngã vào giòng chảy của lịch sử, bị thúc đẩy bởi vô số yếu tố bất khả cưỡng chống. Dẫu sao, xin cảm ơn những anh hùng, những liệt nữ vô danh hay hữu danh - những người đã lưu lại bao nhiêu vết hằn bi tráng trên giòng lịch sử (Việt Nam và nhân loại). Nam Dao viết "Còn tôi, phải chăng tôi viết về một *quê hương huyễn tưởng* (ND nhấn mạnh), thứ quê hương của đứa con lãng tử trên bước đi hoang không có ngày về?" (22).

Thì thế, tiểu thuyết mà!

3. Nhà văn và nhân vật

Sau khi nhìn nhận mình là một con người " thường thường bậc trung", Nguyễn Mộng Giác viết : "Một người (...) như thế khó lòng sáng tạo ra những mẫu đời phi thường. Thay vì rán rướn lên tầm cao của những anh hùng liệt nữ, tôi lại kéo họ xuống thấp ngang tầm của tôi. Điều đó không tránh được. Dù tác giả có ngụy trang khéo léo cách nào, nhân vật tiểu thuyết vẫn luôn luôn là bản sao của chính người viết. Thế giới tiểu thuyết là bản ngã tác giả phóng chiếu ra ngoại giới, tạo thành một thế giới mang trọn bản ngã ấy. (...) Trong khi nhiều nhà văn khác thích chọn những mẫu người phi thường, khác thường, dị thường, bản tính khiến tôi thích chọn những mẫu người, mẫu đời bình thường, tầm thường" (11).

Tôi phần nào đồng ý với lời nhận xét của Nam Dao: "...nếu nhân vật tiểu thuyết lúc nào cũng là sự phóng chiếu của tác giả thì tôi e rằng không tránh được sự đơn điệu bởi tác giả thì chỉ là một cá thể với một số cá tính nhất định. Dĩ nhiên, tiểu thuyết là 100% chủ quan, người viết thể hiện cái Tôi (...). Nhưng cứ đơn cử Dos, ông ta đâu có đơn điệu. Thế có nghĩa là ông ta không chỉ phóng chiếu tính chất cá nhân của riêng mình lên nhân vật. Trong toàn bộ tác phẩm của nhà văn kỳ tài này, nhân vật

đi từ mức thiên thần xuống mức quỷ sứ, lúc thế này, lúc thế khác, cứ như con thoi chạy giữa những thái cực của sự khả thể trong đời sống của con người nói rộng, chứ không bó vào một cái khung nào, kể cả phong cách tác giả" (19)

Thực ra, trong một đoạn sau, Nguyễn Mộng Giác lại nói: "Tôi cho các "ngài" tai to mặt lớn có tên trong lịch sử thực chất cũng chỉ là người tầm tầm như đa số chúng ta thôi, cái hào quang họ có không do thực chất của họ, mà do thứ quyền lực xã hội họ có trong tay, làm người khác phải run sợ khép nép" (19). Rõ ra là không phải Nguyễn Mộng Giác phóng chiếu cái "thường thường bậc trung" vào các danh nhân mà là do quan niệm của anh về các danh nhân. Chẳng phải anh muốn kéo họ về phe với mình mà là muốn đưa họ trở lại với vị trí mà họ có. Riêng người đọc như tôi thì nhìn khác. Nhà văn của chúng ta không "kéo" Nguyễn Huệ xuống mà chính là muốn ngấm ngầm "nâng" ông lên. Thay vì khoác cho ông một vòng hào quang của các chiến công, biến ông thành một thần tượng khô chết (đôi khi được dựng ngoài công viên) với những mỹ từ như hiển hách, phi thường, hoặc thành một siêu nhân xa cách với cuộc sống đáng có của một con người (như các bộ máy tuyên truyền chính trị thường làm), Nguyễn Mộng Giác "thường hóa" vị anh hùng của chúng ta, chí ít cũng để cho chúng ta hiểu được cái bi kịch gia đình mà ông phải đánh đổi để đứng trong cơn biến động lịch sử. Nguyễn Huệ ở đây mang dáng dấp của một trí thức bình dân hơn là phong cách của một anh hùng/áo vải/cờ đào như được mô tả đâu đó. Có thể đó là *message* tiềm ẩn trong *Sông Côn Mùa Lũ* chăng? (Tác phẩm văn chương nào, theo tôi, cũng chứa đựng ít nhiều *message*, có khi lộ rõ, có khi tiềm ẩn, lại có khi quanh co lắt léo và cũng đôi khi chẳng có gì . Nhưng chẳng có gì cũng có thể là một *message*!).

Trở lại vấn đề "phóng chiếu bản ngã". Tất nhiên, một tác phẩm văn chương bao giờ cũng phảng phất cá tính, tâm hồn và cuộc sống của tác giả biểu lộ qua nhiều hình thái khác nhau: hơi văn, không khí truyện, tâm lý nhân vật, đối thoại và nhiều kết cấu vô thức khác xuyên suốt mạch văn. Cứ cho như thế giới tiểu thuyết "mang trọn bản ngã" ấy đi. Nhưng bản ngã -cái tôi ấy - là gì? Bản ngã của một cá nhân không phải là cái gì hoàn toàn sở hữu riêng biệt của cá nhân đó. Mà là một tổng hợp của nhiều yếu tố trong + ngoài: truyền thống gia đình, địa phương, văn hóa, học tập, môi trường, bạn hữu, hoàn cảnh, kinh nghiệm giao tiếp ngoại giới, vân vân. Bởi thế mà cái "chủ quan" của mỗi người bao giờ cũng chứa đựng một phần nào đó cái "khách quan". Cái tôi vẫn chứa đựng nhiều yếu tố phi-tôi. Nhờ thế mà tôi có thể "nội hóa" một nhân vật

lịch sử, hay một người quen nào đó thành "tôi" và ngược lại "ngoại hóa" tôi thành một anh A, chị C nào đó. Thậm chí, chia cắt tôi thành nhiều mảnh, mỗi mảnh là một nhân vật khác nhau. Sáng tác văn chương thường diễn ra như một cuộc nội chiến trong bản thân tác giả: một dành giựt giữa các yếu tố bản ngã và phi bản ngã. Về điểm này tôi có phân tích khá kỹ trong bài "(Những) nhân vật của tôi và tôi" (tạp chí Văn số 63&64, tháng 3&4/2002). Từ đó, mới có chuyện người đọc "chia xẻ" quan điểm, tâm tư, tình cảm cũng như nỗi đớn đau, phẫn hận - nghĩa là chia xẻ cái bản ngã hay phần nào cái bản ngã ấy của tác giả. *Message* của một tác phẩm, chính là phần đất chung ấy, cái phần phi-bản ngã ấy.

Lại cũng có trường hợp tôi gọi là hiện tượng "phóng rọi ngược" trong tác phẩm. Thay vì phóng rọi bản ngã, tác giả lại phóng rọi (nhiều khi là vô thức) cái *phản-bản-ngã* của mình vào tác phẩm. Kết quả là: (những) nhân vật trở nên khác hoặc đối nghịch - có khi đối nghịch hoàn toàn - với cá tính, nhân cách và quan điểm riêng tư của tác giả. Nhân vật thì anh hùng, cao thượng mà tác giả lại có cuộc sống hèn hạ, đê tiện; nhân vật thì hiền lương mà tác giả lại hung ác, bạo ngược; nhân vật thì bạo mà tác giả lại hiền...Không thiếu trường hợp, khi đọc truyện, ta hình dung tác giả là một con người như thế này, đến khi gặp lại tìm thấy tác giả là một con người hoàn toàn khác. Có thể tác giả khéo ngụy trang. Nhưng cũng có thể sự hình thành tác phẩm là một quá trình vô thức: bù đắp sự thiếu hụt của cuộc sống hay cá tính hay khát vọng của tác giả bằng cách tạo ra những nhân vật mà mình mong được trở thành nhưng vì một lý do nào đó, không thể hoàn tất ước nguyện trong đời sống thực. (Về điểm này, Nam Dao có bàn qua một vài khái niệm tương tự ở tr. 21)

Vả lại, dù có chủ đề như *Gió Lửa* hay "khơi khơi" như Sông Côn mùa lũ, quá trình hình thành một tác phẩm văn chương là một quá trình thuần lý. Mỗi tình tiết, mỗi nhân vật đều được chuẩn bị và chọn lựa kỹ càng. Nó khả tri. Và do đó, nó mới truyền đạt được. Và nhất định nó hàm chứa những yếu tố khách quan, đôi khi nằm ngoài cả ý định của chính tác giả.

4. Văn chương hiện thực và văn chương hư cấu

Đính kết thúc phần góp ý ở đây thì tình cờ được đọc bài "Truth is another country" của Timothy Garton Ash in trên tạp chí "The Guardian" (có thể xem nguyên văn bài này trên mạng: *nhanvan.com/tinvan*). Bài viết nêu lên một số điểm khá lý thú dính dáng ít nhiều đến đề tài

đang viết, nên tôi ghi lại vài ý chính sau đây.

Ash cho rằng tất cả những gì liên quan đến lãnh vực sự kiện và lãnh vực hư cấu đều thuộc về văn chương cũng như nước Đức và nước Pháp đều thuộc về Châu Âu vậy. Ông gọi lãnh vực sự kiện là "literature of fact" (văn chương hiện thực) thay vì từ "non-fiction" thường dùng vì có chữ "fact" trong đó khiến cho cụm từ rõ nghĩa hơn và lãnh vực hư cấu là "literature of fiction" (văn chương hư cấu). Biên giới giữa hai lãnh vực đó là biên giới mở, không cắm mốc, không vạch đường biên.

Lịch sử hay phóng sự thuộc loại văn chương hiện thực vì giá trị của chúng hoàn toàn căn cứ trên các sự kiện thu tóm được. Để tạo ra thứ văn chương hiện thực, những người viết sử hay phóng sự thường phải làm việc chẳng khác gì những nhà viết tiểu thuyết. Họ chọn lọc. Họ soi sáng sự kiện này nhưng bỏ qua sự kiện khác. Họ tưởng tượng. Không có một tác phẩm lịch sử hay phóng sự nào hay mà lại không được viết ra bằng một thứ tình cảm tưởng tượng nào đó đối với những người (hay những việc) mà họ viết về. Những người họ đề cập đến đều là những người có trong thực tế, nhưng họ nặn những người đó thành nhân vật với cá tính và nhân cách theo cách minh giải riêng của họ. Thành thử, khi viết một cái gì, tất cả chúng ta đều có một tiểu thuyết gia ở trong đầu (we all have a novelist in our heads).

Tóm lại, theo Ash, văn chương nằm ở hai bên biên giới phân chia hiện thực và hư cấu. Và người viết (nhà văn, sử gia...) thường đứng ở ngay đường biên.

Phải chăng, viết là một cách vượt biên?

Vậy thì: *tiểu thuyết/lịch sử* hay *tiểu thuyết-lịch sử* hay *tiểu thuyết lịch sử*? Hay chỉ là *tiểu thuyết*?

(11/2002)

(*) Những con số ghi trong ngoặc đơn là chỉ số trang của Văn Học số 197, tháng 9/2002

Đón đọc Văn Học Tết Quí Mùi
Bài vở phong phú. Trình bày mỹ thuật.
Phát hành ngày 1 tháng 1 năm 2003

Thói quen trong ngôn ngữ

(TiếngViệt Thực Dụng)

Hồng Huy

Trong bất kỳ ngôn ngữ nào, thói quen cũng đóng một vai trò quan trọng. Qui tắc văn phạm định khác, đúng chữ đúng nghĩa phải khác, nhưng hồi giờ ai cũng nói như vậy, nghe đã quen tai, thì cứ nói như vậy, khỏi sợ bị chê là sai. Thậm chí, "sửa lại cho đúng" có khi còn trở nên khó nghe. Trong một số bài bàn về tiếng Việt, tùy trường hợp, tôi đã đề nghị nên giữ nguyên cách nói theo thói quen, hay nên chỉnh lại cho đúng.

Trong bài này, tôi xin mời các bạn bước vào một lãnh vực khác của thói quen trong tiếng Việt, lãnh vực trại âm. Trại âm là cách phát âm khác so với cách phát âm nguyên thủy.

Trong quá trình phát triển, ngôn ngữ nào cũng có những trường hợp trại âm. Nhưng riêng tiếng Việt, những trường hợp này hơi nhiều, bởi ba nguyên nhân: Một là vì có những cách đọc khác nhau của một chữ Hán gốc; hai là vì vấn đề kỵ húy; ba là vì tiếng Việt có thể nhờ đổi dấu giọng, hoặc dấu chữ, để có từ mới, đọc nghe gần giống từ cũ, nhưng với nghĩa khác.

Dù là do nguyên nhân nào, một khi đã trại âm thì cách viết bằng Quốc-Ngữ cũng phải biến theo. Chẳng hạn, đọc là "tiền hung hậu kiết", thì chữ cuối cùng không thể viết đúng chữ gốc là "cát" được. Tôi nêu ra vấn đề này, cốt để đề cập tới những trường hợp chỉ trại âm trong khi phát âm, còn cách viết vẫn giữ nguyên. Đây là trường hợp những câu tục ngữ và lời những bản nhạc, có những chỗ lẽ ra phải vần với nhau, nhưng hai chữ tương ứng chỉ đồng thanh, mà khác nhau về bằng trắc, nên khi hát, khi đọc, phải trại đi một chút để nghe cho thuận tai.

Tìm thí dụ trong lời nhạc thì có rất nhiều, thiết tưởng không cần

nêu. Ở đây, chỉ xin dẫn một ít trường hợp của tục ngữ. Tục ngữ là những câu để đọc, chớ không phải để hát, nên sự biến giọng từ trắc ra bằng hoặc ngược lại, khó nhận thấy hơn ở nhạc. Tiếng Việt trọng sự thuận tai, cho nên trong những câu quen dùng, nếu không hẳn có vần, thì cũng có sự tiệp âm. Thử xét mấy câu sau đây:

-Tiền trao cháo múc.

Hai chữ "trao" và "cháo" khác nhau về bằng trắc, nhưng đồng thanh, có thể tạo ra sự tiệp âm. Bây giờ, nếu chúng ta đổi câu ấy thành "tiền đưa cháo múc", hoặc "tiền trao mắm múc", thì nghe sẽ kém thuận tai hơn nhiều.

-Bông hoa lài cắm bãi cứt trâu.

Hai chữ "lài" và "bãi" khác nhau về bằng trắc, nhưng vì đồng thanh, nên có thể tạo ra sự tiệp âm. Bây giờ, nếu chúng ta đổi câu ấy thành "bông hoa hồng cắm bãi cứt trâu", hoặc "bông hoa lài cắm đống cứt trâu", thì sự thuận tai không còn nữa.

Đọc nhanh hai câu nêu trên, dù không cố ý, ai cũng có khuynh hướng đọc chữ "cháo" không rõ dấu "sắc", mà có phần ngã qua không dấu, để tiệp với chữ "trao"; và đọc chữ "bãi" không rõ dấu "ngã", mà có phần nghiêng qua dấu "huyền", để tiệp với chữ "lài". Đây là những trường hợp trại âm nhẹ, để tạo thuận tai cho những chữ vốn không thể hiệp vần với nhau được vì khác bằng-trắc.

*

Bây giờ, xin bàn đến những trường hợp trại âm chính danh.

Những trường hợp này có khá nhiều, nhưng đều có chung mấy đặc điểm kể sau:

1-Nếu là chữ có gốc ở chữ Hán, thì cách viết tuy có biến đổi, nhưng chỉ biến đổi ở các nguyên âm. Các phụ âm, dù đứng trước hay đứng sau, vẫn được giữ nguyên. Dấu giọng cũng giữ nguyên.

2-Nếu trại âm là do kỵ húy, thì chỉ dấu giọng được giữ nguyên, nguyên âm và phụ âm đứng sau đều có thể đổi khác.

3-Nếu chữ trại âm có nguồn gốc ngoại ngữ, thì cách viết đi theo cách phát âm đã trại. Loại này ít.

Sau đây, xin đi theo thứ tự ít trước nhiều sau:

Có nguồn gốc ngoại ngữ:

-Xịn: Chữ này được dùng để nói về một món hàng tốt, chính gốc, không giả mạo. Gốc ở chữ Pháp "origine", giới buôn bán chợ trời đọc gọn thành "gin", sau trại ra "xịn". Chữ này thường được dùng trong ngôn ngữ của lớp trẻ. Cũng có khi được dùng ngoài phạm vi hàng hóa. Thí dụ: *Con nhỏ đó bán hàng xịn, nhưng bản thân nó không xịn đâu.*

Thời tiền chiến, để diễn đạt ý "hàng thật", người ta hay dùng chữ "chánh cống", rồi kéo dài ra thành "chánh cống bà lang trọc". Ngày nay, chữ "xịn", hoặc "gin" nghe trẻ trung hơn nhiều.

-Thèo lèo: Đây là một thứ kẹo do những hiệu bánh ngọt của người Tàu ở Việt-Nam sản xuất. Chữ Hán viết là "trà liệu" (thứ dùng ăn khi uống trà), người Việt nhại theo cách phát âm của người Tàu, thành ra như thế. Bây giờ, ai cũng đọc là "thèo lèo", sửa lại cho đúng là "trà liệu" thì người bán bánh kẹo sẽ ngẩn ngơ.

Nhưng ở những quán cóc tại Miền Nam, còn có một thứ "thèo lèo" khác nữa, đúng là "danh thực tương phù". Đây là một thứ kẹo viên nhỏ bằng hột đậu, viên nào cũng một đầu trắng một đầu đen, hoặc những viên trắng lẫn với những viên đen. Người ta gọi là "thèo lèo cứt chuột". Trẻ con được cho tiền đi mua kẹo, thường tới quán đòi cho được loại kẹo này.

-Mì chính: Chữ Hán gọi chất trợ vị monosodium glutamate là "vị tinh". Người Miền Bắc bắt chước đọc theo người Tàu, thành "mì chính". Không bắt chước Tàu, cũng không bắt chước Tây, người Miền Nam gọi thứ ấy theo công dụng là "bột ngọt" (bột làm cho thức ăn thêm ngọt). Trong thực tế, người Miền Nam làm quen với chất monosodium glutamate trước người Miền Bắc, chữ "bột ngọt" cũng ra đời trước chữ "mì chính". Nhưng CSVN cố tránh những chữ người Miền Nam dùng, dù là tiện và đúng.

-Chạp phô: Đây là chữ cũ, có đã lâu, có lẽ từ khi người Việt sống gần gũi với người Tàu. Người Việt gọi "tạp hóa", người Tàu gọi "chạp phô". Tuy nhiên, đối với người Miền Nam ngày trước, chữ "chạp phô" thông dụng và rõ nghĩa hơn. Nghe "chạp phô", thì ai cũng hiểu là chỗ ấy bán nhiều thứ, nhưng chủ yếu là thực phẩm. Còn chữ "tạp hóa" của người Việt, thì có nghĩa rộng hơn, chỉ nhiều loại hàng hơn.

Về chữ này, tôi đề nghị: Khi nói tiếng Việt với người Việt gốc Hoa, về những cửa tiệm ở Sài-Gòn, Chợ Lớn, thì nên dùng chữ "chạp phô". Khi nói chuyện với người Việt, nên dùng chữ "tạp hóa".

*

Từ đây trở xuống, tôi sẽ nêu chung những chữ trại âm thường gặp, không xếp riêng do kỵ húy, hay do chữ Hán gốc có nhiều cách phát âm.

Và một điều cần nói rõ: Những chữ nêu ra không có mục đích liệt kê; chỉ là gợi ý, các bạn có thể dựa vào mà tìm thêm được những thí dụ tương tự khác nữa.

Nhân danh:

Trong lịch sử Việt-Nam, có hai nhân vật dính líu với nhau trong

hành động cuối cùng, có tên được người đời sau đọc theo những cách tùy thích: Võ Tánh và Ngô Tòng Châu. Tên hai ông này gồm 5 chữ, nhưng chỉ có một chữ ai cũng đọc giống nhau, chữ "Ngô". Còn 4 chữ kia, chữ nào cũng có hai cách đọc: Võ-Vũ; Tánh-Tính; Tòng-Tùng; Châu-Chu. Thế cho nên, viết bằng chữ Hán thì chỉ có một cách, nhưng viết bằng Quốc-ngữ, thì có nhiều.

Trong *Việt-Nam Sử-Lược*, sử gia Trần Trọng Kim viết "Võ Tính" và "Ngô tòng Chu". Nhưng tôi đã gặp trong nhiều sử liệu khác (Quốc-ngữ), người ta viết: Vũ Tính, Võ Tánh; Ngô Tùng Châu, Ngô Tòng Chu, Ngô Tùng Chu; v.v...

Cứ theo tự dạng Hán, thì viết như thế đều đúng. Họ của Phò-Mã Hậu-Quân của Nguyễn Ánh, viết với bộ "chỉ", nghĩa là võ nghệ, đọc là "Vũ" cũng được, mà đọc là "Võ" cũng đúng". Còn tên của ông ta, viết với bộ "tâm", nghĩa là tính tình, thì đọc là "Tính" hay "Tánh", cũng đều không sai. Nhưng điều quan trọng là tên của một người phải được đọc đúng theo cách đọc của chính người ấy. Võ Tánh người gốc Biên-Hòa, chắc phải đọc họ mình là "Võ" và tên mình là "Tánh". Vậy, nếu chúng ta gọi ông ta là Võ Tánh, thì có lẽ đúng hơn.

Còn về tên và chữ lót của quan Hiệp-Trấn cùng mất theo thành Qui-Nhơn với Võ Tánh, thì cũng cần phải suy nghĩ theo cách vừa bàn. Tên của ông, viết với bộ "khẩu", nghĩa là giáp vòng, đọc là "Chu" hoặc "Châu" đều được. Chữ lót của ông, viết với bộ "sách", nghĩa là đi theo, đọc là "Tùng" hay "Tòng" đều được. Nhưng ông gốc người Bình-Định, chắc phải đọc chữ lót với tên của mình là "Tòng Châu", theo cách phát âm quen thuộc của người phía Nam.

Trong bao nhiêu "họ" của người Việt, có 2 cái, viết và đọc theo chữ Hán, thì không thay đổi; nhưng viết theo Quốc-ngữ, thì cái nào cũng thành hai. Họ Vũ là một, họ Hoàng là hai. "Vũ" có thể biến thành "Võ", "Hoàng" có thể đổi thành "Huỳnh". Gặp hai cái họ này, phải thận trọng viết và đọc theo cách thường nghe, thường thấy. Đã quen thấy viết là Hoàng Cao Khải, thì đừng đổi ra Huỳnh Cao Khải; đã quen thấy viết là Huỳnh Tịnh Của, thì đừng tự ý đổi ra Hoàng Tịnh Của; đã quen nghe là Võ Trường Toản, thì đừng gọi là Vũ Trường Toản; đã thấy ghi là Vũ Ngọc Phan, thì cũng đừng đổi thành Võ Ngọc Phan.

Riêng cái "họ" mà người Việt thường tùy ý đọc "Chu" hoặc "Châu", thì sự việc lại đảo ngược. Với "Vũ" và "Hoàng" thì bên Tàu vốn có một, sang Việt mới thành hai. Còn "Chu" và "Châu" thì bên Tàu vốn tách riêng, sang Việt mới trộn lẫn. Họ của dòng vua tiếp nối nhà Thương, viết với bộ "khẩu", họ của dòng vua tiếp nối nhà Nguyên, viết với bộ

"mộc", khác nhau về tự dạng và cả cách phát âm. Nhưng người Việt đọc hai chữ ấy lẫn lộn: Chu Văn Vương và Châu Văn Vương; Châu Nguyên Chương và Chu Nguyên Chương. Sự lẫn lộn này cũng được ứng dụng cho cả tên của những nhân vật Việt-Nam: Châu Văn An-Chu Văn An; Châu Văn Tiếp-Chu Văn Tiếp; Chu Mạnh Trinh- Châu Mạnh Trinh.

Vậy, bây giờ nên làm sao? Tôi nghĩ không cần truy đến cách viết chữ Hán, chỉ cần viết và đọc theo cách đã trở thành ổn định trong Quốc-ngữ: Chu Văn An, Chu Mạnh Trinh, Châu Văn Tiếp.

Nhân nhắc đến họ Võ-Vũ, xin nói thêm về những trường hợp "võ-vũ" khác. Thông thường, những chữ "vũ" đều có thể đọc "võ": *Vũ sĩ-võ sĩ; vũ biền-võ biền; ơn vũ-lộ-ơn võ lộ; tiết vũ thủy-tiết võ thủy; vua Hạ-Vũ-vua Hạ-Võ;* , v.v... Nhưng đặc biệt, không thể nói "loài lông võ", mà phải nói "loài lông vũ"; không thể nói "ngoài võ trụ" mà phải nói "ngoài vũ trụ"; không thể nói "cung thương giốc chủy võ", mà phải nói "cung thương giốc chủy vũ". Trong khi đó, người đối đầu với Lưu Bang ngày xưa, tên chữ Hán viết bằng chữ "vũ" (nghĩa là lông chim), nhưng người Việt đọc hai cách, Hạng Vũ cũng được, mà Hạng Võ cũng được. Sức mạnh của thói quen là như vậy.

Đối với các **địa danh**, sự thể cũng không khác mấy.

Những địa danh có chữ "an-yên": Từ hồi giờ, chúng ta quen đọc "nước An-Nam", "thành Phiên-An"; không đọc "nước Yên-Nam", "thành Phiên-Yên". Trong khi đó, thì tên các tỉnh "Phúc-Yên", "Vĩnh-Yên", cũng không đọc thành "Phúc-An", "Vĩnh-An". Riêng ở quê tôi, tỉnh thì "Phú-Yên", nhưng quận thì "Tuy-An"; ai cắc cớ gọi "Phú-An, Tuy-Yên", thì người địa phương sẽ thấy chối tai ngay.

Những địa danh có chữ "thái": Ở Miền Bắc, chữ này được giữ nguyên, nhưng ở Miền Nam, chữ này thường được trại ra "thới": Tỉnh Thái-Nguyên, nhưng quận Bình-Thới; sông Thái-Bình, nhưng núi Châu-Thới.

Những địa danh có những chữ "long-luông", "nghĩa-ngãi", "nhân-nhơn", "phúc-phước", "quí-quới", "sơn-san", "thịnh-thạnh", "triều-trào" ... cũng đi theo qui luật quen tai, quen mắt. Trước đọc sao bây giờ đọc vậy; ngày trước viết sao, thì ngày nay phải viết theo như vậy.

Một vài thí dụ: Đã quen kêu là sông "Hàm-Luông" thì không thể gọi khác thành sông "Hàm-Long"; đã quen gọi là tỉnh "Quảng-Ngãi", bây giờ gọi "Quảng-Nghĩa" cũng được, nhưng vẫn có cái gì khang khác; gọi là tỉnh "Phước-Long" thì ai cũng hiểu, nhưng gọi tỉnh "Phúc-Long"

thì e có người lại tưởng là ở đâu ngoài Bắc; và đối với thành phố tỉnh lỵ của Bình-Định, không ai đọc hoặc viết là "Qui-Nhân"; "Mỹ-Thạnh-Đông" không thể đổi ra "Mỹ-Thịnh-Đông" được. Tất cả đều do thói quen tạo thành.

Trong phạm vi thông ngữ, tức là ngoài nhân danh và địa danh, đối với những chữ có hai cách đọc (do đó cũng có hai cách viết bằng Quốc-ngữ), chọn cách nào cũng là do thói quen.

Thử nêu một số làm thí dụ:

-Bản-bổn: Bản năng, bản lãnh, căn bản, tư bản ... Nhưng, bổn phận, bổn bảo (cùng làng), vong bổn (cũng nói vong bản). "Bản" hay "bổn" cũng đều có nghĩa là "gốc", chẳng qua chỉ là quen tai.

-Bằng-bàng: Trường hợp này chỉ có một: *Đại bằng* đọc thành *đại bàng* (mất dấu á). Thật ra đây không phải là trại âm cố ý, mà chỉ do không hiểu chữ thứ hai chính là chữ "bằng" chữ Hán, viết với bộ "điểu" và chữ "bằng" (bạn), có nghĩa là một giống chim truyền thuyết cực lớn. Chữ này đọc là "bằng", không đọc là "bàng".

Cái lầm này đã được đưa vào một vài tự điển, như một sự chấp nhận. Nhưng tôi nghĩ cũng nên sửa lại cho đúng.

-Bệnh-bịnh: Nói "bệnh tật, bệnh xá" hay nói "bịnh tật, bịnh xá" thì cũng giống nhau, không cái nào đúng hơn cái nào. Thông thường, người Bắc dùng "ênh", người Nam dùng "inh". Thí dụ: Người Bắc nói "lênh đênh, mênh mông"; người Nam nói "linh đinh, minh mông". Nhưng cũng có một số trường hợp ngược lại: Người Bắc nói "kinh doanh, doanh trại", người Nam nói "kinh dinh, dinh trại".

Một khi nhận ra như trên, thì dùng như thế nào cũng được, và không có gì để phải nói là sai lầm. Chỉ có đôi trường hợp đặc biệt cần để ý: Từ "bình yên" chuyển sang "bằng an" là một cách đổi cho mới, chớ không phải là trại âm. Và trường hợp 2 chữ "bềnh bồng": Đây chính là 2 chữ "bình" (cây bèo) và "bồng" (cỏ bồng). Cây bèo nổi trôi theo dòng nước; cỏ bồng bị ngọn gió thổi đi khắp nơi. Cổ văn dùng hai hình ảnh này để hình dung một cuộc đời vô định. Vậy, nói "bình bồng" tất nhiên là đúng; còn nói "bềnh bồng", thì cũng tạm được, theo cách trại âm quen tai. Nhưng nói như ông nhà văn-tiến sĩ kia, "chúng ta theo vận nước nổi trôi, gặp nhau đây cũng chỉ là bềnh thủy tương phùng ...", thì không ổn. Hai thanh vĩ "ênh" và "inh" thay cho nhau được. Với vần "b", cũng vậy. Nhưng thói quen chỉ mới chấp nhận tới đó, chúng ta không thể mở rộng. Chữ Hán có nghĩa là "cây bèo" xưa nay chỉ đọc là "bình", không đọc là "bềnh".

(Xuống dưới, chúng ta sẽ trở lại với cặp "ênh-inh" này, khi nào có

chuyện đáng bàn).

-Cảnh-kiểng: Những chữ do kỵ húy trại từ "cảnh" ra "kiểng", bây giờ hoàn nguyên không vướng mắc gì. Chỉ có vài chữ, vì ai cũng quen âm trại, trở lại "cảnh" cũng được, nhưng không được quen tai: Cây kiểng; chơi kiểng; quê kiểng, lính kiểng.

-Chính-chánh: Nếu chữ Hán gốc (viết với bộ phộc) có nghĩa là "chính trị", thì đọc hai cách đều được: Chính phủ-chánh phủ; chính kiến-chánh kiến; chính trị gia-chánh trị gia. Nhưng nếu chữ Hán gốc (viết với bộ chỉ) có nghĩa là "đúng đắn", "đứng đầu", thì cách đọc phải phân biệt: Những tính từ có nghĩa "đúng đắn" đều đọc "chính: Chính chuyên; chính đính; chính xác. Những danh từ chỉ những chức vụ đứng đầu đều đọc là "chánh": Chánh án; chánh sứ; chánh tổng; chánh văn phòng ...

Một nhận xét: Đối với những tính từ vừa kể, thông thường được đọc là "chính", nhưng đọc "chánh" cũng tạm được: Chánh chuyên, chánh xác. Riêng với "chính đính", phải đọc là "chính". Còn không thì phải trại cả hai chữ ra "chánh đáng".

Nhưng đối với những danh từ chỉ chức vụ, nhất thiết phải đọc là "chánh": Không thể nói "ông chính án", "ông chính tổng".

-Chủ-chúa: Chữ này chỉ người đứng đầu, người làm chủ, thường được đọc là "chủ", nhưng cũng có một ít trường hợp đọc là "chúa": Gia chủ, điền chủ, trương chủ; nhưng chúa công, công chúa. Riêng đối với ngày cuối tuần, ban đầu được đọc là "chúa nhật" (ngày của Chúa), nhưng về sau đổi thành "chủ nhật".

-Cung-cúng: Chữ Hán gốc của chữ này có nghĩa là "cấp cho". Thông thường (đối với người phàm), thì đọc là "cung": Cung cấp, cung cầu, cung phụng. Nhưng đối với Thần Phật, hoặc kẻ xuất gia, thì đọc là "cúng": Cúng Phật, thờ cúng, cúng dường. "Cúng dường" trại âm từ "cung dưỡng", có nghĩa là "cung cấp để nuôi sống".

-Đái-đới: Đọc như vầy, thì có hai chữ Hán với nghĩa khác nhau: Viết với bộ "qua", nghĩa là "đội trên đầu"; viết với bộ "cân", nghĩa là "cái dải". Với chữ nào, xưa nay chúng ta cũng đọc là "đới", với mục đích tránh một chữ đồng âm có nghĩa không đẹp (đi tiểu). Lần lần, nghe quen tai, đổi lại dường như không nhã. Ngày nay, ai cũng nói "nhiệt đới, ôn đới, hàn đới", không ai nói "nhiệt đái, ôn đái, hàn đái", và ai cũng đọc câu cuối bài Thuật Hoài của Đặng Dung là *"Kỷ độ long tuyền đới nguyệt ma"* (Đã bao lần, ta đội ánh trăng mà mài gươm).

-Đương-đang-đăng: Chữ Hán gốc của mấy chữ này (viết với bộ điền) có nhiều nghĩa, được dùng rất rộng, nhưng đa phần trường hợp đều đã ổn định, không gây thắc mắc gì, kể cả những trường hợp đặc biệt

đọc là "đáng" (thích đáng) và trường hợp chuyển dụng thành tiếng Việt thuần: -Đang làm việc; -đương lúc trời mưa.

Nhưng có 2 trường hợp sau đây, thiết tưởng cần suy nghĩ để tránh dùng lầm:

1-"Đảm đang" và *"đảm đương":* Theo thông dụng, "đảm đang" là tính từ, nói về một người phụ nữ quán xuyến được công việc nhà. Còn "đảm đương" là động từ, có nghĩa là nhận lấy một công việc khó khăn. Đổi ngược cách dùng lại, thì về chữ nghĩa vẫn đúng, nhưng sẽ không được quen tai.

2-Môn đăng hộ đối: Thành ngữ này rất thông dụng, ai nghe cũng hiểu ý muốn nói về một cuộc hôn nhân ngang bằng về gia thế. Nhưng viết như thế là sai. Chữ thứ hai phải là "đương" (nghĩa là cự lại, đồng nghĩa với chữ "đối" ở vế sau) thì mới đúng. Nghĩa đen của câu này là: Nhà trai có cửa lớn, thì nhà gái cũng có cửa lớn địch lại; nhà gái có cửa nhỏ, thì nhà trai cũng có cửa nhỏ đối lại.

-Đúng-đứng: Đây là chữ Việt thuần. Dùng riêng một mình, hai chữ này không gây ra thắc mắc gì. Chúng ta chỉ cần luận nghĩa để dùng cho chắc chắn, khi chúng đi với chữ phụ "đắn".

Các bạn có đồng ý với tôi về cách luận nghĩa sau đây không: "Đúng đắn" có nghĩa là "rất đúng", là "chính xác", thường được dùng để chỉ một đường lối, một cách suy luận.

"Đứng đắn" có nghĩa là "đàng hoàng", là "nghiêm chỉnh", thường được dùng để nói về tư cách của một người.

Có lẽ ban đầu chỉ có chữ "đúng đắn", về sau trại âm thêm chữ "đứng đắn", và chuyển nghĩa khác đi một chút.

-Hảo-hiếu-háo: Gốc chỉ có một, viết bằng chữ Hán chỉ có một (nữ với tử), nhưng đọc hai cách "hảo" và "hiếu", rồi người Việt trại thêm ra âm "háo". Khi đọc "hảo", chữ này là tính từ với nghĩa là "tốt", và không có vấn đề gì. Khi đọc "hiếu", chữ này là động từ với nghĩa "ham thích". Từ chữ "hiếu" này, người Việt trại âm ra "hảo" và "háo", đều là động từ, và đều có nghĩa là "ham thích".

Vậy, để riêng chữ "hảo", tính từ với nghĩa "tốt".

Còn lại 3 chữ "hiếu", "hảo", "háo", động từ với nghĩa "ham thích", thường được dùng khác nhau: "Hiếu chiến, hiếu thắng, hiếu danh, hiếu sắc "... có thể được đổi thành "háo chiến, háo thắng, háo danh, háo sắc". Nhưng "hiếu học, hiếu khách, hiếu sinh" thường không đổi. Lý do dễ hiểu: Chữ "háo" không nghiêm chỉnh, chỉ có thể dùng trong những

trường hợp đáng chê cười.

Chữ "hảo" (ham) được dùng nhiều trong lãnh vực ăn uống. Và chữ "hảo ngọt" vốn có nghĩa là ưa thích đồ ăn ngọt, về sau chuyển sang nghĩa bóng là "háo sắc".

-Hán-hớn: Dù chỉ triều đại hay đàn ông, người Miền Bắc cũng đọc "hán", và người Miền Nam cũng đọc "hớn". Trong sách vở, hai cách viết cũng được coi là đúng: Nhà Tây-Hán; nhà Đông-Hớn; trang hảo hớn; nam tử hán đại trượng phu ...

Nhưng theo thói quen, người ta không nói "thập bát La-Hớn". Cấp vị dưới Bồ-Tát, phải được gọi đúng là "La-Hán".

-Hạt-hột: Đây có lẽ không phải là trại âm. Người Bắc nói "hạt"; người Nam nói "hột". Nhìn chung, hễ nói "hạt" được, thì nói "hột" được: Hạt gạo-hột gạo; gieo hột-gieo hạt; mưa nặng hạt-mưa nặng hột.

Nhưng có vài trường hợp, chỉ dùng "hột" mà không dùng "hạt": Chứng đau mắt hột; hột gà hột vịt. Miễn cưỡng nói "đau mắt hạt" có lẽ cũng tạm được. Nhưng nếu có ai cắc cớ nói "hạt gà hạt vịt", thì chắc chắn sẽ trở thành kỳ quan.

-Hoa-huê: Do kỵ húy, "hoa" được đọc thành "huê", rồi có một số trường hợp trở thành quá quen tai, được giữ luôn cho tới bây giờ. Thí dụ: -Ăn nói huê dạng; câu hát huê tình. Bây giờ, sửa lại thành "ăn nói hoa dạng", "câu hát hoa tình", thì ý nghĩa vẫn đúng, nhưng nghe chẳng những không quen, mà còn kém hay. Trong bài Tống Biệt, Tản Đà cũng dùng chữ "huê" thay chữ "hoa": *Đá mòn rêu nhạt, nước chảy huê trôi.*

-Hợp-hạp: Với những trường hợp khác, dùng "hợp" hay "hạp" đều được: Hợp ý-hạp ý; hợp khẩu vị-hạp khẩu vị. Riêng chuyện nam nữ cảm nhau về dung mạo, thì chữ "hạp nhãn" đắc dụng hơn. Nói "hợp nhãn" cũng được, nhưng không được quen tai bằng.

-Lạng-lượng: Đây là đơn vị trọng lượng xưa, bằng 1/16 một cân xưa (kẻ tám lạng người nửa cân), và bằng 37, 5 gram. Bây giờ, chữ này vẫn còn được dùng trong giới buôn bán vàng ở Việt-Nam. Thông thường, người Bắc vẫn gọi "lạng", và người Nam vẫn gọi "lượng". Còn ai thích mới, thì dùng chữ "cây".

Nhưng sau 1975, người Bắc đã đưa vào Nam một chữ "lạng" khác, cũng dùng trong việc cân lường, nhưng bằng 100 gram, tức 1/10 kí-lô. Chữ này không thể đọc là "lượng".

-Lương y-thầy lang: Để gọi những ông thầy thuốc, người Tàu và người Việt ngày xưa đều dùng chữ "lương y". "Y" là người chữa bệnh, còn "lương" là giỏi. Chữ "đại phu" chỉ riêng người Tàu dùng, và cũng mãi tới đời Minh họ mới dùng.

Trong thường ngữ, người Miền Nam gọi những ông thầy thuốc Đông-y là "thầy thuốc bắc"; người Miền Bắc gọi là "thầy lang", hoặc "ông lang". Chữ "lang" này chính là chữ "lương" trong chữ đôi "lương y". Nhưng gọi "ông lang" thì ai cũng hiểu, còn gọi "ông lương" thì chắc chắn có người hiểu lầm là một ông nào đó tên là Lương. Đây là một trong những trường hợp dạng trại âm trở đã thành thông dụng, không thể hoàn nguyên được nữa.

Và nhân tiện, xin nêu một nhận xét nhỏ: Người Việt ngày xưa không có đàn bà làm thầy thuốc, nên chỉ có "ông lang" mà không có "bà lang". Một bà nào đó được gọi "bà lang", cũng chẳng qua là "ăn theo" chồng đó mà thôi. Trường hợp độc nhất, đã được đưa vào ngôn ngữ, là "bà lang trọc" đã được đề cập ở phần trên.

-Lọ-nhọ: Các tự điển do người Bắc soạn thường coi chữ "nhọ" là chữ toàn quốc, và chữ "lọ" là chữ "địa phương". Nhận xét này không đúng. Chỉ nên coi là chữ "địa phương" những chữ nào chỉ được dùng trong một vùng nhỏ, một hai tỉnh chẳng hạn. Đằng này, chữ "lọ" được dùng rộng rãi từ nửa phía Nam của miền Trung trở vào trong Nam, không thể coi là chữ "địa phương" được.

Tôi vẫn biết có một số người Miền Nam viết và nói "bôi nhọ", nhưng đó là do thói bắt chước, chớ không phải vì chữ "nhọ" là chữ toàn quốc. Cũng giống như trường hợp thành ngữ hàm ý diễu cợt "chính chị chính em" của người Bắc. Người Bắc nói vậy thì được, vì họ đọc "trị" thành "chị", rồi cho "chị" đi với "em". Nhưng tôi đã từng nghe có người Trung, người Nam, những người không bao giờ phát âm "trị" thành "chị", bắt chước nói "chính trị chính em", nghe rất chối tai. Nếu cần chê bai, sao không nói "chính trị chính triếc"? Theo tôi, người nào quen gọi cái chất đen đóng dưới đít nồi là "lọ nghẹ", thì cứ nói là "bôi lọ", nghe thuận tai hơn.

Riêng trong văn chương, chữ "lọ" lại còn đắc dụng hơn chữ "nhọ". Chuyện Cendrillon của Charles Perrault được người Việt dịch ra là Cô Bé Lọ Lem, chớ không phải là "Cô Gái Nhọ Nhem".

-Mệnh-mạng: "Lệnh" chuyển thành "lịnh"; nhưng "mệnh" lại chuyển thành "mạng", cho nên "mệnh lệnh" thành ra "mạng lịnh".

Cũng may cho ông vua thứ nhì của triều Nguyễn, sự đảo qua đảo lại này, thói quen không đem ứng dụng cho cái niên hiệu của ông: Người Bắc đọc là "Minh-Mệnh", chớ không đọc "Mênh-Mệnh"; người Nam đọc là "Minh-Mạng", chớ không đọc "Minh-Mịnh".

"Mạng" là "mệnh", "mệnh" cũng như "mạng". Ai thích chữ nào thì dùng chữ ấy. Vì chữ nào cũng có nghĩa là "mạng sống", là "lệnh" ...

Nhưng hãy coi chừng. Có những chữ "mạng" cũng có nghĩa "mạng sống", nhưng không bao giờ đổi thành "mệnh" được: Liều mạng, bạt mạng.

-Nan-nạn-nàn: Trường hợp trại âm này chỉ xuất hiện trong thơ, không được dùng trong thường ngữ. Đúng chữ thì là "nan" là "nạn", nhưng chỗ đó cần một chữ có dấu huyền, để hiệp vần, hoặc để tạo sự thuận tai, nên phải đổi thành "nàn": "Nguy nan" thành "nguy nàn"; "tai nạn" thành "tai nàn" ...

-Nghĩa-ngãi: Trừ trường hợp địa danh "Quãng-Nghĩa" trại thành "Quảng-Ngãi" là trường hợp nghiêm chỉnh, những trường hợp "nghĩa" trại" thành "ngãi" khác, đều hàm ý coi nhẹ, hoặc đùa vui.

Ở quê tôi, có câu hò:

Khoai lang Suối Mít,
Đậu phộng Hòn Vung,
Chàng đào thiếp mót, đổ chung một gùi.
Tới khi duyên nợ sụt sùi,
Chàng giận chàng đá cái gùi, chàng đi.
Chim kêu dưới suối Từ-Bi,
Ngãi nhơn còn bỏ, tiếc chi cái gùi.

Hai chữ "ngãi nhơn" ở đây có thể đổi thành "nghĩa nhân" được. Nhưng hai chữ "nhân ngãi" trong những câu sau, không thể đổi thành "nhân nghĩa", vì sẽ làm mất đi cái ý coi nhẹ:

-Hai đứa nó chỉ là nhân tình nhân ngãi, chớ đâu phải vợ chồng chính thức.

-Sống với nhau già nhân ngãi non vợ chồng, được ngày nào hay ngày ấy, họ đâu có tính đến chuyện lâu dài.

-Phụng-phượng: Dù có nghĩa là loài chim, hay phục vụ, thờ cúng, thì dùng "phụng" hay "phượng" đều được. Chỉ riêng đối với loại hoa, dù cũng lên hệ đến chim phụng, chúng ta thường phải dùng chữ "phượng": Cây phượng tây; hoa phượng vĩ.

-Sinh-sanh: Hầu hết trường hợp, hễ dùng "sinh" được thì dùng "sanh" cũng được: "Sinh mệnh-sanh mạng"; "nhà bảo sanh-nhà bảo sinh"; "tầm phương sinh kế-tầm phương sanh kế" ...

Nhưng cũng có vài chữ, theo thói quen thường dùng "sinh", đổi ra "sanh" nghe hơi chướng tai: "sinh động", "sinh vật học" .

Riêng chữ "sanh" (gõ sanh) là cái phách trong cổ nhạc, không bao giờ đọc là "sinh". Chỉ đọc là "sanh" hoặc "sênh".

Thả những con vật bị bắt để tránh sát sinh, nói "phóng sanh" nghe quen tai hơn "phóng sinh". Ngược lại, "sát sinh" lại nghe quen tai hơn "sát sanh".

Và nhân đề cập chuyện này, tôi có nhận xét: Một khi một từ Hán đã thông dụng thì sẽ trở thành dễ hiểu hơn một từ Việt dịch ra. Chẳng hạn, nói "phóng sanh" thì ai cũng hiểu là thả cá thả chim, nhưng nói "thả sống" thì e có người lại tưởng là thả người, không giết.

-Tôn-tông: Hai chữ này ban đầu vốn phân biệt, về sau, vì kỵ húy, chữ "tông" được đọc "tôn" nên thành lẫn lộn.

Muốn phân biệt rạch ròi cũng không khó. Những chữ nào có nghĩa là "quí trọng", hoặc là "cháu", thì đọc là "tôn". Như "tôn vinh", "tôn nghiêm", "tôn quân". Như "tử tôn thành đạt", "truyền tử lưu tôn".

Những chữ nào có ý nghĩa hệ thống, thì đọc là "tông". Như tông phái, tông chi, tông giáo, tông đường. Đối với các triều vua, người Nam quen dùng chữ "tôn" thay chữ "tông". Thói quen này đã đi vào sách vở nghĩ giữ nguyên cũa không sao. Thí dụ: Đường Lê Thánh Tôn; đời Đường Huyền Tôn. Riêng chữ "tôn giáo", có lẽ nên để nguyên cách trại âm, không cần phải trở về với chữ gốc.

-Thoái-thối: Dùng chữ nào thì cũng nói lên cái ý "lùi lại". Nhưng chúng ta quen nói "xin đừng thối chí", "trong lúc thoái trào", "tấn thối lưỡng nan"; "kinh tế suy thoái" ...

- "Thư từ" hoặc "thơ từ": Ai cũng dùng hai chữ này theo nghĩa thư tín. Tôi xin nêu một nghi vấn: Tại sao chữ "thư" (hoặc "thơ") lại đi với chữ "từ". Chữ "từ" này không có vẻ gì là chữ phụ (như "tược" trong "vườn tược") mà là chữ có nghĩa (như "ghế" trong "bàn ghế"). Vậy, có phải ban đầu, hai chữ này vốn là "thi từ" ("thi" là "thơ"; "từ" là cũng là một loại thơ, nhưng làm theo thể điệu có sẵn; Đường-Thi, Tống-Từ). Rồi về sau, người ta đọc "thi" ra "thơ", thành "thơ từ" (những bài thơ và những bài từ). Người Bắc gọi "thơ" (letter) là "thư", nên "thư từ" hay "thơ từ" cũng đều chỉ hình thức liên lạc bằng cách viết ra. Cuối cùng, chúng ta có một chữ thực dụng (những lá thơ) xuất sinh từ một chữ văn chương (thi ca).

-Triều-trào: Gốc chữ Hán của nhóm này được viết 3 cách, với bộ "nguyệt", với bộ "thủy", và với bộ "khẩu", nhưng người Tàu chỉ đọc một cách. Trong chữ Hán-Việt, theo thói quen, tùy trường hợp, chúng ta dùng "triều" hay "trào".

a-Những chữ viết với bộ "nguyệt": Chúng ta thường nói "triều đình", "lâm triều", "triều thần". Nhưng cũng nói "trào đình", "lâm trào", "trào thần". Riêng chữ "triều đại" ít khi được đổi sang "trào đại".

b-Những chữ viết với bộ "thủy": Chúng ta nói "thủy triều", "triều tín", "triều âm", nhưng lại nói "phong trào", "trào lưu".

c-Những chữ viết với bộ "khẩu": Chúng ta nói "trào phúng", "trào

Thơ Lam Nguyên

Tiễn nhau

Ngàn lời muốn tỏ buổi lâm trình,
Lòng quặn từng cơn, đứng lặng thinh.
Đất Bắc vấn vương màu nghĩa thiết,
Trời Nam ray rứt mối ân tình!
Đỗ Quyên gọi giữa chiều tê tái,
Mai trúc dành xa giấc mộng lành!
Tâm sự mang mang sầu viễn xứ,
Lòng vui tái ngộ buổi thanh bình!

Thu đất khách

Hơi thu thấm lạnh giọt sương sa,
Trút lá rừng phong dạ xót xa.
Mây xám xuống gần sông núi lạ,
Niềm riêng nhớ đến Mẹ quê nhà.
Giữa vùng đất Mỹ thân tâm lạnh,
Nơi cõi trời Nam mắt lệ nhòa.
Lặng lẽ cúi đầu...thư tạ tội,
Dám xin nhạc mẫu dủ lòng tha!

lộng", "tự trào". Không bao giờ dùng chữ "triều".

-Trục trặc-trúc trắc: Tôi cũng không biết chắc đây có phải là trại âm hay không, và nếu phải, thì chữ nào là gốc chữ nào là trại. Tôi nêu ra đây cốt để cùng các bạn xác định nghĩa.

"Trục trặc" có nghĩa không suôn sẻ, không bình thường, được dùng rộng trong nhiều lãnh vực: Máy móc trục trặc; công việc trục trặc; cơ thể trục trặc.

"Trúc trắc" có nghĩa không êm tai, chỉ được dùng cho âm điệu: Câu thơ trúc trắc.

*

Một lời để kết: Nếu kể cho đủ, chắc còn nhiều nữa. Nhưng tôi nghĩ không cần. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh một điểm: Trong khi sử dụng tiếng Việt, chúng ta phải chấp nhận thói quen, nhưng cũng nên nhận ra những trường hợp sai lầm đáng sửa, để cùng nhau chỉnh lại./.

Cứ mãi chia đôi
HOÀNG PHỐ

Khuya
khuya
lắc suốt
con tàu bệnh
Ga
vói
theo tàu
đêm vẫy tay
Chút
khói
quạnh hiu
còn
vương lại
Có
đủ
cho ga
thấm mắt đầy?

Tàu
đã
hoàng hôn
Ga:
sớm mai
Bóng tàu
lăn
nhói
vết thương dài
Tàu
Ga
hai phía
dòng sông tuổi
Cuống quýt
khản môi
rồi chia tay...

Đọc truyện Nguyễn Thị Lộ của Nguyễn Huy Thiệp

Liễu Trương

Chủ đề hiểu theo nghĩa thông thường là một đề tài được bàn đến, một yếu tố của nội dung một văn bản được lặp lại. Trong lãnh vực phê bình văn học, chủ đề là một phạm trù các ý nghĩa bên trong một tác phẩm, mang nét đặc thù của tác phẩm.

Bản chất của chủ đề văn học hướng về nghĩa mở rộng (connotation). Nghĩa rõ (dénotation) là sự chỉ định đơn giản về người, vật hay những biến cố bởi một từ. Nghĩa mở rộng bao gồm tất cả những gì mà một từ ngữ có thể gợi lên rõ ràng hay mập mờ. Vậy chủ đề văn học gắn liền với cái được gợi lên chứ không với cái rõ rệt, vì chủ đề làm nổi bật cách tồn tại của ý thức bởi và trong cảm giác. Jean-Pierre Richard, nhà lý luận phê bình nổi tiếng về hiện tượng luận về cảm giác và về phương pháp phê bình chủ đề, đã định nghĩa nhà phê bình như một người lắng nghe sự im lặng, và hiểu được tác phẩm mà không phải chứng minh:

Trong một tác phẩm văn học, ông viết, *[...] đối với tôi ngày nay dường như các sự vật tự để lộ ra chứ không có sự phát biểu. Kể từ đó, bình luận không phải là phản bội sự diễn đạt ngắn gọn đó, hay muốn nói lên dùm các sự vật điều mà chúng im lặng [...], trái lại bình luận là tiếp tục đưa ra, đưa ra lần thứ hai điều mà các sự vật để lộ ra, nhưng làm một cách hơi khác đi, trong một thứ tự khác, đưa ra một lần nữa, chứ không chứng minh (1).*

Vậy phê bình chủ đề là bình luận về sự gợi lên, về cái được biểu lộ trong im lặng, trong kẽ hở của những ý nghĩa, chứ không bình luận về sự thông tin, về những ý nghĩa rõ ràng. Khi được hiểu theo nghĩa mở rộng, chủ đề trở nên thích đáng vì nó chạm đến sự tưởng tượng của ý thức và trước hết nó là một sự thăm dò nội tâm.

Truyện *Nguyễn Thị Lộ* của Nguyễn Huy Thiệp (2), như nhiều người đã biết, kể cuộc gặp gỡ lịch sử giữa Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ và mối tình của hai nhân vật sau đó. Nếu đọc truyện *Nguyễn Thị Lộ* trên bình diện chủ đề, bằng cách tìm những cái được biểu lộ qua sự im lặng trong văn bản, nhiều chủ đề có thể được phát hiện, trong đó có hai chủ đề đậm nét nhất, đó là cái nhìn và lửa.

I Cái nhìn của Nguyễn Trãi

Có thể đọc đoạn đầu của truyện như một bản tin thời sự:

Họ gặp nhau khoảng giờ Tỵ, một ngày thu. Hôm ấy Nguyễn Trãi từ Côn Sơn trở lại Đông Đô, ông ghé nghỉ ở một quán khách ven đường. Cùng đi với ông có Hoàng môn thị lang Thái Quân Thực (tr. 117).

Nhưng câu đầu của bản tin trở thành một bản án: Họ gặp nhau khoảng giờ Tỵ. Khi còn cắp sách đến trường, chúng ta ít nhất cũng có một lần nghe nói đến Nguyễn Trãi với thảm kịch Lệ Chi viên và vụ án tru di tam tộc. Ngay từ đầu truyện, định mệnh đã hiện lên dưới hình con rắn để báo hiệu cái chết bi đát của Nguyễn Trãi. Tín hiệu thứ hai của sự bất hạnh là sự đổi dạng của đám mây trên trời: từ dáng điệu một nhà hiền triết đám mây trắng biến thành con chó xồm lớn. Sự đổi dạng báo hiệu những thăng trầm trong cuộc đời của Nguyễn Trãi.

Trong văn chương, thị giác là một trong những yếu tố có tác động đến mỹ cảm. Marcel Proust đã dùng cái nhìn làm kỹ thuật dựng truyện trong bộ tiểu thuyết *A la recherche du temps perdu* (Đi tìm thời gian đã mất).

Nhìn là hành động cơ bản trong truyện *Nguyễn Thị Lộ*, có nhiều động từ về thị giác như: *để ý, ngước mắt lên, nhìn, nhận ra, ngắm* và tổng hợp hai danh từ *ánh mắt* được lặp lại. *Ánh mắt* của Nguyễn Trãi: ... *Thái Quân Thực dõi theo ánh mắt Nguyễn và thốt ra câu hỏi định mệnh (tr.119). Ánh mắt* của Nguyễn Thị Lộ: *Ông nhận ra vẻ thích thú trong ánh mắt nàng* (tr.120). Nguyễn Trãi nhìn Nguyễn Thị Lộ nhiều lần. Cái nhìn đầu tiên là cái nhìn nhận dạng: *Ông ngước mắt lên nhìn và nhận ra Nguyễn Thị Lộ* (tr. 118). Ông chưa bao giờ gặp Nguyễn Thị Lộ, nhưng trong cái nhìn đầu tiên liền nhận ra nàng, có nghĩa là định mệnh đã an bài mọi việc. Đây là cái nhìn của định mệnh, cái nhìn bị định mệnh thống trị, vì đã biến đổi Nguyễn Trãi nên một con người mới trong khoảnh khắc. Định mệnh quả là một sức mạnh không cưỡng lại được: *Câu hỏi nhắc Nguyễn đứng dậy* [...]. *Ông bước như đạp mây đến chỗ hai người phụ nữ (tr.* 120). Cái nhìn không ngừng ở những cái bên ngoài mà nhằm thiết

lập một quan hệ với kẻ được nhìn. Và tình yêu đã đến nhanh, một thứ tình yêu độc nhất vô nhị trên đời này, vì Chỉ có một Nguyễn Thị Lộ và Nguyễn đâu có hai cuộc đời. Hành động nhìn đã góp phần lớn vào cái ma lực của tình yêu.

Trước khi thấy Nguyễn Thị Lộ, Nguyễn Trãi cũng nhìn, ông nhìn những tăm rượu sủi lên trong chén, nhưng là cái nhìn còn trống rỗng, chưa phải là cái nhìn do định mệnh chế ngự.

Ngoài ra, có những trạng từ có tác dụng tô đậm những động từ thuộc thị giác: *Mắt ông vẫn đăm đăm nhìn về phía Nguyễn Thị Lộ.* [...] *Ông lén ngắm nàng một lần nữa (tr.* 119, 120).

Tình yêu của Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ trong truyện trước tiên là một tình yêu có tính chất văn hóa, nảy sinh từ tri thức. Nguyễn Thị Lộ có những nhận xét sắc sảo theo kịp những dòng suy nghĩ sắc bén của ông, và giúp ông phân biệt cái ảo và cái thực. Mặt khác, Nguyễn Thị Lộ cảm phục thiên tài của Nguyễn Trãi. Cái nhìn cũng là nhịp cầu giữa hai tư duy: *Chỉ nhìn thấy nàng, Nguyễn nhận ra ngay ông đã sai lầm hoặc ông đã đúng trong suy luận* (tr.125) Việc trao thân chỉ xảy ra về sau. Khi đó cái nhìn có giá trị ôm ấp, nhưng lúc nào cũng bị tai họa ám ảnh: *Vẻ trinh bạch ấy của nàng khiến ông thắt tim lại lo sợ* (tr.121). Khi thấy hình hài nhỏ bé, yếu ớt của nàng giữa cái mênh mông của vũ trụ, lòng ông nhói đau.

Cùng với tình yêu, sự đe dọa của cái chết đã hiện đến. Rồi đây thân xác con người sẽ bị chôn vùi, cầm tù dưới lòng đất sâu, và cái nhìn của tình yêu sẽ chết cùng với thân xác, vì sự chết là Đêm tối hoàn toàn. Đêm tối vĩnh viễn. Cái nhìn không bao giờ kết bạn với đêm tối. Tất cả chỉ còn tồn tại trong hồi tưởng. Danh từ hồi tưởng được lặp lại bốn lần để nhấn mạnh rằng đó là nguồn an ủi cuối cùng của tình yêu khi thân xác không còn nữa.

Vậy cái nhìn đã làm nảy sinh tình yêu, một thứ tình yêu được cháy sáng như lửa vì *Nguyễn Trãi là một khối lửa khổng lồ* (tr. 130).

II Lửa biểu tượng của con người Nguyễn Trãi

Trong truyện *Nguyễn Thị Lộ* dấu hiệu của lửa hiện diện từ đầu đến cuối. Gaston Bachelard, nhà triết học chuyên về khoa học luận và hiện tượng luận về hình tượng, và là bậc thầy của Jean-Pierre Richard, đã phân tích trí tưởng tượng theo bốn nguyên tố trong vũ trụ: lửa, nước, không khí và đất. Ông quan niệm rằng hình tượng mà con người có từ một đồ vật không phải chỉ là sự in sao bởi trí nhớ hay bởi tri giác: hình

tượng mang tính chất của trí tưởng tượng và chứa đựng một phần của giấc mơ. Tham vọng của hiện tượng luận về hình tượng trong việc nghiên cứu bốn nguyên tố là xác định cái công việc âm thầm của trí tưởng tượng trong tri giác.

Mở đầu cuốn *La Psychanalyse du feu* (Phân tâm học của lửa), Bachelard có những nhận xét khái quát về lửa như sau:

... Lửa là một hiện tượng có đặc quyền, có khả năng giải thích tất cả. Nếu tất cả những gì biến đổi chậm rãi được giải thích bằng đời sống, thì tất cả những gì biến đổi nhanh chóng được giải thích bằng lửa. [...] Lửa thầm kín trong con người và lửa thuộc về vũ trụ. Nó sống trong lòng chúng ta. Nó sống trên trời. Từ những nơi sâu thẳm của vật chất, lửa vươn lên và tự hiến mình như một tình yêu. Nó trở xuống trong vật chất, tự ẩn mình, tiềm tàng, bị dồn nén lại như lòng căm ghét và sự trả thù. Trong toàn thể các hiện tượng, lửa thật là một hiện tượng duy nhất có khả năng tiếp nhận hai cách làm tăng giá trị đối lập: điều thiện và điều ác. Lửa chiếu sáng trên Thiên đường. Lửa cháy trong Hỏa ngục. Lửa là sự êm dịu và là sự giằn vặt [...]. Nó là một vị thần hộ mệnh và cũng là một hung thần, thiện và ác. Lửa có thể tự mâu thuẫn: vậy lửa là một trong những nguyên lý giải thích vũ trụ (3).

Ngoài ra, Bachelard cho rằng rượu là nước của lửa, một thứ nước làm cháy bỏng cái lưỡi, và khi chạm vào một tia lửa dù rất nhỏ cũng đủ cháy bùng lên. Bởi vì rượu cháy trước cái nhìn thích thú và sưởi ấm con người nên rượu là bằng chứng sự quy tụ những kinh nghiệm thầm kín và những kinh nghiệm khách quan. Trong toàn thể những vật chất trên thế giới,rượu là thứ vật chất gần với lửa. Trong các mặc cảm về lửa do Bachelard đề xuất, có mặc cảm Hoffmann. Nhà văn Đức Ernst Théodor Amadeus Hoffmann có công trong việc khởi xướng dòng văn học kỳ ảo ở Âu châu. Một trong những nét đặc thù của tác phẩm Hoffmann là những hiện tượng của lửa. Nhất là lửa-rượu (punch) mà Bachelard gọi là mặc cảm Hoffmann hay mặc cảm rượu. Khi so sánh Edgar Poe và Hoffmann, hai tác giả đã cần đến rượu trong việc sáng tạo, Bachelard cho rằng rượu của Hoffmann là thứ rượu cháy nên lửa và mang dấu hiệu nam tính của lửa, còn rượu của E. Poe là thứ rượu làm chìm ngập, đem lại sự lãng quên và cái chết; rượu của E. Poe mang dấu hiệu nữ tính của nước. Cũng theo Bachelard rượu là một yếu tố của ngôn ngữ. Nó làm cho từ vựng phong phú hơn và làm cho cú pháp được phóng khoáng.

Vào đầu truyện, Nguyễn Trãi liền xuất hiện với dấu hiệu của lửa: ông uống rượu trong quán, ông nhìn những tăm rượu sủi lên. Rượu ở đây có thể được gắn liền với mặc cảm Hoffmann: thứ rượu đầy nam tính của

lửa. Sau rượu đến lửa. Trước hết Nguyễn Trãi được tác giả định nghĩa như một khối lửa khổng lồ, và cuối truyện động từ *cháy* được lặp lại 5 lần. Trong truyện có hai hình tượng của lửa tượng trưng cho hai thời kỳ: thời kỳ chưa quen biết Nguyễn Thị Lộ và thời kỳ yêu Nguyễn Thị Lộ.

Sau khi gặp Nguyễn Thị Lộ, Nguyễn Trãi tự hỏi trước kia đã từng thấy người phụ nữ này chưa. Trong những kỷ niệm hiện ra trong ký ức của ông, có hình tượng ông chong đèn viết *Bình Ngô sách*. Đây là hình tượng thứ nhất của lửa. Theo Bachelard, ngọn lửa giữ vững chúng ta trong cơn mơ mộng ý thức, khiến chúng ta tỉnh táo, người ta ngủ trước lửa của lò sưởi chứ không ngủ trước ngọn lửa của đèn. Ngồi trước ngọn đèn suy ngẫm để viết một chiến lược nhằm đi đến thắng lợi, giành độc lập cho đất nước, Nguyễn Trãi không khỏi có những lúc mơ mộng, và ngọn lửa là người bạn chia sẽ tâm tình của ông. Đối với một kẻ mơ mộng, những biểu lộ của vật chất dù rất nhỏ cũng có ý nghĩa. Khi ngọn lửa lung linh, phải chăng nó linh cảm một mối lo âu sẽ đến khuấy động vẻ tịch mịch của thư phòng?

Trong một cuốn sách khác về lửa: *La flamme d'une chandelle* (Ngọn lửa của một cây nến) (4), Gaston Bachelard phân biệt lửa trong lò sưởi và lửa của cây nến. Lửa trong lò sưởi được chăm sóc bằng những khúc củi. Ngọn lửa của cây nến không cần được chăm sóc, nó cháy một mình, nó cô đơn và muốn được cô đơn như thế. Cũng theo Bachelard, khi mơ mộng trước ngọn lửa, kẻ mơ mộng chìm trong quá khứ, mơ đến cái đáng lý phải có và cái đáng lý mình phải làm. Phải chăng đây là tâm trạng của Nguyễn Trãi?

Ngọn lửa của đèn hay của nến là một ngọn lửa vươn cao trong vị trí thẳng đứng. Bachelard viết: *Ngọn lửa của cây nến trên bàn của kẻ cô đơn chuẩn bị cho tất cả những giấc mơ có tính thẳng đứng. Ngọn lửa là một đường thẳng đứng kiên cường và mong manh.* [...] *Bất cứ người nào mơ mộng về lửa cũng đưa giấc mơ của mình lên đỉnh cao.* [...] *Chính trên đỉnh cao mới có những giấc mơ lớn nhất (5).*

Trước ngọn lửa của đèn, Nguyễn Trãi đã có những giấc mơ lớn khi ông viết *Bình Ngô sách*. Ông có những tư tưởng mới để bảo vệ giống nòi, ông muốn lật đổ những lề thói cũ. Cụm từ giữ nguyên tình trạng sau đây được lặp lại nhiều lần để khẳng định ý chí canh tân của ông:

... Nguyễn lại không có khả năng giữ nguyên tình trạng. Giữ nguyên tình trạng đòi hỏi một sự ngu xuẩn phi thường. [...] *Bao giờ cũng vậy, giữ nguyên tình trạng đòi hỏi những con bệnh lớn (tr.127).*

Nguyễn Trãi đi trước thời đại của ông, nên ông bị cô lập. Viết *Bình Ngô sách* là một công việc được làm trước ngọn lửa cô đơn và trong nỗi

cô đơn, vì Nguyễn Trãi là một con người cô đơn: *Từ nhỏ, Nguyễn đã sớm nhận ra sự lạc loài của ông giữa đám đông.[...] Ông cô đơn chính với đồng loại của mình.[...] Ông cô đơn giữa đời như một hành tinh hoặc một ngọn gió (tr 120, 127-128).*

Trong hình tượng thứ hai của lửa thấp thoáng bóng dáng Nguyễn Thị Lộ. Cảnh tượng Nguyễn Trãi ngồi đối diện với Nguyễn Thị Lộ hoàn toàn khác với cảnh tượng Nguyễn Trãi ngồi viết *Bình Ngô sách*, tuy cũng là ban đêm, cũng có ngọn lửa thắp sáng. Nhưng ở đây Nguyễn Trãi làm một cử chỉ có một giá trị tượng trưng: *Nguyễn kéo ngọn nến về phía mình để nàng ngồi chìm trong phía bóng tối* (tr. 121). Nguyễn Trãi ở trong ánh sáng, Nguyễn Thị Lộ lẫn trong bóng tối, thuộc về bóng tối; thân hình mảnh mai của nàng chỉ được thấy lấp loáng trong bóng tối. Ở đây ánh sáng và bóng tối là dương và âm, âm dương biểu hiện tình yêu hoà hợp của hai người.

Cái nhìn của Nguyễn Trãi lúc nào cũng mang dấu hiệu của lửa, ngay sau khi kéo cây nến về mình, ông đưa mắt nhìn ra bên ngoài và thấy ánh sáng của ngọn đèn lồng ngoài đường. Khi mới gặp Nguyễn Thị Lộ, Nguyễn Trãi thấy: *Ở nàng, rạng lên một ánh sáng linh diệu từ phía bên ngoài, không trùng lên con người thật của nàng* (tr.120). Ánh sáng đó tức là lửa do cái nhìn của Nguyễn Trãi làm ánh lên ở Nguyễn Thị Lộ, thật ra Nguyễn Thị Lộ không thuộc về thế giới lửa. Nàng thuộc về thế giới nước. Những ẩn dụ sau đây khẳng định bản chất nước của Nguyễn Thị Lộ:

Trong vắt như nước suối, nàng lặng lẽ để cho ông gạn lọc những ý tưởng của mình. Hoàn toàn giản dị, nàng chảy một cách từ từ, chậm rãi, tự tin, vừa độ lượng, vừa ích kỷ chính trong dòng đời (tr. 125).

Và *Hôm Nguyễn ngỏ lời cầu hôn, trời mưa như trút* (tr.130). Có thể cho rằng đây là dấu hiệu nước của Nguyễn Thị Lộ. Một trận mưa hoan hỉ làm nảy sinh một huyền thoại về tình yêu của hai nhân vật: *Đồn rằng hôm ấy có rồng bay trên sông Cái* (tr.130).

Nước biểu tượng cho Nguyễn Thị Lộ là thứ nước tinh khiết. Bàn về nước, Bachelard nhận thấy trong bốn nguyên tố (lửa, nước, không khí và đất) chỉ có nước có khả năng đu đưa, đó là một trong những nét của nữ tính. Nước là biểu tượng tự nhiên của sự thuần khiết. Giấc mơ về sự trong sạch mà nước tinh khiết gợi lên phải đi kèm với giấc mơ về sự đổi mới mà nước tươi mát gợi lên. Theo Bachelard, người ta trầm mình trong nước để tái sinh thành người mới mẻ (6). Nguyễn Thị Lộ là thứ nước tinh khiết đã đem lại sự tươi mát cho Nguyễn Trãi và làm cho ông tái sinh thành một người mới.

Tình yêu của Nguyễn Trãi là thứ tình yêu của lửa, tương ứng với một mặc cảm khác của lửa mà Bachelard gọi là mặc cảm Novalis. Nhà văn kiêm nhà thơ Đức Novalis, thuộc nhóm lãng mạng Iéna, trong một bức thư gửi cho bạn là nhà văn Friedrich Schlegel, khoảng một tháng sau cái chết của hôn thê của ông, đã có những lời lẽ như sau: *Tình yêu của tôi đã trở thành một ngọn lửa thiêu hủy dần dần tất cả những gì thuộc trần thế* (7). Bachelard cho rằng trí tưởng tượng của Novalis bị chế ngự bởi một nhiệt năng, nghĩa là bởi sự ham muốn một chất nóng, ấm, dịu, bao trùm cả con người và đi sâu vào con người. Mặc cảm Novalis là ý thức một nhiệt năng thầm kín. Ánh sáng chỉ ở trên mặt của đồ vật, còn nhiệt năng xuyên vào bên trong.

Cái đêm Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ trao thân cho nhau:

Ngọn nến để ở một góc phòng kiên nhẫn cháy. [...] *Họ nằm yên lặng, vui thích lắng nghe những tiếng lách tách cháy từ ngọn nến.*

Nguyễn cũng cháy như thế, cháy bùng như một ngọn đuốc dẻo dai, kiên cường cho đến trót đời (tr.130-131).

Một hình tượng khác của lửa: Nguyễn Trãi cháy như ngọn đuốc, chức năng của một ngọn đuốc là soi đường chỉ lối. Nguyễn Trãi là ngọn đuốc, là kẻ chỉ đường, bằng những tư tưởng nhân nghĩa, cho triều Lê, cho dân tộc Việt Nam.

Tiếng lách tách cháy của ngọn nến là một tiếng động hoan hỉ đáp lại cơn mưa hoan hỉ đã trút xuống ngày Nguyễn Trãi cầu hôn. Như vậy trong tình yêu của Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ có niềm hân hoan của lửa (tiếng lách tách của ngọn nến) và niềm hân hoan của nước (mưa trút xuống, rồng bay lên).

Cũng chính Bachelard đã nhận xét: *Gần nước ánh sáng có một màu sắc mới, hình như ánh sáng được sáng hơn khi nó gặp một dòng nước trong* (8). Ánh sáng tức lửa tượng trưng cho Nguyễn Trãi gần nước tinh khiết tượng trưng cho Nguyễn Thị Lộ thì đượm một màu sắc rực rỡ hơn. Nhưng có bao giờ lửa được sống chung với nước.

Từ một sự kiện lịch sử, Nguyễn Huy Thiệp đã tạo nên một hư cấu trong đó tình yêu của Nguyễn Trãi và Nguyễn Thị Lộ là một tình yêu đẹp và mong manh trước mọi bất trắc. Lửa và nước đã đưa tình yêu đó vào thế giới huyền thoại.

Paris, tháng 10-2002

Chú thích:

(1) Jean-Pierre Richard, L' Etat des choses, Gallimard, 1990, tr. 10.

(2) Nguyễn Huy Thiệp, Thương cả cho đời bạc, Nxb Văn Hóa Thông Tin, 2000, tr. 117.

Cạo râu buổi sáng

LƯU TRẦN NGUYÊN

Tặng BS DHT

Buổi sáng nào cũng dậy cạo râu.
Tôi chán ngấy cánh đồng trơ gốc rạ.
Ai cũng hiểu,
Rạ có một thời xanh của lúa.
Sao vẫn trách chiếc liềm gặt hết vụ chiêm.

Lúa tiếc thời mạ non.
Tôi thương thời tóc ngắn.
Đem mơ ước đánh đu trên cánh diều xuôi ngược.
Cánh diều bay xinh như áo ngực em bay.

Buổi sáng nào cũng dậy chải đầu.
Thương những sợi tóc bỏ tôi đi mất.
Tóc cứ rụng,
Sao râu vẫn mọc.
Tôi có bao giờ gieo hạt ấy đâu ?

Phải chi yêu thương cũng như râu thì hay nhỉ.
Chẳng cần gieo vẫn cứ nẩy mầm.
Phải chi lưỡi liềm thời gian cùn đi một nửa.
Cánh đồng tôi
Có lẽ hãy còn xanh!

(3) Gaston Bachelard, La Psychanalyse du feu, Gallimard, 1949, tr. 19-20.
(4) Gaston Bachelard, La Flamme d'une chandelle, Quadrige/PUF, 1961.
(5) Sđd, tr. 57-59.
(6) Gaston Bachelard, L' eau et les rêves, José Corti, 1942, tr. 197.
(7) Albert Béguin, L' âme romantique et le rêve, José Corti, 1991, tr. 264.
(8) Gaston Bachelard, L'eau et les rêves, tr.199.

Nửa đêm

Lê Hữu

Tiếng em hát giữa giáo đường
Chúa về trên những thánh chương bàng hoàng
Phạm thiên Thư

Hương đã bỏ đi từ lúc nào. Chàng vẫn còn ngồi lại đó, trên những bậc thềm lạnh lẽo nơi cổng chính ngôi nhà thờ. Hai cánh cửa gỗ lớn, nặng nề, lạnh lùng khép lại sau lưng Thạch khi giờ cầu kinh buổi chiều vừa chấm dứt. Chiều cuối năm, trời gây gây lạnh vì những cơn gió nhẹ mang theo sự ẩm ướt từ đâu thổi về. Những bọt tuyết trắng chưa tan hết, còn đọng rải rác trên các thảm cỏ, sau đợt tuyết đầu tiên đổ xuống thành phố ngày hôm kia. Sân giáo đường bỗng trở nên vắng ngắt, chỉ còn lại mình chàng và người đàn bà quỳ dưới chân tượng Đức Mẹ ở hang đá kia, nơi có ngôi sao lớn và những chùm đèn màu nhấp nháy. Tuy vậy, Thạch biết chắc rằng chỉ vài giờ nữa thôi, khung cảnh nơi chàng đang ngồi đây sẽ đổi khác hoàn toàn, sẽ nhộn nhịp hơn bao giờ hết vì những thánh lễ giáng sinh kéo dài đến nửa đêm.

Dù sao Thạch cũng phải rời khỏi nơi này. Chàng phải đi ngay bây giờ, tới nơi hẹn với người bạn chàng. Thạch cần tới sớm để có thể về sớm. Chàng biết chắc là Hương sẽ chờ để gặp chàng trước giờ thánh lễ nửa đêm (mặc dầu nàng nói là "em không có chờ đâu"), vì nàng đã nói từ mấy tuần trước là nàng sẽ dành cho chàng một chỗ ngồi "đặc biệt" trong thánh lễ ấy. Thạch không thể hủy bỏ cuộc hẹn với người bạn, Hương có giận thì cũng đành chịu. Chàng chỉ nói vắn tắt với Hương là chàng có việc cần phải đi sau khi đưa nàng tới đây, và chàng sẽ cố gắng về sớm để kịp dự thánh lễ.

"Anh có hẹn hò gì thì đi đi. Em phải vào tập hát, tới giờ rồi..."

Hương nói, làm ra vẻ bình thường, như chẳng có chuyện gì cả, nhưng Thạch hiểu là không "bình thường" chút nào khi nhìn vẻ mặt đóng băng như là "phòng triển lãm mùa đông" của nàng. Chàng hiểu, nhưng không nói lời gì để giữ nàng lại, và chàng nghe tiếng chân nàng xa dần.

Lát nữa đây, trong lúc Hương đang tập tành hát xướng dưới *basement* của nhà thờ thì chàng phải lái xe đến cả mấy chục *mile* để có cuộc gặp gỡ với người bạn cũ. Chỉ là chuyện bạn bè lâu ngày gặp nhau thôi chứ không có gì là hệ trọng, nhưng chàng không đến không được. Người bạn tới từ tiểu bang khác và đang chờ gặp chàng ở nhà người bà con hay anh em gì đó cách đây khá xa. Tay bạn này kể ra cũng khá thân, qua Mỹ trước chàng, từng chuyện trò với chàng qua điện thoại, và chàng hẹn sẽ tiếp rước cẩn thận ngày nào anh ta đặt chân tới đây. Thạch chỉ có một ngày để gặp người bạn vì sáng hôm sau anh ta lại lên đường. Chàng không tiện giải bày với Hương vì chàng không chắc là nàng sẽ thông cảm cho chàng. Hương có thể cho rằng chàng coi trọng bạn bè hơn là nàng, hay tệ hơn nữa, nàng có thể nghĩ, như nàng đã từng nghĩ, lúc nào chàng cũng tìm ra được một lý do nào đó để không phải đi lễ với nàng. Nàng vẫn cho rằng chàng có vẻ ngại ngùng khi phải đặt chân đến nhà thờ vì chàng... không có đạo.

Về điểm này, Thạch cho là không hoàn toàn đúng lắm, hoặc chỉ có đúng trước đây thôi, những lần chàng lò dò theo nàng đến nhà thờ. Bây giờ thì chàng đã bớt lúng túng hoặc ngại ngùng vì sợ rằng có ai đó phát giác chàng là tên ngoại đạo, trà trộn giữa bầy chiên lành của Chúa. Vì nàng, chàng sẵn sàng đi tới đâu, "đi bất cứ nơi nào tổ quốc cần", sá gì chuyện đi... nhà thờ. Kể ra thì chuyện "xem lễ" cũng không khó khăn lắm như chàng tưởng. Cha giảng bài thì cứ ngồi nghe thôi (hoặc suy nghĩ vẩn vơ), còn về nghi thức thì ai làm sao mình làm vậy, chỉ riêng màn rước lễ thì cần nhớ lời nàng dặn dò là cứ việc ngồi giải lao tại chỗ chứ đừng có đi theo ai hết. Nếu đôi lúc có mệt mỏi vì thánh lễ kéo dài thì tiếng hát của nàng ít ra cũng giúp chàng... tỉnh ngủ.

Kể cũng buồn cười là quen biết nhau khá lâu Hương mới biết chàng không có đạo. Nàng như bị hụt hẫng khi phát giác điều bất ngờ này.

"Tại sao anh không nói?" nàng đã hỏi chàng vậy.

"Tại sao em không hỏi," chàng hỏi lại.

"Tại vì em tưởng anh có đạo."

Sao lại có chuyện "tưởng" kỳ cục như vậy, chàng nghĩ. Nàng làm như khi quen nàng là chàng phải có đạo, hoặc nhìn mặt chàng ai cũng biết chàng là tín đồ ngoan đạo nên không cần phải hỏi. Thực ra, thuở bé

chàng có đi học ở một trường đạo, trường Vinh-Sơn thì phải, thế rồi hoặc vì chàng không thuộc giáo lý, hoặc vì chàng không được ơn kêu gọi, ơn cứu rỗi hay ơn gì gì đó, hoặc vì mấy bà *soeur* nghiêm khắc quá làm chàng sợ nên bố mẹ chàng phải chuyển con mình sang trường khác.

"Đạo nào thì cũng là... đạo." Chàng vẫn nói với Hương như vậy, và nàng cũng sẽ dễ dàng đồng ý nếu chàng đừng có thêm vào "đạo nào thì cũng là 'thuốc phiện của nhân loại', cũng là 'tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức', cũng là 'trái tim trong một thế giới không có trái tim...'" (Mặc dầu Thạch đã cải chính nhiều lần là những câu đó không phải của chàng, nàng vẫn gọi chàng là "kẻ tà đạo" và cho rằng chàng và ông Lê-nin đó phải có bà con họ hàng gì với nhau vì hai người đều cùng... họ Lê).

"Đạo nào thì cũng... tốt thôi," sau cùng chàng phải đổi lại, "đạo em cũng như đạo anh."

"Đạo anh là đạo gì?" nàng hỏi, giọng ngờ vực.

"Đạo công bằng và đạo lý làm người," chàng nói, lên giọng, để tỏ ra là mình cũng "có đạo" vậy.

"Nói như anh thì dễ quá, khỏi cần đến nhà thờ, chùa chiền gì cả."

"Theo anh, đâu có cần phải đến gặp Chúa mỗi tuần, cũng phải để cho ngài nghỉ ngơi chứ..." Thạch mạnh dạn nêu ý kiến. "Anh thích cảnh tượng trong một cuốn phim. Anh chàng cao bồi trở về ngôi làng cũ sau những năm biền biệt xa quê, 'bụi đường còn vương trên nếp áo', bước vào ngôi nhà thờ vắng lặng, đứng ở một góc khuất, ngước mắt nhìn tượng Chúa đóng đinh, lặng lẽ làm dấu thánh... Chỉ còn Chúa và chàng, hai người..."

"Anh mà vào đạo chắc cũng như anh chàng đó, mỗi năm đến nhà thờ một lần," nàng ngắt lời khi chàng đang cố tìm những câu văn vẻ để tả tình tả cảnh...

"Anh thích thánh ca," Thạch nói sang chuyện khác. "Nhạc thánh ca tạo cảm giác lâng lâng, làm cho lòng mình dịu lại, làm cho con người..."

"Anh biết những bài nào, kể nghe thử?" nàng hỏi.

"Nhiều lắm, đâu nhớ hết được. *Silent Night* này..."

"Nhạc Việt?"

"... *Bài Thánh Ca Buồn*."

"Bài đó không phải là thánh ca."

Tại sao "bài thánh ca buồn" lại không phải là... thánh ca, Thạch không hiểu. Có lẽ tại vì... buồn. Hương cũng không hỏi thêm gì nữa, sau đó nàng chỉ nói:

"Ở nhà thờ có lớp giáo lý và 'dự bị hôn nhân' dành cho người lớn.

Anh nên ghi danh học những lớp đó."

Thạch nhận xét, Hương có một "khuyết điểm" là nàng dành nhiều thì giờ cho Chúa và những công tác thiện nguyện hơn là cho chàng. Ngoài những giờ làm việc, những giờ đi học thêm, hầu hết thì giờ còn lại được nàng cho vào những sinh hoạt của cộng đoàn giáo xứ ở đây, như là phụ trách các lớp dạy tiếng Việt, lớp giáo lý cho trẻ em, chưa kể đến những giờ sinh hoạt và tập hát với ca đoàn của nàng... Lượng thì giờ nàng dành cho chàng thật ít ỏi và hạn hẹp, chưa nói là trong trường hợp cần thiết, nàng sẵn sàng *donate* một cách rộng rãi và vui vẻ cho nhà thờ.

"Lấy của người này cho người khác, như thế là trái lẽ công bằng. Đạo của anh không cho phép làm vậy." Thạch chỉ phản đối nhẹ nhàng.

"Đạo của em thì... được," Hương nói. "Hãy chia sớt cho kẻ nghèo khó, theo đúng tinh thần phúc âm."

Theo đúng tinh thần phúc âm, chàng học được ở Hương câu ấy. Còn ngược lại là "trái với tinh thần phúc âm" (nghe hay hơn câu "trái lẽ công bằng" của chàng). Thỉnh thoảng chàng cũng học thêm được ở nàng ít câu hay ho và lý thú khác, chẳng hạn như "Chúa sẽ trả công bội hậu". (Nàng hay nói mỗi khi chàng làm "cử chỉ đẹp" cho nàng, như là đeo vào cổ nàng sợi dây chuyền có tượng ảnh thánh giá, món quà giáng sinh chàng mua tặng nàng). Người nào nghĩ ra được câu này, theo chàng, thật là tài tình, thật là tiện và lợi. Câu nói đơn giản thế thôi, chẳng mất mát gì mà lại hóa giải được dễ dàng những món nợ hoặc không trả nổi, hoặc không muốn trả, hoặc xét thấy không cần phải trả, nghĩa là không cần phải lo chuyện đền ơn đáp nghĩa, và người nhận được câu ấy cũng vui bụng vì tin tưởng là như vậy. "Chúa sẽ trả công bội hậu", chẳng riêng gì vị linh mục mà chàng thấy hầu như bất cứ ai ở nhà thờ cũng đều có thể xướng lên câu ấy một cách thoải mái, và cũng không cần phải hỏi qua ý kiến Chúa xem ngài có bằng lòng thanh toán giúp món nợ ấy không(?). Lần đầu Hương nói với chàng câu ấy một cách tỉnh queo, chàng định phản đối là "đâu có thể 'xù' hoặc bán cái một cách dễ dàng như vậy được", nhưng sau đấy chàng thấy câu ấy cũng hay hay và chàng cũng có ứng dụng trong một vài trường hợp, tuy có hạn chế và dè dặt.

Có lẽ đó là lần cuối cùng hai người nói chuyện về đạo giáo. Thực ra, đề tài này không mấy hấp dẫn đối với Thạch, và chàng cũng tránh không muốn đề cập thêm nữa. Thứ nhất, chàng hiểu đấy là một trong những đề tài khá tế nhị, nói năng không khéo dễ mất lòng và cũng dễ xa nhau. Thứ hai, trong mọi cuộc tranh luận về đề tài này, hầu như

kẻ chiến bại luôn luôn là chàng, vì nàng rất dễ dàng đi đến kết luận gọn gàng và độc tài đảng trị: "Yêu em là yêu Chúa" (nghe cứ như "yêu nước là yêu chủ nghĩa xã hội" vậy) để chấm dứt mọi ý kiến lộn xộn. Dù chàng có nói gì đi nữa thì phần thắng cuối cùng cũng vẫn thuộc về nàng, vì nàng... thuộc phúc âm hơn chàng. Lần duy nhất chàng được sự đồng ý của nàng là khi chàng bình phẩm câu hát "*cùng nhau quỳ dưới chân Chúa* cao sang".

"Câu này trái với... tinh thần phúc âm," chàng mạnh dạn phát biểu (mặc dầu không rõ lắm "tinh thần phúc âm" là sao). "Nói 'thấp hèn' thì OK chứ làm gì có chuyện 'cao sang' với lại quyền quý. Chúa không hề phân biệt giai cấp mà lúc nào cũng gần gũi với những kẻ khốn khổ như là anh vậy."

Thừa thắng, chàng phát biểu thêm ý khác:

"Làm gì có chuyện '*em hiền như ma soeur*'. Câu này... trật (chàng cũng định nói... 'trái với tinh thần phúc âm', nhưng kịp đổi lại). *Ma soeur* sức mấy mà hiền. Giá mà ngày xưa Chúa cho anh gặp được mấy bà sơ hiền hiền cỡ em thôi thì anh đã đi tu rồi chứ không phải chỉ vào đạo."

Hương nói trước đây có lần nàng suýt đi tu.

"Đi tu, đó là thứ hạnh phúc buồn bã," chàng nói, "là nỗi vui gượng gạo của những người thân còn ở lại..."

Hương chỉ mỉm cười, môi hơi nhếch lên, nụ cười cũng thoáng vẻ bí ẩn như khi nàng nói là sẽ dành cho chàng "một chỗ đặc biệt" trong thánh lễ giáng sinh. Thạch không rõ khi nói lời ấy nàng có ngụ ý gợi cho chàng nhớ ngày đầu hai người gặp nhau và quen nhau...

Thạch nghiệm ra một điều, ở đời có nhiều chuyện ta tưởng rằng ngẫu nhiên, nhưng thực ra không phải vậy mà có bàn tay kín đáo của định mệnh sắp đặt đâu vào đấy cả. Chẳng hạn, sao không phải là một lúc nào khác, một nơi nào khác, mà lại đúng vào ngày đó, giờ đó, phút đó, nơi đó (một quán ăn tồi tàn trong số bao nhiêu là quán ăn ở nước Mỹ rộng lớn này), hai người bạn cũ bất ngờ gặp lại nhau sau nhiều năm xa cách... Trí, người bạn "tha hương ngộ cố tri" ấy, cũng chính là người đưa đường dẫn lối cho chàng gặp Hương. Tất cả, như một chuỗi mắt xích, không phải là đã có bàn tay của định mệnh hay sao(?)...

Nếu không có cái đám cưới tổ chức rất là luộm thuộm đó, Thạch nghĩ chàng và Hương có đi đến cuối cuộc đời cũng không dễ gì gặp được nhau.

Thạch rất ít khi nào hăng hái tham gia những vụ đám cưới đám hỏi.

Chàng vẫn cho rằng không có gì vô bổ, vô duyên và thiệt hại cho bằng vác xác đi dự một cái tiệc cưới. Đã mất tiền (tất nhiên) lại còn mất thì giờ (vì đợi dài cổ mới được cho ăn). Phải ăn mặc chỉnh tề, phải chào hỏi trịnh trọng, phải bắt tay bắt chân, phải vỗ tay lộp độp, phải ngồi ăn nhậu cùng bàn với những tay hoặc chẳng quen chẳng biết, hoặc chẳng thân chẳng sơ, phải nghe phải nói những câu chuyện hết sức nhạt nhẽo, vô vị vì chẳng chuyện gì ra chuyện gì, và lại còn bị tra tấn thô bạo bằng âm lượng quá tải của dàn nhạc giúp vui nữa chứ. Trong một khung cảnh bát nháo như vậy, làm sao có thể *enjoy* chuyện ăn uống hoặc bất cứ tiết mục nào của buổi tiệc cưới. Tốt hơn hết là nằm nhà nghỉ ngơi và giữ gìn sức khỏe.

Thế nhưng đám cưới của Kim, em gái Trí, thì Thạch cũng khó lòng chối từ. Bố mẹ Trí và Kim đều đã qua đời, và Trí là ông anh lớn nên phải lo liệu mọi việc, chỉ nhờ một ông bác đứng ra làm chủ hôn. Thạch cũng phải làm ra vẻ sốt sắng tham gia vào việc tổ chức, dù chỉ giữ một vai phụ trong ban tiếp tân của tiệc cưới, nghĩa là chỉ việc đứng một chỗ quan sát, thấy vị khách nào đứng lớ ngớ, không người chăm sóc, thì tiến lại gần chào hỏi, "Xin ông bà cho biết quý danh", rồi dẫn khách vào ngồi đúng bàn tiệc có đánh số, căn cứ vào tờ giấy cầm sẵn trên tay ghi tên tuổi khách mời và số bàn. Có khá nhiều thực khách đứng ngơ ngác giữa đám đông ồn ào (mặc dầu ban tiếp tân đã được dặn dò cẩn thận là sau màn chụp hình chụp ảnh và ghi tên ghi tuổi, phải hướng dẫn khách đến ngay các bàn đã được đánh số đàng hoàng). Thạch cũng chỉ giải quyết được một số, còn một số phải... tự giải quyết, tự phục vụ, nghĩa là tự mình lăng xăng đi kiếm chỗ ngồi cho mình, hơn là cứ đứng mãi một chỗ, chẳng ai thèm hỏi han đến. Các cô phụ trách việc đưa lối dẫn đường cho khách khứa không hiểu biến đâu mất dạng mà chẳng thấy mặt mũi cô nào cả... Hương và cô bạn nàng đến hơi muộn, và khi ấy thật khó mà tìm được một bàn trống. Thạch tiến lại gần cứu bồ giữa lúc hai "con nai vàng ngơ ngác" đang lộ vẻ bối rối, đảo mắt nhìn quanh quất. Chàng cũng hỏi danh tính, và sau khi Hương trả lời thì đến lượt Thạch... bối rối vì chàng tìm đỏ mắt trong cái danh sách dài ngoằng mà không thấy tên nàng đâu cả.

"Hai cô vui lòng đợi cho một chút..., ba mươi giây thôi. Xem nào, Kim Hương... bàn số 6, Thu Hương... bàn số 17. Không phải tên cô sao?"

"Thưa không phải, em là Thiên Hương."

Thạch cũng không tìm thấy tên của Thúy, cô bạn nàng. Chàng dò lại một lần nữa từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, và bắt đầu thấy hoa

mất... (Khách khứa đến mấy trăm mạng, tên tuổi cứ loạn cào cào thế này, không chịu xếp theo thứ tự abc thì bố ai mà tìm được, Thạch nguyền rủa cái danh sách thổ tả). Những bàn quanh đấy cũng không còn chỗ trống. Thạch lúng túng..., chẳng lẽ cứ đứng mãi giữa ngã ba đường thì cũng bất tiện và kỳ cục.

"Thôi tôi hiểu rồi, hai cô chắc phải là chỗ thân tình, không kể là khách mời, nên... không có tên trong danh sách này." Thạch giải thích bừa. "Như vậy để tôi xem..."

"Không hề chi," Hương nói, chắc nàng thấy tội nghiệp chàng. "Anh cho ngồi đâu cũng được..., càng xa ban nhạc càng tốt." Đến lượt nàng giải thoát cho chàng.

"OK, xong ngay. Để tôi đưa hai vị đến bàn đặc biệt của người nhà vậy, có hơi xa đây một chút nhưng là chỗ an toàn nhất. Tôi cũng từng là nạn nhân đau khổ của ban nhạc đám cưới..."

Hương mỉm cười, nói cám ơn và theo chân chàng. Ba người luồn lách giữa những lối đi và đủ loại tiếng động ồn ào. Thạch nghe những tiếng gọi tên Hương từ một bàn gồm toàn những thực khách trẻ trung, nhưng nàng chỉ cười cười, ngoắc ngoắc tay trong lúc vẫn theo sau chàng, không dừng lại...

Khi màn trình diện hai họ chấm dứt trong những tràng pháo tay theo phép lịch sự, Thạch bắt đầu thấy mệt mỏi và cũng đã chán ngán vai tuồng quan sát viên kiêm hướng dẫn viên của mình nên chàng thả nổi, ai muốn ngồi đâu thì ngồi. Những người khách đến trễ là lỗi tại họ, nhiệm vụ chàng tới đây là chấm dứt, và ngay đến chàng cuối cùng cũng chẳng có được một chỗ để ngồi. Thạch phải quay về lại bàn "không có đánh số" của Hương và Thúy, chiếc bàn trống duy nhất còn lại.

"Hai cô ngồi đây được chứ?" chàng hỏi. "Nếu thấy buồn, tôi sẽ đổi cho bàn khác..."

"Chỗ này tốt lắm anh à," Thúy nói.

"Tôi là Thạch, bạn Trí, anh của Kim. Hai cô thì tôi đã biết tên rồi."

"Tụi em cũng đoán vậy", Hương lên tiếng. "Anh Trí vui tính lắm."

Gọi là "bàn đặc biệt của người nhà", thực ra, đây chỉ là chiếc bàn được trù liệu kê thêm vào phút chót trong trường hợp không đủ chỗ cho khách. Thường chỉ là dư bàn chứ ít khi lại thiếu. Thạch cũng không hiểu sao khách khứa lại chịu khó có mặt đông đủ như vậy. Ngoài ba người, chỉ có thêm cặp vợ chồng người chú hay bác gì đó của Trí và Kim, di tản xuống đây để lánh nạn khủng bố âm thanh và mấy đứa cháu nhỏ của hai ông bà. Lát sau Trí cũng lò dò tìm đến bàn ấy.

"Tìm mãi, hóa ra rúc vào đây tán tỉnh hai người đẹp này," Trí nói,

quay sang phía Hương và Thúy. "Tối nay hai em đều đẹp cả. Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười... Nhưng đừng có dại dột mà nghe lời đường mật của tay này."

"Sao vậy anh Trí?" Hương hỏi.

"Thì ngọt mật chết ruồi chứ còn trăng sao gì nữa."

"Ghê quá," Thúy lè lưỡi. "Anh Trí gọi hai đứa mình là ruồi nhặng."

Từ lúc có thêm Trí câu chuyện trở nên thân mật hơn. Qua lời Trí, Thạch biết được hai nàng là bạn của Kim, cùng sinh hoạt trong ca đoàn của một giáo xứ người Việt ở đây và Hương là một trong những giọng ca chính của ca đoàn (tên là "Cung Chiều" hay "Cung Triều" gì đó). Lúc sáng ca đoàn có đến giúp phần hát xướng trong thánh lễ hôn phối ở nhà thờ. Thánh lễ ấy không có Thạch vì trước giờ chàng vẫn không mấy thoải mái khi tham dự những nghi thức tôn giáo.

"Bài nhạc khi sáng Hương hát ở nhà thờ hay quá phải không anh Thạch?" Thúy hỏi.

"Vâng, tôi thích bài ấy," Thạch gật gật đầu phụ họa, dù chàng chẳng biết "bài ấy" là bài gì.

Hương không phải là bông hoa đẹp nhất trong đêm ấy, và cũng không phải sắc nước "hương trời" như là tên của nàng, để có thể hớp hồn chàng ngay từ phút đầu, ngoài khuôn mặt thanh tú, trang điểm khéo, hoặc ít trang điểm khiến nàng có vẻ đẹp tự nhiên và kín đáo. Sau này mỗi lần hình dung lại chàng cũng chịu không nhớ ra nổi là đêm ấy nàng ăn mặc kiểu cọ ra sao, màu sắc thế nào. Thạch chỉ nhớ mang máng là trong đêm ấy chàng có nghe được giọng nói thật là êm dịu. "*Thưa không phải, em là Thiên Hương... Anh cho ngồi đâu cũng được.*" Giọng nói như rót mật vào tai ấy làm Thạch nhớ đến người bạn gái năm nào. Hằng, cũng nét mặt từa tựa như thế, cũng giọng nói dịu dàng như vậy, và chàng đã yêu giọng nói ấy. Hằng đã lấy một người khác. Lần gặp lại Trí, người bạn cũ, Trí đã tỏ vẻ ngạc nhiên khi biết chàng vẫn phòng không chiếc bóng vì tưởng hai người đã lấy nhau. Trong lúc Trí đã vợ con đàng hoàng thì Thạch vẫn cứ để vuột mất những mối tình. Khi ngồi gần Hương, nghe nàng trả lời những câu hỏi của Trí và chàng, Thạch tưởng được nghe lại giọng nói đã từ lâu lắm. Nhưng trước mặt chàng khi ấy là Hương, và Thúy, chứ không phải Hằng. Thạch tự hỏi liệu có chút liên hệ nào giữa Hằng và cô gái ngồi cùng bàn, giữa hai giọng nói ấy, rồi chàng kín đáo nhìn ngắm khuôn mặt lặng lẽ, cử chỉ nhẹ nhàng của Hương để cố gắng tìm kiếm nét gì quen thuộc, nhưng rồi chàng thấy mình lẩm cẩm và có vẻ giàu óc tưởng tượng. Thạch cũng để ý Thúy và Trí thỉnh thoảng cố ý đưa đẩy gán ghép Hương và chàng qua

những câu nói đùa đầy ẩn ý.

Những câu nói đùa đầy ẩn ý ấy thực ra cũng không giúp cho chàng và Hương xáp lại gần nhau được, nếu không có cái party "hậu đám cưới" ở nhà Kim sau đó không lâu, gọi là "họp mặt thân mật" nhưng chắc là để "đền ơn đáp nghĩa" những người đã dự phần vào việc tổ chức thành công đám cưới vừa rồi (chắc là "thành công" về mặt tài chánh nhờ vào số lượng khách khứa đông đảo, còn việc tổ chức dẫu có luộm thuộm một chút thì cũng OK). Hôm ấy Thạch đến trễ. Vừa đặt chân vào phòng ngoài, chàng đã nghe tiếng Thúy gọi đến ngồi chung bàn.

"Em đã dành sẵn cho anh một chỗ đặc biệt," Thúy nói, chỉ chiếc ghế trống giữa nàng và Hương, là chỗ của Kim, chủ nhà, nhưng Kim đã nhảy sang bàn khác.

"Ngồi giữa hai cô sao?" Thạch hỏi. "Thôi cũng liều mạng, đặt đâu ngồi đó vậy. Lần này thì cô là người dẫn lối cho tôi đấy nhé."

Thúy giới thiệu từng người, Thạch bắt tay và nhận ra ít khuôn mặt quen quen hôm tiệc cưới ở cái bàn ồn ào mà chàng nghe gọi tên Hương lúc dẫn hai nàng đi ngang qua. Chàng để ý Quang, tay ngồi cạnh Thúy, khá bảnh trai và có những cử chỉ khá thân mật với nàng, chắc là bồ bịch sao đó.

"Anh Thạch là bạn anh Trí, lớn tuổi hơn đám mình." Thúy làm vẻ mặt nghiêm trang, dặn dò. "Mấy bồ phải đứng đắn."

"Nhưng nếu anh ấy không... đứng đắn thì sao?" một chàng hỏi.

"Thì... tới luôn," Thạch vừa nói vừa nâng ly mời mọi người. "Tôi cũng chịu 'quậy' lắm, giá nào cũng chơi hết."

Thạch làm ra vẻ chịu chơi, chàng không muốn tỏ ra là mình "già" hơn những người ngồi đó, mặc dầu chàng cũng thấy là mình có vẻ... già nhất trong bàn thật (ngoài một chị được giới thiệu là ca đoàn trưởng). Một phần chàng nhiều tuổi hơn, một phần vì chàng là bạn của Trí, mà Trí thì vẫn được đám này nể nang.

Thức ăn dọn sẵn trên bàn nhưng có vẻ ít được chiếu cố vì mọi người nói nhiều hơn là ăn, trừ Nguyệt, chị ca đoàn trưởng, và Hương (chắc là vì có Thạch ngồi cạnh). Thạch có uống chút rượu Quang rót cho chàng, và thấy đầu óc hơi váng vất. Có một lúc chàng loáng thoáng nghe Thúy nói nhỏ vào tai mình:

"Em biết anh để ý Hương, phải không?"

"... Sao cô biết tài vậy?" Thạch hơi giật mình, rồi chàng làm điệu bộ tròn mắt, ngạc nhiên.

"Làm gì mà không biết," Thúy nháy mắt. "Trong mắt anh có tình

yêu, làm sao dấu được."

"Từ nay gặp cô chắc tôi phải đeo kính mát," Thạch nói. Rồi chàng đổi giọng, "Anh phải học em mới được, Thúy à."

"Hương cũng có vẻ... cảm tình đặc biệt với anh."

"Đừng có an ủi. Anh đâu có đẹp trai."

"Chị Kim cũng nói em gài độ cho anh. Nhưng mà anh phải lanh tay lẹ mắt mới được, con gái bây giờ... Ngó anh hiền quá, không như anh Trí."

"Không hiền thì dữ với ai bây giờ, có nhe răng trợn mắt cũng đâu có làm ai sợ."

Thạch thoáng thấy Hương kín đáo liếc nhìn hai người. Chắc nàng biết Thúy và chàng đang nói về mình, Thạch nghĩ vậy và chàng làm bộ nâng ly mời hai nàng.

Chút men rượu làm hưng phấn thêm những câu chuyện. Các cô gái cũng có vẻ dạn dĩ hơn. Thạch cũng thấy Hương lần lần tỏ ra thoải mái tự nhiên hơn trong những câu nói đùa qua lại với chàng và mọi người. Chàng nghe tiếng cười ròn rã của nàng bên tai, và biết nàng vui nhiều đêm nay. Trong lúc chuyện trò, mỗi lần hai người chạm mắt nhau Thạch lại nhớ lời Thúy, chàng nhìn kỹ mắt Hương và tự hỏi liệu có chút tình yêu nào trong sóng mắt long lanh ấy. Thạch không thể đoán chắc được, tuy rằng lâu lâu chàng lại bị mũi giày nghịch ngợm của Thúy đá nhẹ mấy cái vào chân ở dưới gầm bàn.

Bàn của Thạch đúng là bàn của những tay chịu "quậy". Sau phần ăn nhậu, một thanh niên ngồi cùng bàn, Thạch không nhớ tên, lên mở đầu chương trình hát hỏng bằng bài hát tên "Kim", nói là để tặng người cùng tên với bài hát. Anh chàng vừa hát vừa nhún nhảy, lắc lư theo lời ca và điệu nhạc khá "giựt". Bài hát được tán thưởng, và xong phần trình diễn, chàng ca sĩ được chính Kim, chủ nhân buổi tiệc, đến bắt tay và bất ngờ kiễng chân thưởng cho một chiếc hôn lên má. Nhiều tiếng vỗ tay và huýt sáo. Sau đấy các chàng trai chế ra được một trò vui: chàng nào nghĩ ra được bài hát nào có tên của một trong những cô gái có mặt ở đây, và chịu lên hát tặng thì sẽ nhận được phần thưởng là chiếc hôn của cô gái đó như anh chàng vừa rồi. Đề nghị hấp dẫn được nhanh chóng thông qua nhưng các chàng còn tiếp tục bàn cãi sôi nổi là hôn thế nào, hôn vào đâu, hôn trán, hôn tóc, hôn má, hôn môi, hay... hôn tay. Sau cùng, Trí phải đứng ra giải quyết: hôn kiểu nào là tuỳ thuộc ca sĩ hát hay hoặc dở. Giải xuất sắc là hôn môi, giải an ủi là hôn má, còn hát tệ quá thì chỉ được giải khuyến khích là... bắt tay rồi về chỗ.

Thế là sau đó các chàng bèn có một màn thi đua vận dụng trí nhớ

để tìm ra cho được những bài nhạc nào mang tên các cô bạn đáng yêu của mình, bất chấp sự phản kháng quyết liệt của phái nữ, cho rằng bị đối xử bất công vì cứ phải hôn hết người này người nọ mà... không được gì cả. Hầu hết những cái tên đưa ra đều bị các nàng khước từ vì cho là bất hợp lệ. Lan thì nói tên nàng là Tuyết Lan chứ đâu phải "Ngọc Lan", và cũng không thể là cô Lan trong "Chuyện Tình Lan Và Điệp" vì nàng không có ý định đi tu. Thúy thì nói "Thúy Đã Đi Rồi" là Thúy nào chứ đâu phải là nàng vì nàng vẫn còn ngồi đây chứ có đi đâu mà "bóng hình em xa khuất trong tôi". Phượng cũng nói "Phượng Yêu" không phải là nàng vì mất nàng vẫn còn sáng thì không thể có chuyện "yêu mầu rực rỡ, yêu em mù lòa". Thu thì nói "Thu Quyến Rũ" hay "Hoài Thu" gì cũng đều nói về mùa thu chứ đâu phải là tên cô gái nào. Hương thì cũng nói như Thu, "Hương Xưa" của Thạch chỉ là... "hương đồng gió nội" (không phải như là "Diễm Xưa"), còn "Hát Nữa Đi Hương" thì nàng chưa nghe khi nào cả, chắc là chàng... "chế" ra. Chỉ có Nguyệt là tạm chấp nhận "Nguyệt Ca" vì nàng thích bài hát ấy, với điều kiện là người hát phải hát đúng và hát trọn bài. Trí lại phải thương lượng và dàn xếp để các ca sĩ đều có được cơ hội trình diễn.

"Không nên làm khó nhau quá," Trí nói, "một hai câu cũng được, có thiện chí là tốt rồi."

Sau đấy, những chàng nào trót nghĩ ra cái tên bài hát đều phải lần lượt trình bày nhạc phẩm của mình. Thạch là người bị đẩy lên sau cùng, chàng khó mà từ chối vì đã trót tỏ ra chịu chơi. Phần biểu diễn của các nam ca sĩ trước đó đều thất bại cả. Khán thính giả là các nàng không chê các chàng hát dở nhưng từ chối không cho hưởng đặc ân vì các ca sĩ đều không thuộc bài. Tất cả đều chỉ được giải khuyến khích. Chung cuộc, các chàng vẫn không làm sao khôn hơn mấy nàng được. Thạch thấy trước là thua nhưng không thể rút tên được.

"*Hương ơi, sao tiếng hát em nghe vẫn dạt dào, nghe vẫn ngọt ngào...*[1]" chàng chỉ hát được tới đó rồi thôi...

"Anh Thạch hát hay dễ sợ! Phải mời anh ấy vô ca đoàn mới được."

Thạch không biết mấy cô khen chơi hay khen thiệt.

"Rán thêm chút nữa đi anh Thạch, có nhiều hy vọng đấy, nhớ tới đâu hát tới đó..." Chàng được mấy nàng khuyến khích.

"*Hát mãi nghe Hương, cho hồng làn da, kẻo đời chóng già...*"

Khán giả kẻ huýt sáo, người che miệng cười. (Sau này mỗi lần hát riêng cho nàng nghe câu ấy, chàng đều được Hương thưởng cho... cái nguýt xéo thật sắc và lời bình phẩm: "vô duyên". Nàng vẫn nói là chàng "chế" ra chứ làm gì có câu ấy).

"Thiên Hương đâu rồi? Hát hay như dzậy còn đòi gì nữa mà không chịu thưởng cho chàng...," các nàng kêu ơi ới.

Thạch nhìn xuống, chàng thấy Hương có vẻ ngượng.

"Cô Thiên Hương nói là bài hát ấy do tôi... sáng tác nên không chịu thưởng mà còn đòi phạt, nhưng cũng có hứa là khi nào trưng ra được chứng cớ đàng hoàng thì sẽ thưởng gấp đôi. Đó là chuyện về sau, còn bây giờ thì phải cho nghe giọng oanh vàng chứ, không lẽ cứ bắt tụi này làm trò cười mãi... Có lẽ Hương nên hát một bài gì đó..."

Nhiều tiếng vỗ tay hưởng ứng nên Hương không thể từ chối. Vì chàng là người khởi xướng nên mọi người dành cho chàng đặc quyền mở đầu chương trình "nhạc yêu cầu", nghĩa là thích ca sĩ hát bài nào thì yêu cầu bài ấy. Thạch không nghĩ ra được bài gì nên chàng đề nghị Hương hát lại bài mà nàng đã hát trong lễ cưới hôm trước và được nhiều người khen hay.

"Đây đâu phải là nhà thờ," Hương lắc lắc đầu.

"Có sao đâu," Thạch nói. "Vẫn còn dư âm ngày cưới mà, phải không quý vị?"

Một người nào đó đứng dậy bước đến bên chiếc *keyboard*. Tiếng nhạc dạo, và tiếng hát cất lên, chậm rãi...

Căn phòng rộng lớn bỗng trở nên im lặng khác thường, như sân khấu vừa chuyển sang một cảnh khác, một màn khác. Mọi thứ tiếng động ồn ào trước đó chỉ một phút đột nhiên im bặt. Chỉ còn lại tiếng hát. *A...ve Ma..ri..í..a, mối tình xanh mãi mầu..., tiếng hát nào đưa bao duyên lành mới qua cầu..., đây đó ta cùng nép dưới bàn thờ xin cầu lời thương nhau.* [2]"

Đó là lần đầu Thạch nghe tiếng hát nàng. Chàng thấy mình như đang ở một nơi nào khác chứ không còn ở trong căn phòng đó nữa.

Về sau này, nhiều lần nghe Hương hát nhưng Thạch vẫn cứ thích bài hát ấy. Còn bài hát mà chàng hát tặng nàng đêm ấy thì Hương vẫn không chịu tin là có thực mặc dầu chàng có nói tên người nhạc sĩ. Hương nói nàng có nghe đến cái tên đó và cũng có biết một hai bài của ông ấy, "Có Tin Vui Giữa Giờ Tuyệt Vọng" chẳng hạn, và một bài nữa có mấy câu nàng thích nhưng không biết có phải là của ông, "Chuyện Một Chiếc Cầu Đã Gẫy". *Ngày nào cầu đã đưa anh qua phố tìm em...,* nàng hát nho nhỏ. Có lần Thạch chỉ Hương tấm ảnh người nhạc sĩ trên một tờ báo, nàng đưa ra nhận xét:

"Trông mặt mũi ông này khắc khổ quá."

"Phía sau bộ mặt khắc khổ đó là một trái tim giàu lòng nhân ái, ấm

ấp tình người, một trái tim biết chia sẻ những khổ đau của đồng loại, biết cảm thương những số kiếp không may, những mảnh đời bất hạnh..."

Thạch ngừng lại khi bắt gặp ánh mắt là lạ của Hương. Chàng cũng thấy mình nói những lời ấy như kẻ thuộc bài, hoặc giống như những anh chàng truyền giáo (thỉnh thoảng đến gõ cửa nhà chàng, thuyết giảng làu làu những chuyện chàng không hiểu gì cả rồi sau cùng hỏi chàng có muốn lên thiên đàng), và Hương giống như một tín hữu thành khẩn lắng nghe, vì vậy chàng đi đến kết luận:

"... theo đúng... tinh thần phúc âm."

Hương vẫn nhìn chàng không chớp mắt như muốn dò xét chàng nói chơi hay nói thật. Riêng Thạch, chàng tin điều mình nói, và chàng bỗng dưng nẩy sinh mối thiện cảm đặc biệt với người nhạc sĩ đã viết nên bài hát để tặng cô gái tên Hương nào đó. Chàng không rõ cô gái ấy và ông nhạc sĩ có quan hệ thế nào và tình cảm của ông đối với cô ra sao. Có như là chàng với Hương? Ông có yêu cô gái ấy? Cô gái cũng yêu ông chứ? Cô có "chê" ông viết những lời nhạc giống như những lời tỏ tình "vô duyên"? Thạch cũng muốn bày tỏ lòng biết ơn ông nhạc sĩ vì nếu không có bài hát ấy, làm sao chàng có được lời tỏ tình hay ho đến vậy, và lời tỏ tình ấy dù sao cũng đã được đáp nhận, còn chuyện "vô duyên" hay có duyên cũng đâu có gì là quan trọng. Hương, cô gái trong bài hát ấy, nàng là ca sĩ, hay nàng ở trong... ca đoàn của nhà thờ? Hay nàng không là gì cả, hay nàng chỉ là cái tên? Là quê hương, hay "hương đồng gió nội" như là Hương nói với chàng vậy. Thạch không thể biết được. Chàng nhớ có gặp ông nhạc sĩ một hai lần. Giá mà ngày ấy chàng chịu khó hỏi han ít câu, chắc sẽ tìm ra câu trả lời.

Về phía Hương, nàng vẫn không chịu tin là có một bài hát như thế. Cho đến một hôm Thạch và nàng nghe trọn bài hát ấy trong một băng nhạc cũ ở nhà chị ca đoàn trưởng, và Hương đã cười ngặt nghẽo khi nghe Thái Thanh hát "*hát mãi nghe Hương, cho hồng làn da, kẻo đời chóng già...*" Khi ấy vì có Nguyệt ngồi đấy nên nàng không thể thực hiện lời hứa trước đây với chàng được. Sau đó Hương hỏi chàng:

"Lâu nay ông ấy không có viết thêm bài nào mới sao?"

"Không," Thạch trả lời, "người nhạc sĩ ấy đã qua đời."

Sau cái bắt tay vội vàng, Thạch đi như chạy về phía *parking*, không kịp quay lại trả lời câu chúc "*Merry Christmas*" của người bạn đuổi theo sau lưng. Chàng nhìn đồng hồ. Không kịp nữa rồi, thánh lễ sắp sửa bắt đầu. Thạch tính toán, nếu không bị kẹt xe, may lắm chàng có thể về đến nhà thờ khoảng giữa thánh lễ. Ra tới *freeway*, Thạch tăng tốc độ, đổi

lane rồi đổi *lane*, qua mặt các xe khác. Nhưng rồi chàng cũng không chạy nhanh hơn được vì *lane* nào cũng là những hàng dài xe cộ. Sau cùng thì điều chàng lo ngại đã xảy ra. Kẹt xe. Xe Thạch phải nhích từng chút, từng chút một, cho đến lúc dừng hẳn lại. Thạch để ý là cái số của chàng thật đen đủi, hầu như cứ mỗi lần chàng có việc khẩn cấp là mỗi lần... kẹt xe. Và lần này cũng vậy. Chàng nóng ruột nóng gan nhưng không biết phải làm sao. Nếu chàng đến nơi khi đã tan lễ và không gặp được Hương thì quả là một... tai họa! Chàng giận người bạn ở xa sao không đến chơi vào dịp nào khác (mà không chịu hiểu cho rằng anh ta phải cày bừa suốt năm và phải đợi mãi tới Noel và Tết tây mới lấy được *vacation*). Chàng cũng tự giận mình đã không chịu dứt khoát đứng dậy kiếu từ để ra về sớm hơn mặc dù người bạn và những người ngồi ở bàn không chịu để chàng ra đi khi chưa hết chai rượu. Rồi chàng lại thẫn thờ nhìn dòng xe cộ dài ngoằng trước mặt. Thạch cảm thấy bất lực. Chàng chẳng biết làm gì hơn, ngoài việc... cầu xin Chúa giúp chàng vượt qua khổ nạn đêm nay. Để đỡ sốt ruột, Thạch lục lạo tìm thuốc lá, châm hút, gói thuốc mà chàng thường phải dấu ở một chỗ kín trong xe, không để Hương trông thấy, vì nàng đã nhiều lần bắt chàng phải từ bỏ, và chàng cùng đã nhiều lần hứa sẽ từ bỏ, như là từ bỏ sự cám dỗ của ma quỷ vậy. Thạch nghĩ ngợi lan man. Chàng cố hình dung Hương đang làm gì trong lúc này. Có thể là nàng đang quỳ lặng lẽ ở hàng ghế đầu của dãy ghế dành cho ca đoàn, và nàng đang đang lẩm nhẩm những lời kinh nguyện. Trong những lời nguyện ấy, biết có lời nào dành cho chàng. Có thể là nàng nguyện cầu cho chàng kịp về dự thánh lễ không chừng. Vậy mà giờ này chàng còn kẹt cứng ở đây, không cựa quậy không nhúc nhích gì được. Cũng có thể ca đoàn đang hợp xướng một bài gì đó và Hương, một trong những giọng nữ chính, sẽ *solo* một hai câu nhạc nào đó. Làm sao biết được nàng hát bài gì nhỉ. Tuần trước nàng hỏi chàng muốn nàng hát bài gì.

"*Ave Maria*," chàng trả lời.

"Bài ấy em đã hát Noel năm ngoái rồi."

"Thì hát lại có sao đâu. Một bài hát hay không bao giờ cũ."

"Nhưng... thiếu gì bài hát Noel khác."

"Nhưng... anh thích bài đó. Giọng em thích hợp bài đó."

Trông vẻ mặt nàng không được vui lắm. Thạch cũng thấy mình có vẻ hơi độc tài, nhưng vì nàng đã hỏi nên chàng phải trả lời. Thực ra, trước giờ nàng muốn hát bài gì thì hát, có khi nào nàng thèm hỏi ý kiến chàng. Nàng cứ việc... tự chọn bài hát, chàng đâu có ý kiến. Lúc này nghĩ lại, chàng thấy mình có vẻ kém hiểu biết về tâm lý phụ nữ, nàng

hỏi vì nàng muốn chiều chàng, muốn biết chàng thích bài nào, và cũng muốn nghe chàng khen nàng hát hay một hai bài gì đó nữa. Có điều nàng không thích hát đi hát lại có mỗi một bài, để mọi người biết là nàng chỉ có một bài "ruột" đó thôi, cũng như là phụ nữ vẫn thích thay đổi áo quần chứ đâu có chịu mặc đi mặc lại một bộ cánh, dù có đẹp cách mấy. Thạch cũng biết vậy, nhưng chàng vẫn có lý do để đề nghị nàng hát lại bài ấy, bài hát đầu tiên chàng nghe nàng hát và cũng gắn liền với kỷ niệm ngày tình yêu đến với hai người.

Như vậy cũng có thể vì chiều chàng, nàng sẽ hát lại "*Ave Maria*". Không rõ trong lúc hát nàng có kín đáo đưa mắt tìm kiếm chàng trong số đông đảo giáo dân đang quỳ hay ngồi bên dưới, vì nàng muốn tặng riêng chàng bài hát ấy. Cũng có thể là nàng đang kính cẩn ngửa mặt đón nhận bánh thánh từ tay vị linh mục, hoặc đang khép hờ đôi mắt trong lúc nâng ly nhấp ngụm rượu nho từ tay một dì phước. Không thể được..., như vậy thì hỏng mất, không còn kịp nữa rồi. Tình thế đã xấu đến mức không thể cứu vãn.

"Lỗi tại tôi mọi đàng," chàng nhớ lời kinh. Sau cùng, giữa lúc chàng đang đứng chênh vênh bên bờ tuyệt vọng thì như một phép lạ, đoàn xe từ chuyển bánh. Không rõ có phải vì Chúa nghe được những lời thống hối thành khẩn của chàng mà ra tay cứu vớt. Nếu quả vậy, ngài cũng đã rộng lòng thứ tha những lời lẽ mạo phạm lâu nay của chàng. Thạch lại liếc nhìn đồng hồ. Chàng mất gần mười lăm phút chôn chân tại đây.

Chưa hết, đến được nhà thờ, chàng lại mất thêm gần mười lăm phút nữa chạy lòng vòng tìm chỗ đậu xe. Chưa có lúc nào khu vực này lại lắm xe cộ đến vậy, đến cả những lề đường ở xa nhà thờ cũng không còn chỗ trống đủ cho xe chàng chen vào. Đánh thêm vòng nữa cũng không tìm ra được bãi đáp, Thạch chịu thua, đành phải quay trở lại *parking* ở sân sau nhà thờ, đậu ngay giữa lối đi và ngồi chờ... tan lễ. Dù sao chàng cũng yên tâm khi biết là thánh lễ vẫn chưa kết thúc, nghĩa là Hương của chàng vẫn còn đấy, chứ nếu sân trong sân ngoài chẳng còn xe nào mới là điều đáng sợ. Đã lết được về tới đây mà phải bỏ cuộc thì thật oan uổng, đành xem như định mệnh đã an bài.

"Chạy trời không khỏi số," Thạch thở ra. Chàng cũng không có ý định khẩn cầu Chúa điều gì nữa vì không thể lợi dụng lòng tốt của ngài, và cũng không chắc là ngài có thể giúp được chàng cách nào. Tuy nhiên, Thạch có nghĩ trong bụng, giá mà được Chúa chiếu cố thêm chuyến này nữa thì chàng sẽ phải nghiên cứu cẩn thận đề nghị của Hương và xem xét đến khả năng tham dự một lớp giáo lý theo lời nàng để xem thử thế nào. "Đạo nào thì cũng... tốt thôi," chàng nhớ đã với Hương như vậy.

Thạch lại rút điếu thuốc, hạ thấp cửa kính xe. Hơi gió từ ngoài lùa vào. Bây giờ chàng mới thấy lạnh. Bỗng chàng mơ hồ nghe trong gió vẳng lại tiếng chân người và tiếng cười nói lao xao. Thạch quay nhìn, chàng không lầm. Một đôi vợ chồng trẻ, hay một cặp tình nhân, dắt tay nhau đi về phía chàng và dừng lại ngay trước mũi xe chàng. Thạch nghe thấy tiếng cười khúc khích của cô gái. Rồi chàng thanh niên mở rộng cửa xe cho cô, và chắc là nói nhỏ gì đó nên cô gái quay lại nhìn về phía Thạch, mỉm cười với chàng trong bóng tối lờ mờ trước khi khom người bước vào xe. Thạch tưởng nhìn thấy được ánh mắt tinh nghịch, nụ cười hóm hỉnh ẩn hiện trong bóng đêm. "*Lucky guy!*" nụ cười như ngầm nói với chàng. Nụ cười đẹp nhất trong số những nụ cười chàng gặp trong ngày hôm nay, Thạch nghĩ vậy. Chàng ném điếu thuốc, chờ nghe tiếng xe rồ máy để biết chắc là cặp này dứt khoát ra về chứ không phải chỉ ra xe lấy thứ gì đó rồi quay vào nhà thờ lại. Thạch chăm chú ngó chiếc xe từ từ lui ra, và chàng nhanh chóng lấp vào chỗ trống như sợ người lái xe đổi ý, trong lúc giơ tay ngoắc ngoắc tỏ dấu cám ơn. "Chúa sẽ trả công bội hậu," chàng muốn nói với họ như vậy (như Hương vẫn nói với chàng mỗi khi chàng làm "cử chỉ đẹp"), mặc dầu họ đã bỏ Chúa mà về sớm...

"Lời nguyện cầu nửa đêm" của chàng như vậy là đã được Chúa nhân từ chấp thuận. Những khổ nạn chàng trải qua trong đêm nay cũng có thể là những thử thách của Chúa không biết chừng. Tắt máy, đóng mạnh cửa xe, Thạch phóng những bước dài về phía nhà thờ. Người ra sớm nhất phải là cặp vừa rồi, như vậy thánh lễ chắc cũng gần kết thúc... Thạch trông thấy những chùm đèn màu nhấp nháy giăng mắc quanh những ngọn thông nơi sân trước giáo đường và ở quanh hang đá, nơi có ngôi sao lớn tỏa sáng. Nhưng chàng không có nhiều thì giờ để quan sát, chàng không thể để mất thêm một giây nào nữa.

Từ ngoài bước vào nhưng Thạch lại tưởng như từ trong bóng tối bước ra, lạc vào vùng ánh sáng chói lòa của một thế giới nào khác. Nhưng chàng không thấy gì cả. Trước mặt Thạch, chỉ có người và người. Những hàng rào người che chắn, lấp kín các khoảng trống ở cuối nhà thờ, đến không còn một chỗ đứng. Chàng cố lách vào, lách vào... Trong lúc vội vàng, Thạch khẽ chạm vai một người đàn bà, chàng vội nói xin lỗi. Người đàn bà khẽ nhíu mày, không nói gì, nhưng rồi bà ngó chăm chăm vào mặt chàng như thoáng nhận ra nét gì quen thuộc, và Thạch cũng ngờ ngợ như đã gặp bà ta ở đâu đó. Nhưng Thạch không muốn lục lọi trí nhớ, chàng lại cố tìm lối đi trong lúc nói "xin lỗi, xin lỗi..." luôn miệng, làm như có chuyện gì khẩn cấp lắm vậy. Rồi lần lần chàng cũng luồn lách, len lỏi được về phía trước, gần cung thánh hơn. Quanh chàng,

đâu đâu cũng người và người, chật các hàng ghế, kín các lối đi. Chàng kiễng chân, hướng mắt về phía cánh trái của bàn thờ, nhưng không thấy ca đoàn đâu cả. Nơi đó bây giờ là những hàng ghế đầy kín người. Chàng đoán có lẽ ca đoàn đã phải dời đi nơi khác để có thêm chỗ cho giáo dân. Thế nhưng cũng phải có một chỗ nào cho ca đoàn chứ. Thạch nhìn sang bên cánh phải, cũng những hàng ghế đầy kín người. Chàng đưa mắt tìm kiếm dọc theo các lối đi chính và hai bên để mong tìm thấy khuôn mặt nào quen thuộc trong ca đoàn, nhưng chẳng có một ai cả.

Thạch trông thấy những người rước bánh thánh cuối cùng đi về lại các hàng ghế. Vị linh mục cầm chén thánh đứng giữa lối đi, chờ đợi thêm một lát để biết chắc là không còn ai lên xuống nữa, rồi quay lại phía bàn thờ. Có một khoảng im lặng khá lâu giữa lúc ấy... Gần cuối lễ, linh mục chủ tế lên tiếng, nói mọi người cùng dâng lời nguyện, rồi lại tiếp tục nói những lời gì đó trong lúc làm cử chỉ ban phép lành cho giáo dân. Thạch chỉ nghe được câu cuối "chúc anh chị em một đêm giáng sinh an lành". Chàng lại hướng mắt về những dãy ghế bên cánh trái bàn thờ lần nữa, nơi trước giờ vẫn dành cho ca đoàn. Thạch hình dung thấy chị ca đoàn trưởng đang đứng nơi đó, dang rộng đôi cánh tay điều khiển dàn hợp xướng. Những cử động thật mềm mại thật uyển chuyển, nâng lên hạ xuống, mở ra khép lại, vươn tới kéo về, nhấp nhô như ngọn sóng, chập chờn như cánh bướm, chờn vờn như điệu múa của các vũ công xứ ngàn lẻ một đêm. Rồi tất cả biến mất, rồi lại hiện ra, rồi lại biến mất... Thạch thấy hoa mắt, chàng nhìn đâu đâu cũng thấy lung linh những quầng sáng, cũng thấy lô nhô những người và người. Nơi ấy, những hàng ghế đầu bao giờ cũng là các cô gái. Các chàng trai đứng phía sau. Luôn luôn là như vậy. Nhưng sao chàng không thấy gì cả, không thấy các cô gái, không thấy Hương. Tất cả đều biến mất.

Rồi bỗng nhiên, giữa khoảng không thinh lặng và giữa đám đông im lặng, Thạch nghe mơ hồ những nốt nhạc dạo. Thạch nghĩ chàng không nghe lầm. Tiếng nhạc vẳng lên từ đâu đó, thoạt tiên thật nhỏ, thật êm dịu, rồi lớn dần, lớn dần. Tiếng dương cầm, phong cầm, và cả tiếng vĩ cầm nữa. Rồi tiếng hát, rồi những giọng phụ họa, những bè chính bè phụ nối tiếp, nối tiếp như từng con sóng dập dềnh đẩy xô nhau, đuổi bắt nhau, cuồn cuộn trào dâng, lớp lớp tràn bờ. Tiếng hát như từ trên không rót xuống, như từ ngọn thác đổ tràn. Thạch nhìn thấy vẻ phấn khích trên từng nét mặt những người đứng quanh chàng. Những đôi mắt mơ màng, những đôi môi mấp máy, những tiếng hát khe khẽ, rồi lớn dần lớn dần, rồi tràn lan tràn lan cùng khắp giáo đường... Thạch như cũng bị cuốn hút theo trong cảm giác ngất ngây kỳ lạ, nhưng chàng còn muốn tìm kiếm

xem lời ca tiếng nhạc ấy ở đâu ra nữa. Thạch chăm chú lắng nghe thêm lần nữa, và chàng hiểu ra. Những thanh âm nhã nhạc kỳ diệu mà chàng tưởng là "nghe trên không trung, tiếng hát thiên thần vang lừng..." ấy không phải từ tầng trời nào rót xuống, không phải từ mạch suối nào chảy tràn, mà ở ngay trên đầu chàng chứ có đâu xa. Chàng ngoái cổ ngước nhìn lên cao. Không thấy gì cả, nhưng chàng biết chắc là ca đoàn đang ở trên ấy. Hương của chàng đang ở trên ấy, ở trên bao lơn hình vòng cung lơ lửng giữa mái vòm cao trong ngôi giáo đường.

Thạch nhớ lời Hương nói hôm trước là nàng sẽ dành cho chàng một chỗ ngồi "đặc biệt" trong thánh lễ đêm nay, bây giờ chàng đã hiểu ra. Lẽ ra thì giờ này chàng cũng đang ở trên tầng cao ấy, nơi dành cho ca đoàn và những người thân (và chàng có được một "vé" trong số những dãy ghế ấy). Chàng sẽ ngồi gần ca đoàn, sẽ ngồi gần nàng, sẽ thả tầm mắt nhìn xuống cung thánh đèn nến sáng lòa và toàn cảnh giáo đường rộng lớn với hàng hàng lớp lớp giáo dân tề tựu bên dưới trong lúc thánh lễ trang trọng cử hành, sẽ thưởng thức những bản thánh ca giáng sinh hay nhất, sẽ nghe âm nhạc chảy tràn như suối... Vậy mà... Tội nghiệp Hương, chắc nàng đã mỏi mắt trông chàng.

"Chúc anh chị em ra về bình an," vị linh mục nói câu sau cùng. Thạch chỉ chờ nghe câu này để biết là thánh lễ kết thúc, và cũng như mọi lần, chàng đứng lên đi về phía lối ra ở cửa hông, nơi chàng vẫn đợi Hương những khi tan lễ như lời nàng dặn dò, trong lúc nàng và ca đoàn còn lục tục thu dọn những tập nhạc, những thùng đàn, những nhạc cụ lỉnh kỉnh... Hương không muốn chàng ngồi nán lại để chờ nàng trong nhà thờ ra dáng một con chiên ngoan đạo, vì chàng không phải là... con chiên ngoan đạo. Chợt Thạch nghe như có tiếng gọi nhỏ tên mình. Chàng quay lại và bắt gặp cái nhìn của người đàn bà chàng vô tình đụng phải khi nãy. Bây giờ chàng đã nhận ra bà hàng xóm ở cách chàng một *block*, thỉnh thoảng gặp nhau cũng có chào hỏi qua loa, nhưng chàng không nhớ tên. Bà lớn tuổi hơn Thạch, vóc người đẫy đà và cũng không có nét gì đặc biệt lắm nên chàng không mấy để ý, nhưng bà lại biết tên chàng.

"Cậu cũng có đạo sao?" người đàn bà hỏi. "Lâu nay tôi không biết."

Thạch ngần ngừ, không biết trả lời sao:

"... Vâng,... thỉnh thoảng."

"Cậu nói sao?" người đàn bà hỏi lại.

Chàng không hiểu tại sao bà ta lại phải thắc mắc chuyện có đạo hay không có đạo.

Bà ta tưởng chỉ mình bà có đạo thôi sao. Thiếu gì những chuyện khác đáng quan tâm hơn. Thêm hay bớt một người có đạo thì cũng đâu có làm thay đổi cục diện thế giới...Khi ấy vài người đứng quanh chàng vui vẻ bắt tay nhau, nói những lời chúc giáng sinh, Thạch cũng chìa tay trước mặt người đàn bà:

"Xin cám ơn. Cũng chúc bà một đêm giáng sinh an lành."

Người đàn bà do dự, nhưng rồi cũng nắm lấy bàn tay Thạch, lỏng lẻo, trong lúc vẫn nhìn chàng chằm chằm. Giống như là hai kẻ bất đồng ngôn ngữ, Thạch nghĩ. Bà ta dễ nghĩ chàng là tay gàn dở, nhưng cũng chẳng sao. Thạch nheo mắt, mỉm cười với người đàn bà rồi quay đi, theo dòng người lần ra phía cửa.

Đến ngưỡng cửa bên hông nhà thờ, Thạch dừng lại. Vài người đi qua bắt tay chàng, người thì nói "*Merry Christmas*", người thì nói "giáng sinh an lành", và chàng cũng mỉm cười, lập lại những lời ấy như cái máy. Cuộc đời sẽ đẹp biết mấy nếu mọi người đều chịu khó hành xử với nhau vui vẻ và thân thiện như là trong đêm nay. Thạch nghĩ vậy và bất chợt chàng nghe "*... trong đêm nay*", câu hát vụt qua tai như là tiếng vọng, như lập lại điều chàng vừa nghĩ trong đầu. Thạch lắng tai nghe kỹ hơn. Tiếng nhạc dạo vẫn như từ trên không rớt xuống, dìu dặt, khoan thai. "*Chúa sẽ đến trong đêm nay, bởi loài người còn đọa đày...*[3]" Thạch nghe trọn câu hát. Hương. Chàng muốn kêu lên. Chàng đã nhận ra nàng, nhận ra giọng hát nàng. Chắc chắn là nàng, Thạch không thể lầm được. Giọng hát thật êm dịu như giọng nói nàng êm dịu. Và câu hát ấy nữa, chàng nhớ có nghe đâu đó một vài lần. Cùng lúc ấy, Thạch bỗng như phát giác được điều gì lạ lùng. Người nhạc sĩ ấy, đúng vậy, chàng đã một lần nghe ông hát bài hát ấy. Những nốt nhạc ấy, những lời hát ấy do chính ông viết ra... Người nhạc sĩ có "vẻ mặt khắc khổ" (như lời Hương nhận xét), nhưng có trái tim giàu lòng nhân ái. Chàng lắng nghe chăm chú, những nốt nhạc rớt xuống thật mềm mại, thật thong thả, như lời thì thầm âu yếm, như bàn tay vuốt ve dịu dàng. "*Khi mẹ nhìn con, Chúa về trong đôi mắt. Khi anh gặp em, Chúa ngự trên đôi môi. Chúa trong lời ngọt ngào, Chúa trong tình trìu mến, Chúa trong...*" Có phải Hương đã muốn gửi cho chàng bài hát ấy, đã muốn mang đến cho chàng, mang đến cho mọi người bức thông điệp ấy. *Chúa sẽ đến trong đêm nay.*

Bỗng dưng Thạch nẩy ra ý nghĩ cần phải mở rộng mọi cánh cửa cho tiếng hát thoát ra ngoài, cho tin mừng đến khắp mọi người, khắp mọi nơi mọi chốn..

Thạch nghĩ vậy và đẩy mạnh cửa, bước hẳn ra phía ngoài. Đêm lạnh. Chàng vẫn nghe tiếng dương cầm thánh thót, tiếng vĩ cầm réo rắt,

và tiếng hát ngọt ngào. Chàng bước thêm ít bước, tiếng hát vẫn theo sau chàng, vẫn ở sau lưng chàng. Có lúc chàng lại nghe như tiếng hát ở đâu đó phía trước. Có lúc chàng lại tưởng như tiếng hát ở ngay bên cạnh chàng. Rồi có lúc tiếng hát nghe nhỏ hẳn lại như muốn rời khỏi chàng, bay đi nơi khác, nhưng chàng vẫn cứ nghe văng vẳng... Tiếng hát, như chiếc bong bóng bay màu đỏ kỳ lạ cứ quanh quẩn mãi bên chú bé ngu ngơ là chàng trong cuốn phim chàng xem thuở nhỏ.

Thạch đứng im lặng một lúc. Chàng nghe gió thổi mạnh nhưng không thấy lạnh, và chàng nghe được tiếng hát lẫn trong tiếng gió. Chàng tưởng như tiếng hát được gió mang đi xa lắm, bay qua đầu chàng, qua nóc giáo đường, bay trên những ngọn thông, trên những tàn cây cao nhất, bay mãi tới ngọn đồi phía xa kia, mãi tận những thung lũng chìm khuất sau ngọn đồi ấy... Nhưng rồi Thạch nghĩ tiếng hát không tài nào bay xa đến thế được, chỉ có trí tưởng tượng của chàng là bay bổng. Tiếng hát thực ra ở trong đầu chàng. Thế nhưng không hiểu sao đầu óc chàng phút ấy vẫn cứ lâng lâng và như chìm đắm trong một thứ ảo giác thật kỳ lạ.

Bây giờ thì Thạch không nghe gì nữa hết. Không còn tiếng hát, cũng không có tiếng đàn. Đêm bỗng trở nên yên tĩnh. Trước mắt chàng là những chùm đèn nhấp nháy đủ màu sắc và ngôi sao lớn treo lơ lửng trước hang đá Đức Mẹ, tỏa ánh sáng màu xanh dịu. Xa hơn nữa là những đốm sáng lập lòe của các bóng đèn nho nhỏ hình quả trám trên những cành thông kia, khi chớp khi tắt, khi ẩn khi hiện như những ngôi sao lấp lánh trên nền trời đen thẫm.

Thạch trở vào, ngồi xuống hàng ghế trống. Quanh chàng lúc ấy là những hàng ghế trống trơn. Mọi người hầu như đã về hết, chỉ còn Thạch, vài ông già bà cả còn nán lại, lặng lẽ đọc kinh hay cầu nguyện gì đó bên những pho tượng nhỏ bày biện trong hang đá giả ở một góc bên cánh phải bàn thờ. Vắng ngắt, im lìm Chàng lại nhớ đến cuốn phim khác có hình ảnh chàng cao bồi lừng khừng trông bộ dạng chán đời, lững lững bước vào ngôi nhà thờ (có lần nào chàng kể Hương nghe). Thạch thử so sánh để tìm ra những điểm giống và không giống giữa chàng và anh chàng cao bồi ấy. Điểm giống nhau, là cũng như chàng cao bồi, lúc này chỉ còn Chúa và chàng trong ngôi giáo đường vắng lặng, và chàng cũng ngước nhìn tượng Chúa đóng đinh, cũng mặt đối mặt với chính mình. Điểm khác nhau, là chàng... ăn mặc lịch sự đàng hoàng chứ không bụi đời như chàng cao bồi ấy. Điểm khác nữa, chàng không rõ anh chàng cao bồi có định tìm kiếm hay chờ đợi điều gì, còn chàng thì đang chờ đợi để... gặp Hương. Về điểm này chàng thấy mình quả có may mắn

hơn anh ta vì lát nữa đây chàng còn có Hương, trong lúc chàng cao bồi trong phim cô đơn đến tội nghiệp, đến lúc rời khỏi ngôi nhà thờ ấy vẫn cứ trơ trụi một mình một ngựa.

Đúng là lúc này chỉ còn Chúa và chàng, là lúc khá thuận tiện để chàng mặc sức mà thưa thốt, xin xỏ, cám ơn, xin lỗi hay giải bày điều gì đó... Nhưng Thạch nghĩ chàng... chẳng còn gì để nói, chẳng còn lời khẩn cầu hay thỉnh nguyện thư nào nữa. Chàng không muốn tỏ ra tham lam. Nói gì nữa bây giờ. "Chúa sắp đặt mọi việc," không phải là Hương đã hơn một lần nói với chàng như vậy hay sao. Cái mà chàng vẫn cho là "bàn tay của định mệnh" có khi là bàn tay của Chúa không chừng.

Nếu được phép, có lẽ chàng sẽ chỉ xin Chúa "trả công bội hậu" cho Hương vì nàng đã sốt sắng mang tin vui đến cho mọi người qua bức thông điệp của người nhạc sĩ ấy. "*Chúa sẽ đến trong đêm nay,... mở rộng vòng tay bao dung...*[3]" (Làm sao mà nàng còn có thể giận hờn trách móc gì chàng được nữa khi đã cất cao những lời hát ấy). Chẳng biết ý Chúa thế nào, chắc là ngài sẽ bằng lòng thôi, vì lời thỉnh cầu ấy là chính đáng, và cũng đúng với... tinh thần phúc âm nữa!

Nếu được phép, có lẽ...

Thạch sẽ còn tiếp tục có thêm một hai ý kiến gì đó nữa nếu không có bàn tay đặt nhẹ lên vai chàng và giọng nói êm dịu rót vào tai chàng, từ phía sau lưng. Giọng thì thầm chỉ đủ mình chàng nghe thôi.

"Ra ngoài dùm cái đi, đừng có ngồi đấy nữa,... người ta cười cho."

Khi ấy đã quá nửa đêm.

Lê Hữu

Tìm mua những tác phẩm văn chương **Văn Mới** vừa phát hành

* *Huyết đằng*, tập truyện của Phạm Hải Anh
* *Thương thế ngày xưa*, tập truyện của Lê Minh Hà
* *Phòng triển lãm mùa đông*, của Thơ Thơ
* *Gỗ thức trên rừng* của Tâm Thanh
* *Đi giữa bầy thú dữ* của Lâm Chương
* *Đất trời* của Nam Dao
* *Con Nữ* của Đỗ Quỳnbh Dao
* *Hòn Còng lửa* của Ngô Nguyên Dũng
* *Tìm vết chân xưa* của Điệp Mỹ Linh
* *Gỗ và Đá* của Trúc Chi

Ai xô ta về phía tuyệt tình
ĐỨC PHỔ

Ai xô ta về phía tuyệt tình
thân quỵ ngã chẳng buồn đưa tay vịn.
Chiều nắng quái đã nghe chừng bịn rịn
mà gió chao phi cảng đến nghiêng lòng!

Trao dải khăn màu lụa chợt phai hồng
phút lưu dấu chia xa lời nghẹn tắt.
Ai biết được giữa mông mênh trời đất
có hai người cúi mặt. Giấu lòng đau!

Buổi sơ đầu trời khiến thiết tha nhau
mà ân oán không gieo, đời buộc trả.
Ta nợ suốt, khất với tình lần nữa
chờ giêng hai tháng rộng nối năm dài.

Người vội về cho kịp buổi sớm mai
thuyền kẻ lạ biết đâu lường. Cạm bẫy.
Ta giăng lưới nửa đời tình. Tình sẩy
vết chàm trơn nhuộm đắng một linh hồn.

Gượng rót tiễn người chung rượu đầu hôm
sầu dốc ngược đáy ly còn trơ mộng.
Khi bừng tỉnh tim gan dường cháy bỏng
máu đông khô, chết đứng một thiên tài.

Thôi người về cho kịp buổi sớm mai
ta lỡ vận quen rồi, sá chi lần tình phụ.
Nhìn phi đạo tưởng chừng tên đao phủ
nhẫn tâm vung nhát chém tuyệt tình!

11-11- 02, Atlanta.

Bạn Thơ

Tràm Cà Mau

Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn ra vườn sau, thấy lá cây bắt đầu vàng, mây xám đục bay đầy trời. Bà thở dài, và nói vọng vào phòng khách, nơi ông Tư đang ngồi chăm chú nhìn lên màn ảnh máy vi tính, đọc thơ bạn bè qua liên mạng:

" Thế là đã qua năm thứ tư rồi, mà cái nhà kho vẫn không được sơn. Anh cứ lần lữa hứa hẹn mãi. Sơn tróc, phô gỗ mục nát bên trong, trông tồi tàn tội nghiệp quá. Mùa nầy anh không sơn kịp, thì em cứ cho một mồi lửa cho yên chuyện. Để mối mọt ăn lan ra sụp luôn căn nhà chính, rồi vợ chồng dắt nhau ra gầm cầu mà ở."

Ông Tư ngưng đọc. Nhìn qua bà và nói lớn:

" Ừ, em cứ cho một mồi lửa đi. Rồi sẽ được sung sướng. Cháy lan nhà người khác, vào tù ngồi có cơm bưng nước rót hàng ngày, khỏi đi làm mà được nuôi nấng đàng hoàng tử tế. Suốt ngày đọc sách, xem truyền hình, tập thể thao, đánh cờ. Còn có cả máy vi tính nữa. Ăn thì sang hơn là chúng mình đi ăn tiệm. Em có nhớ hôm trước xem phim không? Bữa ăn của tù, có một đùi gà hầm, bánh mì, khoai tây nghiền, xúp, một ly cối sữa, một trái chuối, và cả bánh ngọt nữa. Mỗi đêm, còn có lính bồng súng gác cho mình ngủ. Nước Mỹ chi tiêu cho mỗi người tù hàng năm từ ba mươi đến bốn mươi lăm ngàn đồng kia mà."

Bà Tư quay lại nói:

" Ở tù mà sướng thế, nên không ai sợ, cứ làm càn, phạm pháp. Tù mà còn viết đơn kiện chính phủ vì nhà bếp nấu ăn không vừa miệng. Chỉ có nước Mỹ mới điên khùng như vậy thôi. Tại sao những khi thất nghiệp, mình không la toáng lên, yêu cầu nhà nước cho mình mỗi năm ba chục ngàn tiêu chơi. Nếu không thì mình cứ phạm pháp, cũng phải tốn hơn chừng đó tiền nuôi mình."

" Em làm anh phát ra sáng kiến, anh sẽ đề nghị chính phủ Mỹ ký khế ước, giao cho cọng sản Việt Nam giam giữ tù, để tiết kiệm ngân sách. Cứ cho lên Hoàng Liên Sơn, Cổng Trời, Thanh Liệt, Sông Bé cải tạo là xong hết. Hàng năm, Mỹ chỉ trả công nuôi và giáo dục mỗi người tù chừng năm trăm hay một ngàn đô, thì nhà nước Việt Nam chỉ chi ra chừng bảy chục đến một trăm đô là quá thừa. Nuôi một triệu tù, thì Việt Nam thu lợi chừng nữa tỉ cho đến một tỉ đồng. Không cần dong tay nài nỉ xin xỏ tiền bạc của cộng đồng thế giới. Chính phủ Mỹ tiết kiệm được ba đến bảy tỉ đô la nuôi tù. Lại dư ra không biết bao nhiêu nhân lực đem sung vào lực lượng sản xuất. Phía Việt Nam, bắt tù đốn tre, chặt nứa, làm lán trại, trồng bắp, trồng khoai, ăn bo bo, khoai mì , thì chi phí ăn ở mỗi tháng chừng năm bảy đô là cùng. Còn cái lợi lớn khác, là khi mãn tù, anh nào cũng sợ xanh mặt, không bao giờ dám tái phạm nữa. Em cứ xem, mấy ông phi công Mỹ đã ở tù ngoài Bắc thì biết kết quả. Về rồi mới biết quý miếng cơm cháy, quý đời sống. Bởi vậy cho nên nhiều ông thành nghị sĩ, dân biểu, nhà ngoại giao, kỹ nghệ gia, thương gia triệu phú, nhiều lắm và nhiều lắm. Đó không phải nhờ công học tập cải tạo của bọn Bác Đảng sao ?

Bà Tư trở lại vấn đề :

" Nầy, anh đừng nói lảng qua chuyện khác. Em không tội chi đốt nhà để đi tù, rồi anh léng phéng với bà khác. Giao hẹn cho anh, tuần tới, phải sơn xong cái nhà kho. Nếu không thì em sẽ thuê người làm. Họ tính tiền công đến một ngàn rưỡi, rán mà trả tiền, đừng tiếc."

" Được rồi. Thứ bảy nầy anh rước một ông Mễ ngoài phố về phụ sơn, chừng một hai ngày thì xong. Em đừng lo."

" Làm gì thì làm, em không cần biết. Miễn sao sơn xong cái nhà kho thì thôi."

Sáng thứ bảy, khi ông Tư còn ngủ nướng thì điện thoại đã reo vang . Bên kia đường dây, một ông bạn mời đến ăn sáng, và xoa mạt chược. Nghe đến mạt chược, ông Tư tỉnh táo hẳn, nói với vợ :

" Bác Thư mời chúng mình đến ăn sáng, em có đi không?"

" Không được. Anh đã hứa sơn cái nhà kho rồi. Hôm nay không đi đâu cả."

Ông Tư tiu nghỉu, nói qua điện thoại với bạn:

" Tôi sắp ra phố rước một ông Mễ về phụ sơn cái nhà kho. Hôm nay bận, xin hẹn tuần sau."

" Rước Mễ làm chi! Tôi có ông bạn mới tới Mỹ chưa được bao lâu, chưa có việc làm, rảnh rang lắm. Anh cho ông ta đến phụ sơn, kiếm chút tiền hút thuốc."

Ông Tư ngần ngừ, rồi thở dài mà nói:

"Không phải là tôi chẳng muốn giúp đồng hương, nhưng khó lắm anh ơi. Hồi trước có người bà con tôi mới đến Mỹ, họ năn nỉ tôi cho phụ cất cây, làm cỏ trong nhà, rồi trả tiền công như trả cho người ngoài. Tôi cho làm và trả công cao hơn thuê người ngoài. Thế mà bây giờ, họ thi xong, hành nghề nha sĩ, đi đâu nó cũng nhắc chuyện hồi mới qua, đi làm công cho tôi, được trả lương tối thiểu. Mình nghe, cứ nhột và không vui. Người khác nghe, tưởng đâu mình lợi dụng, bóc lột sức lao động của người đó.."

Ông bạn bên kia đầu dây nói với giọng ép buộc và khẩn thiết:

"Tôi bảo đảm cho, không có chuyện lấn cấn về sau. Đồng hương không giúp nhau, mà giúp người ngoài, nghe sao xuôi tai ? Hồi mới qua Mỹ, anh cũng mong có ai cho làm bất cứ việc gì, để kiếm chút tiền chứ. Sao mà mau quên hoàn cảnh khó khăn thế? Chốc nữa, tôi chở anh ấy đến phụ sơn nhà nghe. Không từ chối được đâu."

Ông Tư nghe mà chột dạ, và nhớ lại những ngày lao đao ban đầu. Đi đâu thấy ai làm việc gì, ông cũng nhìn và mơ ước được thuê vào làm. Không dám mơ được cái việc quý báu như mấy cô thư ký ngân hàng sang trọng, hoặc mấy cô tiếp viên ngồi ở bàn giấy, hay mấy ông gác dan bảo vệ cơ sở ăn mặc đồng phục oai vệ như sinh viên sĩ quan trong quân trường. Thấy họ cao sang quá. Khi thấy mấy ông thợ làm nghề xây cất, lưng đeo dây da to bản lòng thòng hàng chục thứ búa kềm, đồ nghề, ông cũng tự hỏi, biết chăng có ngày ông được như họ. Đọc tiếng Anh, thì ông không ngán, nhưng nghe và nói thì như câm điếc. Mơ ước có công việc làm ăn như trẻ con mơ chuyện thần tiên. Ông ho khan rồi trả lời:

"Xong rồi, anh cứ đem ông bạn qua đây phụ tôi. Sau nầy ông ta có ghét bỏ, thì tôi rán chịu. Bây giờ không nhận cho ông ta làm, thì tôi thấy tự xấu hổ với riêng mình, và không yên tâm."

Bà Tư càu nhàu vì ông chấp nhận lời đề nghị của ông bạn. Ông nhẹ nhàng bảo vợ:

"Thôi, làm được điều gì đúng mình cứ làm, cho lương tâm yên ổn. Sau nầy có ai ghét bỏ thì cũng không sợ."

"Anh thì hay tình cảm không đúng chỗ. Đi thuê Mễ về làm việc, lần nào cũng thuê mấy người không biết nói tiếng Anh, vì cứ nghĩ đến tình cảnh của anh ngày xưa. Rồi cứ ra dấu, hiểu lầm nhau mãi. Xưa khác, nay khác rồi. Phải đặt quyền lợi của mình lên trên tình cảm yếu đuối."

"Được trời cho như ngày nay, mình cũng không nên ôm hết lấy, mà

nên chia xẻ chút chút với những kẻ đang khó khăn quanh mình."

Khi ông Tư chuẩn bị dụng cụ và vật liệu xong, thì người bạn đem ông Phi, người muốn có việc làm đến. Ông nầy đầu hói láng, mày rậm, mang kiếng trắng, ăn mặc áo trắng, quần tây xanh sậm, đàng hoàng như sắp đi phố chứ không phải đi lao động sơn nhà. Hai bên chào hỏi giới thiệu nhau. Ông Tư cười, rào đón trước:

"Nước mất nhà tan. Chạy qua được đây, toàn cả thiên thần bị đọa xuống trần gian, phải đi làm những việc trái với khả năng, không đúng với sở nguyện. Chúng ta cùng lứa tuổi, cho tôi kêu nhau bằng anh em cho thân mật. Cám ơn anh đến giúp tôi sơn nhà, mai mốt anh mua nhà cần sửa chữa, thì anh thuê tôi làm phụ, đừng thuê người khác nghe."

Ông Phi cười, nụ cười hơi gượng, và nhìn ông Tư bằng ánh mắt biết ơn vì lời nói tế nhị, tử tế. Ông Phi nói:

"Trong tù tôi cũng từng gánh phân người, làm đủ công chuyện nhọc nhằn. Bên nhà, tôi cũng đã làm đủ thứ nghề lao động chân tay. Sơn nhà thì nhẹ nhàng dễ dàng như húp cháo thánh."

Sau khi uống xong tuần trà xã giao, ông Tư ông Phi đưa ra vườn sau, chỉ dẫn cách cạo sơn đã tróc lở trên tường nhà. Ông Tư vào nhà chuẩn bị thêm dụng cụ, để hai người cùng làm cho mau. Bà Tư đứng ở cửa sổ nhìn xuống nhà kho, thấy ông Phi vừa cạo sơn, vừa mấp máy môi, thỉnh thoảng đưa ngón tay chỉ chỏ vào quãng không. Bà lo lắng kêu chồng lại và nói:

"Anh xem, ông kia lẩm bẩm một mình, tự nói tự nghe. Không chừng ông ta bị bệnh tâm thần. Anh phải cẩn thận, lỡ ông ta lên cơn, lụi cho anh một dao thì khốn đó."

Nghe vợ nói, ông Tư cũng hơi ngán. Khi ra cạo sơn, ông dè dặt đứng xa ông Phi, để có gì bất trắc thì còn kịp mà chạy. Ông Tư cố lắng tai nghe ông Phi nói gì mà môi ông cứ mấp máy mãi. Lâu lâu, ông Tư liếc mắt canh chừng, nhưng thấy ông Phi vẫn chăm chú làm. Chừng nửa giờ sau, dường như ông Phi quên có ông Tư làm việc bên cạnh, cất tiếng ngâm thơ sang sảng. Ông Tư giật mình hỏi:

"Anh ngâm thơ? Thơ của ai thế?"

Ông Phi hơi ngượng ngập trả lời:

"Thơ tôi làm chơi cho vui ấy mà. Thời buổi nầy, còn rất ít người thích thưởng thức thơ văn. Truyền hình, phim truyện, phim nhạc tiến mau quá. Đời sống tốc độ, ít ai còn thì giờ mà ngâm nga thưởng thức cái đẹp trong văn chương. Tôi còn hủ lậu, nên cứ mang lấy cái nghiệp thơ vào mình. Cái nghiệp thiệt ông ạ. Bà con, bạn bè cứ cười tôi sống mơ mộng, không thực tế, thời buổi nầy, thơ văn không làm no bụng bằng

bánh mì."

Ông Tư cười ha hả và nói :

"Anh làm tôi sợ hết hồn. Bà xã tôi thấy anh lẩm bẩm một mình, tưởng anh có bệnh tâm thần, không dè anh ngâm thơ. Nãy giờ tôi cũng sợ không dám đứng gần anh. Anh là một thi sĩ mà tôi không biết. Tôi cũng khoái đọc thơ lắm. Tôi không nghĩ rằng yêu thích thơ văn là hủ lậu như anh nói. Ngày nào trái tim con người còn biết thổn thức, ngày nào con người còn dùng chữ viết, còn dùng tiếng nói để trao đổi tư tưởng, thì ngày đó thơ văn còn được ưa chuộng. Chỉ khi nào khoa học tiến bộ đến độ con người truyền thông cho nhau bằng làn sóng, chuyển và nhận qua ý nghĩ trong óc thôi, thì e rằng khi đó văn thơ mới có thể tàn lụi. Anh thấy đó, thơ ít ai đọc mà lại được xuất bản ào ào, ai cũng in thơ. Anh bỏ cái cạo sơn xuống, vào trong kho nầy, tôi cho anh xem."

Ông Tư mở cửa nhà kho, bật đèn và kéo ông Phi vào cái kho bề dài tám thước, bề ngang sáu thước, bốn bên tường có kê kệ đựng sách sát vách. Sách chất đầy kệ từ dưới sàn lên thấu trần. Ông Phi hớn hở nhìn thấy mấy ngàn tập, toàn cả thơ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Việt. Nhiều cuốn đóng gáy da đã sạm màu, chữ thếp vàng đã nhạt, bìa sờn rách vì thời gian. Ông Phi lẩm bẩm:

"Thật là 'Kho Thơ'. Tôi đoan chắc thư viện của thành phố nầy cũng không có nhiều thơ bằng."

Ông Phi với tay lật một tập thơ chọn lọc, bên trong có chữ ký của người mua vào năm 1858 . Một thế kỷ rưỡi, từ khi phong trào tìm vàng dậy lên ở California. Cái bìa sách bằng da gần mũn, giấy vàng ố. Ông Phi đọc lướt qua một bài thơ ngắn rồi xuýt xoa:

"Người xưa làm thơ hay thật. Làm sao mà anh có được cả kho thơ nhiều như thế nầy? Toàn là thơ quý, nhiều cuốn thơ xưa cả vài trăm năm. Những cuốn gáy da, chữ vàng nầy, không mua đâu ra nữa."

Ông Tư cười sung sướng nói:

"Mọi chuyện đều có cơ duyên. Ban đầu, tôi chỉ mua một ít cuốn thơ hay mà đọc thôi. Rồi tôi khám phá ra những tiệm sách cũ, họ bán chừng nửa giá. Những sách xưa và quý, thì họ bán đắt lắm, cả bạc trăm, mình không mua nổi. Họ khôn và kinh nghiệm khiếp lắm. Về sau, ngày nghỉ tôi đi chơi, lùng sách tại các nơi treo bảng bán đồ cũ trên sân cỏ. Nhiều cuốn sách quý, bán vài ba đồng. Rồi tôi đi chợ trời. Có nhiều cuốn sách rất quý, người bán không biết giá trị, chỉ mong tống khứ đi cho đỡ chật chỗ. Mua chừng vài đồng là họ mừng húm. Có cuốn mua chừng hai đồng, mà vào tiệm sách quý, thấy đề giá một hai trăm bạc. Anh nhìn hơn chục tập thơ của Omar Khayyam trên kệ nầy, hôm tôi đi xem triển

lãm bán sách quý, có cuốn đề giá hơn năm trăm. Trị giá mấy tập thơ nầy cả mấy ngàn bạc chứ không ít đâu. Thường thì các chủ tiệm sách cũ họ đi lùng và thu mua hết, họ giỏi và thông thái lắm, sách quý ít khi đến tay mình. Về sau, tôi gặp được cơ duyên tốt, kết thân với hai ông Mỹ bán đấu giá tài sản của những người chết. Thỉnh thoảng tôi mời các ông đi ăn tô phở , tô bún bò. Khi nào có bán đấu giá, các ông thông báo cho tôi biết. Các nơi nầy, sách thơ vất bừa bãi như rác. Nhiều cuốn thơ, có lẽ khi còn sống, chủ nhân còn quý hơn vàng. Khi chết rồi, chẳng ai biết đến giá trị. Tôi cứ thế mà hốt với giá rẻ mạt. Người bán cũng mừng, vì tôi hốt bớt rác cho họ. Nhưng cũng có khi người bán tinh lắm, biết sách quý, đề giá cao kinh khủng. Mười phần, thì có đến chín là không bán được, vì những người đi mua đấu giá tài sản người chết, đa số là dân phàm phu tục tử, văn thơ đối với họ không đáng giá vài xu, cho họ cũng không lấy vì ôm nặng. Bán không được, họ vất vào đống rác, những người thầu hốt rác, đem ra chợ trời, đổ xuống bán một đồng ba bốn cuốn. Nếu mình đến chợ trời đúng lúc, thì cứ hốt đầy xe, để mà về nhà nghe vợ cằn nhằn, bảo là tha rác về nhà. Có khi tôi bị cằn nhằn suốt cả một hai ngày, nhức đầu lắm ông ạ. Nhiều khi, mình đã có hai ba cuốn thơ đó rồi, mà thấy nó bán rẻ quá, thì cũng phải rước về thôi. Đây nầy, anh thấy tôi có bốn tập thơ cùng nhan đề " Những Bài Thơ Tình Hay Nhất" và có ba cuốn " Thơ Đọc Nhức Tim", mười hai tập "Thơ Omar Khayyam" nhưng các tập nầy xuất bản vào các năm khác nhau."

Ông Phi như người say lạc vào mê hồn trận của kho thơ. Ông lật hết tập thơ nầy qua tập thơ kia. Rồi ông cầm một tập thơ, ngồi dựa ngửa ra trên cái ghế xếp mà đọc say sưa. Không cần nhớ đến cái việc sơn nhà mà ông đang được thuê làm. Ông Tư cười cười, lẳng lặng đi ra, cầm cái bay cạo sơn tiếp. Khi ông Tư chợt nhìn đồng hồ, thì thấy đã gần mười hai giờ trưa . Ông vội vã vào lục tủ lạnh, lấy thức ăn, hâm lò vi ba. Lấy thêm một chùm bia, tôm khô, củ kiệu và vài thức nhắm, dọn ra cái bàn đặt dưới bóng cây bưởi có trái xanh tròn đu đưa theo gió. Ông nghiêng đầu vào cửa kho và nói:

"Trưa rồi, mời anh ra ăn, uống vài lon bia, mình nói tiếp chuyện thơ phú."

Ông Phi ậm ừ vì đang đọc dở trang thơ, ông Tư phải kêu hai ba lần, ông mới lảo đảo bước ra, mắt nheo vì nắng chói. Hai người ngồi trên ghế thấp kê dưới bóng mát tàng cây bưởi. Ông Tư ép ông Phi uống bia, ăn thịt gà xối xì dầu, lòng heo xa xíu. Ông Phi như chưa tỉnh hồn ra khỏi miền thơ, mắt còn mơ màng. Ông nói:

"Thơ Omar Khayyam hay thật. Ông là người Ba Tư, xứ Hồi giáo

khắc nghiệt, mà làm được những bài thơ tuyệt diệu. Không có gì cao siêu, rất gần với đời sống. Làm xúc động lòng người. Tôi đọc, khoái quá, tôi có chuyển đoạn sau đây thành thơ lục bát, đọc anh nghe chơi. Ông Phi chạy vào nhà kho, lấy cuốn thơ, có trang xếp góc đánh dấu nói:

"Đây, đoạn nầy tạm dịch văn xuôi: "*Họ đoan chắc với tôi rằng ở Thiên Đường có con gái nhiều vô số. Họ cũng đoan chắc rằng, tôi sẽ tìm được rượu nho và mật ngọt trên Thiên Đường. Nhưng kìa, sao ở trần gian lại cấm rượu và đàn bà. Như thế, thì mai sau (chết lên Thiên Đường) phần thưởng dành cho tôi là rượu và gái phải không?*" Tôi diễn thơ như sau, anh nghe xem: *"Thiên Đàng hứa hẹn đông nhiều. Rượu ngon, mật ngọt, yêu kiều gái xuân. Trần gian cấm rượu, giai nhân. Mai sau gái rượu thưởng phần phải chăng?"*

Ông Tư khen ông Phi mau mắn, và giàu cảm xúc. Mới đọc qua mà đã diễn thành thơ liền. Ông Phi muốn mượn một tập thơ của Omar Khayyam về để diễn thành thơ Việt ngữ. Ông Tư cười và nói:

"Chậm mất rồi anh ơi. Học giả Nguyễn văn Hòa đã dịch tập thơ của Omar Khayyam rồi. Tôi chưa được đọc tập thơ do cụ Hòa dịch. Tôi nghĩ, cụ Hòa giỏi về ngữ pháp, nhưng cái năng khiếu vận dụng ngôn ngữ, năng khiếu gây xúc động trong lòng người đọc, thì mỗi người mỗi khác. Nếu thích thơ của Omar Khayyam, anh tìm bản dịch của cụ Hòa, rồi muốn diễn thơ theo lối anh, thì liên lạc với cụ Hòa mà bàn lại cho kỹ. Tôi nhớ anh có nói là *"cứ mang cái nghiệp thơ vào mình"*. Anh có thể cho tôi biết hơn một chút về cái "nghiệp" đó như thế nào không?. Làm thêm lon bia nữa đi. Mồi còn nhiều, vừa ăn vừa nói chuyện đời chơi."

Uống một hơi bia, gắp thêm lòng heo nhai, nuốt. Ông Phi mơ màng nói:

"Mới gặp anh lần đầu mà tôi tưởng như tri kỷ từ lâu. Sở thích cùng đồng điệu. Nói anh đừng cười, tôi tự xem mình như là đứa con của thơ. Bởi tôi được cấu thành do hai câu thơ của bố tôi. Dong dài một chút. Ông ngoại tôi là một người khoa bảng, văn hay chữ tốt, để lại nhiều tập thơ rất hay. Mẹ tôi là con út trong gia đình, nhan sắc mặn mà nổi tiếng, được ông ngoại tôi cho học cả chữ Pháp lẫn chữ nho. Mẹ tôi thuộc làu làu hàng ngàn bài thơ, hàng ngàn câu ca dao. Khi nào ông ngoại tôi làm được bài thơ đắc ý, thường bảo mẹ tôi ngâm cho ông nghe. Bố tôi con nhà nghèo, hồi đó học hành chưa tới đâu, yêu thầm trộm nhớ mẹ tôi. Một hôm bố tôi nghe có gia đình ông tham tá lục lộ đi coi mắt mẹ tôi. Anh nhớ thời xưa đó, ở Hà Nội có câu "Phi cao đẳng bất thành phu phụ", nghĩa là không tốt nghiệp trường cao đẳng thì đừng hy vọng chi lấy được vợ đẹp, con nhà đàng hoàng. Bố tôi học chưa xong trung học,

không nghề nghiệp gì, nghe có người đi coi mắt mẹ tôi, ông quýnh lên. Trăn trở nhiều ngày đêm, viết được hai câu thơ. Chờ đêm về, khi mẹ tôi đang ngồi học bên bàn, cạnh cửa sổ. Ông vén màn, ném lá thơ vào, rồi bỏ chạy như ma đuổi. Mẹ tôi bắt được mở ra đọc, chỉ có hai câu:

"Đừng ham xe điện tàu bay.

Bỏ xe tay mà tội!"

Thiệt tình, vè cũng không phải mà thơ con cóc cũng không phải. Thế mà bố tôi đã trăn trở, mất bảy ngày đêm mới sáng tác được. Nhưng mà lại có hiệu quả mới lạ chứ. Mẹ tôi đọc xong, cảm động, con người gì mà khiêm tốn lạ lùng, tự ví mình với chiếc xe tay khốn khổ . Mẹ tôi trình lá thơ cho ông ngoại tôi xem, ông cười ngất, và khen bố tôi nhân hậu thật thà. Rồi nhất định gả mẹ tôi cho bố tôi, dù ông chưa có nghề nghiệp gì. Bố tôi lấy được vợ, không muốn nhờ nhà vợ để đi học tiếp, bỏ ngang, xin làm thơ ký bưu điện nuôi vợ, nuôi con. Anh xem, thế thì, nhờ thơ mà bố mẹ tôi kết hợp và sinh ra tôi. Tôi là đứa con của thơ, chứ còn gì."

Ông Tư cười vang và nói:

"Tôi phục ông cụ của anh quá. Ngoài bài Bình Ngô Đại Cáo của Nguyễn Trãi, và Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư của Lý Thường Kiệt ra, tôi chưa thấy bài thơ nào mang kết quả tốt đẹp cho người làm thơ được đến như vậy. Bài thơ hai câu của ông cụ anh đáng đem vào văn học sử. Không phải thơ hay, không phải cao siêu bí ẩn, nhưng bài thơ đem lại kết quả tức thời. Không thiếu chi người phải vắt óc viết đến ba bốn tập thơ ca ngợi người đẹp, mà cũng chưa nên cơm cháo gì."

Ông Phi cười và nói tiếp:

"Tôi cũng phục ông cụ tôi vô cùng, viết được hai câu thơ như vậy mà dám đem gởi cho mẹ tôi, một người con gái thơ phú đầy mình. Được vợ, nguồn thơ của bố tôi tịt ngòi từ đó. Không biết có phải vì bố tôi thấy tài năng và kiến thức về thơ của ông, so với vợ, cũng như vũng nước mưa bên đường so với đại dương mênh mông chăng. May thay, ông không làm thơ thêm, nếu không thì chắc người đời cũng khổ lây, vì phải nhăn mặt mà đọc thơ ông. Tôi lớn lên trong lời ru thơ của mẹ, những câu ca dao, những câu Kiều, những Chinh Phụ Ngâm, Tì Bà Hành, đến nỗi khi vào trường, không học, mà tôi thuộc làu nhiều tác phẩm thơ, từ câu đầu đến câu cuối. Lạ lùng, học bài thì không thuộc, nhưng đọc thơ qua một lần là tôi nhớ làu làu. Tôi thuộc gần hết các bài thơ hay thời tiền chiến, thời hiện đại, và thuộc luôn thơ của bạn bè thân thiết. Thời nhỏ đi học, tôi viện cớ trời nắng, trời mưa, đòi ở lại buổi trưa tại trường, để nhịn ăn trưa, dành tiền mua sách, mua thơ. Thời đó tôi ốm nhom vì nhịn ăn mà mua sách. Mới học tương đương với lớp bảy, lớp tám bây giờ, tôi để

cái đầu bù xù như tổ quạ, bạn bè kêu tôi là Chateaubriand, tên một thi sĩ danh tiếng của Pháp. Bố tôi đánh đòn đến mấy, cũng không hạ được cái đầu tóc bù xù của tôi. Tôi tưởng mình là nhà thơ lớn thật, vơ vẩn làm thơ, không chịu học bài. Có hôm làm luận văn, tôi viết theo lối văn vần lục bát. Thầy giáo phê vào bài luận đó là "Nhảm nhí" và cho hai điểm trên mười. Thế mà cũng không làm tôi tỉnh ngộ. Tôi bị thi rớt trung học khi vào vấn đáp vì môn quốc văn. Cô giáo hỏi tôi về " ý nghĩa tiếng đàn trong truyện Kiều", tôi nghĩ là mình trúng tủ, nói thao thao bất tuyệt. Cô ngắt lời tôi mấy lần, mà tôi cứ nói cho sướng miệng. Cô giận thằng nhỏ ngông nghênh, bảo là lạc đề, cho tôi số không. Năm đó tôi ở lại lớp, phẫn chí, làm được tập thơ cả bảy tám chục bài. Tập thơ mất, tôi không còn nhớ bài nào, nhưng có lẽ không đến nỗi có thể so sánh với thơ của ông bố tôi. Dạo đó, vì đọc tiểu sử của các nhà thơ, tôi nghĩ là phải có nàng thơ, thi sĩ mới có nhiều cảm hứng, làm thơ hay. Tôi quyết định chọn cô bé ở xóm trên làm nàng thơ của tôi. Và không ngờ, tôi đâm ra yêu thật cái cô gái có tay dài như tay vượn, và môi dày che cái răng khểnh đó. Tôi làm thơ ca ngợi nàng, xa gần tả tình tả cảnh. Làm thành một tập thơ, nhan đề là "Cánh Nhạn Bên Trời". Bởi nàng tên là Yến. Tôi đưa tập thơ cho một anh bạn trong xóm đọc. Anh nầy lựa chừng hai chục bài ưng ý nhất, chép lại thành một tập thơ, lấy tên là "Gọi Yến Mây Ngàn". Chữ anh nầy đẹp lắm, viết tay mà vuông vắn tròn trịa, đều đặn như chữ in. Cuốn thơ của anh cắt xén gọn gàng, thuê thợ đóng bìa cứng gáy da. Anh đem tặng cô Yến, và bảo là thơ của anh làm tặng cho cô. Tôi không biết chuyện nầy. Khi tôi rụt rè đưa tặng cô Yến tập thơ của tôi, cô cũng nhận. Mấy ngày sau, cô ném tập thơ vào mặt tôi mà mắng: "Đạo thơ của người khác, không biết xấu hổ". Tôi xấu hổ vì bị ném tập thơ vào mặt, và thất tình, tôi xin đi sĩ quan Thủ Đức. Thấy tôi bỏ học, bố mẹ tôi buồn phiền lắm. Nhưng nhờ võ vẽ năm ba câu thơ, vào quân trường tôi được sung vào ban văn nghệ chuyên làm báo, khỏi đi học bãi, khỏi đi tập tành. Nửa khóa học đã qua, mà tôi chẳng bao giờ ra bãi tập cả, tôi sợ thi rớt ra trung sĩ, một hôm trốn ban văn nghệ theo các bạn ra bãi tập. Khi học cận chiến, huấn luyện viên hô "Thủ thế". Trong khi toàn thể khóa sinh nhảy ra, chân trước chân sau, hai bàn tay xòe ra, khuỷu tay co lại che ngang ngực, thì tôi rùn chân xuống, hay bàn tay nắm lại tựa vào hông theo thế thủ mà tôi biết. Khi thấy mình khác bạn bè, tôi sửa thế lại, thì huấn luyện viên đã hét lên: "Anh kia, vào đây đã nửa khóa rồi, mà chưa biết thế thủ. Sao mà dần độn đến thế. Phạt anh hai trăm cái hít đất, chạy năm vòng sân". Khi tôi vừa thi hành hình phạt xong, mệt muốn ngất người, đang nôn ọe xây xẩm, thì khóa

sinh trực ra tận bãi tập, kêu tôi về trình diện sĩ quan trưởng ban văn nghệ. Ông chửi bới, tôi vuốt mặt không kịp. Ông bảo tôi trốn làm văn nghệ, và phạt thêm hai trăm cái hít đất. Tôi xin trình bày, định nói với ông là không đi học, thì sau nầy làm sao mà thi cử, nhưng ông gạt đi, không cho tôi nói. Bạn bè cho tôi biết, các khóa sinh hoạt động thường trực cho các ban ngành, thì sẽ được các ông sĩ quan trưởng ban gởi gắm khi thi cuối khóa, khỏi lo làm bài được hay không. Nhưng số tôi mạt, trước khi thi thì vị sĩ quan trưởng ban văn nghệ bị thuyên chuyển về đơn vị khác. Không ai gởi gắm, chúng tôi may mắn, thi đậu nhưng chót bảng. May mà không thi rớt, phải ra trung sĩ. Bởi vậy, bọn trong ban văn nghệ chúng tôi bị về trấn đóng những nơi khỉ ho cò gáy. Tôi bị đưa về Đông Hà, gần giới tuyến. Cũng nhờ gần đại học Huế, nên mấy năm sau, khi đã có tú tài hai, tôi ghi danh đại học văn khoa Huế. Lâu lâu chạy đi chạy về Đông Hà – Huế, hốt hoảng dự vài buổi học rồi về đơn vị. Trở lại đời sinh viên bán chính thức, tôi thấy lòng vui và yêu đời hơn. Bài vở tôi chỉ học qua loa, thi đậu hay rớt cũng không quan trọng, thế mà bốn năm, tôi lấy được cái cử nhân văn chương. Cũng vì thơ phú, mà tôi dính với một cô sinh viên bạn học, là vợ tôi bây giờ. Cô đọc được thơ tôi đăng trên báo quân đội. Đúng là thơ là cái nghiệp của đời tôi. Bố tôi cũng nhờ thơ mà được vợ, tôi cũng vì thơ mà có vợ. Thật tình dạo đó, tôi cũng chưa dám lập gia đình, vì đời lính, sống chết chưa biết ngày nào, mà lương tiền cũng không dồi dào chi. Lấy nhau là đem nhau vào vất vả, âu lo. Cuộc sống khó khăn của thực tế sẽ chôn đi bao nhiêu thiên đường mộng mơ đẹp đẽ. Trước khi lập gia đình, tiền lương của tôi hầu như chỉ để ăn và cúng cho các tiệm sách. Đi đâu cũng lè kè mang theo mấy thùng sách như của gia bảo. Có khi hầm trú ẩn của tôi thành một cái thư viện nho nhỏ cho anh em binh sĩ giải trí đỡ buồn nơi tiền đồn heo hút. Khi sách quá nhiều, thì gởi về nhà bố mẹ tôi. Sau khi có gia đình, thì lâu lâu mới lén lút mua được cuốn sách. Vì nếu vợ tôi biết được, thì ồn ào nhà cửa. Một điều lạ lùng nữa, vợ tôi vì thích thơ của tôi mà lấy tôi. Nhưng sau khi lấy nhau rồi, thì bà không muốn tôi làm thơ nữa. Mỗi lần viết thơ, tôi phải lén lút, giấu diếm như làm việc quốc cấm."

Ông Tư mở thêm lon bia nữa, nài ép ông Phi:

"Làm thêm ít lon bia nữa, có sức mà kể chuyện xưa. Ăn nhiều vào, loại gà xì dầu nầy, mua ở tiệm đặc biệt, tận San Francisco đó. Chuyện anh kể vui quá. Rồi sao nữa, trong cái nghiệp chướng hệ lụy của thơ văn?"

Bốn năm lon bia đã nung mặt ông Phi đỏ bừng, hai mắt lờ đờ. Vừa nhai, ông Phi vừa kể tiếp:

"Cuộc đời lắm chuyện ly kỳ. Năm sáu năm sau, kể từ khi tôi thất tình bỏ đi lính, thì tôi gặp lại anh bạn ăn cắp thơ tôi, và cuỗm luôn cả nàng thơ của tôi. Khi đó tôi đã là đại úy đại đội trưởng. Anh bạn là chuẩn úy mới ra trường được gởi đến đơn vị tôi. Khi trình diện tôi, anh bạn xanh mặt, vì sợ tôi trả thù. Tôi làm như không biết và không nhớ chuyện xưa, vồn vã chào hỏi đón tiếp anh ấy. Cái hình ảnh nàng thơ xưa đã lu mờ hẳn trong trái tim tôi, đó chỉ là mối tình thầm kín vớ vẩn dại dột của tuổi mới lớn. Thất tình một cách ngu xuẩn, vì đã có tình ý chi với nhau đâu. Thế mà bỏ học, làm cha mẹ khổ buồn. Anh bạn cũng làm như không nhớ chuyện xưa. Sau nầy biết đời sống khốn đốn của anh bạn với nàng thơ xưa, tôi càng tử tế hơn, vì biết ơn anh đã lãnh giùm cho tôi cái cán búa. Nàng thơ xưa của tôi, nay trở thành bà chằng lửa dữ dằn, nạt nộ chồng con như tát nước. Không còn đẹp như trong lời thơ tôi khi trước: "*Em hiền Thánh Nữ đồng trinh. Trái tim nhân ái, nuôi tình trăm năm*". Sau khi tôi lấy được cái bằng cử nhân, và nhờ một số thơ đăng rải rác trên báo quân đội, tôi được đưa về cục Tâm lý chiến. Bởi vậy nên khi miền Nam thua trận, phải đi tù, chúng đày tôi ra miền Bắc. Trong tù, chúng tôi vẫn làm thơ và lén lút đọc cho nhau nghe. Bọn cai tù biết được, biệt giam tôi vào cái hầm kín, cái từng địa ngục nầy, ngày thì nóng như lò thiêu xác, đêm thì lạnh như hầm băng. Tôi sống sót được nhờ thơ. Ngày đêm tôi làm thơ, đọc thơ, nghĩ thơ, và thở ra hơi thơ để cầm giữ sự sống, để chống chỏi với cô đơn, đói khát, đau đớn thể xác. Trong các hầm giam nầy, khó ai sống sót qua một tuần. Thường thì thi thể tội nhân được khiêng ra, đã thành cái xác khô, thối hoắc. Thế mà tôi sống sót qua ba tháng. Xác tôi được kéo ra, chúng định ra lệnh đem chôn, nhưng có người nói tôi chưa chết. Tôi nằm thoi thóp thêm mấy tháng nữa ở nơi mà chúng nó gọi là bệnh xá. Bọn quản giáo nghĩ là tôi sắp chết, cho về nhà, để làm rạng đức khoan hồng của 'cách mạng.'

Nhờ vợ con chăm nom thuốc men, tôi không chết. Nếu không được về, thì đã gởi thây mgoài núi rừng Bắc Việt là chuyện chắc.

Tôi bám lấy thành phố, dù công an đêm ngày thúc giục đuổi tôi đi kinh tế mới. Tôi hành nghề hớt tóc vỉa hè. Treo một cái gương, đặt một chiếc ghế trong hẻm của xóm Tấm Ngựa. Hớt tóc cho bà con quanh xóm. Ai trả bao nhiêu cũng được. Thời đó, mọi sinh hoạt đều được quốc doanh hóa, duy không có quốc doanh hớt tóc. Thế mà nhờ đó, tôi lại có cơm cháo qua ngày. Tôi vừa hớt tóc, vừa ngâm thơ cho thiên hạ nghe, ai cũng khoái, khách hớt tóc của tôi nườm nượp. Nhưng rồi tai họa tới, cũng vì thơ cả. Có người tố cáo tôi đọc và làm thơ "phản động". Công an bắt tôi và soát nhà, lòi ra tập thơ cả mấy trăm bài, làm sao mà khỏi

có thơ " phản động". Tôi bị gán tội biệt kích văn nghệ, gián điệp Mỹ gà lại, để làm cuộc chiến tranh văn hóa, tâm lý. Chúng gán cho tôi là kẻ sáng tác ra những bài ca dân gian chế giễu, mỉa mai chính quyền. Tôi không nhận tội. Chúng lại biệt giam tôi một lần nữa tại Chí Hòa. Một năm nằm trong phòng biệt giam. Không cho liên lạc gia đình, bà con. Nằm trong đó, tôi thèm đọc, thèm một miếng giấy có chữ, không cần nội dung, có chữ mà đọc cho đỡ ghiền, đỡ cô đơn. Mùa hè trời nóng nực, cứ sáu ngày chúng cho đi tắm một lần. Mỗi lần được ra tắm là sướng lắm, sướng hơn cả lần đầu tiên được hôn người con gái. Vì được thấy mặt trời, thấy ánh sáng chói chan, và nhất là được thở không khí trong lành đầy lồng ngực. Lại được tắm trong vòng năm phút, nước chảy trên người như xối cả hạnh phúc, xối cả sung sướng lên thịt da, lên đầu tóc, chảy len vào từng kẽ tay, khe chân. Sướng lắm. Thế mà có lần được ra tắm, tôi thấy một miếng giấy báo nhỏ, miếng giấy chùi đít có vệt phân khô của ai đó bay ra khỏi thùng phân khi đem đi đổ. Trên miếng giấy báo đó, tôi thấy loáng thoáng từng giòng như có một bài thơ. Tôi mừng run lên. Giả vờ làm rớt cái khăn lên miếng giấy, rồi cúi xuống lượm khăn, cặp luôn miếng giấy giấu vào trong khăn. Thế là bỏ một lần tắm quý báu. Đem mảnh giấy báo về phòng, tôi dùng khăn thấm nước nhẹ nhàng chùi vệt phân trên giấy, kỹ lưỡng hơn các nhà khảo cổ lượm được di tích nhiều ngàn năm trước. Tôi đọc được, đó là bài thơ ca tụng lao động sản xuất của một gã bồi bút. Nhưng tôi thấy sung sướng, sảng khoái, và niềm cô đơn thèm khát chữ nghĩa được thỏa mãn. Tôi cất kỹ như một báu vật, lâu lâu đem ra đọc như để tự đãi mình. Cho đến ngày ra khỏi biệt giam, tôi không biết mình đã đọc tấm giấy kia được bao nhiêu ngàn lần. Kỳ lắm anh ạ. Cho đến bây giờ, mỗi khi ngồi bàn cầu, tôi cũng phải có cái gì để đọc mới đi cầu được. Nếu không thì cứ ngồi hoài. Có khi đến nhà lạ, không có sách vở báo chí trong nhà cầu, tôi phải cầm cái ống kem đánh răng, săm soi mà đọc những giòng chữ in trên đó, để có thể đi cầu được. Đó là một thói quen không tốt, nhưng cũng là một thứ hạnh phúc nho nhỏ của cuộc đời tầm thường nầy. Nhà cầu bên mình, tối tăm, chật chội, ẩm thấp, hôi hám, ruồi nhặng vi vút oanh tạc, thế mà tôi cũng phải có cái chi đọc. Huống chi nhà tiêu bên nầy rộng như phòng ngủ, sạch sẽ như phòng khách, thơm tho, có nhạc mềm nhè nhẹ ru đưa, thì cứ ngồi trên bồn cầu mà đọc sách, là sung sướng ngất trời. Hạnh phúc đơn giản thế, tội chi mà không hưởng."

Hai ông Tư và Phi, mỗi ông đã cạn hết bảy tám lon bia, ăn gần hết con gà, dĩa tôm khô và lon củ kiệu. Mặt họ đỏ lửng, mắt mờ lim dim. Ông Phi nhớ đến công việc phải làm, đứng dậy nói lè nhè:

"Thôi, rán làm việc một chút. Bóng nắng đã xế. Chuyện trò mãi không bao giờ hết. Thơ với thẩn. Nợ với nần. Nghiệp với chướng."

Ông cầm cái bay cạo lên tường, nhưng say quá, cái bay cứ rớt xuống đất mãi. Ông Tư cũng ngật ngừ, loạng choạng đi vào nhà kho, kéo hai cái ghế xếp bật ra, kê dưới gốc bưởi và kêu ông Phi:

" Thôi anh ơi. Tội chi mà không nằm xuống đây chợp một giấc cho đã đời. Dễ chi có được một ngày vui như hôm nay."

Ông Tư và ông Phi nằm dưới bóng mát cây bưởi mà thi nhau ngáy như kéo gỗ. Thỉnh thoảng ông Phi mấp máy môi, ngâm thơ trong giấc ngủ. Mấy con chim nhỏ trên cành, nghiêng đầu liếc mắt nhìn xuống hai ông bạn thơ nằm ngủ, rồi cất tiếng hót nhẹ nhàng như lời ru.

Khi hai ông thức giấc, thì nắng chiều đã nhạt và gác nghiêng nghiêng. Bầy ruồi và ong áo-cánh-vàng đậu đầy mấy dĩa thức ăn, chia phần ăn nhậu. Ông Tư đứng dậy vươn vai, nhìn cái nhà kho mà lo ngại. Khi bà Tư về, thế nào cũng cằn nhằn, to tiếng gây gổ ồn ào, vì hai ông chỉ mới cạo được vài mảng sơn nhỏ trên tường.

Ông Tư tuyên bố ngày làm việc đã mãn. Đưa ông Phi ra về. Ông Phi thì cứ nhìn lại cái kho, như ái ngại lắm. Khi ra khỏi cổng, ông Tư cầm tiền trả công đưa cho ông Phi. Ông Phi gạt đi và nói:

"Tôi có làm gì đâu mà trả công? Còn được ăn nhậu, đọc thơ, tâm sự dong dài. Đáng ra, nếu tôi có tiền, thì phải trả ngược lại cho anh là khác. Đừng làm tôi áy náy, không yên tâm."

Ông Tư nài nỉ, nhét tiền dúi vào túi quần ông Phi, nói với giọng khẩn khoản:

"Thì cũng mất một ngày công của anh. Được quen biết, có thêm được một người bạn thơ như anh, và có được một ngày vui như hôm nay, thì bạc ngàn cũng mua không ra. Đời có nhiều thứ còn quý báu hơn bạc tiền."

"Vâng, tôi nhận cho anh vui lòng, nhưng để cái kho đó, tuần sau tôi đến sơn cho anh, làm cho xong mới thôi, không nhận thêm đồng tiền công nào cả. Chỉ cần cho tôi mượn vài cuốn thơ đọc chơi là được rồi."

Hai ông bạn thơ cầm tay nhau cười sung sướng.

Tràm Cà Mau 10/2002

Rác

đoản văn của Võ Đình

"Trời chiều bảng lảng"... Mỗi khi thấy trời đẹp, thường là về chiều, tôi cứ nhớ đến câu thơ của Bà Huyện Thanh Quan. "Trời chiều bảng lảng bóng hoàng hôn"... Trời Đất ở đây khác với Trời Đất của Bà Huyện. Cuối thu ở xứ lạnh, mới bốn giờ chiều, cái nét "bảng lảng" đã mang mang đầy trời: Minh mông một cõi vàng nhạt phớt hồng; đây đó bồng bềnh mấy cụm mây nhẹ trắng phau. Rặng núi xa, vì thế, càng rõ nét, càng đậm màu, từ tím bầm trở nên thẫm đen. Một buổi chiều thật đẹp...

Từ ngôi làng đìu hiu trên núi phải xuống hướng thủ phủ của quận lỵ, một thành phố nhỏ, rồi từ đó chạy ra xa lộ tiểu bang.

Chạy trên xa lộ chừng hai mươi phút thì quẹo vào một con đường nhỏ hơn. Đi được quãng nữa, thấy có mùi hôi thối nặng nề. Rẽ vào một con đường khác, hai bên um tùm cây cỏ, mùi hôi thối trở nên dữ dằn đến nỗi tôi phải quay cửa kính xe lên kín mít. Nhưng không khí trong xe đã nhiễm mùi rồi. Bên đường, cứ một đoạn lại có bảng chỉ dẫn to tướng: **Chậm lại! Đi thẳng - RÁC THÀNH PHỐ.**

Trước mặt là một ngọn núi. Núi rác. Mùi hôi thối khiếp đảm. Trên trời, hàng ngàn con chim trắng –hải âu – bay xuôi ngược, kêu eng éc. Xa xa, một chiếc xe cao nghệu, hình thù dị kỳ, bốn bánh khổng lồ, chạy tới chạy lui trên mặt đống rác lổn nhổn, đè bẹp mọi thứ xuống. Thấp thoáng thấy những khối lớn: tủ lạnh, lò bếp, nệm giường, máy giặt... nằm rải rác giữa những bao nhựa trắng, đen, nâu, cứt ngựa. Tôi lái chiếc xe tải loại nhỏ. Sau thùng xe là cái tôi đem vất đi.

***

Con bé mếu máo, không chịu. Mẹ nó nói: "Thôi, đem vất cho rồi!"

Mẹ nó có lý, nhưng tôi còn phân vân. Cái xe đạp con nít đã đến giai đoạn quá tệ hại: tốn kém cho nhiều thứ lặt vặt như thế thì thà bỏ thêm tí tiền mua cả một xe mới. Ngoài ra, cái xe đã trở nên quá nhỏ cho con bé. Hồi đó ai cho, nó mới lên tám, nay đã mười hai. Xe người ta cho cũng đã cũ, đem về chùi rửa, sơn quét, xịt dầu mỡ, điều chỉnh lại, chạy ngon lành. Sau bốn năm, không mua đủ thứ phụ tùng thay vào thì cứ hư hỏng hoài, mất không biết bao nhiêu thì giờ và công sức. Con bé không màng chuyện đó, nó chỉ biết yêu cái xe. Nó đã tập đi với cái xe này, đã đạp quanh nhà bao nhiêu bận, đã cùng con bé hàng xóm đạp lên tận chỗ thượng nguồn dòng sông chảy quanh, nước cạn trong veo, thấy cả sỏi và cá ... Con bé yêu cái xe cũ, không muốn gì hơn. Cứ xét dáng dấp thì chiếc xe trông còn "ngon" hơn xe của tôi trước kia.

Mười lăm tuổi, tôi vẫn chưa có xe đạp riêng. Khi nào cha mẹ sai đi đâu, phải "mượn" xe cha tôi. Đi xe cha, sợ chết! Cẩn thận tối đa, tránh mọi chuyện không hay có thể xảy ra cho chiếc xe. Về nhà, còn lấy giẻ lau cho sạch bụi. Lỡ có một hai giọt bùn bắn lên nước sơn là nhanh tay chùi cho sạch. Đường sá lồi lõm, nơi khô nơi ướt, thật gian nan. Một hôm, cha tôi tung ra "lệnh" mới: "Kiếm cho thằng này chiếc xe đạp." Tôi nghe, mừng rơn.

Cha tôi "kiếm" bằng cách truy lùng, lượm lặt, mua chác đó đây những bộ phận mà ông cho là chắc, là bền nhất : giàn xe, ghi-đông, bánh xe, bàn đạp, v.v... Rồi ông hì hục lắp ráp, hai ba chúa nhật liền. Cha làm việc nhà, tất nhiên có con túc trực, để ông sai bảo. Sau này, coi tivi, thấy cảnh phòng giải phẫu, sao mà giống cái cách cha con tôi ngồi ráp xe thế: không nói không rằng, bác sĩ chỉ cần đưa tay ra là y tá trao đúng "đồ nghề"! Kết quả: tôi có xe đạp riêng.

Từ nay, tôi hết còn cuốc bộ ngày hai bữa đến trường. Từ nay, tôi hết còn "mượn" xe cha khi được sai bảo đi đây đó. Từ nay, tôi có thể đạp xe cùng anh lớn, đi thăm ông bà. Cũng từ nay, tôi mắc cỡ không thôi. Chiếc xe của tôi, được cha gọi là "xe tăng" làm tôi mắc cỡ với bạn bè quá. Những đứa xưa nay vẫn cuốc bộ, chẳng nói làm chi. Những đứa khác, phần đông là con nhà buôn bán lớn ngoài phố, chúng đi xe thật "chiến". Cái ghi-đông, cái tay thắng, cái trục bánh xe, cái bàn đạp... đều là thứ, bây giờ người ta cho là "ngon", là "ngầu", là "xịn". Ngày xưa, chúng tôi chưa có những từ ấy, chúng tôi cho là "chiến".

"Chiến" như những chiếc xe đua, xe "cuốc"*. Thon, gọn, nhẹ, tưởng như chỉ ngồi lên là phóng đi như bay. Trong khi đó, xe mới của tôi lù lù một đống, nặng nề, nặng nhọc, hai "lốp" xe to tướng, vành bánh ngang bè, trục xe không mảnh khảnh như ngón tay út mà to, tròn như

cái lon sữa bò!... Tất cả các bộ phận khác cũng đều thô lậu như vậy. Nhưng đúng như cha tôi tiên liệu, xe chắc và bền, xứng đáng với tên "xe tăng". Coi chừng, mấy đứa bạn học đấm vai nhau, coi chừng, đụng vào "xe tăng" là tan xương.

Mắc cỡ cứ mắc cỡ, tôi dần dà làm quen với nó: một mình chở *ba* thằng bạn, một thằng ngồi "bọt-ba-ga"** trước, một thằng ngồi "bọt-ba-ga"** sau, một thằng ngồi giàn giữa. Tôi gồng mình đạp, xe chạy, chậm chạp nhưng vững vàng. Cả trường cũng dần dà làm quen với cái "xe tăng" của tôi. Cha tôi không hay biết gì chuyện tôi mắc cỡ: ông hỉ hả ra mặt. Cái xe ấy, cái "xe tăng" ấy, tôi cưu mang cho đến ngày giã từ thành phố cũ và gia đình.

*

Mẹ con bé nói hợp lý nhưng tôi còn phân vân. Vì không nỡ đem cái xe cũ đi vất. Đồ vật là thứ vô tri vô giác, nhưng nếu đã ở một thời gian với mình, đã vui buồn với mình, hình như được ban cho một thứ linh hồn. Khi chúng hết khả năng phục vụ, nghĩ đến chuyện dứt bỏ chúng đi, thấy thật bất nhẫn. Ngoài ra, tôi đã từng có lần, cùng người quen, thấy cảnh đống rác thành phố.

Hàng tuần, đem rác ra lề đường, xe lớn chạy qua, bốc đi. Bao nhiêu thừa mứa, phế thải, dơ bẩn, vô dụng thế là mất dạng, khỏe ru. Không cần biết rằng mỗi thành phố, dù cỡ nhỏ đi nữa, cũng có cả một đội ngũ hàng trăm chiếc xe bốc rác như vậy, ngày ngày chạy hàng ngàn chuyến đến nơi đổ rác của thành phố. Không những chỉ có những thứ lắt nhắt, lem nhem như rau cỏ, thức ăn, áo quần, bao giấy, bao nhựa, băng vệ sinh, tã lót, chai, hộp, giẻ... Còn có cả những loại cồng kềnh như TV, tủ lạnh, lò bếp, máy giặt, gối nệm, đồ chơi trẻ con cỡ lớn như bàn tuột, xe hơi... Người ta vất đi nhiều thứ trông còn tốt lắm vì có một nguyên tắc kinh tế ăn khớp với sự tính toán của giới sản xuất thương mại: *mua cái mới lắm khi còn tiện và rẻ hơn sửa cái cũ.*

Tôi đã từng thấy đống rác thành phố, và tôi vô cùng ghê sợ. Tôi ghê sợ đến nỗi khó tưởng tượng được rằng một ngày cái xe đạp của con gái tôi lại có thể ra nằm ngoài ấy, nằm lẫn lộn trong đống phế thải khổng lồ, hôi thối kinh tởm ấy. Tuy nhiên, cái xe ngày càng trở chứng, hết hư cái này đến hư cái khác. Mẹ con bé, vốn người tình cảm, nhưng vì quen thuộc với cách xử thế thực tiễn hơn, đã nhiều lần bảo cha con tôi: "Thôi, cho nó đi đi, đem vất nó đi!" Và một hôm, có lẽ nhằm vào đúng khi chính bản thân tôi cũng đang muốn rũ bỏ nhiều điều, tôi bất thần đồng ý: *OK!* Con bé vùng vằng chạy ra vườn một mình, ôm mặt khóc. Mẹ nó mặc sức dỗ dành... Tôi khuân chiếc xe cũ bỏ vào thùng sau của chiếc

pickup nhỏ. Rồi đi một mình, khi trời vừa "bảng lảng", khoảng bốn giờ, một chiều cuối thu đẹp não nùng.

*

Đến ven bìa đống rác thành phố – *City Dump* – tôi dừng xe, tắt máy, ngồi nhìn. Cửa xe đóng kín mà vẫn ngửi thấy mùi hôi thối nồng nặc. "Trời chiều bảng lảng", đó là lúc ở nhà và trong đoạn đầu của chuyến đi, chứ bây giờ, bầu trời trên khu đổ rác chỉ là một màu không tên, đùng đục, nhếch nhác.

Khu đổ rác thành phố mênh mông, vắng hoe. Chiếc xe "đè rác" đằng xa tít, với những cái bánh khổng lồ, thấy nó chạy tới chạy lui, nhưng không nghe tiếng máy vì cửa đóng quá kín. Thế mà, ngay trên đầu, vẫn vang vang tiếng eng éc, oang oác của hàng ngàn con hải âu, giục giã, cuồng nộ, gấp rút. Tôi ngồi nhìn, hai tay tì lên bánh lái, lòng lợn cợn buồn bã. Ngồi như thế được một lúc, rồi tôi mở cửa xe, bước ra. Đi quành phía sau, tôi kéo chiếc xe đạp nhỏ xuống. Nhấc bổng cả chiếc xe lên với hai tay, tôi tiến đến gần đống rác khổng lồ. Nín thở để khỏi hít vào người cái mùi hôi thối khủng khiếp. Rồi, tần ngần trong tích tắc, tôi ném chiếc xe đi.

Nó rơi xuống cái "rầm", đồng thời có tiếng chuông nhỏ vang lên. Phần sau chiếc xe đạp rơi trúng một mặt nệm giường bọc vải xám với những đường sọc đỏ. Cái ghi-đông quày ngược lên trời, tay thắng trái móc vào một hộp các-tông in hình miếng *potato chip*, khoai tây thái mỏng chiên giòn. Lăn lóc bên cạnh là những chai *coca cola* to tướng, có chai còn lưng chừng nước. Một bánh xe quay quay...

"Xong!", tôi tự nhủ. Và quay về chiếc xe tải nhỏ, mở cửa, ngồi lại trước tay lái. Đúng lúc ấy, loáng thoáng trong kính chiếu hậu, tôi thấy có người mới đến. Cũng một chiếc *pickup* loại nhỏ như xe tôi, nhưng khác màu, đỏ choét. Tôi đề máy xe, lùi ra một khúc, nhưng không quay đầu ra về. Tôi tắt máy, nán lại.

Xe mới đến lăn từ từ rồi dừng hẳn, song song cách xe tôi khoảng hai chục thước. Hai người bước ra, một lớn, một nhỏ. Có lẽ hai cha con. Cha khoảng ngoài ba mươi, con mười một, mười hai. Cả hai ăn mặc lùi xùi, trông cẩu thả, dơ dáy. Nhìn qua đủ thấy họ là người quần chúng trung lưu thường gọi, với ít nhiều dè bĩu, là bọn "rác trắng"***.

Tôi thấy thằng nhỏ tay chỉ, miệng la. Người đàn ông nhìn theo tay chỉ. Một hồi. Rồi lắc lắc đầu, anh ta quay ra phía sau xe. Mỗi tay xách một bao to tướng, anh tiến sát đống núi rác, xoay xoay người lấy đà, rồi ném thật xa.

Mỗi lần một bao rác rơi xuống là hàng loạt hải âu sà vào xâu xé.

Bao rách, mọi thứ phơi ra toanh hoanh. Đám chim trắng, trên mặt biển, thanh thoát là thế, đẹp đẽ là thế mà bây giờ, trên đống rác thành phố, lại là những con vật thật hung dữ, tranh giành, cấu xé nhau một cách cực kỳ tàn bạo. Chẳng những chúng mổ nát bao rác, sục sạo tìm cái ăn, mà chúng còn mổ vào nhau với những cái mỏ nhọn hoắt.

Tôi thấy anh đàn ông nghiêng nghiêng đầu nói gì đó với thằng nhỏ. Hai người nói qua nói lại một lúc trong khi tay thằng nhỏ vẫn chỉ trỏ về phía chiếc xe đạp. Rốt cục, tôi thấy người đàn ông bước mấy bước, nhổ toẹt xuống đất rồi tiến thẳng đến đống rác. Anh đạp phăng lên mọi thứ ngổn ngang, rồi cúi xuống, đưa hai tay nhấc bổng chiếc xe tôi mới vất lúc nãy lên. Tay trái tôi tự động với lấy nắm cửa xe. Nhưng tôi ngừng lại, không mở cửa, không bước ra. Tôi chỉ ngồi yên, nhìn hai người đằng xa.

Tôi thấy thằng nhỏ có vẻ mừng rỡ. Người đàn ông móc túi áo, túi quần, lấy ra được điếu thuốc, gắn lên môi, châm hút. Anh rít mấy hơi thật sâu, rồi đưa chân đá cái gọng chống, dựng chiếc xe đứng lên. Rồi anh khom mình, nắm lấy một bàn đạp. Bánh xe sau quay tít. Thằng nhỏ nhảy cỡn lên, nói gì đó nghe không rõ. Người đàn ông gục gặc đầu, nhổ phẹt mẩu thuốc xuống, rồi đứng thẳng dậy, một tay nắm giữa ghi-đông, một tay nắm yên xe, nhấc bổng chiếc xe đạp lên, bưng bỏ vào thùng sau xe tải của họ.

***

Lúc ấy, không còn "trời chiều bảng lảng" nữa mà đã đầy "bóng hoàng hôn". Tiếng chim oang oác, eng éc vang cả bầu trời sắp tối. Mùi xú uế càng nồng nặc. Chiếc *pickup* nhỏ màu đỏ đã đi mất.

Tôi đề máy xe, quay đầu lại, rồi theo đường cũ, ra về.

Võ Đình, 2002

* Pháp ngữ : *course*
** Pháp ngữ: *porte-bagage*
***Anh ngữ: *white trash*

Sinh nhật

Nguyễn thị Hoàng Bắc

Hôm nay, sinh nhật. Đã lâu, chắc là khá lâu, tôi đã không kỷ niệm sinh nhật nữa. Cũng không cho ai biết. Tưng bừng như lúc trẻ, nhiều ý nghĩa và thường là lạ lùng hớn hở, như lúc bé ở với cha mẹ, Sinh Nhật và Tết, những ngày xôn xao khó nói nhất! Cô giáo tiểu học tôi ra bài luận, *"Hãy kể ngày mà em thích nhất,"* tôi kể, ngày Tết, ngày sinh nhật, ngày đám giỗ, ngày lễ, ngày xao xuyến cuối năm học và những tháng hè ấn tượng. Những lần mở trang sách mới, bất cứ là sách gì, hít mùi giấy mới. Cô giáo phê *"Dài dòng, lạc đề."* Lớn lên một ít, tôi đổ, tại tiếng Việt không rõ lắm về số ít, số nhiều.

Chai vang vừa tìm được dưới hầm nhà, một bó hồng vàng. Đi làm về, ngang tiệm hoa, hồng nở vàng qua tủ kính diễm lệ, tôi dừng lại suy nghĩ tìm lý do, nhớ ra sinh nhật, nên mua. Và mua luôn tấm cạt. Sau đó hơi bần thần. Hoa trong tủ trông phong lưu đài các và thư thái. Không làm sao ví được với đám hoa chậu, hoa luống, cúc, thược dược, kiểng, vạn thọ, liễu, điệp, phù dungnhững chiều hè đảo lộn nơi đó, nắng dịu mà gia đình tôi hoa mắt vã mồ hôi gánh nước tưới hoa. (Tôi nể tính kỷ luật của tôi. Làm gì cũng phải có lý do! Buổi sáng ngủ dậy phải uống một chai nước lọc, hai ngày cuối tuần phải chạy rông ngoài đường một tiếng, sau đó mới được đi đâu, làm gì thì làm. Ở sở, nơi quan hệ công việc nhiều hơn quan hệ cảm tình, dù muốn hay không, tôi cũng đã kềm đời khối người!)

Tôi viết *"Sinh Nhật vui vẻ"* ghi ngày tháng, và ký tên.

Rót nửa chai vào bình cho rượu hả hơi, tắt đèn, thắp nến, dọn khăn ăn, muỗng đũa nĩa. Chỉ là món ăn ngày thường thôi, ức gà không da ướp muối tiêu lá chanh nướng, lá chanh đông đá mua ở chợ Thái, xúp đậu khoai cà rốt gói đông lạnh của Safeway nấu với nước cốt rau. Thịt gà

ướp lạt ăn với cơm trắng để nguội, xúp ăn không, bánh hột gà chưng mua ở tiệm Tàu là bánh Sinh Nhật và món tráng miệng.

Nhấm nháp vang, tôi ngắm nghía tấm thiệp: loại thiệp trơn mua ở tiệm thủ công TotalCrafts, dòng chữ chúc tụng bình thường, không gò, không thoắng,nhưng giữa một đám viết bằng vi tính, tôi tự hào, chữ viết tay của tôi rõ ràng nhất. Trông chữ ký còn dài dòng. Tôi thân tôi nhất, nên thầy bói được chữ ký mình: bình thường, hơi lơ đãng, lúc này không có bận tâm riêng gì lớn, ngoài dự tính ăn rau nhiều để bớt thủ dâm.

Cơm xong, bắc ghế ngồi chơi bên cửa sổ. Mưa hè, đêm rả rích mát lộng, vườn lá xào xạc, thứ nhạc vui. Khuya hơn, không còn thấy pha đèn nhiều. Thổi nến đi ngủ vì mai vẫn đi làm. Cho hết chén bát vào máy, định mở máy rồi lại thôi. Để đến sáng, sẽ mở máy khi ăn sáng, chuẩn bị trang điểm, thay quần áo xong, đọc báo, uống cà phê thì máy cũng rửa vừa xong.

Nến tắt, đêm mùa hạ, nhưng gió mát ngủ không cần mở máy lạnh. Cái gối dài vuông bốn góc gác chân, dễ to gần bằng tôi, dễ chịu. Bao gối bằng lụa thổ cẩm ráp, lòe loẹt xanh đỏ, món quà kỷ niệm lần đi công tác Nam Dương. Tên Nam Dương có lẽ đã chết mấy đời theo Sukarno rồi, nhưng tôi cứ thích gọi vậy. Nam Dương, Đông Dương, Tây Dươngrõ là tự kỷ trung tâm kiểu *cánh hồng trung quốc*.

Bánh sinh nhật Tàu, xúp Mỹ, gà Thái, tư duy Ba Tàu, ôi, *tô xà lách*. Văn hóa *tô xà lách* hay văn hóa cội nguồn *ta tắm ao ta* là ưu thế tất thắng của thời đại? Toàn cầu hóa thông tin tri thức để phân phát bình đẳng cho loài người, nhưng toàn cầu hóa kinh tế chỉ tổ lợi cho các cường quốc kinh tế? Quyển sách tôi đọc dở đang đang lê thê về một âm mưu bất chánh bao giờ cũng đi kèm với một chính nghĩa ăn nóng thổi hôi hổi.

Nhưng đêm nay đặc biệt, tôi đang cần hạnh phúc yên tĩnh.

Hoa vẫn âm thầm nở. Căn phòng bỗng êm ả và lạ, như vừa có thêm một người lạ đang chung sống trong nhà. Nhưng là một người khách dễ chịu, một bóng ma im lìm, dịu dàng, tự trọng và rực rỡ. Tôi vẫy tay chào, định nói chúc ngủ ngon, nhưng rụt tay nói chữa, *mai gặp lại*. Hôm nay, sinh nhật giải phóng, tôi không xem ti vi khi đang ăn, cũng không đọc tạp chí chuyên môn cho đến khi ngủ gục, mà cũng không thủ dâm.

Nguyễn thị Hoàng Bắc

Một phút hoài cổ

Trúc Chi

Kẻ phục vụ hữu hiệu nhất cho cái mới (...)có thể lại chính là kẻ biết và yêu cái cũ rồi chuyển nó vào cái mới
Thomas Mann
(trích bài giới thiệu truyện *Demian* của Hermann Hesse)

Bài báo có nhiều địa danh gợi cảm và nhắc nhở thật... Sơn Hải Quan, Nhạn Môn Quan, Đại Đồng... nhiều lắm... Thật ra, tôi chưa hề có dịp để lại chút bản sắc của chính mình ở những chốn ấy, chưa hề có dịp trực tiếp gửi vào những núi đồi thành quách ấy một chút gì của chính tôi, dù chỉ là một cái nhìn đọng lại trên một địch lâu hoang phế, một phiến cổ lũy điêu tàn. Thành thử, những địa danh kia, tuy khiến tôi nhớ đến những đoạn chính sử (rất ít) dã sử (rất nhiều) mà tôi từng nghiền ngẫm trong những quyển truyện Tàu nhàu nát thuê ở một hiệu sách nghèo nàn cạnh cái chợ xép ngày cũ nơi cố đô, mà thật ra chúng gây một gợn xao xuyến vì tôi chợt nghĩ đến chuyện hưng vong của các triều đại bên Trung Quốc. Trong lịch sử của bất cứ sử của nước nào, sau khi những lớp sóng phế hưng đã cuốn đi, đã để lại tủi nhục, vinh quang cho nhiều lớp người, xét cho kỹ có vẻ như lại có nhiều nước mắt hơn là tiếng cười, kể cả tiếng cười của kẻ bại và tiếng khóc của người thắng! Và lớp rêu phong cát bụi phủ kín dãy thành hoang phế trong tấm hình trên mặt báo phút này đang khiến tôi nghĩ đến câu *cổ kim vị kiến thiên niên quốc* của Nguyễn Du. Phải rồi... xưa nay, chưa từng có triều đại nào đứng vững cho được một nghìn năm. Huống hồ...

Phải rồi, huống hồ là .....cái mong manh của một chút sơ giao...không một lời giao ước: tôi đang nghĩ đến Sung Zhao Yun (Tống Triêu Vân). Cái đám Mây Sớm ấy, người đàn bà gốc Trung Quốc có cái tên nghe hay hay ấy, bây giờ có thể nói là đã đứng lặng ở đầu non, khong còn trôi

về đâu nữa (Về người bạn này, chốc nữa tôi sẽ nói nhiều hơn nữa...) Cách đây chừng hai năm, tôi nhận được một tấm bưu thiếp của Triêu Vân, một tấm ảnh chụp chỗ Trường Thành tiếp giáp bờ Bột Hải tại Sơn Hải quan. Tấm bưu thiếp mang một cái tên khác thường và linh động: *Trường Thành Nhập Hải*. Nghe là lạ. Là vì thường vẫn nghe sông Hoàng Hà cuồn cuộn ra biển cả để mà không bao giờ trở lại (*bôn lưu đáo hải bất phục hồi*) hoặc nghịch lý, đột ngột vẽ ra một cảnh bát ngát mênh mông của một con sông Hoàng Hà đổ ngược lên vút tận ngàn mây trắng xa xôi (*Hoàng Hà viễn thướng bạch vân gian)*, nhưng mà *Trường Thành Nhập Hải*...Vạn Lý Trường Thành, khối gạch đá cả nghìn năm nay đã ăn rễ vào lòng đất, khối gạch đá bất động, ấy ở chỗ Sơn Hải Quan này lại đổ xuống biển, đi vào biển... Người đặt tên cho tấm bưu thiếp ấy hẳn đã từng sống lại những trang sử bi tráng tiềm tàng trong lòng mỗi viên gạch, mỗi khối đá. Lúc gửi tấm bưu thiếp cho tôi, cái đám Mây Sớm ấy, đã viết thoắng mấy chữ "Nhìn Trường Thành mà chợt nghĩ đến anh. Wish you were here" (ước chi có anh ở đây). Bạn tôi, ngày trước đã từng sống bên Cambridge, Anh quốc, khá lâu nên cũng nhiễm một cái thói quen của một dân tộc nổi tiếng là bề ngoài – tôi nhấn mạnh bề ngoài – có vẻ lạnh lùng, ít lời. Thật ra, cũng như nhiều chuyện và nhiều việc khác trong cuộc đời, thoạt nhìn thì vậy mà thật ra lại không phải vậy. Người Anh không hẳn là như vậy, nhưng... đó là chuyện khác! Người Anh họ vẫn thường viết bốn chữ đó đàng sau một tấm bưu thiếp những lúc không muốn tâm sự nhiều hoặc tả cảnh tả tình gì cho lôi thôi rắc rối. Một nửa phần để trống phía sau tấm bưu thiếp – nửa kia dành cho bưu điện - kể cũng khí chật chội quá, tài tình lắm mới gói ghém được tâm sự trên khung giấy mà diện tích chỉ bằng khoảng hai tấm danh thiếp ghép lại.

Chút nhớ – mà không phải là nhớ nhung – gửi cho một đám mây bốn phương trời, đã lọt vào ý nghĩ lúc tôi cầm tờ báo lên mà đọc lại bài tường thuật về việc các nhà khảo cổ bên Trung Quốc mới phát hiện ra một bộ phận của Vạn Lý Trường Thành ở vùng Ninh Hạ, gần tỉnh Cam Túc. Đây là một đoạn thành dài chừng 80km, cao 7m50, chân thành có chỗ dày 6m50, được đắp lên vào năm 1531 (tức là thời kỳ mà loại kiến trúc Đình làng bắt đầu phát triển mạnh ở Việt Nam, theo anh bạn Tạ Chí Dại Trường). Tôi không có được bộ óc hiếu kỳ của một nhà sử học hoặc khảo cổ, tôi ghi lại những chi tiết trên đây về đoạn Trường Thành mới được phát hiện đầu tháng này, tháng 10 năm 2002, chỉ vì lòng đang hơi xao xuyến vì một chút hoài cổ, chút bùi ngùi. Tôi chú ý và đọc kỹ bài tường thuật chung qui chỉ vì đoạn tóm tắt quá trình xây cất Vạn Lý

Trường Thành - có chỗ được xây lên từ thời Chiến Quốc – nói rõ lý do tại sao đoạn thành này đã "biến mất" trong suốt năm thế kỷ qua: "nhiều trận bão cát từ phía Tây và Bắc Trung Quốc, dần dà (slowly)vùi lấp đoạn cổ thành này"

Tôi thích trạng từ "dần dà" trong khung cảnh này. Dừng lại vài giây ở chữ slowly, tôi đã nghĩ đến cái vận chuyển của ngày tháng, suy rộng ra chút nữa, cái diễn tiến tất nhiên, không ai chối cãi được của vạn vật và vạn sự trong quá trình sinh diệt, hưng vong. Một dãy trường thành dài hơn cả đoạn đường từ Huế ra Quảng Trị ngủ vùi trong lòng đất sau bao nhiêu là cơn bão cát... Tôi nghĩ đến những đống xương trắng ở bên chân thành. Biết đâu đây lại không phải là *nơi gió cát* có dấu chân của người chinh phu trong *Chinh Phụ Ngâm*. Mà có lẽ đây cũng còn vất vưởng những oan hồn tử sĩ lạc lõng trong những trận *gió ù ù thổi* của trăm nghìn cơn bão cát cuốn đến từ sa mạc, từ núi rừng Nội Mông Cổ, Tân cương, Thanh Hải...

Giữa những tin giật gân về tên bắn lén ở Virginia, về vụ nổ bom khủng khiếp ở Bali, Indonesia, nói cách khác là tin tức về một hai cơn điên muôn thủa của con người, thì bài báo nói về việc phát hiện đoạn cổ thành này, sáng nay, đã có cái công hiệu của một hớp trà ngọt, đẩy lui cái đăng đắng hơi khó nuốt của chuyện bắn giết.

Cũng là chuyện điên của con người, nhưng mà cái cảnh *tên reo đầu ngựa pháo ran mặt thành* mà bài tường thuật đã "vẽ" lại trên mặt giấy khi nói về can qua binh lửa dọc Vạn Lý Trường Thành không khiến tôi lợm giọng. Có lẽ vì những đống xương trắng kia – sau năm trăm năm và có lẽ còn lâu hơn nữa – hẳn nay đã tan vụn vào đất cát, có lẽ vì giữa những tiếng gào thét long trời lở đất trong nhiều trận chiến ở đây không có tiếng rên la của đàn bà, con trẻ. Nói theo kiểu truyền thông ngày nay là không có "thương vong dân sự." Ít ra thì có thể nói rằng thời ấy, cái chết của người ngoài cuộc, của những kẻ không mang cung tên giáo mác là một điều ít thấy trong một cuộc xung đột vũ trang. Chứ như bây giờ... Thôi, khỏi nói.

Nói cho ngay, hồi nãy, lúc loay hoay với những điều tôi vừa viết ra trên đây, lúc nghĩ về một cái tên cho những trang nhảm nhí này, hai chữ hoài cổ vụt hiện ra trong trí óc rồi tôi gõ nó vào đầu trang, nhưng mà bây giờ, tôi thấy "hoài cổ" thật ra cũng không hẳn là tâm trạng của tôi sau khi đọc xong bài báo. Phải nói đó là một chút cảm hoài thì đúng hơn. Vì thường, tấm lòng hoài cổ của người đời trước chỉ xao xuyến khi trực diện đối cảnh, mà điển hình là trường hợp Bà Huyện Thanh Quan khi thấy lại Thăng Long sau một trong nhiều " cuộc hí trường" ở đó.

Còn tôi, chưa thấy Sơn Hải Quan, cũng chưa có dịp trèo lên Nhạn Môn Quan, cát bụi miền Thanh Hải chưa từng vướng gót giày tôi mà mưa nắng vùng Đại Đồng cũng chưa khiến cho một tấm áo nào của tôi phai bạc cả, nhưng mà chút hiểu biết ít ỏi của tôi về chuyện hưng phế của các triều đại bên Trung Quốc, về cái nổi chìm của một số các danh nhân trong những chu kỳ lịch sử ấy, đã khiến tôi bùi ngùi... *một đi từ biệt cung vua/có về đâu nữa đất Hồ nghìn nam*... Chiêu Quân đã vậy...rồi đến ông vua nghệ sĩ là Đường Minh Hoàng với khối hận tình nghìn năm không tan... *thử hận mang mang vô tuyệt kỳ*... Quá nhiều những trang sử bi tráng, mà những chuyện tình buồn quả cũng không ít.

Hình như những gì thuộc về... ngàn xưa vẫn hay khiến tôi suy nghĩ mông lung. Cái tạng người tôi nó vậy. Tin tưởng ở tương lai thì tôi vẫn tin. Và chắc chắn là tương lai của nhân loại còn dài, dài mãi cho đến khi trái đất hoặc nổ tung, hoặc ngừng xoay, hoặc vì có kẻ lỡ tay bấm vào một cái nút nào đó để điều động cho một loại vũ khí "diệt tuyệt" – mà không phải là võ công của Diệt Tuyệt Sư Thái – khủng khiếp nào đó được tung ra khiến cả hàng chục tỷ người bị tận diệt, không còn một mống, chỉ có cầm thú là còn sống sót... Lúc ấy, khỉ vượn, nhờ vào một loại kháng thể nào đó, sẽ tiếp tục cuộc sống của chúng để rồi, qua hàng triệu năm nữa, lại "lên" làm người! Và lịch sử của nhân loại mới này lại sẽ được viết lại với đầy đủ chuyện yêu thương, hận thù giết chóc vân vân và vân vân. Tôi vẫn tin ở cái vòng lẩn quẩn của mọi sự trong vũ trụ! Tôi có cảm tưởng rằng phần lớn chúng ta quên lửng là đã có một thời, theo Tiến Hóa Luận của Darwin, chúng ta là khỉ! Thời ấy, chưa có tổng thống, chủ tịch hay vua chúa gì cả và dĩ nhiên cũng chẳng vàng son gì đối với bất cứ một loài hầu nào trong cảnh tắm mưa gội nắng giữa rừng già bên châu Phi. Nhưng mà chắc chắn là ít chuyện điên hơn.

Còn cái chuyện Triêu Vân, thì không hẳn là "ngàn"mà cũng không "xưa", chỉ mới có hơn ba chục năm nay.

Tôi thấy Triêu Vân trong một buổi họp báo của bộ Kinh Tế Thái Lan, tại Bangkok. Vì là một buổi họp báo về tin tức tài chính và kinh tế, nên ngoài thông tín viên và ký giả chuyên nghiệp, còn có đại diện của nhiều hãng kinh doanh quốc tế, vốn liếng cả bạc triệu đầu tư ở Thái Lan. Triêu Vân là nhân viên giao tế của một trong những cơ sở kinh doanh ấy. Tôi chú ý đến Triêu Vân khi cô giơ tay hỏi một câu với lối phát âm rất là Ăng-lê, có những phụ âm ở cuối chữ được đọc rất rõ, những nguyên âm tròn trịa đầy đặn trong lối nói của một người có học mà người Anh họ gọi là *well spoken*. Tôi cũng chú ý đến Triêu Vân vì cô mặc một bộ âu phục hàng lụa Thái Lan, gần giống như đũi (thao) Việt

Nam mà sợi thô hơn, màu xanh da trời, ăn với làn da trắng, môi có điểm chút son nhạt. Không đẹp, nhưng xinh xắn, dễ thương. Đặc biệt là nét cười niềm nở, không máy móc, tuy là chuyên viên trong ngành giao tế.

Mấy hôm sau đó, ghé ăn cơm trưa trong một khách sạn lớn, đắt khách nhờ ở cái quầy dài đến mười mét chứ không ít, bày nhiều món hấp dẫn trong giờ ăn thả giàn, ăn một nghỉ (buffet lunch) hoặc nói theo kiểu Huế tôi ngày trước là *ăn chết bỏ,* tôi gặp lại Triêu Vân. Không hề quen biết gì, nhưng nhận ra nhau. Quen từ đó. Triêu Vân gốc Thượng Hải, di cư qua Đài Loan năm 1949, từng học về sử Đông Nam Á ở Cambridge, Anh Quốc. Do đó mà Triêu Vân thấm được lối phát âm ăng-lê chính cống. Vì rời Thượng Hải lúc con nhỏ, nên Triêu Vân chưa hề đặt chân lên những nơi danh thắng ở Hoa Lục. Nhưng mà kiến thức về văn học và sử Trung Quốc thì thừa để làm thầy cho tôi, vốn vẫn ưa tò mò về nền văn minh mà tôi vẫn gọi đùa những khi trò chuyện với Triêu Vân là văn minh của người ăn bằng đũa.

Những lần gặp nhau bữa cơm trưa ấy, tôi vẫn lái câu chuyện sang nhiều điều mà tôi biết là tôi dốt trong cái kho văn hóa mênh mông ấy. Triêu Vân cũng không ngây thơ gì mà không biết ý định học lóm của tôi, nhưng có lẽ có dịp phơi bày kiến thức cho một người ngoại quốc thành thật muốn hiểu biết, cô luôn nói rất đầy đủ, rất tường tận về tự nguyên của một chữ Hán, về nguồn gốc của một phong tục, về nguyên nhân sâu xa của một biến cố lịch sử ... Có hôm, ngồi trong một quán cơm bình dân gần Chợ Nổi nổi danh tiếng ở Thon Buri, tôi vồ lấy cơ hội để thay bậc đổi ngôi. Tôi "dạy' cho Triêu Vân cách ăn nước mắm nguyên chất, nước mắm pha đủ các thứ gia vị rồi hỏi luôn:

"Tại sao người Trung Hoa không ăn nước mắm mà chỉ dùng xì-dầu?"

Triêu Vân vừa chấm miếng cá chiên vào chén nước mắm đầy ớt tươi và ớt bột rồi tỉnh bơ mà trả lời bằng một câu mà tôi nhớ mãi, vì nó vừa trả lời đầy đủ mà lại vừa không trả lời gì cả:

"Có lẽ vì vậy mà người Việt Nam là người Việt Nam mà người Trung Hoa là người Trung Hoa." Thông minh và nhanh trí thật!

Ít lâu sau Triêu Vân đổi đi Jakarta mà tôi cũng về Saigon. Sau 75 thì hoàn toàn mất liên lạc. Cho đến cách đây hai năm, trong một chuyến du lịch Hoa Lục, có lẽ còn nhớ đến người "học trò" cũ, Triêu Vân gửi tôi tấm bưu thiếp Trường Thành Nhập Hải về địa chỉ cơ quan cũ của tôi, nhờ chuyển giao. Bây giờ cô...phải nói là chị Triêu Vân mới đúng... đã chồng con đầy đủ, đã hưu trí và thỉnh thoảng có đến giảng về Kinh Tế Sử Đông Nam Á tại đại học Đài Bắc.

Cái đám Mây Sớm này bây giờ là một đám Mây Chiều êm ả nghỉ ngơi trong bóng xế của một cuộc đời may mắn, song suốt. Giữa những ngày mới quen biết nhau ở thủ đô Thái lan cho đến nay, cũng đã có nhiều lớp bụi phủ lên cuộc sống chị Triêu Vân, cuộc sống của chính tôi. Không dày như cát bụi chôn lấp đoạn Trường Thành trong tờ báo nhưng cũng đủ cho chúng tôi quên lửng là đã có một lúc quen biết nhau khá thân. Thổi lớp bụi ấy đi, cũng còn có chuyện mà nhớ, mà nói. Kể cũng vui!

Trúc Chi

ĐÓN ĐỌC TUYỂN TẬP VĂN CHƯƠNG
TIÊU BIỂU CỦA VĂN NGHIỆP
KIỆT TẤN

KIỆT TẤN
TUYỂN TẬP

DÀY TRÊN 500 TRANG
DO VĂN MỚI XUẤT BẢN

SÁCH PHÁT HÀNH
TRONG THÁNG 12 NĂM 2002
GIÁ 25 MỸ KIM.

Paris, thu

Kiệt Tấn

Tháng mười, trời mưa tầm tả mấy bữa rày. Paris vào thu đã hơn tháng nay. *Les feuilles mortes se ramassent à la pelle. Tu vois, je n'ai pas oublié...* Nhớ chớ. Tôi nhớ hết. Những Diane với cái răng gẫy, những thằng *clochards* đã ngủ gục với tôi trong nhà thờ *Notre Dame*, những mùi rau thúi, những mùi vịt quay không bán được, những thằng điên ngồi cú rủ bên cạnh tôi trong bệnh viện tâm lý, những Evelyne ngù ngờ em điên xõa tóc. Tôi nhớ. Tôi nhớ hết thảy. Muốn điên cái đầu.

Chúa nhựt. Ánh, vợ nhà, đi chùa lạy Phật, ăn chay. Còn tôi, tôi đi ăn phở, lái xe đi một mình. Cấm nhậu. Phở Hùng, một tiệm phở Việt Nam nho nhỏ ở phố Tàu. Bên cạnh là một tiệm phở lớn, Phở 14, chệt vàng làm chủ, Tây đen nấu bếp, nấu ngon hết xảy. Lần đầu tiên ăn phở Hùng. Dở ẹt. Nhưng rồi sẽ trở lại nữa không biết chừng. Phải hết lòng gắn vảy cấy lông cho con Rồng cháu Tiên chớ biết làm sao bây giờ! Lại *bâng khuâng lòng khẻ hỏi lòng...*

Ra về, lái xe ào ào, hân hoan thơi thới. Chạy trên lộ vòng đai Paris về Bagnolet, chỗ nhà tôi ở, khít rịt Paris. Lai rai mấy ả Kiều đứng đón khách trên lề đường, *faire le trottoir,* trắng từ Đông Âu chạy qua rất nhiều, đen từ Phi Châu dạt sang cũng lắm, chỉ thiếu mấy em da vàng, vàng lườm. *Lom khom dưới núi tiều ngồi gải, lác đác bên sông mấy ả cười.*

Nhưng ở cái thời buổi khủng bố rần rần nầy, ai nấy mặt mày khó đăm đăm, cười sao nổi mà cười. Ấy vậy mà mấy em cũng làm một cố gắng vượt bực, nhích mép lên một cái chào khách. Bên dưới thì nhích váy ngắn củn cởn lên khoe đùi, đùi trắng, đùi đen, mịn màng, mướt rượt. Trời mưa lắc rắc, gió thổi ào ào, thấy mà ớn lạnh giùm các em. *Maria hỡi!* Thoáng thấy một em da trắng tóc nâu xinh xinh, mủm mỉm

đứng xa xa. Tôi chớp đèn tấp vô rồi ngừng hẳn trước mặt em. Em mừng húm chạy ra đứng khom người bên cửa xe. Tôi quây cửa kiếng xuống, mưa tạt vô hàng hàng. Tôi day mặt ngó em, chúm đầu ngón tay chỉ chỉ vô miệng trả hoát, diễn kịch câm. Ý hỏi "ăn chưa?". Em gật gật đầu xổ mấy tiếng Tây học lỏm bỏm để hành nghề. *"Oui, oui, je fais, je fais"* (Được, được, cái đó em làm được). Vừa nói em vừa nhích mép mỉm cười, sợ mất khách. Em hiểu lầm, tôi lại chúm tay chỉ vô miệng mình lia lịa. Em cũng vừa mỉm cười vừa gật đầu lia lịa. *"Ô kê, ô kê, je fais, je fais"*. Tôi móc túi đưa cho em tờ giấy 50 ơ rô, tròm trèm 50 đô Mỹ. Em đưa tay mở cửa xe, dợm bước lên, lên xe hoa. Cửa khóa, em ra hiệu cho tôi mở chốt khóa. Tôi khoát khoát, đưa một bàn tay lên trán chào em theo kiểu nhà binh rồi lại chúm tay chỉ chỉ vô miệng mình. Bấy giờ em mới bật ngửa, hiểu ý tôi. Em mở miệng cười thiệt sự, môi son đỏ rực răng tươi tốt. *"Manger, manger, merci, merci"*. Ăn, ăn, cám ơn, cám ơn, mẹt xi, mẹt xi. Gì chớ tiếng "mẹt xi" là em cứ phải xổ tiếng Tây dài dài khi bị được mấy thằng phải gió nó đè ngửa và bẹt đùi em ra chàng hảng. *Hôm qua lên núi hái chè, gặp thằng phải gió nó đè em ra...*Xe cảnh sát và xe chửa lửa hú còi qua mặt xe tôi vụt vụt. Tôi bồn chồn sợ bị hốt bất tử, dù tôi không có tà ý gì hết ráo. Cắt nghĩa? làm sao mà cắt nghĩa? Quả tang phạm pháp. Ở đó mà cắt nghĩa với ông cò! vẫn biết tối nay sẽ có một thằng ma cạo sần sùi đập cho em một trận tơi bời hoa lá và lột hết 50 ơ rô của tôi cho em lẫn tiền đi khách cả ngày của em, mười lần, hai chục lần, đếm sao nổi mà đếm. Như Kiều hồi ở lầu xanh vậy. *Rằng nghe nổi tiếng cầm đô!* Đếm? Hai bàn tay cộng hết lại chỉ có mười ngón thôi, làm sao mà đếm cho hết được. Mà Giám Sinh nè (một), Sở Khanh nè (hai, ba, bốn...), Thúc Sinh nè (hai mươi lăm, hai mươi sáu... dài, dài...), Từ Hải nè (ba trăm lẻ một, ba trăm lẻ hai... bốn trăm chín mươi sáu, bốn trăm chín mươi bẩy... mệt quá! mệt quá!), và còn ai nữa, máy đếm nhẩy số rẹt rẹt, y chang như trên xe *taxi vậy*. Nhưng biết thì vẫn biết đó. Vậy thôi. Cho tiền em thì vẫn cứ cho. *Bắt thang lên hỏi ông trời? Đem tiền cho gái...* Chẳng lẽ khoanh tay mà nhìn vận nước đảo điên?

Em xít ra. Tôi chớp đèn dạt trở lại vòng đai. Trong kiếng chiếu hậu tôi còn ngó thấy em vẫy tay chào, *bye bye,* bái bai, miệng cười rộng, đùi vén cao, ngực hở mát rượi, mưa lất phất, gió ào ào. Được chừng hai trăm thước, nước mắt tôi bất thần vọt ra lăn dài xuống gò má, nhỏ giọt. Ba trăm thước, tôi bật khóc thiệt sự. Năm trăm thước, trước mắt nhòe nhoẹt, tôi hết thấy đường. Không kịp chớp đèn, tôi lủi đại vô bờ lề, ôm đầu khóc sướt mướt. Trời hỡi, trời!

Kiệt Tấn

Câu hỏi kiếp người

Võ Kỳ Điền

Đời quả có những chuyện bất ngờ, như vào một buổi trưa mùa hè nắng đẹp, tôi gặp lại Hạnh. Tôi đang chăm sóc đám rau cải ngoài vườn, ở phòng ăn sau nhà, Liên sau khi dọn dẹp xong bếp núc, cùng thằng Bi coi phim hoạt hoa vẽ đám khủng long thời tiền sử thì Đức, cậu em tôi đến kiếm, kề tai nói nhỏ không muốn cho ai nghe - anh biết chưa, chị Hạnh từ Bidong tới rồi, hiện ở nhà anh Hưng, anh muốn đến thăm không, em đưa đi.

Trời đất, chỉ một câu nói gắn gọn, có mấy tiếng đơn giản như vậy thôi mà tôi thấy cả một trời mây xao xuyến, chơi vơi, những ngày, những tháng miên man đầy ắp kỷ niệm buồn có, vui có, hiện về. Cả người tôi lơ lửng, tay chưn đâm thừa thãi, đám cải xanh trước mắt như mờ nhạt. Cây cỏ, nhà cửa, cảnh vật bây giờ không phải của xứ sở lạnh lẽo xa xôi nầy mà tất cả biến thành Bình Dương của tôi đầy nắng ấm ngày nào.

Hạnh, Hạnh, cái tên thương yêu đẹp đẽ từ lâu đã không nghe đến, bây giờ bất chợt được nhắc tới, như một giấc chiêm bao đẹp. Hạnh lớp học tươi mát, Hạnh phố xá lung linh, Hạnh công viên lá me bay bay và Hạnh đất lạhôm nay, *tình ngỡ đã quên đi nhưng tình vẫn còn đầy, người ngỡ đã đi xa nhưng người vẫn quanh đây*

Người ngỡ đã đi xa nhưng người vẫn quanh đây- thật vậy sao, thật vậy sao, Hạnh cũng đến cư ngụ tại thành phố xa xôi nầy à! Tôi len lén nhìn vô nhà, Liên với Bi vẫn say mê theo dõi đám sinh vật tiền sử, không để ý gì chuyện anh em tôi gặp nhau, tiếng nhạc văng vẳng khi xa khi gần, tôi yên tâm, trả lời Đức - tại sao lại không !.

Nhà Hưng rất lớn, rất đẹp và ở khu yên tĩnh. Hưng và Nguyệt, chị

của Hạnh du học xứ nầy từ lâu, cuộc sống đã ổn định và khá sung túc. Vợ chồng Hạnh bở ngở đến tạm trú trong căn nhà sang trọng xinh xắn nầy như dòng chữ nguệch ngoạc lạc lõng, không ngay hàng thẳng lối, được viết tình cờ trên trang giấy trắng tinh khôi. Thời gian quả thiệt vô tình, không nương nhẹ tay bất cứ ai, Hạnh xinh xắn, dễ thương ngày nào của tôi, bây giờ ốm đen và tiều tuỵ, da dẻ còn vương đầy màu nắng gió, bụi đất vùng trời tỵ nạn khô cằn. Nàng có vẻ lúng túng trong bộ đồ mới mua còn nguyên nếp, ra đón cố nhơn ở cửa. Chiếc quần tây xanh và chiếc sơ mi ngắn sọc kẻ ô vuông hơi rộng. Lần đầu tiên nhìn Hạnh mặc jeans cứng còng, tôi ngạc nhiên và thấy lạ.

Tôi bàng hoàng xúc động nắm nhẹ lấy tay Hạnh như lời chào hỏi, bàn tay lạnh, những ngón tay xương xẩu, móng cắt ngắn, trắng bệch, da nhám và thô. Hạnh ngước mắt nhìn tôi không nói. Tôi cũng không nói. Hạnh ơi, hai đứa mình có rất nhiều điều để nói và cũng có rất nhiều điều không cần phải nói. Tôi đứng đây và Hạnh cũng đứng đây. Vẻ đẹp lụa là, sang trọng, trang nhã, kiêu sa của một tiểu thư khuê các ngày nào đâu còn nữa, mất hết rồi, mất thiệt hết rồi, còn lại chút xíu nào nữa đâu.

Tôi chua xót. Hạnh ngày nào của tôi, đẹp đẽ, xinh xắn, kiều diễm, bây giờ đã phải trải qua những gian nan, cực khổ, đoạ đày như vậy.. Tại sao người chịu khổ sở, cay đắng không phải là tôi? Tại sao tôi lại được may mắn sớm như vậy mà Hạnh thương yêu của tôi lại phải chịu khổ sở trễ muộn như vậy. Tôi cố nén những cảm xúc bở ngở ban đầu, nhìn kỹ lại người xưa. Cái dáng cao cao thanh thoát, cặp mắt vẫn đen ánh ngày nào vẫn còn, cái nhìn như ngạc nhiên, như dò hỏi, như đắn đo, lần nào cũng vậy, nhìn tôi sâu thăm thẳm như mang đầy dấu hỏi, cái nhìn đó không hề thay đổi, vẫn ngơ ngác, vẫn y nguyên. Y như lần cầm bức thơ đầy tự ái, chấm dứt cuộc tình trắc trở không đoạn kết của hai đứa, nàng đã hỏi tôi trong tiếng nức nở, nghẹn ngào:

- Cuối thơ anh chấm là chấm hết hay chấm xuống hàng ?

Nguyệt rất vén khéo, nhà và sân trang trí theo kiểu Nhựt Bổn, bàn ghế sạch sẽ đến độ người nào tỉ mỉ, rán kiếm một hột bụi cũng không ra. Cạnh phòng khách là một nhà kiếng để trồng kiểng, đa số là cây cỏ, hoa lá xứ nóng như chuối, tre, nhiều loại bonsai và phong lan. Đức hoạt bát, khôn khéo tìm cách gây không khí trong nhà cho ấm áp, nó khen cây nhà Hưng khéo trồng - làm sao ở đất lạnh nầy mà trồng được cây cà phê chùm trái chín đỏ đẹp như vầy, giỏi quá. Nguyệt được khen rất vui

và khoe Đức buồng chuối tiêu le que vài trái vừa mới nhú. Nguyên, thấy anh em tôi đến thăm hai vợ chồng nàng, muốn lánh mặt để chúng tôi thoải mái thăm hỏi nhau, tế nhị rủ Đức đi chợ mua sắm vài thứ cần dùng. Vợ chồng Hưng cùng lấy cớ phải tham dự buổi họp nên vội vã đi cho kịp, kẻo trễ. Tôi cám ơn cái lịch sự của Nguyên, của Hưng, của Nguyệt nhiều lắm.

Còn lại hai đứa ở phòng khách, Hạnh rót nước mời tôi. Cũng cái bàn thấp cùng kiểu Nhật nầy, y như cái bàn nhà nàng ngày trước, nàng phải quì xuống, hai tay dâng chén trà đất nâu, dáng dịu dàng e ấp. Tôi nhìn sững chén trà, cũng những ngày tháng thơ mộng đã qua nào đó, nàng đã quì gối, dịu dàng, rót mời tôi chén trà thương yêu như vậy. Nhưng bây giờ, bên nàng đã có Nguyên và tôi cũng đã có Liên. Cảnh thì giống nhau nhưng tình thì khác xa, thiệt là xa. Mà có thật khác xa không, tôi cũng không biết nữa.

- Em pha trà khéo và ngon. Giống như hồi đó.

Hạnh cúi đầu và chớp mắt, giọng nói mỏng nhẹ như sương, như khói :

- Mới đó mọi việc đổi thay hết. Em cũng không ngờ được.

Câu nói bâng quơ, mọi việc thay đổi là việc gì, việc nước, việc nhà, chuyện tình riêng tư hai đứa..? Tôi không hiểu rõ ý nàng muốn nói. Mà tôi cũng đâu cần hiểu rõ làm chi. Tôi ngồi im, nàng cũng ngồi im. Trong im lặng, tôi lắng nghe tiếng nói mơ hồ của trái tim run rẩy, bao giờ cũng vậy, mỗi lần gặp Hạnh nhìn thấy ánh mắt, nghe được nụ cười, tôi cảm thấy sung sướng, bồi hồi, xao xuyến, ấm áp, ngay cả khi nàng có Nguyên, ngay cả bây giờ Cái đó có phải là tình yêu, không phải là tình yêu? Yêu nhau có cần phải thành chồng vợ ? Mà tình yêu là gì, cho đến từng tuổi nầy, tôi vẫn còn chưa biết.

- Anh Nguyên định vừa đi làm vừa đi học lại. Cũng may công ty anh Hưng đang thiếu người.

- Như vậy tiện lắm, nghề nghiệp cũ của Nguyên bên nầy vẫn còn dùng được. Còn em thì tính sao ?

- Em học dở lắm, anh dạy em thì biết mà.

Hạnh nhìn tôi, cũng ánh mắt có đuôi như ngày xưa nhìn tôi trên bục giảng. *Thầy vẫn dạy bài Việt văn năm cũ, như ngày xưa riêng đôi mắt em nghe* . Cõi lòng tôi chừng như xô dạt theo sóng mắt.

- Chắc là em theo phụ chị Nguyệt.

Tôi không biết nói gì hơn:

- Ờ ờ, vậy thì cũng tiện.

Hạnh lập gia đình trước tôi độ hai năm. Nguyên, chồng Hạnh khá đẹp trai, cao lớn, học giỏi, gia đình lại giàu nứt nhì ở tỉnh nhà. Ở trường, tôi học dở hơn Nguyên, ra đời, tôi thành công thua Nguyên, cái gì cũng thua hết, rồi cho tới khi yêu Hạnh, tôi cũng thua Nguyên một bước. Nhưng tôi thường tự hào, tình yêu tôi dành cho Hạnh nhiều hơn. Tôi đã từng nói với Hạnh như vậy. Nhưng tình yêu nhiều hay ít làm sao mà cân đo cho được, bao nhiêu gọi là nhiều, bao nhiêu gọi là ít, tôi vốn rất dở toán nên tính hoài không ra. Tại sao Hạnh miệng vẫn nói thương tôi mà lại làm đám cưới với Nguyên, tôi không hiểu và thiệt tình không hiểu. Mấy thằng bạn thân biết chuyện, chọc quê- không phải mầy thua thằng Nguyên một bước đâu, chỉ có nửa bước thôi. Ử, cho dầu chỉ có nửa bước hay nửa tấc, nửa phân, cũng là thua. Thua cay thua đắng, thua ngọt thua ngào !

Trên cõi đời nầy, tôi chưa hề ghét ai nhưng sao lại ghét Nguyên. Từ đó tới sau, hễ gặp ai hình dáng giống Nguyên, đẹp trai giống Nguyên, nghề nghiệp như Nguyên, giàu có như Nguyên là tôi đâm khó chịu, bực bội, cũng không biết tại sao!

Tôi cũng cố ý lánh mặt vợ chồng Hạnh, nên từ đó đến nay do tình cờ đưa đẩy, là buổi gặp gỡ lại nhau lần đầu. Sau những hàn huyên về cuộc sống quê nhà, trên đường vượt biển, ở trại tỵ nạn, chuyện đói chuyện no, tôi cố tránh đá động chuyện tình cảm riêng tư cũ bởi vì qua bao năm tháng vết thương tạm coi như đã lành. Không còn gì để nói gì nữa, tôi nói bâng quơ:

- Tụi em lập gia đình trước anh chị hai năm, sao không tính chuyện có con cho vui cửa vui nhà. Thằng Bi anh năm nay ba tuổi rồi. Trong nhà có con nít tuy cực mà vui lắm.

Nói tới đó, tôi sực nhớ tới Liên và thằng Bi đang ở nhà. Vui lắm, có thiệt vậy không? Liên, người vợ đẹp đẽ, rất đàng hoàng, có tư cách nhưng tánh tình rất nghiêm trang, khá cứng cỏi và lại ưa cằn nhằn. Chuyện lớn chuyện nhỏ gì thì cũng cằn nhằn được, mới nghe thì cũng vui vui nhưng nghe hoài đâm khó chịu, nghe thêm nữa thì nhức đầu. Tánh tôi thì xuề xoà, thích bè bạn và hay giễu cợt, bông đùa, trong gia đình hoặc gặp gỡ bạn bè thân tình ưa kiếm chuyện nói bậy nói bạ cho vui. Hai vợ chồng thường khác tánh ý nhau. Nhiều khi gặp chuyện bực bội thì mỗi người vô phòng riêng đóng kín cửa lại, im lìm, không nói năng, chưa hề có chuyện cãi vã, la lối hay to tiếng như các cặp vợ chồng khác. Tôi và Liên đã ở khác phòng, như vậy lâu lắm, một thời gian khá dài.. Bên ngoài nhìn vô, bạn bè ai cũng cho là gia đạo hoà thuận, ấm êm.

- Em cũng muốn có con lắm nhưng mà...

Nói tới đó Hạnh ngập ngừng và bỏ lửng nửa câu, rót tiếp trà vô tách, vài giọt rơi bắn ra bàn. Tách trà sủi bọt li ti và hình như có chút xíu run rẩy, vụng về trong cánh tay rót. Tôi ngước mắt nhìn Hạnh để chờ những lời tiếp theo nhưng Hạnh đã ngưng ngang câu nói nửa chừng và im lặng. Cái im lặng kéo dài. Tôi nhớ lại câu nói - em cũng muốn có con lắm, nhưng mà...

Tại sao tới đây Hạnh lại ngưng - nhưng mà sao,.. tiếc quá, tôi không phải là bác sĩ nên không biết tại sao vợ chồng lại không có con được? Muốn lắm, tại sao lại không có được? Nhiều câu hỏi trong đầu, hay là Hạnh bị bịnh? Hạnh và Nguyên không hoà thuận? Hay là Nguyên có vấn đề? Tôi xua đuổi liền ý nghĩ xấu đó ra ngay khỏi đầu. Tôi không có quyền nghĩ bậy cho Nguyên, không được, tuyệt đối là không được, lúc nào tôi cũng phải cầu mong cho Hạnh được hạnh phúc. Tuy vậy tôi vẫn thắc mắc hoài, tại sao kỳ cục vậy, thôi cứ cho là định mạng, chắc số tử vi của vợ chồng Hạnh cung con cái bị sao xấu án ngữ rồi, chỉ được cung phu là tốt...

Hạnh ngồi im và tôi cũng ngồi im. Mỗi người một ý nghĩ tình cảm sâu kín riêng tư . Dòng sông đã chia làm hai nhánh, mỗi nhánh chảy nhịp mau chậm khác nhau. Đâu còn nhánh hy vọng nào gặp lại ở cuối biển trời thương nhớ. Tiếng xe Đức đã về trước cửa. Tới lúc phải từ giã rồi. Tôi đứng dậy và Hạnh cũng đứng theo. Ra tới cửa, tôi nói lời mừng Hạnh tới bến bờ tự do và cầu mong hai vợ chồng Hạnh sớm ổn định và chúc mọi sự may mắn.

Tôi nghĩ là Hạnh sẽ cám ơn và gởi lời thăm Liên và cháu Bi. Nào ngờ nàng không nói như vậy. Khi ra tới cổng và dừng lại để chào lần nữa thì Hạnh đi sát tôi, kề tai nói trong hơi thở, tiếng mỏng nhẹ êm ái như tơ:

- Anh có hạnh phúc không ?

Tôi chợt bủn rủn và đầu óc quay cuồng. Câu hỏi đơn giản như vậy mà hồi nào tới giờ tôi không nghĩ tới. Tôi có hạnh phúc hay không ? Có hay không, có hay không?

Tôi im lặng đầu óc rối beng, nói đi, nói đi, nói đi, trả lời câu hỏi đi, dễ quá mà, chỉ cần nói, hoặc có hoặc không, thiệt là gọn và dễ. Hạnh đứng im lặng bên cổng, dáng vẻ tuy lạnh lẽo cô đơn nhưng đầy e ấp, cặp mắt to đen bóng như sơn mài mơ hồ huyền hoặc đang nhìn tôi, như chờ đợi, như dò hỏi, vẫn cái nhìn xa dài và sâu thăm thẳm.

Bụi mẫu đơn bên tường đong đưa những chùm hoa lớn đỏ, nắng buổi trưa thiệt đẹp nhưng con đường ra xe trước mặt tôi thấy hình như

quá dài...

Cuối cùng tôi vẫn không đáp được lời nào, lên xe khoát tay từ giã Hạnh và kể từ hôm đó tôi nghĩ là mình mắc nợ Hạnh câu trả lời. Món nợ nầy tưởng sẽ không bao giờ trả được và mãi mãi.

VÕ KỲ ĐIỀN

HỘP THƯ

Thư gia hạn, đổi địa chỉ, mua báo:

Carrie Estelle Doheny Mem Lib (Camarillo CA), Ngô thị Hạnh Đàn (Garden Grove CA), Trần Vĩ Hiền (Tinton Fallas NJ), Patrick Henry Library (Vienna VA),Thomas Jefferson Library (Falls Church VA), Tysons-Pimmit Regional Libray (Falls Church VA) mua báo và gia hạn qua Công ty phát hành EBSCO., Patrick Henry Library (Vienna VA), Thomas Jefferson Library (Falls Church VA), Tyson-Pimmit Regional Lib (Falls Church VA) , Acquisition Dept Salt Lake City UT (gia hạn , mua hai số mỗi kỳ(, Biblio Ville Montreal Canada, The Phan Family (Piedmont CA), Tôn Thất Ngự (Garden Grove CA), Hà Nguyên Du (Westminster CA),Nga Trần (Woodinville WA), Wyoming Br Lib (Wyoming MI), Nguyễn Công Khai (Poway CA), Đức Phổ (Peachtrê GA), Dr. Nguyen Thanh Nhan (Downsview Ont Canada)Serial Dept Oneil Library Boston University MA, Mrs Trần Đình Quân (Santa Ana CA), Lê thị Thấm Vân (Los Altos CA), Quách Ý Nhi (đổi địa chỉ), Hoàng Đỗ (đổi địa chỉ), Nguyễn Hoàng Lân (Seattle WE, thanh toán tiền báo), Cal Poly Pomona Library (Pomona CA), Trần Tiễn Ngạc MD (Stockton CA), Nguyen Q. Truc (Cocoa FL), Nga Lam (Seattle WA), Ross Barnum Lib (Denver CO), Hadley Library (Denver CO), Thiên Nga Bookstore (Houston TX), Tự Do Bookstore (San Jose CA), Milpitas Community Library (San Jose CA), Triều Hoa Đại (Middleburg FL), Các thư viện El Monte Library, Headquarters Collection, Rosemead Library thuộc Los Angeles County Library

Bài nhận được qua bưu điện:

Rồi một mùa xuân gửi từ Fair Oaks CA, Nỗi chờ gửi từ Chomedy Canada, Nhớ xưa, Mùa đông, Tiếng đàn đêm trăng, Đêm thu, Bến thu, Tình quê...gửi từ Renton WA, Mưu kế đàn bà, Người nghiện rượu, Bệnh chiến hữu, Hối tiếc, Truyện của anh Bảy, Truyện hai người bạn gửi từ Irvine CA, Lỡ hẹn mùa xuân, Dửng dưng gửi từ San Jose CA, Mùa Xuân đang chờ gửi từ Ontario Canada, Lên chùa, Giao thừa, Từ tâm gửi từ W. Sunshine VIC Australia

Tin văn

Thế Quân

** Giải Booker 2002: Yann Martel.*
** Thư viện Alexandria*
** Tạp chí Thơ: 90 tuổi.*
** "Rose bonbon": tin vui*
** Vụ án Michel Houellebecq*
** Cơn "bão táp văn chương" ở Tây Ban Nha*
** Nhà thơ bỏ "job"*

*** Giải Booker 2002: Yann Martel.**

Gần hai tuần sau giải Nobel, một giải văn chương có tầm cỡ quốc tế khác - giải Booker 2002 - cũng đã công bố người đoạt giải: nhà văn Yann Martel (Canada) với tác phẩm "The Life of Pi" (Cuộc đời của Pi). Trong một bữa tiệc linh đình tổ chức vào tối hôm 22/10/2002 tại "Great Court" thuộc Viện Bảo Tàng Anh quốc, Harvey McGrath - chủ tịch của "Man Group" là công ty tài trợ cho giải năm nay (do đó, tên của giải được tạm đổi thành "Man Booker Prize") - chính thức trao cho Martel tấm ngân phiếu trị giá 50.000 bảng Anh (tương đương với 77.300 đô la, theo thời giá hiện nay). Giáo sư Lisa Jardine, chủ tịch ban giám khảo giải, cho biết ban giám khảo chọn "Life of Pi" vì đó là "một tác phẩm thuộc loại táo bạo qua đó, tính sáng tạo dựa trên sự thăm dò đức tin. Như tác giả đã nói, đó là "một tác phẩm mà nghị lực khiến cho ta tin ở Thượng Đế - hoặc tự hỏi tại sao mình lại không tin (ở Thượng Đế)".

Có 130 tác phẩm gửi đến dự tuyển giải Booker năm nay từ Anh, Ái Nhĩ Lan và khối Thịnh Vượng Chung. "Life of Pi" được chọn trong số 6 tác phẩm lọt vào vòng chung tuyển. Năm tác phẩm kia là: "The Story of

Lucy Gault" của William Trevor (Ái Nhĩ Lan), "Dirt Music" của Tim Winton (Anh), "Family Matters" của Rohinton Mistry (Canada), "Unless" của Carol Shields (Canada) và cuối cùng là "Fingersmith" của Sarah Waters (xứ Wales).

Margaret Atwood - giải Booker năm 2000 với "The Blind Assassin" và là một trong những nhà văn được vào vòng chung tuyển giải Nobel năm nay - nhận xét "Life of Pi" là một tiểu thuyết viết dễ hiểu và hấp dẫn, là một cuộc phiêu lưu của một thiếu niên dành cho người lớn tuổi".

Martel, nhà văn Canada thứ ba đoạt giải Booker (hai người kia, một là Margaret Atwood và một là Michael Ondaatje) sinh ở Tây Ban Nha vào tháng 6/1963, con của một gia đình theo ngành ngoại giao. Ngay từ nhỏ, ông đã được theo cha mẹ du hành và cư trú nhiều nơi trên thế giới từ Costa Rica, Pháp, Mexico đến Alaska, Canada, rồi Thổ Nhĩ Kỳ, Iran, Ấn Độ. Ông tốt nghiệp cử nhân triết tại đại học Trent, Ontario, Canada. Ra trường, ông làm nhiều việc khác nhau như trồng cây, rửa chén trước khi làm nhân viên an ninh cho sứ quán Canada tại Pháp. Trong thời gian này, ông tập tễnh viết. Cho đến năm 27 tuổi, ông chọn sống hoàn toàn bằng nghề viết văn. Hiện Martel cư ngụ ở Montreal, chưa vợ, chưa con. Ngoài việc viết lách, số thì giờ còn lại ông dành để tập Yoga và làm việc thiện nguyện. Năm tới, ông sẽ đảm nhận công việc của một nhà văn thường trú tại đại học Saskatchewan ở Saskatoon.

Ngoài "Life of Pi", ông còn có hai tác phẩm khác: một là một tuyển tập truyện ngắn "Facts Behind the Helsinki Roccamatios" (1993), đoạt giải Journey và một là một truyện dài, "Self" (1996-1997). Trước khi đoạt giải "Booker", "Life of Pi" đã từng đoạt giải "Hugh Macleman" dành cho tiểu thuyết năm 2001.

"Life of Pi" chỉ gồm có 3 "nhân vật": một thiếu niên tên Pi (gọi tắt của từ Piscine, nghĩa là hồ tắm theo tiếng Pháp), một con cọp và Thái Bình Dương mênh mông. Pi là một đứa bé khác thường, con của một người giữ vườn thú. Nhờ thế, cậu có một kiến thức bách khoa về cử chỉ, thái độ của các con thú mà cha cậu chăm sóc, nuôi nấng hàng ngày. Cậu là một người mê say các câu chuyện kể và mê say kể chuyện. Ngoài ra, cậu lại là một người hết sức sùng đạo, không chỉ sùng cái đạo truyền thống của gia đình là Ấn Độ Giáo, mà còn sùng cả Thiên Chúa Giáo và Hồi Giáo, vì dưới con mắt cậu, cả ba tôn giáo đều dạy về tình yêu con người.

Vào năm cậu lên 16 tuổi, gia đình cậu quyết định bỏ Ấn Độ, di cư sang Bắc Mỹ trên một chuyến tàu hàng Nhật cùng với những con thú, đi

tìm nơi cư ngụ mới. Rủi thay, tàu đắm. Tất cả bị chìm dưới đáy đại dương, chỉ còn Pi nổi trôi trên chiếc thuyền cấp cứu. Bạn đồng hành của cậu bây giờ là một con chó, một con dã nhân, một con ngựa vằn bị thương và Richard Parker, một con cọp giống Bengal nặng đến 450 cân Anh. Parker lần lượt giết các con thú khác để ăn và cuối cùng, trên chiếc thuyền nhỏ lênh đênh giữa Thái Bình Dương bao la, chỉ còn hai sinh vật: Pi và con cọp. Tất nhiên, con cọp không có lý do gì để tha mạng cho cậu Pi cả. Cái chết rõ ràng là nằm ngay trước mắt. Nhưng Pi cố vượt qua nỗi sợ hãi, khôn ngoan và ranh mãnh tận dụng hết kiến thức tích chứa bao năm về bản tính, hành vi, thái độ của con vật, cộng sinh với chú cọp hung dữ suốt 227 ngày lênh đênh trên mặt biển.

Câu chuyện kết thúc có hậu. Cuối cùng, tàu vào được đất liền. Cả hai đều sống sót. Tuy nhiên, ngay sau đó, con cọp của cậu đã chạy thoát vào rừng rậm, biến mất. Nhưng riêng Pi, câu chuyện chưa kết thúc. Cậu phải chịu một cuộc hỏi cung do những quan chức từ Nhật bay sang Mỹ để điều tra về nguyên nhân của vụ đắm tàu. Cậu thành thật kể lại tất cả mọi chuyện, nhưng điều khôi hài là chẳng ai tin. Câu chuyện quá khó tin, họ nói. Cậu giận dỗi nói với họ "Tình yêu khó tin, hãy hỏi bất cứ người nào đang yêu đi. Đời sống khó tin, hãy hỏi bất cứ nhà khoa học nào đi. Thượng Đế khó tin, hãy hỏi bất cứ một tín đồ ngoan đạo này đi" (...) "Tôi biết các ông muốn gì rồi. Các ông muốn một câu chuyện không làm các ông ngạc nhiên. Câu chuyện sẽ xác nhận cái mà các ông đã biết rồi. Câu chuyện không làm các ông nhìn xa hơn hoặc khác hơn. Các ông muốn một câu chuyện bình thường. Một câu chuyện tẻ nhạt. Một câu chuyện bất động. Các ông muốn các dữ kiện khô khan, nhạt nhẽo" (...) "Các ông muốn một câu chuyện không có các con thú?" - "Vâng, chúng tôi muốn một câu chuyện không có những con thú có thể giải thích được vì sao chiếc tàu chìm" - "Được thôi, đây là một câu chuyện khác". Thế là, Pi dựng lại một câu chuyện khác, hoàn toàn khác, một câu chuyện cậu vừa mới tưởng tượng và pha chế ra. Một câu chuyện bình thường, hợp lý. Kể xong, cậu hỏi : "Các ông thấy có đáng tin hơn không? Có phần nào trong đó khó tin không? Các ông có muốn tôi thay đổi đôi chút không?". Những nhà điều tra tỏ ra tin hơn nhưng thực ra, điều họ cần nằm ở chỗ khác: họ muốn có những dữ kiện để xác định vì sao chiếc tàu chìm. Để báo cáo, thế thôi. Và rốt cuộc, họ kết luận: người sống sót duy nhất trong vụ đắm tàu chẳng đưa ra được một tia sáng nào về vụ đắm tàu. Hồ sơ đóng lại. Và cuốn truyện kết thúc.

"Life of Pi" là một cuộc phiêu lưu đầy hiện thực, sôi nổi, một siêu-truyện-kể (meta-tale) về sự sống còn, nhằm thăm dò tính chất cứu chuộc

của chuyện kể và bản chất chuyển đổi (transformative) của tiểu thuyết. Đó là một câu chuyện khiến ta tin ở Thượng Đế. Theo Chatelaine, Martel cho ta "một cái nhìn vừa hài hước vừa khôn ngoan lại vừa hết sức sáng tạo về bản chất của con người". Truyện là một chênh vênh giữa cái khả thể và cái bất khả, giữa khoa học và tôn giáo, giữa hiện thực và hoang đường. Truyện chẳng chứa một loại ẩn dụ nào, lại cũng chẳng là một loại ngụ ngôn vừa thực vừa hư nhằm giáo dục về luân lý. Lại càng không hề là thứ hiện thực huyền ảo kiểu Marquez. Giữa tình hình hoàn toàn tuyệt vọng, cậu bé tìm cách xoay sở để tồn tại.

Pi là một người không muốn sát sinh. Cậu khóc khi lần đầu tiên giết một con cá. Việc của Pi hàng ngày là cung cấp đầy đủ thức ăn cho con cọp để đổi lấy sự khoan hồng của nó và để sống còn. Cậu mổ rùa cho cọp ăn, uống nước từ mắt cá mập, đôi khi ăn cả phân cọp. Có lúc chỉ biết khóc, yên lặng và cầu nguyện. Mỗi một trang giấy đều diễn ra những tình huống căng thẳng bất ngờ và thích thú. Cái kỳ lạ của hiện sinh trong những điều kiện bất khả như thế đã được báo trước do đời sống tâm linh khá đặc biệt của cậu bé trước đó. Pi là một người sùng đạo, luôn luôn tìm thấy sự kỳ diệu của Thượng Đế và sự sáng tạo được làm mới lại. Pi thích nghi bằng cách thực hiện những điều rất dại dột để chuyển đời sống theo một chiều hướng khác, lạ lùng nhưng có tính chất cứu chuộc. Truyện, do đó, tuy hiện thực nhưng lại đầy những chuyện kỳ diệu. Như Martel đã viết trong lời tựa, truyện "thăm dò vương quốc tưởng tượng với độ chính xác khoa học, bóp méo vo tròn hiện thực để làm lộ ra yếu tính của nó". Nói như Justine Jordan (The Guardian) "Pi xác định phải sống sót qua cái không thể sống sót được. Cậu tự nhủ: "Tôi sẽ biến cái gọi là phép lạ thành ra một chuyện bình thường. Bởi thế, trong truyện, cái bất ngờ hầu như xảy ra hàng ngày".

Không phải ai cũng có thiện cảm với "Life of Pi". Chẳng hạn như trong một bài điểm sách in trên tạp chí "Far Eastern Economic Review" (số ra ngày 21/11/2002), Jason Overdorf đã không tiếc lời phê bình tác phẩm. Theo Overdorf, khi trao giải Booker cho "Life of Pi", ban giám khảo đã thưởng cho một tác phẩm "quái đản" (whimsy). Cốt truyện thì tầm thường. "Các nhà điểm sách và những người quảng cáo đã diễn tả câu chuyện như là một cuộc phiêu lưu của trẻ con dành cho người lớn và như là một loại ngụ ngôn có tính hiện thực huyền ảo. Nhưng tác phẩm thiếu sự nghiêm túc để xếp vào bất cứ loại nào. Bởi vì truyện được kể với một giọng văn hài hước, chẳng thích hợp với sự phiêu lưu của một cậu bé. Và nó không có tầm bao quát lịch sử và chiều sâu triết lý của một truyện thuộc loại hiện thực huyền ảo", Jason Overdorf viết.

Thế cũng hay. Có khen và có chê.

"Life of Pi" làm ta liên tưởng đến "The Old Man and The Sea" của Hemingway với một tình huống tương tự: một con người, một biển cả và một con cá. Ông già Santiago phấn đấu với biển cả, phấn đấu với con cá bằng một ý chí chiến thắng mãnh liệt. Cuối cùng ông đã thắng, dù thắng mà không thu đạt được gì. Có người cho rằng cuộc đấu tranh đó là một cuộc đấu tranh giữa con người và định mệnh. Và con người đã thắng. Tôi nghĩ khác. Chính ở trong "Life of Pi" mới là cuộc đấu tranh giữa con người và định mệnh. Santiago không bị bắt buộc phải thắng. "Này cá, tao sẽ tranh đấu cùng mày cho đến khi tao chết mới thôi". Ông già có thể từ bỏ cuộc giằng co mà không phải mất gì cả. Trong lúc đó, cậu bé Pi hoàn toàn bị đẩy vào một tình huống hoàn toàn bất khả, tuyệt vọng, bế tắc. Cậu không có giải pháp nào cả. Cậu không có đối thủ để chiến thắng. Và cậu cũng không cần phải chiến thắng. Cậu chỉ muốn tồn tại. Cuối cùng, khác với Santiago, cậu không chiến thắng. Cậu tồn tại. Đơn giản, nhưng kỳ diệu.

"Life of Pi" còn tương tự với một truyện dài khác: " Max and the Cats" xuất bản năm 1981 của nhà văn xứ Brazil, Moacyr Scliar. Truyện kể chuyện một thanh niên Do Thái sống sót sau vụ chìm tàu và sống cùng với một con báo trên chiếc thuyền cấp cứu. Nghĩa là cùng một tình huống như trong "Life of Pi": một con người, một con vật và biển cả. Chính vì thế mà chỉ chưa đầy 3 tuần sau khi nhận giải, các tạp chí văn chương xứ Brazil lên tiếng tố cáo ông "sao chép" hoặc là "vay mượn" từ "Max and the Cats' để viết "Life of Pi". Nói một cách khác, họ tố cáo Yann Martel là "đạo văn".

Phải chăng, Canada và cả Anh quốc và giải Booker sẽ phải trải qua một "cơn bão táp văn chương" như đã xảy ra ở Tây Ban Nha? (Chi tiết về vụ *scandal* Tây Ban Nha sẽ được đề cập trong phần sau của bản Tin Văn này)

Đúng là "Chưa vui "thắng giải" đã sầu "đạo văn"!

*** Thư viện Alexandria**

Hải cảng nằm ở phía đông của thành phố cổ Alexandria đã từng là nơi gặp gỡ của nhiều nền văn hóa khác nhau từ cả 23 thế kỷ trước với ngọn hải đăng Pharos nổi tiếng, một trong những kỳ quan của thế giới cổ đại. Trong không khí chiến tranh thường xuyên lớn vởn ở vùng Trung Đông, Ai Cập cố gắng thực hiện một công trình khác thường: xây dựng lại Đại thư viện Alexandria - Great Library of Alexandria - bằng một cái

tên mới: "Bibliotheca Alexandrina", công trình tiếp nối di sản văn hóa của một nền văn minh đã từng phát triển rực rỡ cách đây hơn 2000 năm.

Thư viện cũ - có thể nói - đã từng là trung tâm của nền văn minh thế giới Tây phương từ 3 thế kỷ trước Tây Lịch. Khoảng năm 295 (trước Tây lịch), học giả Demetrius ở Phalerum, thuyết phục vị vua mới Ptolemy I Soter, rằng Alexandria có thể tranh đua ngang ngửa được với Athenes (Hy Lạp) - một trung tâm văn hóa và học tập - bằng cách xây dựng một thư viện có thể chứa tất cả các sách trên thế giới. Người dân Ptolemy thời đó là những người rất khao khát kiến thức, khao khát đến nỗi tìm cách thâu tóm tất cả sách vở chuyên chở trên bất cứ chuyến tàu nào ghé vào cảng Alexandria, giữ lại bản chính, sao chép cho chủ nhân bản sao. Nhờ thế mà thư viện chứa những kiệt tác của nền văn minh cổ: các tác phẩm của Aristote, Platon, bản thảo của Sophocle, Aeschylus và Euripides, các công trình về thiên văn và y học, các kinh điển Phật giáo và những bản dịch Thánh kinh bằng tiếng Do Thái cổ. Các sử gia tin rằng hồi đó thư viện chứa đến 700.000 cuốn sách viết trên giấy cuộn (scrolls). Cũng cần biết rằng, Alexandria là nơi mà Euclide khám phá ra môn hình học, Herophilus khám phá ra não bộ - chứ không phải trái tim - là chỗ chứa tư tưởng con người. Đó cũng là nơi Aristarchus xác định rằng quả đất xoay quanh mặt trời 1.800 năm trước nhà thiên văn học Copernicus và là nơi Eratosthenes làm một thí nghiệm đơn giản để đo chu vi của trái đất và nhiều công trình khoa học độc đáo khác. Năm 48 (trước Tây lịch), Julius Ceasar phong tỏa Alexandria và đốt cháy thành phố. Người ta cho rằng, trong lần đốt phá này, 10% thư viện đã bị tàn phá. Vào khoảng thế kỷ thứ 5, thư viện bị sụp đổ hoàn toàn.

Trong những năm thập niên 1980, Ai Cập và UNESCO đã thảo luận và đi đến quyết định tái xây dựng thư viện gần địa điểm cũ với mục đích như ngày xưa: nghiên cứu, tăng cường tri thức và tự do trao đổi tư tưởng. Một cuộc thi lấy mẫu thiết kế được tổ chức trên bình diện quốc tế. Kết quả: hai kiến trúc sư người Na Uy là Snohetta và Christoph Kapeller trúng giải. Mẫu thiết kế của hai ông lấy cảm hứng từ những ý tưởng văn hóa vĩ đại hai ngàn năm trước. Công trình hoàn tất giống như một chiếc đĩa mặt trời khổng lồ hướng về phía Địa Trung Hải, gợi lại hình ảnh của niềm kiêu hãnh ngày xưa: mặt trời từ Ai Cập sẽ soi sáng toàn thế giới. Ngân sách xây xựng thư viện dựa trên nguồn tài trợ của nhiều nước, đặc biệt là từ các nước vùng Trung Đông. Tổng chi phí là 220 triệu đô la, trong đó, riêng Saddam Hussein của Irak đóng góp 21 triệu. Số tiền này chuyển qua cho Ai Cập chỉ vài ngày trước khi xảy ra chiến tranh vùng Vịnh (1991). Tinh thần quốc tế chan hòa trong công

cuộc xây dựng thư viện: Ý và Ai Cập bảo trì những bản thảo hiếm hoi các tác phẩm cổ, người Hy Lạp cung cấp các cổ vật, Pháp cung cấp một viện bảo tàng khoa học, Mỹ cung cấp toàn bộ hệ thống máy vi tính và hàng chục nước khác cung cấp sách báo.

Thư viện là một tham vọng lớn: chứa toàn bộ tri thức nhân loại vào cùng một chỗ. Tương lai chưa biết thế nào, nhưng hiện nay, tình hình vẫn còn rất khiêm nhường: 250.000 cuốn sách (ít hơn một thư viện cỡ trung ở Hoa Kỳ). Thực ra, khả năng thư viện cũng chỉ chứa đến tối đa là 8 triệu cuốn, còn thua xa thư viện Quốc Hội Hoa Kỳ (20 triệu cuốn). Để thay thế cho sự yếu kém đó, hiện nay thư viện nhắm đến một mục tiêu khác: các sưu tập đặc biệt về Ai Cập, Trung Đông và Hồi Giáo, lôi kéo những nhà nghiên cứu và các học giả trên toàn thế giới đến nghiên cứu và làm việc.

Lễ khánh thành thư viện dự tính tổ chức vào tháng 4/2002 nhưng lúc đó, ngày nào cũng có những cuộc biểu tình của sinh viên học sinh tại nhiều thành phố Ai Cập ủng hộ cho cuộc nổi dậy của dân Palestine, nên phải dời lại đến ngày 16/10/2002 vừa qua. Đây là một ngày lễ hội văn hóa quốc tế tầm cỡ và có ý nghĩa nhất tại Ai Cập với hàng trăm quan khách đến từ khắp nơi trên thế giới, trong đó có tổng thống Pháp Jacques Chirac, tổng thống Hy Lạp Costis Stephanopoulos, tổng thống Lỗ Ma Ni Ion Iliescu, nữ hoàng Tây Ban Nha Sofia, nữ hoàng Jordan Rania cùng với 14 nhân vật đoạt giải Nobel thuộc mọi lãnh vực và các nhà văn, nhà thơ, sử gia, trí thức nổi tiếng trên thế giới. Các trường học đóng cửa ba ngày để cho các học sinh tham gia lễ hội.

Các bài phát biểu đọc trong buổi lễ chứa đầy tinh thần lạc quan văn hóa.

- Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak hãnh diện nhấn mạnh: "Trong khi làm lễ tái sinh lại thư viện Alaxandria hôm nay, chúng tôi muốn làm sống lại di sản của con người trong phần đất này của thế giới" (...) Thư viện sẽ là một ngọn hải đăng của kiến thức và là một trung tâm gặp gỡ của các nền văn minh" (...) "Đối thoại văn hóa phải thay thế cho bạo động trong một thế giới rách nát vì tranh chấp".

- Nhà văn Wole Soyinka - người Nigeria, giải Nobel văn chương 1986 - một thành viên trong ban bảo trợ thư viện: "Hãy để thư viện mang lại niềm an ủi cho (chúng ta) vì nhiều thứ đã bị mất mát, bị phá hủy và bị cướp bóc. Hãy để nó phục vụ như là cảm hứng cho sự phát triển rực rỡ sẽ đến nay mai".

- Ismail Serageldin, giám đốc thư viện, nguyên phó chủ tịch ngân hàng thế giới "World Bank": "Trong một thế giới đang lo lắng về một

cuộc đụng độ giữa các nền văn minh, về chiến tranh, về thù hận và giết chóc, tôi cho rằng thật là đầy ý nghĩa khi Ai Cập cho xây thư viện mới này, một nơi của hiểu biết, học tập, khoan dung và tình huynh đệ".

- Mohammed Aman, khoa trưởng của khoa nghiên cứu thông tin đại học Wisconsin - Milwaukee (Hoa Kỳ), người viết chính sách cho thư viện: "Ai Cập là cái nôi của nền văn minh và là nơi khai sinh ra ba tôn giáo độc thần của thế giới, thư viện sẽ phản ảnh tinh thần khoan dung tôn giáo".

Theo Nahed Ismail, một quan chức tại trung tâm báo chí thư viện, để tượng trưng cho tinh thần cởi mở đó, thư viện sẽ cho phép tất cả các sách báo đủ loại có mặt trong thư viện.

Tuy nhiên, có một điều trái khoáy: trong lúc thư viện chứa đựng tất cả mọi loại sách báo, thì ở bên ngoài thư viện - tức là xã hội Ai Cập -, tất cả sách báo đều được đặt dưới sự kiểm soát nghiêm ngặt của nhà cầm quyền. Thành thử ra, rốt cuộc, những lời tuyên bố đầy hào sảng của các quan chức Ai Cập - kể cả bài diễn văn của tổng thống Ai Cập - đều chỉ là một thái độ đạo đức giả. Đó là kết luận của các nhà tranh đấu cho quyền tự do phát biểu ở các nước Á Rập.

*** Tạp chí Thơ: 90 tuổi.**

Xin nói ngay, đừng lầm với "Tạp Chí Thơ" Việt Nam xuất bản ở California do một số các bạn (trẻ có, chưa già có) chủ trương, nhằm vận động công cuộc đổi mới thi ca Việt Nam. Đây là Tạp chí Thơ Hoa Kỳ - *Poetry magazine,* tạp chí đầu tiên in những bài thơ quan trọng nhất của những nhà thơ T.S. Eliot, Erza Pound, Marianne Moore, Wallace Stevens, H.D., William Carlos Williams, Carl Sandburg - những bài thơ đã mở ra một cánh cửa đi vào một kỷ nguyên văn chương hiện đại Hoa Kỳ.

Tạp chí do "Modern Poetry Association" ở Chicago xuất bản, chủ bút là Harriet Monroe, một phụ nữ có vai vế và là một nhà thơ đầy tham vọng vào đầu thế kỷ (thứ 20). Kể từ ngày ra đời, 23 tháng 9 năm 1912, Monroe đảm nhiệm vai trò chủ bút liên tục trong suốt 24 năm liền. Với một quan niệm cởi mở về văn chương, ngay từ đầu, bà xác định chính sách của tờ tạp chí là "open door" (mở cửa): in những bài thơ hay nhất được sáng tác, bất kể chúng thuộc thể loại, xu hướng hay trường phái thẩm mỹ nào. Thoạt tiên, bà dự tính phát hành số ra mắt vào tháng 1/ 1913, nhưng trong một chuyến đi thuyền trên sông ở tiểu bang Wisconsin, nghe tin ở Boston, một nhóm nhà thơ sẽ tranh tiên, xuất bản một tạp chí thơ cạnh tranh, bà liền bỏ ngang chuyến đi, ghé vào bờ và ra lệnh

cho in ngay 1000 ấn bản. Chỉ trong vòng 2 tuần lễ, 1000 ấn bản bán sạch. Bà cho in thêm 1000 ấn bản nữa. Đó là những ấn bản đầu tiên trong những nước nói tiếng Anh - và có thể là trên thế giới - của một tạp chí chuyên về thơ.

Poetry là một tạp chí hoàn toàn độc lập, không lệ thuộc vào một trường đại học nào, không dính líu với bất cứ một trường phái hay trào lưu thẩm mỹ nào. Tạp chí in tất cả mọi loại thơ, đặc biệt là chuyên khám phá những tài năng mới. Chính vì thế, đọc Poetry, ta có thể theo dõi những biến chuyển của thi ca Hoa Kỳ trong suốt một thế kỷ qua. Vào năm 1915, lần đầu tiên, tạp chí cho đăng một bài thơ rất lạ chưa bao giờ có trước đó. Đó là một bài thơ tự do có tựa đề "The Love Song of J. Alfred Prufrock" được viết trước đó vài năm của T.S. Eliot. Tiếp đến là "Chicago Poems" của Carl Sandburg, rồi "Sunday Morning" của Wallace Stevens. Lúc đầu, là một tờ báo nhỏ, chưa có tiếng tăm gì, đã thế, số phát hành hạn chế, nên dù có những bài thơ lạ, Poetry chẳng được mấy ai để ý. Nhưng rồi theo năm tháng, uy thế của tạp chí tăng dần lên khi người ta nhận ra giá trị to lớn của loại thơ mới cũng như triển vọng của chúng. Về sau, đăng được một bài thơ ở Poetry trở thành một vinh dự, một điểm đứng vững chải trong làng thơ. Chẳng mấy chốc, Poetry trở thành nơi quy tụ của những tài năng mới.

Tháng 9 năm nay, tạp chí vừa tròn 90 tuổi. Chín mươi năm liên tục phát hành đều đặn là một kỷ lục độc đáo chưa có một tạp chí chuyên về thơ nào đạt được. Để đánh dấu sinh nhật lần thứ 90, ban chủ biên cho phát hành một số Poetry đặc biệt, gom chung hai số tháng 10 và 11/ 2002, đồng thời phát hành hai tác phẩm biên khảo "Dear Editor: A History of Poetry in Letters, the First Fifty Years 1912-1962" và "The Poetry Anthology, 1912-2002". Cả hai tác phẩm đều do Joseph Parisi, chủ bút và Stephen Young, tổng biên tập (senior editor) hiện nay của tạp chí, biên soạn. Ngoài ra, còn có nhiều hoạt động khác, kể cả một buổi đọc thơ vào ngày 9/12/02.

Phát hành trên 50 tiểu bang Hoa Kỳ và trong 45 nước trên thế giới, tạp chí hiện có 9000 độc giả dài hạn (35 đô la/năm) và bán hơn 2000 ấn bản cho những độc giả bất thường với giá 3 đô 5/số. Ngoài số tiền bán báo, tạp chí cũng có cho đăng quảng cáo, nhưng hầu hết số tiền trong ngân sách 800.000 đô la/ năm của Poetry có được là do sự tài trợ của các quỹ bảo trợ và từ các độc giả. Hàng năm, tạp chí tổ chức 6 cuộc thi thơ, giải thưởng từ 300 cho đến 5.000 đô la và điều hành một giải thưởng về thơ lớn nhất Hoa Kỳ trị giá đến 100.000 đô la, gọi là giải "Ruth Lilly Poetry Prize". Giải thưởng năm nay (2002) về tay nhà thơ nữ Lisel

Mueller. Mueller sinh trưởng ở Đức và di cư sang Hoa Kỳ lúc mới 15 tuổi. Bà đã từng đoạt nhiều giải thưởng văn chương khác nhau trong đó có cả giải "National Book Award".

Từ ngày ra đời cho đến nay, tạp chí đã đăng tất cả hơn 29.000 bài thơ - hầu hết đều là loại thơ hiện đại - của hơn 4.000 nhà thơ, từ Yeats cho đến Billy Collins, nhà thơ công huân của Hoa Kỳ hiện nay. Hàng năm, tạp chí nhận được khoảng 90.000 bài thơ gửi đăng. Tất cả, dù dở dù hay, đều được đọc qua. "Ta có thể đọc thật nhanh, sau một vài đoạn hoặc là một vài câu, là thấy ngay người viết chẳng bao giờ qua hết bậc trung học hoặc là một vài câu thơ viết theo kiểu thơ ở các thiệp giáng sinh. Sự thách đố của bài thơ thường nằm ngay ở khoảng giữa, những bài có lúc ta để riêng một bên rồi lấy lên đọc lại, rồi để riêng ra, rồi lấy lên đọc lại...", Parasi nói. "Nếu bài thơ trông kha khá, tác giả có thể nhận được một lá thư ngắn khích lệ. Năm này qua năm khác, những nhà thơ luôn luôn được đánh giá lại. Một số đột nhiên xuất sắc hẳn lên trong lúc một số khác, vốn là những nhà thơ kỳ tuyệt, bỗng trở nên nhạt nhẽo, nhàm chán và đơn điệu. Điều đó khiến cho mỗi một số mới ra thường được các nhà thơ đón chờ một cách bồn chồn, hồi hộp. Nhà thơ công huân Hoa Kỳ Collins (về nhà thơ Collins, xin xem lại TV, VH số 184, tháng 8/2001) - một trong số 77 nhà thơ có mặt trong tuyển tập kỷ niệm 90 năm - cho biết ông đã "gửi thơ cho Poetry từ khi mới 18, 19 tuổi, nhưng mãi đến năm 40 tuổi, tôi mới được có bài đăng lần đầu tiên. *Tôi phải mất 20 năm để học làm thơ*", nhà thơ phát biểu. Hiện giờ ông vẫn tiếp tục gửi những bài thơ hay nhất của ông đăng ở Poetry. Tạp chí trả tiền nhuận bút cho ông 2 đô la/một giòng. Jonathan Galassi, giám đốc nhà xuất bản "Farrar, Straus & Giroux" và là tác giả của tập thơ nổi tiếng "North Street & Other Poems" (2001) nhớ lại "lần dầu tiên tôi đăng một bài thơ, lúc đó còn học đại học, vâng, được tạp chí đăng thơ là một niềm khích lệ ghê gớm".

Nhiều nhóm thơ muốn xuất bản một tạp chí thơ khác để tranh đua với Poetry, nhưng lần lượt trước sau, tất cả đều thất bại. John Hollander, giáo sư danh dự về Anh Văn tại đại học Yale, nói "Có quá nhiều tạp chí muốn bắt chước Poetry, nhưng thơ in trong đó tệ quá sức, chẳng ra gì". Cũng cần biết, ở Hoa Kỳ, ngoài Poetry, còn có một số tạp chí, tuy không chuyên về thơ, nhưng dành cho thơ một vị trí nghiêm túc đặc biệt, đó là các tạp chí: The New Yorker, Praritan, The Yale Review, The New Republic và The Southwest Review.

Sau đây, chúng ta hãy thưởng thức hai bài thơ thuộc loại mới nhất. Một, "Ex Machina" của nhà thơ đoạt giải "Ruth Lilly Poetry Prize" năm

2002:

EX MACHINA
My word processor does not know Shakespeare.
It balks at *ripeness*, stops me at *Othello*
and *Desdemona*. They are not
in its vocabulary. On the other hand
it does not question *arrogance* and *power*,
accepts *betrayal*, *jealousy* and *grief*,
uncomprehending. They are on the list.
I am reminded of the face
of the young killer on the screen
the other night. He knew the words
gun and *crime* and *prison*.
He even knew the word *guilty*,
but when he said it, his eyes were blank.

Và một, "White-Eyes" của Mary Oliver, nhà thơ đã đoạt giải Pulitzer (1984) và National Book Award" (1992). Bài này đăng trên số Poetry đặc biệt kỷ niệm 90 năm ngày ra đời, tháng 10 & 11/2002.

WHITE-EYES

In winter
all the singing is in
the tops of the trees
where the wind-bird

with its white eyes
shoves and pushes
among the branches
Like any of us

he wants to go to sleep
but he's restless__
he has an idea,
and slowly it unfolds

from under his beating wings
as long as he stays awake.
But his big, round music, after all.
is too breathy to last.

So, it's over.
In the pine-crown
he makes his nest,
he's done all he can.

I don't know the name of this bird,
I only imagine his glittering beak
tucked in a white wing
while the clouds _

which he has summoned
from the north _
which he has taught
to be mild, and silent _

thicken, and begin to fall
into the world below
like stars, or the feathers
of some unimaginable bird

that loves us
that is asleep now, and silent _
that has turned itself
into snow.

Tôi không mấy sành thơ. Nhưng đọc lên nghe "vui vui", "ngồ ngộ".

*** "Rose bonbon": tin vui**

Như đã đề cập trong phần Tin Văn số trước (TV, VH số 198, tháng 10/02), tác phẩm "Rose bonbon" của Nicolas Jones-Gorlin bị các hiệp hội bảo vệ trẻ em đâm đơn kiện vì cho là có tính khiêu dâm. Trong tình hình có thể tác phẩm này bị bộ trưởng bộ Nội Vụ ra lệnh cấm bán, nhiều phản ứng sôi nổi đến từ nhiều giới khác nhau ủng hộ "Rose bonbon".

Một trong những phản ứng mạnh mẽ nhất đến từ một thành viên trong nội các chính phủ: Jean-Jacques Aillagon, bộ trưởng bộ Văn Hóa và Truyền Thông. Trong một cuộc nói chuyện với nhật báo Le Monde, ông cho biết : "Trên nguyên tắc, tôi chống đối tất cả mọi sự kiểm duyệt đối với một tác phẩm văn chương". Và ngày 3 tháng 9, ông gửi cho bộ nội vụ một lá thư. "Quyết định này (cấm bán Rose bonbon) có nguy cơ sẽ được minh giải và thừa nhận như một hành vi kiểm duyệt. Tôi dám quả quyết, điều đó chắc chắn sẽ đưa đến một phản ứng mạnh mẽ của các nhà xuất bản, các tác giả, giới truyền thông và một bộ phận lớn dư luận".

Chủ tịch "Hiệp hội bảo vệ quyền con người" kêu gọi bộ trưởng bộ Nội Vụ "khước từ tất cả mọi biện pháp đưa đến chỗ ngăn cản sự phát hành tác phẩm đến người lớn". Ủy ban giám sát và kiểm soát những sách báo dành cho trẻ em và thiếu niên gồm các nhà xuất bản, các tác giả và hiệp hội gia đình và quốc hội, họp ngày 19/9 để thảo luận vụ việc. Kết quả, chỉ có 13/80 thành viên là bỏ phiếu ủng hộ quyết định cấm bán. Claude Cherki, giám đốc nhà xuất bản Seuil phê phán: "Tất cả mọi sự can thiệp của nhà nước vào một tác phẩm hư cấu là không khôn ngoan tí nào". Riêng tác giả Nicolas thì than phiền: "Người ta tiến hành điều tra, rồi bộ trưởng bộ Nội Vụ nhúng tay vào y như thể người ta bắn 2 phát súng vào tác phẩm của tôi. Rõ ràng là người ta đang kiểm duyệt. Phải giải thích hiếp dâm trẻ con là gì chứ không phải kiểm duyệt (...)Tôi nhận rằng tác phẩm của tôi chứa đựng một số cảnh gây "sốc". Phải chăng đó là lý do để cấm bán cho thanh thiếu niên?".

Trước những phản ứng dữ dội đó, cuối cùng, vào ngày 11 tháng 10/ 2002, bộ trưởng bộ Nội Vụ Nicolas Sarkozy, trong một lá thư gửi cho nhà xuất bản Gallimard, cho biết ông quyết định không cấm bán "Rose bonbon". "Tôi thừa nhận rằng tác phẩm "Rose bonbon" không chứa đựng một sự khiêu gợi nào dẫn đến hiếp dâm trẻ con". Tuy nhiên, ông nhấn mạnh rằng tác phẩm phải được trình bày và bán một cách thận trọng và kêu gọi tinh thần trách nhiệm của các thư viện. Quyết định này lập tức nhận được sự hoan nghênh của Francois Fillon, bộ trưởng bộ Xã Hội, Jean-Louis Debre, chủ tịch Quốc Hội và Nghiệp Đoàn Xuất Bản quốc gia. Và tất nhiên, của độc giả.

*** Vụ án Michel Houellebecq**

Trong lúc vụ án văn chương "Rose bonbon" được dàn xếp ngoài tòa án thì một vụ án khác, tuy không trực tiếp dính líu đến văn chương, nhưng lại dính đến một nhà văn có tầm cỡ quốc gia (và quốc tế) hiện

đang rất ăn khách: vụ Michel Houellebecq.

Vụ Houellebecq, tuy chỉ là một vụ án cá nhân, nhưng lại có tính cách khá điển hình vì xảy ra trong một bối cảnh khá phức tạp và nhạy cảm của xã hội Pháp và trong tình hình xung đột văn hóa và chủng tộc đang diễn ra trên quy mô toàn thế giới. Toàn cảnh nước Pháp hiện nay đang gặp nhiều chuyện rắc rối trong lúc những người có trách nhiệm đang phấn đấu để làm cân bằng giữa những nỗi lo âu càng ngày càng gia tăng của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, tội phạm mọi loại và tệ nạn xã hội và những nguyên tắc tự do phát triển tồn tại trong một xã hội dân chủ. Nhiều vụ kiện tụng - nếu không khéo dàn xếp cho êm thấm - có thể đưa đến sự vi phạm những nguyên tắc tự do vốn là nền tảng của nền văn minh Pháp nói riêng và văn minh Tây Phương nói chung. "Có một số người đang cố gắng buộc tất cả xã hội phải tuân theo sự xác tín luân lý riêng của họ", Agnes Tricoire, một luật sư chống-kiểm duyệt, bênh vực cho Hội Nhân Quyền Pháp (French League of Human Rights) nói tại phiên toà xử Houellebecq. Nhiều người Pháp lo âu về tình trạng hư hỏng của thanh thiếu niên, cho rằng đã đến lúc truyền hình và sách báo phải được kiểm soát chặt chẽ hơn, chẳng hạn như chính phủ Pháp đã vận động chống khiêu dâm trên truyền hình. Cùng lúc là sức mạnh của những người cực hữu gia tăng rõ rệt trong cuộc bầu cử tổng thống Pháp vừa rồi và một chuỗi những cuộc tấn công bài-Do Thái đầu năm cộng thêm tính nhạy cảm của cộng đồng Hồi Giáo, một cộng đồng rất lớn và rất có ảnh hưởng tại Pháp. Tất cả xoắn quyện vào nhau khiến cho tình hình xã hội như được hâm nóng từng ngày.

Nhưng vụ án Houellebecq là gì?

Houellebecq là một nhà văn Pháp. Truyện dài "Les particules élémentaires" (1998), bản dịch tiếng Anh là "Atomised), đoạt giải "Impac Dublin Literary Award" của "Dublin City Library", đánh bại một loạt các nhà văn tầm cỡ của nhiều quốc gia như Carlos Fuentes, Michael Collins, Margaret Atwood, vân vân. Tác phẩm đề cập đến nhiều vấn đề thời đại nóng bỏng, từ tình dục đến chủng tộc, bạo động xã hội bằng một lối văn châm biếm đặc biệt, được dịch ra 25 thứ tiếng. Hai tác phẩm đầu, "Extension du domaine de la lutte" (1994) và "Plateforme" rất nổi tiếng ở Pháp và bán rất chạy hiện nay. Trong ""Les particules élémentaires", có nhiều đoạn đối thoại có vẻ xúc phạm đến Hồi Giáo, nhưng nói chung không gây nên vấn đề gì to lớn. Nhưng vào đầu tháng 9/2001, chỉ một thời gian ngắn trước vụ đại khủng bố 11/9, trong một cuộc phỏng vấn dành cho tạp chí văn chương "Lire", Houellebecq thẳng thừng bài bác tất cả các tôn giáo độc thần (monotheistic religion), và

theo ông Hồi Giáo là tôn giáo "ngu xuẩn" nhất. Lời phát biểu này lập tức gây nên một phản ứng vô cùng giận dữ giữa cộng đồng Hồi Giáo Pháp, đồng thời lôi kéo thêm sự phê phán gay gắt ở nước ngoài, nhất là ở Maroc, nơi có cộng đồng di dân đông đảo nhất cư ngụ ở Pháp. Bốn tổ chức Hồi Giáo đâm đơn kiện nhà văn ra tòa vì tội "khiêu khích hận thù chủng tộc và tôn giáo". Tại phiên tòa tổ chức vào giữa tháng 9/2002, ông không những đã không nhận tội, mà còn đổ dầu thêm lửa khi công khai cho rằng kinh Coran là quá "tầm thường".

Khi tái nhóm ngày 22/10/2002, tòa án bãi bỏ vụ án vì cho rằng những lời bình phẩm chống đối Hồi Giáo của Houellebecq không có thể được diễn dịch như một sự coi khinh những người Hồi Giáo hoặc là kêu gọi những hành động chống lại họ. Những người Hồi Giáo phản ứng giận dữ hơn, cho rằng đụng đến kinh Coran và phê phán Hồi Giáo là sỉ nhục tất cả những người Hồi Giáo và đe dọa sẽ chống án. "Những người Hồi giáo không chấp nhận (phán quyết của tòa án). Lẽ ra ông ta không nên nói những lời lẽ như thế. Những người Hồi Giáo có bao giờ nói những người Thiên Chúa Giáo là họ có một Thượng Đế chẳng tốt lành đâu?", Cherif Benameir, chủ tịch Liên Đoàn Quốc Gia Hồi Giáo, tuyên bố như thế sau phiên tòa.

Riêng luật sư Tricoire là một trường hợp đặc biệt. Lúc đầu bà chống lại Houellebecq vì bà không thể chấp nhận luận điệu phân biệt chủng tộc trong những lời nhận xét của nhà văn. Nhưng bà thay đổi ý kiến sau này khi nguyên đơn (các tổ chức Hồi Giáo) đưa ra những lời phê bình các phát biểu chống Hồi giáo trong tác phẩm hư cấu của Houellebecq. Theo bà, chống đối một tác phẩm hư cấu là đụng chạm đến quyền thiêng liêng đã xây dựng nên xã hội hiện tại: quyền tự do phát biểu.

*** Cơn "bão táp văn chương" ở Tây Ban Nha**

A literary storm, cơn bão táp văn chương! Đó là một cụm từ khá "hình tượng" mà tờ "The Guardian" (Anh) dùng để gọi một vụ *scandal* văn chương bất ngờ đang xảy ra ở Tây Ban Nha: nhà văn đoạt giải Nobel văn chương 1989 Camilo Jose Cela dùng những người viết thuê (ghostwriters) để tạo nên sự nghiệp của mình.

Tomas Garcia Yebra, qua tác phẩm với một tựa đề khá dữ dội "Desmontando Cela" (Dismantling Cela = Lột mặt nạ Cela) phát hành vào ngày 8/10/2002, đã hạ bệ khuôn mặt vĩ đại của văn chương Tây Ban Nha Camilo Jose Cela bằng cách tố cáo nhà văn này thuê người viết hầu hết những tác phẩm chính trong sự nghiệp văn chương của mình.

Yebra tìm thấy những sự kiện đáng kinh ngạc: Cela đã thuê mướn cả một đạo quân gồm có những người viết thuê, nhiều thư ký và những người cộng tác khác ngay từ những năm đầu thập niên 1950. Hai người viết thuê chính là Marcial Suarez và Mariano Tudela, cả hai hiện nay đều đã chết. Theo Yebra, hai người này đã cho Cela "mượn tài năng" của mình để viết mấy kiệt tác của ông như "La Colmena" (The Hive), "Marzuca Para Dos Muertos" (Mazurka for Two Dead Men) và "La Cruz de San Andres" (The Cross of Saint Andrew). Tác phẩm sau đã giúp Cela đoạt thêm giải thưởng văn chương lớn nhất của Tây Ban Nha, giải Planeta, trị giá đến 250.000 bảng Anh, năm 1994. Yebra đã đi đến kết luận như trên sau khi nghiên cứu các tài liệu lưu trữ, bản thảo của nhà văn cũng như phỏng vấn gia đình, bạn bè và các đối thủ của Cela.

Những người viết thuê cung cấp hầu hết cốt truyện và nhân vật, Cela chỉ có công viết. "Cela là một cây viết văn xuôi vĩ đại với một văn phong sắc sảo, nhưng cốt truyện và ý tưởng không phải là điểm mạnh của ông", Yebra viết trong "Desmontando Cela". Giải Planeta là một sự lừa dối vĩ đại nhất vì đó là một giải tiền chế. Truyện và những nhân vật chính trong tác phẩm đoạt giải đều ăn cắp từ một tác phẩm chưa xuất bản, nhưng có nạp đơn để tranh giải và Cela, vốn đã được ban giám khảo hứa trao giải trước, đã chuyển câu chuyện qua văn của ông. Đó là "một trò phỉnh gạt tồi tệ. Họ (ban giám khảo) đã chọn sẵn người đoạt giải, chỉ còn đợi người đó trình ra tác phẩm là xong ngay". Yebra thẳng thừng kết luận về nhân cách của Cela như sau: "Cela luôn luôn làm những điều ngu xuẩn. Tôi dám quả quyết rằng nếu có người hứa đưa cho ông ta một số tiền lớn để nặn ra một cái gì đó, là ông ta nhận lời ngay và làm chẳng cần suy nghĩ ".

Chẳng phải đến bây giờ sự nghiệp của nhà văn đoạt giải Nobel này mới bị đặt thành vấn đề. Trước đây nhiều năm, đã có người lên tiếng tố cáo ông là người đạo văn (plagiarist). Nhà văn Carmen Formoso Capido đã kiện nhà văn ra tòa vì "La Cruz de San Andres" của ông dựa trên tác phẩm của bà là "Carmen, Carmela, Carmina". Tuy sau đó, vụ kiện bị xếp lại vì thiếu bằng chứng, nhưng danh tiếng của ông phần nào đã bị sức mẻ.

Cela sinh năm 1917 tại một tỉnh ở vùng tây-bắc Tây Ban Nha. Ông chiến đấu và bị thương nặng trong cuộc nội chiến Tây Ban Nha. Chiến tích này trở thành một trong những hào quang tô vẽ thêm cho sự nghiệp văn chương của ông. Tác phẩm "The Family of Pascual Duarte" (1942), nhiều đoạn chứa đựng những mô tả khủng khiếp về chiến tranh, bị cấm dưới thời nhà độc tài Franco, là một trong những tác phẩm lớn và nổi

tiếng của văn học Tây Ban Nha. Trước sau, Cela đã xuất bản tất cả 70 tác phẩm, trong đó, có 10 truyện dài, 20 tuyển tập truyện ngắn, nhiều du ký và tiểu luận. Tác phẩm của ông thường đầy những hình ảnh bạo động, nhiều khi lố bịch được rút ra từ cuộc nội chiến giết hơn một triệu người Tây Ban Nha. Ông đoạt giải Nobel năm 1989. Viện Hàn Lâm Thụy Điển ca ngợi ông "có một loại văn phong phú, sâu sắc, với lòng xót thương được nén lại, tạo thành một cái nhìn đầy thách đố về tính dễ tổn thương của con người". Cũng theo Viện Hàn Lâm, "The Family of Pascual Duarte" là tác phẩm phổ thông nhất ở Tây Ban Nha kể từ kiệt tác Don Quixote của Miguel Cervantes xuất bản trước đó 400 năm". Cela là một người tự tin. Khi nhận được tin thắng giải Nobel, ông phát biểu: "Đời sống y như một trò chơi *tennis* và lần này thì tôi thắng".

Cuộc đời nhà văn Cela gặp khá nhiều may mắn. Đầu năm nay, ông gặp được một may mắn cuối cùng: vĩnh viễn không hề biết cơn bão táp văn chương liên hệ đến cá nhân ông. Ông qua đời vào tháng 1/2002 tại Madrid, thủ đô Tây Ban Nha.

*** Nhà thơ bỏ "job"**

Trái với nhà thơ Baraka, thi sĩ công huân tiểu bang New Jersey, không chịu từ chức vì áp lực của chính quyền tiểu bang cũng như của dư luận quần chúng, nhà thơ công huân tiểu bang California, Quincy Troupe, đã chính thức đệ đơn xin từ chức vào hôm 19/10/2002. Lý do rất giản dị: thừa nhận mình man khai bằng cấp trong lý lịch. Trong *resume* nạp xin việc, ông đã bịa ra ông tốt nghiệp đại học. "Tôi vô cùng hối tiếc về quyết định thiếu khôn ngoan của mình khi đưa vào bản khai lý lịch những điều không đúng sự thật. Tôi có học đại học Grambling thật, nhưng tôi chẳng bao giờ tốt nghiệp", ông viết trong lá thư từ chức.

Thực ra, chẳng phải nhà thơ của chúng ta tự ý nhận mình khai gian. Ông bị buộc phải nhận lỗi chỉ vì một ủy ban thượng viện tiểu bang, trong khi kiểm tra phần lý lịch của ông, đã tìm thấy có những điểm khả nghi, theo lời tiết lộ của phát ngôn viên cho thống đốc tiểu bang Gray David, ông Steve Maviglio. Thống đốc tiểu bang chấp thuận sự từ chức của ông với niềm tiếc nuối. Đề cập đến nhà thơ Troupe, Maviglio cho biết "Ông được hầu hết mọi người biết đến. Tác phẩm của ông thật tuyệt vời. Sinh viên rất yêu mến ông. Thật là đáng hổ thẹn (khi việc này xảy ra)".

Troupe đã được chọn trong ba nhà thơ lọt vào vòng chung tuyển trong cuộc thi tìm nhà thơ công huân của tiểu bang California. Ông được

thống đốc David bổ nhiệm vào hôm 11/6/2002 với tiền thù lao 10 ngàn đồng. Nhiệm vụ của nhà thơ là đi các nơi trong tiểu bang đọc thơ và nâng cao lòng yêu thơ trong sinh viên học sinh. Ông kế nhiệm 5 nhà thơ khác đã từng được ngành Lập Pháp tiểu bang bổ nhiệm một cách không chính thức kể từ năm 1915. California là một trong 24 tiểu bang Hoa Kỳ có "thi sĩ công huân tiểu bang"

Troupe, năm nay 62 tuổi, là giáo sư dạy về sáng tác và văn học Mỹ và vùng Caribê tại đại học California ở San Diego. Ông xuất bản 13 tác phẩm, trong đó, có 6 tập thơ. "Được bổ nhiệm làm nhà thơ tiểu bang là một trong những đỉnh cao của sự nghiệp tôi. Tôi rất vinh dự được chọn vào vị trí này, mặc dù chỉ trong một thời gian ngắn. Tôi không bao giờ có ý muốn làm thất vọng những người đã từng hết mình hỗ trợ tôi và những người đã tỏ ra hãnh diện thấy tôi được bổ nhiệm vào vị trí này".

Thật đáng tiếc! Làm thơ hay, đôi khi, đâu có cần phải tốt nghiệp đại học!

Thế Quân

LÊ THÀNH NHƠN ĐÃ TỪ TRẦN

Hoạ sĩ kiêm điêu khắc gia Lê Thành Nhơn đã từ trần vào lúc 4giờ30 chiều Thứ Hai, 4.11.2002 tại Royal Melbourne Hospital, Australia.

Lê Thành Nhơn sinh ngày 17 tháng 11 năm 1940 tại Thủ Dầu Một, nằm ở phía đông Sài Gòn. Cha là Lê Văn Nguyện, mẹ là Chung Thị Duyên, một người Việt gốc Chàm lai Tàu (tôi nêu chi tiết này vì hy vọng nó có thể soi sáng phần nào một số đường nét quen thuộc trong các tác phẩm tranh, tượng hoặc phù điêu của Lê Thành Nhơn). Anh tốt nghiệp thủ khoa khoá 9 trường Mỹ Thuật Sài Gòn Gia Định vào năm 1964. Sau khi trải qua bốn năm trong quân đội (1966-1970), anh được giải ngũ và được mời giảng dạy tại trường Mỹ Thuật Sài Gòn Gia Định, giáo sư thỉnh giảng trường Mỹ Thuật Huế và trường Đại học cộng đồng Duyên Hải Nha Trang. Trong thời gian này, anh thực hiện nhiều công trình điêu khắc được rất nhiều người khen ngợi: tượng Phật Thích Ca cao 4,5 mét hiện dựng tại Trung tâm Phật Học Huệ Nghiêm ở Phú Lâm, Sài Gòn; tượng Phan Bội Châu bằng đồng, cao khoảng 3,5 mét tại Huế, tượng Quan Thế Âm tại Trung tâm Liễu Quán cũng tại Huế, v.v...

Anh cùng gia đình rời Việt Nam vào ngày 30 tháng 4 năm 1975. Mấy tháng sau, cả gia đình anh định cư tại thành phố Melbourne, tiểu bang Victoria, Úc. Thoạt đầu, để mưu sinh, anh làm việc trong xưởng

chế tạo xe hơi Toyota, sau chuyển sang nghề bán vé xe điện trong suốt gần mười năm. Năm 1987, anh được mời dạy kiến trúc tại đại học RMIT, Melbourne. Năm sau, nghỉ dạy, anh cùng một người bạn mở trung tâm Bình Dương Ceramic chuyên sản xuất các tác phẩm nghệ thuật bằng gốm. Tác phẩm thì đẹp nhưng hoạt động thương mại thì rất mực èo uột, không mang lại lợi tức bao nhiêu. Đến năm 1996 thì anh nghỉ hẳn, chỉ ở nhà vẽ tranh.

Mấy chục năm định cư tại Úc, anh sáng tác khá nhiều. Về điêu khắc, anh có một số tác phẩm được đúc đồng như tượng Dr Phillip Law hiện đang bày tại đại học Monash ở Melbourne và đại học Tasmania tại tiểu bang Tasmania, Úc; tượng "Joy" cao khoảng 2m5 hiện đứng trước sân trường đại học Monash (Caulfield campus), tượng "Đừng bỏ rơi tôi tự do" hiện bày tại Mekong Club tại Sydney, tượng Phật Thích Ca hiện bày tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc tại thủ đô Canberra, v.v... Về hội hoạ, anh có khoảng vài trăm bức tranh thuộc nhiều khổ khác nhau, trong đó có nhiều bức có kích thước rất lớn, như bức "Yarra River" dài 4 mét, bộ Tứ Đại gồm bốn bức ("Đất", "Nước", "Gió", "Lửa"), mỗi bức cao 2 mét và dài 6 mét (riêng bức "Gió" dài đến 6,5 mét), v.v...

Sự nghiệp của Lê Thành Nhơn được đánh giá rất cao. Bức tượng Phan Bội Châu của anh được xem như một bộ phận trong quần thể di sản văn hoá cần được bảo tồn tại Huế dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Tại Úc, Lê Thành Nhơn là một trong số ít nghệ sĩ có tác phẩm được trưng bày vĩnh viễn tại Viện Bảo Tàng Quốc Gia Úc cũng như Viện Bảo Tàng Di Dân tại tiểu bang Victoria.

Vào đầu tháng 2 năm 2002, Lê Thành Nhơn bị bệnh, được chở vào bệnh viện, và được biết là anh bị ung thư gan. Anh được chở về nhà, mỗi tuần một lần vào bệnh viện để được hoá trị (chemotherapy). Có lúc anh rất lạc quan, ngỡ có thể vượt qua được căn bệnh hiểm nghèo. Tuy nhiên đến cuối tháng 10 thì bệnh anh đột ngột trở nặng. Anh được chở vào Royal Melbourne Hospital vào trưa Thứ Sáu, 1.11.2002. Đến 4giờ30 chiều Thứ Hai, ngày 4 tháng 11, thì anh trút hơi thở cuối cùng.

Nguyễn Hưng Quốc

MỘT VÀI NHẬN XÉT VỀ TẠP CHÍ "VĂN HỌC" SỐ 197

Nguyễn An Bang

Tờ Văn Học số 197 đã phảng phất hình ảnh của "lão, bịnh, tử" qua nội dung của nhiều bài viết và điểm sách, những điều ghi lại trong đó.

Ở đây, không phải đi quá xa để thấy hình ảnh "ta thấy hình ta với miếu đền", nhưng là các từ ngữ sống động như sống, chết, bịnh và thượng đế.

Mở đầu thư tòa soạn là cái chết của một người, người đó khi sống khi chết cũng gây nên các vấn đề cho các phe đối nghịch nhau; và kết thúc của tờ Văn Học trong phần biên khảo về một cuốn sách mang tên "Thượng Đế... đi tìm".

Trong bài viết, một bài của Trần Doãn Nho đã phân tích cái chết của những người Hồi Giáo cực đoan, bài báo nêu lên được nhiều khía cạnh của một vấn đề hỗn hợp các yếu tố vừa nhân danh chính trị, vừa nhân danh kinh tế và nhất là vừa nhân danh tôn giáo. Và cũng không liên hệ gì đến "lão, bịnh".

Kế đó bài viết khi phân tách các "thành ngữ trong tiếng Việt", tác giả Hồng Huy cũng đã có một ví dụ khá đầy đủ về chữ "sống" và chữ "chết".

Không nhắc đến trực tiếp tuổi già, nhưng nhà thơ Thu Tứ nói gần nói xa đến chữ thời gian qua bài thơ ngắn và đã nhắc đến nhiều lần "Cái xa ngút thời gian xa ngoài vạn lý..." "từng ấy năm rồi xa lắc xa lơ"...

Không như Thu Tứ nói gần nói xa đến tuổi già, Tô Thùy Yên trực tiếp nói đến tuổi già, các chữ "tuổi hạc", "giác quan suy yếu"... là những từ ngữ mạnh mẽ trong bài thơ của một nhà thơ có những cảm nhận mạnh mẽ về không gian và thời gian. Nhưng thời gian cuối cùng vẫn thắng, cái "lão" vẫn đứng sờ sờ chi phối tác giả, tác giả buông ra hai câu

cuối cùng:

Sức già đến lúc phải bỏ bớt,
Bỏ lại bên đường cái bóng ta.

Nhà thơ Sương Mai trong bài "M" thì sợ thời gian, thời gian đáng sợ thật vì thời gian trong lúc này đồng nghĩa với tuổi già, và khi tuổi già đến thì chung kết của tuổi già là kiếp người, làm gì hãy làm nhanh lên, hãy nghe Sương Mai nói

Hứa gì hứa đại hôm nay,
Dần dà hết cả kiếp người hỡi em.

Ở một nơi khác trong tờ tạp chí. "Ngày Chủ Nhật" có lẽ là ngày yên tĩnh để Xuyên Trà suy ngẫm thêm về cái chết, về tôn giáo... ở đây cái chết không đi chậm chạp qua tuổi già, qua bệnh hoạn, không qua "Lão" mà cũng không qua "bịnh" nhưng chắc chắn nhắc đến "tử" vì nhà thơ viết:

Buổi tối. Xem TV nói về chiến tranh
Bom đạn vô tri. Da thịt tan tành.

Chắc chắn là phải chết vì "Quay lưng chỉ thấy người thiên cổ"

Tâm tình của người sắp chết nghĩ ra cũng phức tạp mà đôi khi cũng đơn giản qua bài *"Lễ Hội"* của Hoàng Nga, nhân vật chính là "tôi" (hay Lam), "tôi" có tội, "tôi" không tìm ra được cảm nghĩ thực sự của Phiên như thế nào, "tôi" không theo dõi các thái độ của Phiên và mỗi lúc vấn đề mỗi phức tạp, kết thúc thì Phiên nói "lúc này sức khỏe của anh sa sút ghê gớm lắm". Tôi" (hay Lam) không còn phải phân vân gì thêm nữa, bác sĩ đã nói lên cái thực tế đó rồi. Cũng lại là vấn đề "tử" của một người trong cái tuổi mà bịnh nan y có thể đến thăm viếng lúc nào.

Qua đến bài của Nguyễn Mộng Giác thì lần này cũng không phải là suy tưởng hay hư cấu hay một cái gì khác về bịnh hay chết; mà tác giả thuật lại cái bệnh cái chết có khái niệm thời gian và không gian rõ ràng và người bịnh người chết là những người có tên có tuổi thực sự qua bài "Đọc" Con Nữ "tập truyện của Đỗ Quỳnh Dao". Hai nhân vật hay nói rõ ra là hai người Mai Thảo và Nghiêm Xuân Hồng mà nay đã ra người quá cố. Bài này thì tập hợp được cả ba chữ ngay từ đầu đã nói đến "lão, bịnh, tử".

Nếu thích đọc các bài báo đó, không phải là thích các đề tài liên quan đến "lão, bịnh, tử". Tại sao lại bi quan đến thế. Có người đã nói tìm cái sống trong cái chết. Mỗi xét cuộc đời hết mọi khía cạnh để yêu cuộc đời hơn.

Qua câu thơ của Mai Thảo rất hay mà Nguyễn Mộng Giác trích lại:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện

Ta lại cùng cơ thể chuyện trò.

Hai câu thơ này đã giải thích thật nhiều cho các bài viết vừa mới nêu ra. Khi khỏe mạnh trong ta chỉ có một người, khi ta bịnh trong ta có hai người, tư tưởng lâu ngày đâu có yếu, đôi khi còn mạnh hơn trước; nhưng thể chất tàn rụi dần, đau đớn cơ thể thân xác là một "người" mới đang chống chọi với con "người" tư tưởng của chúng ta.

Bịnh là một cuộc chiến đấu trường kỳ, dai dẳng và đau đớn, chữ đau đớn lần này trong cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Mình không còn là nhân chứng gì nữa. Mình vừa là nạn nhân của thảm cảnh, mình vừa là nhân chứng của thảm cảnh. Đã gọi là "hai" người mà.

Tờ "Văn Học" số 197, có lẽ người viết cùng là một thế hệ, người chọn bài cũng cùng một thế hệ và người đọc cũng là người cùng thế hệ. Khi ở tuổi thanh xuân thì nhiều lúc không ai kiểm soát, không ai hiểu rõ được tâm tình, ưu tư của ai. Nhưng khi ở tuổi trung niên hoặc quá tuổi trung niên để dắt tay nhau đi và đã sắp đi đến hoặc đang đến cảnh "lão, bịnh" thì thông cảm nhau hơn, nói chữ thông cảm là nhẹ đấy.

Nguyễn Mộng Giác nêu lên cái đau (và đau) của người bịnh và cũng với ngòi bút cùng lúc đã giải tỏa được cái đau của người đọc khi nói về "lão, bịnh, tử". Theo đó không tránh được cái đau nhưng không phải là không được yên tâm với cái đau.

Virginia, tháng 10.2002
Nguyễn An Bang

Xin quý vị tìm đọc những sách mới do nhà Xuất bản Văn Mới vừa phát hành:

Hòn Còng Lữa
tập truyện Ngô Nguyên Dũng, giá $12.00

Văn Hóa Văn Chương Việt Nam
tiểu luận của Nguyễn Hưng Quốc, giá $12.00

Gỗ và Đá
tùy bút của Trúc Chi, giá $15.00

giới thiệu sách mới

Thạch Hãn

BIÊN KHẢO

🕮 Nguyễn Thị Chân Quỳnh, *Khoa Cử Việt Nam: Tập Thượng - Thi Hương*, An Tiêm xuất bản, 431 tr,. Giá US$18.00

Nhà biên khảo Nguyễn thị Chân Quỳnh dành nhiều thì giờ và công sức vào việc tìm hiểu nền khoa cử của Việt Nam thời trước vì theo bà "Khoa cử có liên quan mật thiết đến vận mệnh nước ta: trong non một nghìn năm tự trị ta đều dùng Khoa cử để kén người ra cầm quyền chính, đều hỏi về thuật trị nước của Nho giáo, dựa trên trật tự xã hội và đạo đức." (tr. 9). Từ quan niệm như thế về tầm quan trọng của khoa cử trong lịch sử nước nhà, tác giả đã biến nó thành một nỗi đam mê cho riêng mình: Bà không quản ngại công khó và tốn kém, sưu tầm cho được càng nhiều hình ảnh càng tốt về các hoạt động thi cử ngày trước; tìm mua, tìm đọc các tài liệu liên quan đến thi cử ở nhiều nơi, trong cũng như ngoài nước. Để cho công việc tìm hiểu của mình trở thành một sự đóng góp vào sở học, bà đã tìm cách giải quyết nhiều nghi vấn còn tồn đọng, bổ khuyết những thiếu sót trong sách vở tài liệu đã dược in ấn. Kết quả của những nỗ lực kiên trì đó là tập biên khảo về Thi Hương, phần đầu của một bộ sách nghiên cứu công phu.

Tập Thượng dày 431 trang, chia làm 5 phần. Ngoài phần dẫn nhập

và phần kết, bốn phần còn lại: Dùi mài Kinh Sử, Chuẩn Bị, Ứng Thí và Kết Quả, được chia làm nhiều chương. Bắt đầu với phần Dẫn nhập, tác giả sơ lược nguồn gốc khoa cử ở Trung Hoa, sau đó là ở Việt Nam bắt đầu dưới đời nhà Lý ở thế kỷ XI, và chấm dứt vào những năm 1915, 1918 và 1919, theo thứ tự ở Bắc, Trung Việt và toàn quốc. Đề tài khảo hạch là thuật trị nước an dân, đạo lý và công bằng xã hội theo quan điểm Nho Giáo cũng được tác giả xét đến trong phần này. Phần chính của cuốn sách đi vào chi tiết việc học hành, tổ chức giáo dục, ứng thí, cách khảo hạch, giám khảo, trường thi, luật lệ thi cử, việc tổ chức thi cử và khảo hạch, việc tuyên bố kết quả, phần thưởng tinh thần và vật chất dành cho những người thi đỗ,.v.v..

Và để kết luận, Nguyễn Thị Chân Quỳnh không quên xem xét cả hai mặt của vấn đề: Có những luồng dư luận nghiêm khắc lên án chính chế độ khoa cử đã làm cho quốc gia trì trệ, đưa đến việc mất nước vào tay người Pháp: "Lúc ấy ở Trung quốc cũng như ở Việt Nam phong trào bài khoa cử đang lên, người ta cho là khoa cử chỉ đào tạo ra một lũ tham quan ô lại, sách nhiễu dân chúng thì giỏi nhưng hoàn toàn bất lực trong việc bảo vệ đất nước, đặc biệt là trước súng ống Tây phương." (tr. 402) Nhưng đó chỉ là một cái nhìn tiêu cực. Tác giả chứng minh ngay cả người Pháp cũng tỏ ý khâm phục tài năng và đức độ của hàng quan lại Việt Nam, qua nhiều chứng cớ ở các trang 404-406, để rồi kết luận:

> Ở nước ta, Nho học và Khoa cử đã đào tạo ra một từng lớp sĩ phu có đức độ, có khí tiết, có một nếp sống bình dị nhưng cao quý, một giai cấp rất có uy tín trong dân gian xưa kia.
>
> . . . . . .
>
> Nho học có công đào tạo một tầng lớp sĩ phu chính trực và đức độ, đã giúp vua trị nước, bảo vệ tổ quốc, được dân chúng kính nể và tin cậy. Nho đạo sở dĩ bành trướng mau chóng và lâu bền phần lớn là nhờ Khoa cử, cho nên công bình mà nói, Khoa cử không phải chỉ có tội đối với quốc dân ta. (tr. 407)

Tuy là biên khảo nhưng *Thi Hương* là cuốn sách dễ đọc. Lời văn trong sáng, lối thuật sự hấp dẫn, đề tài lôi cuốn, cộng thêm nhiều hình ảnh cổ xưa và nhất là những giai thoại về khoa cử mà tác giả công phu ghi lại, làm cho cuốn sách trở nên hấp dẫn. Ngoại trừ một vài lỗi nhỏ về đả tự, *Thi Hương* là một cuốn sách đẹp, in ấn công phu, trang nhã. Người đọc có quyền hy vọng cuốn tiếp theo, *Thi Hội*, sẽ xuất bản một ngày gần đây, hoàn tất bức tranh kỳ vĩ và hoành tráng của một thời vàng son đã qua.

Người xưa thường nói "Ôn cố tri tân," nhắc lại chuyện xưa để biết chuyện nay, hay đúng hơn, để áp dụng kinh nghiệm xưa vào việc đời nay. Xã hội Việt Nam từ xưa, như chúng ta đã thấy, là một xã hội trọng

kẻ sĩ, trọng việc học và dĩ nhiên, trọng luôn cả bằng cấp. "Phi cao đẳng bất thành phu phụ," câu nói xưa nay vốn đã đưa nhiều người vào thảm kịch hay oan trái, và "Ngựa anh đi trước võng nàng theo sau," mãi mãi là ước mơ thầm kín nhưng rất thực và mãnh liệt của nhiều người con gái đến tuổi cập kê. Vì thế, bằng cấp được xem trọng một cách quá đáng, bất kể khả năng thật sự của người được cấp bằng. Giá trị của bằng cấp chỉ được bảo đảm bằng một hệ thống giáo dục nhân bản và khai phóng, một hệ thống khảo hạch khách quan và toàn diện. Ở Việt Nam hiện nay, số người có bằng thạc sĩ, phó tiến sĩ, tiến sĩ, không phải là ít, nhưng phần lớn đã không đóng góp gì được vào sự phát triển của quốc gia vì chính họ không có khả năng như bằng cấp chứng nhận. Đến nỗi có không ít những người có bằng bác sĩ hay tiến sĩ thất nghiệp, hay chỉ được nhận vào làm những việc không cần đến bằng cấp. Ở ngoài nước, người Việt Nam sinh sống ở các quốc gia tự do Tây phương đạt được học vị tiến sĩ rất nhiều, và hầu hết họ là những người có thực tài. Riêng tại Hoa Kỳ, nơi mà bằng cấp chỉ là một sự chứng nhận năng lực tri thức của một cá nhân, và bất cứ một học hiệu nào theo đúng quy định (dù chỉ hình thức) về đào tạo cũng có thể cấp bằng cho học sinh. Bằng cấp ở Hoa Kỳ không quan trọng bằng học bạ (transcript) và uy tín của học hiệu cấp bằng (có được các hội đồng giám sát chuyên môn và độc lập chuẩn nhận [accreditation] hay không), và khả năng thật sự của người được cấp bằng. Không thiếu những nơi nhận học viên vào các học trình cử nhân, thạc sĩ hay tiến sĩ mà chỉ cần họ đến lớp một vài giờ ban đêm hay cuối tuần, nạp đủ học phí và chờ một thời gian tối thiểu, sẽ được cấp bằng. Người Mỹ gọi những nơi cấp bằng như thế là *paper mill* hay *cow college*. Và bây giờ lại có thêm các lớp học *internet*, thuận tiện vô cùng vì chỉ việc ngồi nhà "học tà tà" mà thôi! Vì thế mà có những người mới đến Mỹ chưa đầy hai năm đã có bằng *tiến sĩ*, và không ngần ngại dùng học vị này mỗi khi tự giới thiệu. Thời gian hai năm may ra chỉ vừa đủ cho một người hoàn tất thủ tục xin nhập học vào học trình cao học, làm các bài thi trắc nghiệm khả năng chuyên môn và Anh ngữ trước khi được cứu xét mà thôi. Chưa nói đến học phí có thể lên tới đôi ba chục ngàn dollars mỗi năm, và một người có bằng cử nhân phải mất tối thiểu 4 năm may ra mới xong học trình tiến sĩ, chưa kể đến thời gian nghiên cứu luận án tốt nghiệp. Nguyễn Khuyến có sống lại chắc ông cũng không ngờ hiện tượng *tiến sĩ giấy* ngày nay thịnh hành đến thế!

Xem ra, xưa hay nay, bằng cấp có những hấp lực riêng của nó. Và xưa cũng như nay, không phải tấm bằng tiến sĩ nào cũng nói lên người mang nó thật sự có khả năng!

🕮 Trần Bình Nam, *Tuyển Tập Bình Luận Chính Trị*, tập 4, 8/1999 - 6/2002, Tổ chức Phục Hưng Việt Nam xuất bản, 351 tr., giá US$18.00,

Trần Bình Nam là bút hiệu của cựu dân biểu Trần văn Sơn, và là sáng lập viên Tổ chức Phục Hưng Việt Nam, một cây viết bình luận chính trị quen thuộc của báo *Thời Luận* ở Los Angeles, *Mõ* San Francisco, California; và *Việt Luận* ở Sydney, Úc châu. *Tuyển tập 4 Bình luận Chính trị* là tập hợp của những bài bình luận đã đăng báo từ tháng 8 năm 1999 đến tháng 6 năm 2002, về nhiều đề tài thời sự. Cuốn sách chia làm ba phần: Việt Nam, Thế Giới và Hoa Kỳ, gồm những phân tích và nhận định của tác giả về nhiều vấn đề.

Phần đầu dành phân tích tình hình Việt Nam, tác giả đặt trọng tâm vào Điều 4 Hiến Pháp Cọng Hòa Xã Hội Việt Nam, quy định tính độc tôn của Đảng Cộng sản trong guồng máy chính trị, cũng như bảo đảm quyền lực tuyệt đối của Đảng đối với mọi sinh hoạt của quốc gia. Nhất là gần đây, khi dư luận trong và ngoài nước phẫn nộ trước việc chính phủ Việt Nam thầm lén ký kết những hiệp ước nhượng đất và biển cho Trung quốc, tác giả giải thích trình trạng này xảy ra do chính điều 4 sau đây của Hiến pháp: " Đảng CSVN, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, giai cấp lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo nhà nước và xã hội. Mọi tổ chức của Đảng, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật." Như vậy, chỉ riêng một điều 4 này thôi, toàn bộ sinh hoạt của quốc gia bị chi phối đến tận gốc rễ, bảo đảm mọi sinh hoạt tuân phục đường lối của đảng một cách tuyệt đối. Và mọi chống đối ở trong cũng như ngoài nước đều bắt đầu từ đó. Tác giả dành hơn 40 trang, từ trang 111 đến 150, đưa ra những phân tích và lý giải của mình về hậu quả của điều 4 Hiến pháp trên những sinh hoạt chính trị, kinh tế và xã hội. Và để kết thúc phần Việt Nam, Trần Bình Nam điểm hai cuốn sách: một tập thơ của Hà Thúc Như Hỷ và một cuốn khảo luận của Nguyễn Hữu Thống.

Phần hai, dưới tiểu mục Thế Giới, Trần Bình Nam bình luận về một số vấn đề xảy ra ở các quốc gia trên thế giới như Triều Tiên, Nga, Palestine, Do Thái, và Trung quốc. Những năm cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21 đã có nhiều biến cố xảy ra, có lúc đã khiến cho nhân loại vừa mừng rỡ, vừa lo âu. Hội nghị thượng đỉnh giữa hai nước Nam và Bắc Triều Tiên khai mở một bước ngoặt trong lịch sử thế giới, lúc hai phe quốc cộng bắt đầu nhận ra chiến tranh và thù nghịch không còn là giải

pháp duy nhất có thể giải quyết những tranh chấp và va chạm giữa hai khối. Thương thuyết trong bầu khí hòa bình, trong tinh thần hợp tác và tương nhượng sẽ đáp ứng nguyện vọng hòa bình và thống nhất của người dân hai miền Nam Bắc Triều Tiên. Thế nhưng cho đến giờ, viễn ảnh một Hàn quốc thống nhất trong hòa bình vẫn chỉ là một điều mơ ước, chưa thành hiện thực. Tình trạng căng thẳng giữa Do Thái và Palestine ngày càng đẫm máu, nơi mà "răng đổi răng, mắt đổi mắt" là câu kinh nhật tụng. Những thân người Palestine mang bom đến chỗ đông rồi cho nổ, cái chết kéo theo không biết bao nhiêu sinh mạng khác của người Do Thái, bị trả đũa bằng những trận càn, pháo kích vào các khu định cư của người Palestine. Chẳng bên nào chịu nhường bên nào, mặc dù đã không biết có bao nhiêu lời hứa hẹn ngưng bắn để thương thuyết. Máu vẫn chảy, thịt vẫn rơi. Cả thế giới bập bềnh theo từng quả bom người, từng tràng đạn pháo! Mở đầu thế kỷ 21, nhân loại thấy càng ngày như càng bị xích lại gần hơn với chiến tranh và chết chóc, xem ra khốc liệt nhiều hơn các thế kỷ trước!

Có lẽ cũng để làm nhẹ bớt cái không khí chết chóc u ám, nhà bình luận chính trị kể chuyện một người Nhật bị Nga bắt làm tù binh trong thế chiến thứ hai. Vì nhiều lý do khác nhau, Toshimasa Meguro lọt sổ danh sách tù binh được trao trả sau khi mãn hạn tù. Anh lưu lại Nga, lập gia đình với một phụ nữ Nga và sinh hạ được ba con. Sau những giờ làm việc nuôi sống gia đình, anh giải trí bằng những phim *samurai* chiếu trên truyền hình, kỳ dư chẳng có thứ gì khác trên đất Nga nhắc anh nhớ đến gốc gác xứ Phù Tang của mình. Thế nhưng lòng hoài hương của anh vẫn mãnh liệt, và đến một ngày kia anh được sự giúp đỡ của hội cựu chiến binh Nhật để anh được về thăm quê. Hẳn nhiên nước Nhật ngày anh trở về không còn là nước Nhật ngày anh ra đi, ngay cả tiếng Nhật anh cũng chỉ còn nhớ lõm bõm, không đủ để trò chuyện cùng người đồng hương. Lòng anh chẳng có chút gì cảm xúc, mãi cho đến khi anh nhìn thấy được những cành hoa anh đào phất phơ trong gió. Đây là hình ảnh duy nhất anh còn nhớ về nước Nhật ngày anh rời xa quê 53 năm về trước. Còn lại là toàn cảnh mới, từ những tòa nhà chọc trời cho đến các xa lộ thẳng tắp chạy hun hút đến cuối chân trời, dòng xe cộ bất tận, tất cả chẳng gợi cho anh chút kỷ niệm nào. Anh quyết định trở lại Nga sau chuyến về thăm quê hương để sống nốt những chuỗi ngày còn lại trong đời!

Để kết thúc cuốn sách, cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ năm 2000 được tác giả phân tích và bình luận, như một lời mở đầu cho những biến cố

xảy ra bên trong nước Mỹ. Từ chuyện đếm đi đếm lại, đến chuyện vác chiếu ra tòa, hết tòa nhỏ đến tòa lớn, sau rốt phải lên tới tòa lớn nhất nước mới phân được kẻ thắng người bại, nền chính trị Hoa Kỳ phải đương đầu với những thử thách mới chưa từng có trong lịch sử. Rồi biến cố lớn ập đến: Ngày 11 tháng 9 năm 2001, quân khủng bố Hồi giáo cưỡng đoạt ba chiếc máy bay hành khách rồi cho đâm vào hai tòa nhà Trung tâm Thương Mại Thế giới ở Nữu Ước và một góc của Ngũ Giác Đài ở Hoa thịnh Đốn, trong khi chiếc thứ tư không thành công trong âm mưu đánh phá trụ sở Quốc Hội hay dinh tổng thống, đã bị hành khách chống trả kịch liệt nên rơi xuống một khoảng rừng ở địa phận bang Pennsylvania, làm thay đổi đời sống của người Mỹ trên nhiều phương diện. Không khí chiến tranh, đề phòng và canh ngừa khủng bố, chiến tranh ở Afghanistan, và hiện nay, có thể sẽ xảy ra ở Iraq, đã khiến cho mọi sinh hoạt thường ngày của người Mỹ không còn như cũ.

Từ đây, những gì sẽ xảy ra chắc khó ai đoán được!

Một điểm đáng ghi nhận là Đại hội Đảng lần thứ 16 của đảng Cộng Sản Trung Quốc vừa mới chấm dứt đã xác nhận những điều tác giả tiên đoán về những thay đổi trong hàng ngũ lãnh đạo của Trung quốc. Ở trang 233, Trần Bình Nam viết: "Cuối năm nay (2002) tại đại hội đảng cộng sản Trung Quốc, Jiang Zemin (Giang Trạch Dân) sẽ nhường ghế Tổng Bí thư cho ông Hu Jintao (Hồ Cẩm Đào) Giang sẽ không giao hết một lần cả ba chức vụ (Tổng bí thư, Chủ tịch nước và Chủ tịch Quân ủy) ông ta đang nắm giữ cho Hồ Cẩm Đào." (tr. 233-4).

Đúng phóc!

TIỂU THUYẾT

🕮 Milan Kundera, *Đời Nhẹ Khôn Kham* (The Unbearable Lightness of Being), Trịnh Y Thư chuyển ngữ, Văn Học xuất bản, 347 tr. , giá US$15.00. Liên lạc Trịnh Y Thư, 22 Agostino, Irvine, CA 92614.

Milan Kundera là một nhà văn lớn của nền văn chương thế giới hiện đại. Ông sinh năm 1929, gốc Tiệp nhưng mang quốc tịch Pháp, nơi ông định cư từ sau biến cố Mùa Xuân 1967 ở thủ đô Praha. Cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông là *Chuyện đùa*, (The Joke), xuất bản năm 1965 và cuốn mới nhất, *La Ignorance*, chưa được dịch ra Anh Ngữ.

Đời Nhẹ Khôn Kham (xuất bản 1984), xây dựng quanh khái niệm về sự trở về vĩnh cửu (the eternal return) trong triết học Nietszche, nhưng tự nó không phải là một tác phẩm mang tính triết học. Trái lại, đây là một cuốn tiểu thuyết thuộc vào hàng bán chạy nhất trên thế giới, và được phiên dịch ra nhiều thứ tiếng. Nó cũng được quay thành phim, do tay đạo diễn Michael Kaufman năm 1988.

Câu chuyện được tác giả đặt trong bối cảnh của một nước Tiệp bị Nga xâm chiếm, không khí chính trị ngột ngạt vì những đàn áp dã man bằng xe tăng xích sắt, trùm phủ lên đời sống của Tomas, nhân vật chính, và những người vợ, người tình và bạn đồng song của anh ta. Tác phẩm thuật lại những liên hệ tròng tréo về tâm lý, tình yêu và nhục dục giữa Tomas và Tereza (vợ), Tomas và Sabina (người tình), Sabina và Franz (bạn của Tomas), và cuối cùng, Franz và vợ, Marie-Claude. Tomas bị giằng co giữa tình yêu anh dành cho vợ, và những cuộc phiêu lưu nhục dục "hết thuốc chữa" với Sabina, một họa sĩ nổi tiếng. Tereza biết rõ Tomas ngoại tình, đau khổ vì cô quan niệm tình yêu phải đi đôi với thú vui thể xác, trong khi Tomas, khi đến với Sabina, anh chỉ cần được thỏa mãn nhục dục. Những cơn ác mộng cứ ập đến với Tereza, nhưng rốt cuộc cô nhận ra rằng phản ứng của cô chỉ rước lấy những "nặng nhọc" của cuộc sống, trong khi sống như Tomas thì đời lại "nhẹ" như tênh.

Đời Nhẹ Khôn Kham đưa ra một cái nhìn mới về cách thế lịch sử tác động lên đời sống cá nhân, khảo sát những bất toàn trong tình yêu cùng với cách thế những chọn lựa, những ham muốn uốn nắn cuộc sống như thế nào. Thế giới của tiểu thuyết Kundera là nơi trong đó cuộc hiện sinh mất hết nội dung và trọng lượng, vì mọi điều mọi việc chỉ xãy ra có một lần rồi tan biến vào quá khứ. Nhân vật của ông vì thế đã phải đương cự với hậu quả của hành động của mình, của những ham muốn và những xoi mói của xã hội. Họ phải xây dựng cho đời sống một ý nghĩa, một trọng lượng. Vào đầu truyện, Kundera đặt câu hỏi: "Như thế chúng ta nên chọn phía nào? Nặng hay nhẹ?" (tr. 13). Câu trả lời được ông gợi ý ở đoạn kết:

> Tomas tra chìa khóa mở cửa rồi bật ngọn đèn trên trần, Tereza thấy trong phòng có hai cái giường ngủ kê sát nhau, cạnh đầu giường là cái bàn đêm, trên bàn đặt cái đèn chụp. Từ trong chụp đèn, một con bướm đêm hoảng hốt vì ánh sáng đèn trần, vụt lên rồi bắt đầu quay vòng vòng quanh gian phòng. Tiếng dương cầm hòa lẫn tiếng vĩ cầm văng vẳng vọng lên từ bên dưới. (tr. 324)

Đây là lần đầu tiên một tác phẩm quan trọng của Kundera được dịch ra Việt ngữ ở hải ngoại. Bản dịch lưu loát, cẩn thận, công phu, từ bản tiếng Anh của Michael Henry Heim.

🕮 Trúc Chi, *Gỗ Và Đá* , Tùy Bút, Văn Mới xuất bản, 316 tr., giá US $15.00.

Trúc Chi, một cây bút quen thuộc với độc giả Văn Học từ nhiều năm qua, một lần nữa cống hiến một tác phẩm mới, gồm 15 tùy bút và ba bài phụ lục về danh ca Minh Trang, nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn, và phỏng vấn của Triều Hoa Đại.

Lấy nhan của bài tùy bút cuối, Gỗ và Đá để đặt tên sách, Trúc Chi như muốn cô đọng nhân sinh quan của mình qua những vật thể làm nên một hòn non bộ độc đáo, biểu tượng cho một thứ vũ trụ tuy sơ khai nhưng lại vô cùng tế vi, phức tạp. Và đây là bức tranh vô cùng thanh thoát dưới ngòi bút của Trúc Chi:

> Chúng tôi bước ra sân. Tôi châm cái tẩu thuốc, ngồi bên thành cái bể cạn khá lớn, lặng ngắm hòn non bộ được dựng lên trong thế ngũ hành tương khắc tương hợp. Năm khối đá cao thấp hình thù cổ quái: như núi cúi xuống, như đồi ngẩng lên, như cồn sóng soãi, như bãi trải dài. Chúng chờn vờn trên một vòng cung chừng ba phần tư một vòng tròn đường kính cỡ một thước rưỡi . Khoảng cách giữa các khối đá chỗ rộng, chỗ hẹp không đều nhau. Khí lực mạnh mẽ của hòn non bộ nằm trọn trong những khoảng cách bất đồng này, càng nhìn càng thấy năm khối đá như di động, như xô đẩy nhau, như xích lại gần nhau, xa mà gần nhau trong một tổng thể chắc chắn vững vàng, tưởng chừng như dẹp bớt một khối đá thì bốn khối kia cũng sụp luôn. Năm trái núi lớn nhỏ không có tiều phu, không có ngư ông, không cả bàn cờ của Nam Tào Bắc Đẩu, không một chiếc cầu, không có tượng Phật, không có tháp, không có chùa, không có lều tranh, tóm lại, không có sinh hoạt của cõi người và cõi tiên, chỉ có rêu xanh, đá xám. Đây là một trường hợp hiếm thấy ở một hòn non bộ trên đó cái *tĩnh* hữu hình hiện rõ ra ngoài, còn cái *động* vô hình lại vẫn vũ mà quyện lấy năm nguyên tố Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ. Tài tình thay là bàn tay của bậc triết nhân nghệ sĩ đã tạo ra cái tiểu cảnh vừa đơn giản vừa huyền bí này! (tr. 234-5)

Giọng văn trầm tĩnh nhưng đầy tư duy lôi cuốn người đọc đi từ ảo đến thực, từ thực trở lại ảo; từ sự việc cụ thể đến ý niệm trừu tượng. Đọc văn Trúc Chi, có lúc khúc khích cười một mình trước những ý nghĩ vô cùng hài hước, có khi trầm tư theo những áng mây lãng đãng, những cơn gió trái mùa của miền Nam California, đưa người viết và luôn cả người đọc ngược dòng quá khứ, trở lại những đoạn đời khó quên trong trí tưởng. Những hệ lụy của kiếp nhân sinh được Trúc Chi làm nhẹ, thăng hoa và lọc qua một lăng kính tích cực, làm rõ nét tương quan giữa con người và cuộc đời, ý chí sống còn trước những nghiệt ngã của thời cuộc và thời

thế. Như trong "Tiếng Ca Dưới Sóng," Chị Thương chỉ một lần hát một bài hát vui trước cơn thịnh nộ của đất trời trên đường vượt biển:

> Vậy nhưng mà đã có một lần, chị hát một bài vui. Trong tiếng bạc đánh xả láng với ông Trời, trong cuộc đùa giỡn táo bạo với định mệnh, chiếc ghe vượt biên của chị Thương cạn nước ngọt, cạn dầu, dật dờ trên biển cả suốt một tuần lễ. May gặp một cơn mưa nhỏ. Nhưng cũng chỉ vừa đủ cho mọi người vắt chút nước ngọt ra từ những tấm áo đã mặn chát vị bọt biển. Sau đó là nắng. Nắng và nắng. Giữa cái tuyệt vọng của mọi người trên ghe, trên mặt biển hiền lành như một tấm lụa vào một buổi đứng gió, chị Thương đã thu hết tàn lực mà cất tiếng. Chị hát—rất nhỏ—một bài thiếu niên ca cho mấy đứa trẻ cũng đã gần kiệt lực ngồi cạnh chị... *Chèo đi... bơi đi... nước non đang chờ ta... Bơi đi ... vững cầm tay lái....* Sau đó nữa, là một cơn giông lớn. Cháu Ph., con gái chị Thương, là một trong số rất ít những người sống sót sau cơn thịnh nộ ấy của đất trời. (Tiếng Ca Dưới Sóng, tr.102-3)

Đọc xong tùy bút Trúc Chi, có rất nhiều thứ cảm xúc đọng lại trong hồn. Vui, buồn, suy tư, thanh thản, tất cả đều là hậu vị của một danh tra mà Trúc Chi dày công ấp ủ, nay gởi đến người đọc như một san sẻ thiết thân.●

SÁCH MỚI TRONG THÁNG

Văn Học sẽ lần lượt giới thiệu các tác phẩm trên trong những số báo tới:

Phạm Quốc Bảo
Hồng Nhan Xuân, tạp văn
Thơ, hai mươi năm
Quán Như Phạm Văn Minh
Engaged Buddhism – The Struggle Movement of 1963 – 1966
Ngô Nguyên Dũng
Hòn Còng Lửa, tập truyện
Ngu Yên
Thi sĩ và tôi
Điệp Mỹ Linh
Tìm Vết Chân Xưa, tập truyện
Hoàng Chính
Tình Khúc, tiểu thuyết

Đã phát hành khắp nơi tập truyện

"LƯU ĐÀY VÀ QUÊ HƯƠNG"

của nhà văn Ngự Thuyết

Trình bày bìa và tranh Nguyễn Đồng

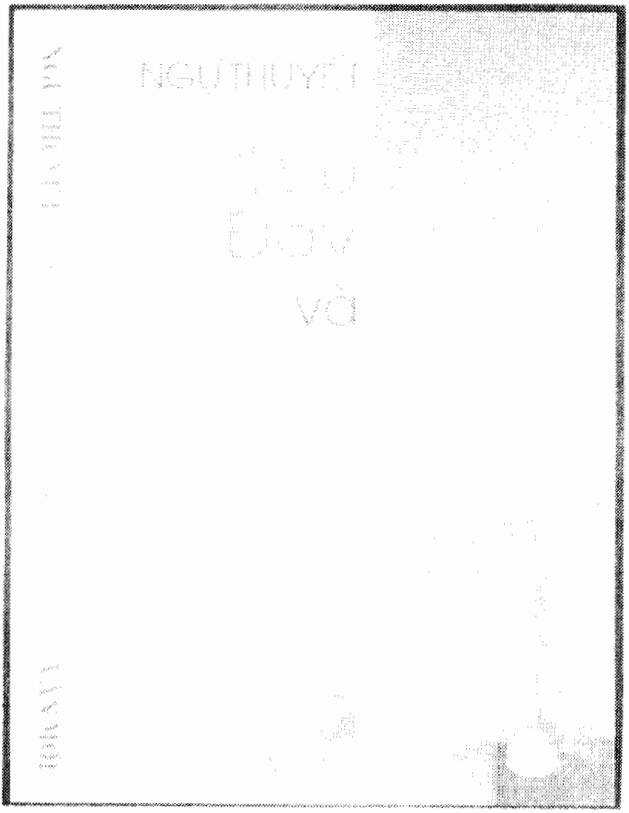

Sách đã bày bán tất cả các nhà sách, hoặc quý vị muốn mua trực tiếp, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa, giá $15 tính luôn cước phí và gửi về địa chỉ của Nhà Xuất Bản.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN MỚI

P.O.BOX 287
Gardena, CA 90248
Tel: (310) 366-6867 * Fax: (310) 366-6967
***

NHỮNG SÁCH MỚI CỦA NHÀ XUẤT BẢN:

Đi Giữa Bầy Thú Dữ
Truyện vừa Lâm Chương, giá $11
Gỗ Thức Trên Rừng
Tập truyện Tâm Thanh, giá $12
Lời Giáo Huấn Của Padmasambhava
Bậc Sanh Trong Hoa Sen
Thích Giác Hải dịch, giá $15
Đất Trời
Tiểu thuyết Nam Dao, giá $17
Vô Tận Trong Lòng Bàn Tay
Linh Thuỵ dịch, giá $22
Xóm Cầu Mới
Nhất Linh (Tự Lực Văn Đoàn), giá $25
Con Nữ
Tập truyện Đỗ Quỳnh Dao, giá $10
Nghệ Thuật Hạnh Phúc
Đức Dạt Lai Lạt Ma, giá $12
Văn Hóa Văn Chương Việt Nam
Nguyễn Hưng Quốc, giá $12
Hòn Còng Lửa
Tập truyện Ngô Nguyên Dũng, giá $12
Tìm Vết Chân Xưa
Tập truyện Điệp Mỹ Linh, giá $10.00
Kẻ Lữ Hành Cô Độc
Thơ Huyền Không
Gỗ và Đá
Tuỳ bút Trúc Chi, giá $15.00
Lưu Đày và Quê Nhà
Truyện dài của Ngự Thuyết, giá $15.00
***
Quý độc giả muốn mua sách, chi phiếu xin đề Nguyễn Khoa gửi về địa chỉ trên. Không tính cước phí trong nước Mỹ.

PHIẾU MUA / GIA HẠN BÁO

Họ và tên:.....
Địa chỉ:.....
Thành phố.....Tiểu bang.....Zip.....
Quốc gia.....
Đồng ý ☐ Mua
☐ Gia hạn báo Văn Học
Thời hạn:.....năm, từ số.....đến số.....
Gửi theo hạng:
USA: ☐ First Class
☐ Bookrate

Ngoài USA: ☐ Global Priority

Đính kèm chi/ngân phiếu với số tiền US$.....

GIÁ BIỂU BÁO DÀI HẠN

áp dụng từ 1 tháng 4 năm 2001

HOA KỲ / MỘT NĂM

Hạng bookrate : ☐ 50 Mỹ kim
Hạng First Class: ☐ 60 Mỹ kim

CANADA / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 80 Mỹ kim

ÂU CHÂU, Á CHÂU, ÚC CHÂU / MỘT NĂM

Chỉ gửi duy nhất một hạng Global Priority:
☐ 100 Mỹ kim

Giá bán lẻ tại các hiệu sách: 5 Mỹ kim

Đã tái bản hạn chế
hai bộ trường thiên của nhà văn

NGUYỄN MỘNG GIÁC

(ấn bản có sửa chữa & bổ sung)

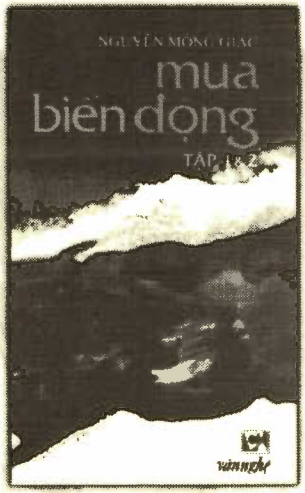

Mùa Biển Động (5 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

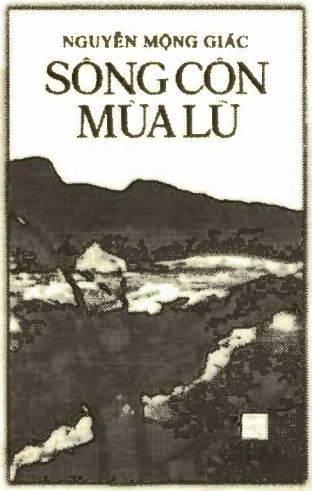

Sông Côn Mùa Lũ (4 tập)
Giá 65 MK
(Ngoài USA thêm 5MK)

Thư từ, chi phiếu xin gửi về:

Nguyễn Khoa Diệu Chi
P.O. Box 1359
Garden Grove, CA 92842

Phone: (714) 894-8535
E-mail: nmg@vinet.com

Nguyên Thiệp

SÁCH MỚI MÙA XUÂN-HÈ

- **HUYỆT TUYẾT** 12 MK
  10 truyện 10 chuyện, *Võ Đình*
- **SÓNG TỪ TRƯỜNG II** 12 MK
  lý luận văn học, *Thụy Khuê*
- **VĂN HỌC HIỆN ĐẠI VÀ HẬU HIỆN ĐẠI QUA THỰC TIỄN SÁNG TÁC VÀ GÓC NHÌN LÝ THUYẾT** 25 MK
  lý luận văn học, *Hoàng Ngọc Tuấn*
- **HỒI KÝ AN LỘC**
  (86 Ngày Của Một Bác Sĩ Giải Phẫu Tại Mặt Trận) 24MK
  bác sĩ *Nguyễn Văn Quý*
- **VIETNAMESE ENGAGED BUDDHISM**
  The Struggle Movement of 1963-1966 25MK
  Quán Như Phạm Văn Minh
- **NÓI CHUYỆN VỚI HOÀNG XUÂN HÃN VÀ TẠ TRỌNG HIỆP** 17MK
  phỏng vấn *Thụy Khuê*

SÁCH PHÁT HÀNH

- **ĐI GIỮA BẦY THÚ DỮ** 11 MK
  truyện *Lâm Chương*
- **GỖ THỨC TRÊN RỪNG** 12 MK
  truyện *Tâm Thanh*
- **NÓI CHO CON NGƯỜI** 15 MK
  linh mục *Chân Tín*
- **HỒ SƠ ĐEN CSVN 54-02** 14 MK
  Michel Tauriac, Nguyễn Văn dịch
- **MIỀN LẶNG** 12 MK
  truyện *Phạm Chi Lan*
- **LƯỢC KHẢO VẤN ĐỀ CHỮ NÔM** 12 MK
  học giả *Trần Văn Giáp*

NHÀ SÁCH VĂN NGHỆ
9351 Bolsa Ave.
Westminster, CA 92683
Phone/Fax (714) 934-8574

Giá 5 Mỹ kim